

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

LÊ MINH CHUẨN

**QUYỀN CỦA NGƯỜI BỊ KẾT ÁN
PHẠT TÙ Ở VIỆT NAM**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI, 2019

**VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

LÊ MINH CHUẨN

**QUYỀN CỦA NGƯỜI BỊ KẾT ÁN
PHẠT TÙ Ở VIỆT NAM**

**Ngành: Luật hình sự và tố tụng hình sự
Mã số: 9.38.01.04**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

**Người hướng dẫn khoa học: HD1. TS. Đinh Thị Mai
HD2. PGS.TS. Nghiêm Xuân Minh**

HÀ NỘI, 2019

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và được trích dẫn đầy đủ theo quy định. Những kết luận khoa học của luận án chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình khoa học nào khác.

Tác giả

LÊ MINH CHUẨN

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU.....	9
1.1. Tình hình nghiên cứu	9
1.2. Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu	27
1.3. Những vấn đề đặt ra cần nghiên cứu	30
Chương 2: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ QUYỀN CỦA NGƯỜI BỊ KẾT ÁN PHẠT TÙ.....	32
2.1. Khái niệm quyền của người bị kết án phạt tù	32
2.2. Tổ chức thực hiện quyền của người bị kết án phạt tù.....	55
2.3. Cơ chế bảo đảm quyền của người bị kết án phạt tù.....	61
2.4. Quyền của người bị kết án phạt tù của một số nước trên thế giới	66
Chương 3: THỰC TRẠNG QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN QUYỀN CỦA NGƯỜI BỊ KẾT ÁN PHẠT TÙ Ở VIỆT NAM.....	78
3.1. Thực trạng quy định của pháp luật về quyền của người bị kết án phạt tù ở Việt Nam.....	78
3.2. Thực trạng thực hiện và bảo đảm quyền của người bị kết án phạt tù đang chấp hành án ở Việt Nam.....	106
3.3. Nhận xét đánh giá quy định của pháp luật về quyền của người bị kết án và tổ chức thực hiện quyền của người bị kết án phạt tù đang chấp hành án.....	116
Chương 4: QUAN ĐIỂM, GIẢI PHÁP VỀ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ BẢO ĐẢM TỔ CHỨC THỰC HIỆN QUYỀN CỦA NGƯỜI BỊ KẾT ÁN PHẠT TÙ.....	126
4.1. Quan điểm của Đảng, Nhà nước ta về hoàn thiện quyền của người bị kết án phạt tù trong thi hành án hình sự.....	126

4.2. Các giải pháp hoàn thiện pháp luật và bảo đảm tổ chức thực hiện quyền của người bị kết án phạt tù ở Việt Nam	129
Kết luận chương 4	152
KẾT LUẬN	153
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC	155
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	156

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ANTT	: An ninh trật tự
BCA	: Bộ Công an
BLHS	: Bộ luật hình sự
BLTTHS	: Bộ luật tố tụng hình sự
BQP	: Bộ Quốc phòng
NBKAPT	: Người bị kết án phạt tù
PN	: Phạm nhân
QCN	: Quyền con người
TA	: Tòa án
THAHS	: Thi hành án hình sự
THAPT	: Thi hành án phạt tù
TTATXH	: Trật tự an toàn xã hội
VKS	: Viện Kiểm sát
XHCN	: Xã hội chủ nghĩa

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài luận án

Trong thực tiễn xã hội hiện nay, vấn đề nhân quyền được xem như là một vấn đề nổi trội, liên kết nhiều hoạt động và các quan hệ xã hội lại với nhau. Mặc dù vấn đề này không phải là mới, cách đây 62 năm, vào ngày 10-12-1948, Đại hội đồng Liên hợp quốc đã nhất trí thông qua văn kiện quan trọng, đó là *Tuyên ngôn thế giới về quyền con người (UDHR)*. Bản Tuyên ngôn thế giới về QCN đã đặt ra cơ sở, nền tảng cho việc xây dựng hệ thống các nguyên tắc và chuẩn mực quốc tế về các quyền của con người. Đây là thỏa thuận pháp lý đầu tiên về QCN được các nước cùng nhau xây dựng, thừa nhận cam kết bảo vệ và nâng cao phẩm giá, các quyền và tự do cơ bản của con người. Đó là quyền được sống trong hòa bình, tự do, bình đẳng; các quyền dân sự, chính trị; quyền kinh tế, xã hội, văn hóa của cá nhân; quyền của phụ nữ, trẻ em... Tuyên ngôn khẳng định, QCN thuộc về tất cả mọi người, được mọi người công nhận và thực hiện, là mục tiêu chung của toàn nhân loại. Như vậy, có thể nói *nhân quyền* hay QCN là những quyền tự nhiên của con người và không bị tước bỏ bởi bất cứ ai và bất cứ chính thể nào. Mọi con người được sinh ra đều bình đẳng và được tạo hóa ban cho một số quyền không thể tước bỏ, như quyền sống, quyền tự do, quyền được mưu cầu hạnh phúc.

Trong quá trình hội nhập quốc tế, cùng với sự phát triển của đất nước thì đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam là tôn trọng và bảo đảm QCN, lấy con người là mục tiêu và là động lực của sự phát triển và con người được đặt vào trung tâm của sự phát triển. Thực tế những năm qua cũng đã cho thấy, Việt Nam đã đạt được những thành tựu nhất định trong việc bảo đảm QCN trên nhiều lĩnh vực, đặc biệt trong công cuộc xóa đói giảm nghèo và thực hiện các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ của LHQ. Bảo vệ QCN là một quá trình, nó phụ thuộc vào nhiều điều kiện khác nhau như kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội và pháp luật; trong đó pháp luật có vai trò, vị trí và tầm quan trọng hàng đầu. Cũng vì lẽ đó, xuất phát từ tầm quan trọng của việc bảo đảm QCN, quyền công dân từ Hiến pháp 1992 đến Hiến pháp 2013 trong thực tiễn xã hội đều quy định: “*Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe, danh dự và nhân*

phẩm; không bị tra tấn, bạo lực, truy bức, nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, sức khỏe, xúc phạm danh dự, nhân phẩm; Không ai bị bắt nếu không có quyết định của Tòa án nhân dân, quyết định hoặc phê chuẩn của Viện kiểm sát nhân dân, trừ trường hợp phạm tội quả tang. Việc bắt, giam, giữ người do luật định” (Khoản 1, 2 Điều 20 Hiến pháp năm 2013). Và “Người bị bắt, tạm giữ, tạm giam, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án trái pháp luật có quyền được bồi thường thiệt hại về vật chất, tinh thần và phục hồi danh dự. Người vi phạm pháp luật trong việc bắt, giam, giữ, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án gây thiệt hại cho người khác phải bị xử lý theo pháp luật” (Khoản 5, Điều 31 Hiến pháp năm 2013). Những quy định trên của Hiến pháp nhằm ngăn ngừa sự vi phạm QCN, quyền bất khả xâm phạm về thân thể, quyền được bảo vệ nhân phẩm, danh dự của công dân từ phía các cơ quan, cán bộ nhà nước. Các quy định trong Hiến pháp cũng là cơ sở để xây dựng luật Tổ tụng hình sự trong việc bảo vệ QCN, quyền công dân.

Trong định hướng cải cách tư pháp và hoàn thiện hệ thống pháp luật tố tụng hình sự ở nước ta hiện nay thì bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của những người tham gia tố tụng là một trong những nội dung quan trọng. Những năm gần đây, việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong tố tụng hình sự mà rõ nét nhất là việc bắt, tạm giữ, tạm giam và giam giữ người bị kết án tù đang chấp hành án khi bản án có hiệu lực pháp luật là vấn đề thu hút sự chú ý của nhiều cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội và đông đảo quần chúng nhân dân.

Ngoài vấn đề bảo đảm được QCN, quyền công dân trong hoạt động tố tụng thì vấn đề đảm bảo quyền của người bị kết án đang chấp hành án phạt tù cũng là một yêu cầu cần thiết đặt ra trong tiến trình cải cách tư pháp hiện nay.

Quyền của người bị kết án đang chấp hành án phạt tù là những quyền mà NBKAPT được hưởng trong thời gian chấp hành bản án phạt tù do nhà nước tuyên án và bản án đã có hiệu lực pháp luật. Vì vậy, có thể chỉ ra những người sau đây được hưởng những quyền và nghĩa vụ được nhà nước bảo đảm: NBKAPT đang chấp hành án ở trại giam; NBKAPT nhưng cho hưởng án treo đang chấp hành án; người bị kết án tù được hưởng chính sách tha tù trước thời hạn có điều kiện đang

chấp hành bản án tại địa phương; những người được hưởng chính sách của nhà nước về tạm hoãn chấp hành án tại trại giam...

Trong giai đoạn hiện nay, đất nước ta đang thực hiện quá trình hội nhập và phát triển kinh tế với các nước trong khu vực và trên thế giới. Bên cạnh những thời cơ, thuận lợi thì cũng bộc lộ nhiều nguy cơ, thách thức, nảy sinh nhiều vấn đề phức tạp, tiêu cực làm ảnh hưởng tới tình hình an ninh trật tự. Cùng với đó là việc các thế lực thù địch, phản động, chống đối vẫn không ngừng gia tăng các hoạt động chống, phá, thực hiện “diễn biến hòa bình”, đưa nhiều tài liệu có nội dung phản động, xuyên tạc đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, vu cáo Việt Nam không tôn trọng “dân chủ, nhân quyền”, thậm chí một số tổ chức nhân quyền quốc tế thiếu thiện chí với Việt Nam thường xuyên ra các thông cáo, báo cáo thường niên vu cáo Việt Nam bắt giam tùy tiện, không đảm bảo QCN của người bị tạm giữ, tạm giam và PN đang chấp hành bản án phạt tù, nhất là quyền được gặp thân nhân, gặp luật sư, người bào chữa, chăm sóc y tế...

Thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đã và đang thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật, đảm bảo tốt các quyền và lợi ích chính đáng của NBKAPT. NBKAPT được đảm bảo an toàn tính mạng, sức khỏe thể chất, tinh thần được tôn trọng danh dự, nhân phẩm, được học tập, tiếp thu những thông tin có lợi, được hoạt động văn thể theo quy định của pháp luật và các Công ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia ký kết. Những kết quả về bảo đảm quyền của NBKAPT được thể hiện tại Hiến pháp năm 2013, Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây đây gọi tắt là BLHS năm 2015), BLTTHS năm 2015, Luật THAHS năm 2010 và Luật thi hành tạm giữ, tạm giam và gần đây nhất tại kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XIV đã thông qua Luật THAHS (sửa đổi). Theo đó, trong công tác quản lý, giáo dục PN đã được nhiều tổ chức quốc tế ghi nhận, đánh giá cao về công tác đảm bảo QCN của người bị giam giữ trong các trại giam ở Việt Nam.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, thực tế việc tổ chức thực hiện các quyền của NBKAPT Việt Nam vẫn đang gặp nhiều khó khăn, bất cập. Tình

hình NBKAPT ngày càng nhiều trong khi việc bảo đảm, bảo vệ và quản lý NBKAPT tại địa phương còn gặp nhiều khó khăn, NBKAPT chấp hành án phạt tù càng gia tăng hệ thống trại giam thuộc BCA đang quá tải, cơ sở vật chất nhiều trại giam bị xuống cấp, ngoài cơ sở vật chất, còn điều kiện vật chất được bảo đảm như thế nào, như chế độ ăn, ở mặc, học nghề, lao động.... Hơn nữa, khi nói đến NBKAPT, xã hội thường có tâm lý xa lánh, kỳ thị và xem hành động trừng phạt họ là đương nhiên. Chính vì vậy, yêu cầu về sự cần thiết hoàn thiện quyền của NBKAPT hiện nay là rất cần thiết để làm rõ cơ sở lý luận, quy định pháp luật về quyền của NBKAPT ở Việt Nam, thực trạng tổ chức thực hiện quyền của NBKAPT để trên cơ sở đó có những kiến nghị nhằm hoàn thiện các quy định pháp luật về quyền của NBKAPT và giải pháp nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện các quyền đối với NBKAPT. Trước tình hình đó, việc lựa chọn nghiên cứu đề tài: ***“Quyền của người bị kết án phạt tù ở Việt Nam”*** làm đề tài luận án là cần thiết và có ý nghĩa to lớn, hướng tới bảo đảm tốt hơn các quyền của NBKAPT ở Việt Nam.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài

2.1. Mục đích nghiên cứu

Nghiên cứu cơ sở lý luận và đánh giá thực trạng quyền của NBKAPT trong tổ chức thực hiện quyền của NBKAPT ở Việt Nam hiện nay, trên cơ sở đó nghiên cứu sinh đưa ra các giải pháp nhằm góp phần nâng cao chất lượng hiệu quả trong công tác tổ chức thực hiện quyền của NBKAPT trong các trại giam, trại tạm giam của BCA, đồng thời làm rõ cơ sở khoa học phục vụ nghiên cứu tiếp tục hoàn thiện pháp luật THAHS nói chung, pháp luật THAPT nói riêng.

Kết quả dự kiến đạt được là xác định quyền và giới hạn quyền của NBKAPT đang chấp hành hình phạt tù trong các trại giam.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục tiêu trên, luận án đặt ra sẽ thực hiện và giải quyết những nhiệm vụ cơ bản sau đây:

- Tổng hợp tình hình nghiên cứu, các công trình nghiên cứu ở trong nước và ngoài nước liên quan đến QCN nói chung và quyền của NBKAPT ở Việt Nam nói riêng, từ đó rút ra những vấn đề cần phải tiếp tục nghiên cứu và làm rõ trong luận án.

- Nghiên cứu những vấn đề lý luận về quyền của NBKAPT ở Việt Nam.
- Tiến hành khảo sát, đánh giá thực trạng quyền của NBKAPT đang chấp hành hình phạt tù trong các trại giam của BCA và thực trạng tổ chức thực hiện quyền của NBKAPT ở Việt Nam thời gian qua; phân tích làm rõ những kết quả đạt được và những hạn chế, thiếu sót cũng như những nguyên nhân của hạn chế, thiếu sót đó.
- Dự báo tình hình các nhân tố tác động đến tổ chức thực hiện quyền của NBKAPT, theo đó tìm ra những bất cập, hạn chế xác định những nguyên nhân, đồng thời đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật THAHS, theo đó góp phần nâng cao chất lượng hiệu quả tổ chức thực hiện quyền của NBKAPT ở Việt Nam trong thời gian tới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Những vấn đề lý luận pháp lý về quyền và thực tiễn tổ chức thực hiện quyền của NBKAPT ở Việt Nam.

Luận án tiếp cận đối tượng nghiên cứu là quyền của NBKAPT mà bản án đã có hiệu lực pháp luật, hiện đang chấp hành án trong trại giam, trại tạm giam.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Nghiên cứu quyền của NBKAPT đang chấp hành án tại các cơ sở giam giữ (trại giam, trại tạm giam, nhà tạm giữ), bao gồm các quyền cơ bản về học tập, học nghề, được thông tin, quyền lao động và được hưởng lợi từ lao động; quyền ăn, ở, mặc, sinh hoạt tập thể, quyền được xét giảm, hoãn, miễn hình phạt và những quyền khác theo quy định của pháp luật về THAHS liên quan đến PN.

- Về địa bàn nghiên cứu: Luận án khảo sát quyền của người bị kết án và tổ chức thực hiện bảo đảm quyền của người bị kết án trong các trại giam, trại tạm giam thuộc BCA.

- Về thời gian nghiên cứu: Thời gian từ năm 2010 đến năm 2018.

4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Phương pháp luận

Đề tài Luận án được nghiên cứu trên cơ sở sử dụng phương pháp luận duy vật biện chứng của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và các chủ trương,

đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước ta về cải cách tư pháp trong lĩnh vực hình sự, tổ tụng hình sự và THAHS về QCN nói chung và quyền của NBKAPT nói riêng.

Xuất phát từ đối tượng nghiên cứu của đề tài luận án và trên cơ sở hướng tiếp cận của Luận án là tiếp cận hệ thống lý luận về QCN, quyền của NBKAPT và tiếp cận từ góc độ pháp luật tổ tụng hình sự và Luật THAHS. Về QCN hiện nay chủ yếu được nghiên cứu dựa trên những học thuyết như: học thuyết về luật tự nhiên, chủ nghĩa thực chứng, chủ nghĩa Mác lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Luận án này được thực hiện dựa trên cơ sở chủ nghĩa Mác. C. Mác cho rằng khái niệm về quyền cá nhân là một ảo tưởng tư sản. Tất cả các khái niệm như pháp luật, công lý, đạo đức, tự do, dân chủ... đều mang tính lịch sử và nội hàm của những khái niệm đó đều được quyết định bởi điều kiện vật chất và hoàn cảnh xã hội của cuộc sống một dân tộc. Khi xã hội thay đổi, cuộc sống thay đổi thì nội hàm của những khái niệm và tư tưởng cũng thay đổi theo. Việc nghiên cứu quyền của NBKAPT, chúng ta phải xem xét quyền của NBKAPT trong điều kiện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của nước ta.

Trong thực hiện các quy định của pháp luật về quyền của NBKAPT mà bản án đã có hiệu lực, hiện đang chấp hành hình phạt tù không chỉ bảo vệ, bảo đảm quyền của NBKAPT trên các phương diện pháp lý mà quyền của NBKAPT đã được ghi nhận, tôn trọng, bảo đảm và tạo điều kiện trong thực tế. Cụ thể bằng các hình phạt được nghiên cứu dựa trên những học thuyết như: học thuyết trừng trị, học thuyết vị lợi và chế độ, chính sách hình sự, chính sách nhân đạo của Đảng và Nhà nước ta. Luận án này được thực hiện trên cơ sở học thuyết vị lợi. Nội dung của học thuyết này coi việc kết án phạt tù là một biện pháp tự vệ của xã hội, việc áp dụng biện pháp này là xuất phát từ sự cần thiết để giữ gìn trật tự xã hội, mục đích là để ngăn NBKAPT và những người khác không phạm phải điều sai trái nữa và nếu quyết định NBKAPT được thi hành thì có nghĩa là sẽ đạt được mục công bằng xã hội.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình thực hiện đề tài luận án còn sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể như: Phương pháp tổng hợp, phân tích, so sánh, tham khảo chuyên gia, tổng kết thực tiễn, phương pháp điều tra điển hình, phương pháp nghiên

cứu tài liệu mà những thành tựu lý thuyết đã đạt được và phương pháp suy luận logic. Đối với mỗi chương có thể nêu ra phương pháp sau:

Chương 1: Mang tính khái quát. Tác giả chủ yếu sử dụng phương pháp tổng hợp, phân tích, so sánh, đánh giá.

Chương 2: Tác giả sử dụng phương pháp tổng hợp, phân tích, phương pháp hệ thống để đưa ra khái niệm chung về QCN và quyền của NBKAPT; khái niệm về tổ chức thực hiện bảo đảm quyền của NBKAPT; nội dung cơ chế bảo đảm thực hiện quyền của NBKAPT; sử dụng phương pháp so sánh, phân tích đánh giá một số kinh nghiệm quốc tế về nội luật hóa các quy định của Công ước quốc tế như: Tuyên ngôn toàn thế giới về nhân quyền của LHQ năm 1948... Những nguyên tắc cơ bản trong việc đối xử với tù nhân của LHQ năm 1990 liên quan đến QCN và quyền của NBKAPT.

Chương 3: Tác giả sử dụng phương pháp tổng hợp, phân tích, phương pháp hệ thống, so sánh, phương pháp thống kê, điều tra điển hình, khảo sát thực tiễn, chuyên gia cho phép thu thập được những số liệu và dữ liệu mang tính định lượng được sử dụng chủ yếu trong việc nghiên cứu thực tiễn tổ chức thực hiện bảo đảm quyền của NBKAPT, qua đó để phân tích đánh giá tìm ra những mâu thuẫn, hạn chế, bất cập của hệ thống pháp luật trong việc bảo vệ quyền của NBKAPT được sử dụng trong nghiên cứu thực trạng quy định pháp luật về tổ chức thực hiện bảo đảm quyền của NBKAPT, NBKAPT được miễn, tạm hoãn, tạm đình chỉ, người đang chấp hành án phạt tù ở Việt Nam.

Chương 4: Tác giả sử dụng phương pháp chuyên gia, tổng hợp, phân tích, đánh giá để đề xuất kiến nghị đưa ra các giải pháp tối ưu nhằm bảo đảm tổ chức thực hiện quyền của người chấp hành án phạt tù trong THAHS ở Việt Nam.

Như vậy, Luận án được thực hiện trên cơ sở kết hợp các phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng một cách hợp lý nhằm phát huy những ưu điểm của từng phương pháp, mang lại hiệu quả nghiên cứu cao nhất.

5. Điểm mới của Luận án

Đây là công trình chuyên khảo ở cấp độ Luận án tiến sĩ nghiên cứu về QCN nói chung, quyền của NBKAPT trong THAHS ở nước ta nói riêng. Công trình

nguyên cứu các vấn đề lý luận về quyền của NBKAPT, phân tích, đánh giá thực trạng tổ chức thực hiện bảo đảm quyền của NBKAPT trong THAHS ở Việt Nam, đồng thời đề xuất một số giải pháp khoa học nhằm góp phần tăng cường bảo đảm, bảo vệ và tôn trọng quyền của NBKAPT trong THAHS ở Việt Nam.

Đề tài là một đóng góp khiêm tốn trong việc giải quyết về mặt khoa học, một trong những nội dung cấp thiết hiện nay ở nước ta cũng như trên thế giới là vấn đề bảo đảm QCN nói chung và quyền của NBKAPT nói riêng. Quy định về QCN đã là quan trọng và cần thiết nhưng cần thiết hơn, quan trọng hơn là vấn đề bảo đảm cho các quyền đó được thực thi trong cuộc sống.

6. Ý nghĩa khoa học, thực tiễn của đề tài

- Về mặt lý luận, kết quả nghiên cứu của Luận án góp phần làm giàu thêm lý luận về QCN trong THAHS nói chung và lý luận về quyền của NBKAPT nói riêng.

- Về mặt thực tiễn, kết quả nghiên cứu của Luận án đã phân tích, đánh giá đầy đủ, khách quan thực trạng về quyền của NBKAPT để đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về THAHS và trong tổ chức thực hiện pháp luật về THAPT.

- Luận án có thể là tài liệu tham khảo trong giảng dạy, học tập và nghiên cứu về THAHS.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, nội dung của Luận án được kết cấu làm 4 chương:

Chương 1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Chương 2. Những vấn đề lý luận về quyền của người bị kết án phạt tù.

Chương 3. Thực trạng điều chỉnh pháp luật và thực tiễn thực hiện quyền của người bị kết án phạt tù ở Việt Nam.

Chương 4. Quan điểm, giải pháp về hoàn thiện pháp luật và tổ chức thực hiện quyền của người bị kết án phạt tù.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1.1. Tình hình nghiên cứu

1.1.1. Tình hình nghiên cứu ở nước ngoài

QCN nói chung và quyền của NBKAPT nói riêng là vấn đề được nhiều quốc gia, các tổ chức quốc tế và nhiều học giả trên thế giới quan tâm. Đây là một vấn đề thể hiện sự văn minh, tiến bộ của xã hội, của quốc gia. Cho đến nay, trên thế giới có rất nhiều công trình nghiên cứu liên quan đến vấn đề này đã được công bố dưới dạng sách chuyên khảo, bài báo... Nhìn chung, các công trình nghiên cứu này rất phong phú, đa dạng về nội dung, mục đích, phạm vi nghiên cứu và cách tiếp cận khác nhau, nhưng NCS có thể khái quát thành hai nhóm chính có liên quan đến đề tài luận án, nhóm thứ nhất là các công trình nghiên cứu về quyền của NBKAPT, người chấp hành án phạt tù, nhóm thứ hai là các công trình nghiên cứu về quản lý, tổ chức THAPT.

- Trong nhóm các công trình nghiên cứu về quyền của người chấp hành án phạt tù, thì cũng có rất nhiều công trình nghiên cứu với nhiều cách tiếp cận, mức độ và góc độ nghiên cứu khác nhau được công bố. Căn cứ vào nội dung đề cập, có thể chia thành hai nhóm sau đây:

+ Nhóm các công trình nghiên cứu về bảo đảm QCN nói chung của người chấp hành án phạt tù trong THAHS.

Trước hết phải kể đến đó là sách chuyên khảo “*Human rights in administration of justice*” (dịch là *QCN trong quản lý tư pháp*) do Văn phòng Cao ủy LHQ về QCN và Hiệp hội Luật sư Quốc tế xuất bản năm 2011. Quyển sách gồm có 16 chương với 191 trang, quyển sách đã nghiên cứu luật nhân quyền quốc tế, các công cụ nhân quyền chính của quốc tế, khu vực và kỹ thuật áp dụng chúng; vai trò của thẩm phán, công tố viên và luật sư trong quản lý tư pháp. Ngoài ra, quyển sách còn nghiên cứu quyền của trẻ em, quyền của phụ nữ trong quản lý tư pháp, quyền được xét xử công bằng, quyền tự do về tư tưởng quan điểm, nhận thức tôn giáo, quyền hội họp, quyền bình đẳng, không bị phân biệt đối xử. Đặc biệt trong chương

5 và chương 8 của quyền sách đã đề cập đến QCN của người bị bắt, người bị tạm giam chờ xét xử và những tiêu chuẩn pháp lý quốc tế trong việc bảo vệ QCN của người chấp hành án phạt tù. Đây là cơ sở quan trọng cho việc đánh giá và đề xuất các giải pháp bảo đảm QCN của người chấp hành án phạt tù ở nước ta theo các chuẩn mực quốc tế.

Ngoài ra, một cuốn sách rất quan trọng nghiên cứu QCN của người chấp hành án phạt tù đó là chuyên khảo “*A Human Rights Approach to Prison Management*” (dịch là *Tiếp cận QCN dưới góc độ quản lý trại giam*) tái bản lần thứ 2 năm 2009 do Trung tâm nghiên cứu quốc tế về trại giam (International Centre for Prison Studies) thuộc trường Đại học King, Luân Đôn, Vương quốc Anh phát hành của tác giả Andrew Coyle nguyên Giám đốc Trung tâm nghiên cứu quốc tế về trại giam. Cuốn sách này gồm có 20 chương với 168 trang, trong đó tác giả đã trình bày một cách toàn diện về công tác quản lý trại giam dưới góc độ bảo vệ QCN của người chấp hành án phạt tù. Tác giả đã đưa ra những nguyên tắc chung về quản lý trại giam; tiêu chuẩn của cán bộ quản lý trại giam và công tác quản lý nhà nước về thi hành án phạt tù, trong đó chúng tôi đặc biệt quan tâm vấn đề tác giả trình bày là để bảo đảm QCN của người chấp hành án phạt tù thì công tác quản lý trại giam nên đặt dưới sự quản lý của Bộ Tư pháp, không nên đặt dưới sự quản lý của Bộ Nội vụ, Cảnh sát, Công an hay là Quân đội. Tác giả còn nhấn mạnh việc hoàn toàn cấm tra tấn trong công tác quản lý người chấp hành án phạt tù, tôn trọng nhân phẩm, danh dự của người chấp hành án phạt tù, người chấp hành án phạt tù phải được đảm bảo các tiêu chuẩn tối thiểu về vật chất và tinh thần như tiêu chuẩn về ăn, ở, mặc, chăm sóc y tế và vui chơi giải trí. Về xử lý kỷ luật người chấp hành án phạt tù, chúng tôi đặc biệt quan tâm đến đề xuất của tác giả là nên hạn chế hoặc hủy bỏ biện pháp giam riêng ở buồng kỷ luật vì nó ảnh hưởng đến tâm lý của người chấp hành án phạt tù. Trong công tác giáo dục cải tạo người chấp hành án phạt tù và tái hòa nhập xã hội sau khi người chấp hành án phạt tù chấp hành xong hình phạt, tác giả đã đề xuất nhiều biện pháp giáo dục, nhưng tác giả rất coi trọng việc lao động và dạy nghề cho người chấp hành án phạt tù, lao động phải hình thành cho người chấp hành án phạt tù thói quen, kỹ năng lao động và người chấp hành án phạt tù phải

được trả công cho công việc của mình. Về chế độ liên lạc của người chấp hành án phạt tù với thế giới bên ngoài, tác giả đã đề xuất người chấp hành án phạt tù phải được giam giữ ở những trại giam gần nhà, thư của người chấp hành án phạt tù phải kiểm tra để phát hiện không có vật cấm, không được đọc nội dung thư, còn đối với điện thoại liên lạc của người chấp hành án phạt tù thì được ghi âm và lưu trữ lại, đối với những người chấp hành án phạt tù nguy hiểm thì được phép theo dõi nội dung cuộc gọi. Về vấn đề phân loại người chấp hành án phạt tù, tác giả rất coi trọng việc phân loại người chấp hành án phạt tù. Vì tác giả cho rằng, người chấp hành án phạt tù ở trại giam rất phong phú và đa dạng, cần phải nhận biết được sự khác biệt đó để có biện pháp quản lý và giáo dục người chấp hành án phạt tù hiệu quả. Trong vấn đề này chúng tôi đặc biệt quan tâm đến vấn đề tự do tín ngưỡng và tự do tôn giáo của người chấp hành án phạt tù. Theo tác giả, trại giam nên có những nơi để người chấp hành án phạt tù sinh hoạt tôn giáo và trại giam nên tạo điều kiện cho người chấp hành án phạt tù tham gia các hoạt động tôn giáo như cầu nguyện, đọc tài liệu của tôn giáo, được gặp các người đại diện của tôn giáo. Ngoài ra, tác giả còn trình bày rất đầy đủ và rõ ràng các vấn đề về kiểm tra, giám sát hoạt động của trại giam, vấn đề tổ chức quản lý giam giữ và giáo dục cải tạo người chấp hành án phạt tù là người chưa thành niên, người chấp hành án phạt tù là phụ nữ, các đối tượng đang bị tạm giữ, tạm giam chờ xét xử và người bị kết án tử hình đang chờ thi hành án. Với phạm vi nghiên cứu rộng, bao gồm tất cả các lĩnh vực của hoạt động THAPT với góc độ tiếp cận QCN, đây là tài liệu tham khảo rất cần thiết cho việc nghiên cứu lý luận, đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp của đề tài luận án.

Trong các công trình nghiên cứu về QCN của người chấp hành án phạt tù còn có một số công trình sau đây: Chuyên khảo *“Prison policy and prisoners’ rights: The protection of prisoners’ fundamental rights in international and domestic law”* (tạm dịch là *Chính sách nhà tù và các quyền của phạm nhân: Bảo vệ các quyền cơ bản của phạm nhân trong luật quốc tế và luật quốc gia*) trong đó có bài viết *“Positive obligations to ensure the human rights of prisoners”* (tạm dịch là *Những biện pháp bắt buộc tích cực nhằm bảo đảm QCN của phạm nhân*) của tác giả Giáo sư nhân quyền Piet Hein van Kempen, Trường Đại học Radboud, Nhà xuất

bản Wolf Legal Publishers, Hà Lan, năm 2008. Trong công trình này, tác giả đã nghiên cứu những biện pháp bắt buộc phải làm (Positive Obligations) để bảo đảm QCN của người chấp hành án phạt tù như: Biện pháp bắt buộc để bảo vệ sự an toàn cho người chấp hành án phạt tù; Biện pháp bắt buộc về chăm sóc y tế cho người chấp hành án phạt tù; Biện pháp bắt buộc chuẩn bị cho việc thăm gặp vợ hoặc chồng và sinh con của người chấp hành án phạt tù. Bài báo “*Solitary Confinement and International Human Rights: Why the US prison system fails global standards*” (tạm dịch là *Biệt giam và nhân quyền quốc tế: Tại sao hệ thống nhà tù của Mỹ thất bại trong việc tiếp cận những tiêu chuẩn toàn cầu*) của tác giả Elizabeth Valisiades, Tạp chí American University International Law Review, số 1 năm 2005. Trong công trình này, tác giả đã nghiên cứu về một hình thức kỷ luật ở trong trại giam, đó là biện pháp biệt giam hay còn gọi là giam ở buồng kỷ luật, tác giả đã nghiên cứu về lịch sử và quá trình áp dụng biện pháp kỷ luật này qua các giai đoạn khác nhau, tác giả đã nghiên cứu về hậu quả của việc áp dụng biện pháp kỷ luật này đối với người chấp hành án phạt tù và đã so sánh thực trạng áp dụng hình thức kỷ luật so với các quy định của thế giới.

+ Nhóm các công trình nghiên cứu về bảo đảm các QCN cụ thể của người chấp hành án phạt tù trong THAPT.

Nội dung các công trình này nghiên cứu vấn đề bảo đảm các QCN cụ thể của người chấp hành án phạt tù trong THAHS như các quyền trong Hiến pháp của người chấp hành án phạt tù, quyền được chống tra tấn, quyền được chăm sóc sức khỏe... với tính chất là những quyền rất cơ bản của người chấp hành án phạt tù trong THAHS, một số công trình tiêu biểu bao gồm:

Sách chuyên khảo “*Constitutional Rights of Prisoners*” (tạm dịch là *Các quyền Hiến định của phạm nhân*), tác giả Tiến sĩ John W. Palmer, xuất bản lần thứ 9, Nhà xuất bản Routledge, Hoa Kỳ, năm 2015. Nội dung cuốn sách gồm 2 phần, 1 phụ lục. Phần I gồm 15 chương đề cập đến các khía cạnh quan trọng về QCN của người chấp hành án phạt tù như quyền được thông tin về kháng cáo, điều kiện giam giữ cô lập, tiếp cận với các TA, quyền được tạm tha, quyền trợ giúp y tế và trách nhiệm của cán bộ nhà tù, các hành động của TA tối cao và Quốc hội để làm giảm

tình trạng khiếu kiện trong nhà tù. Đặc biệt, tại chương 5, chương 7 và chương 13, tác giả phân tích sâu về quyền sử dụng mạng Internet của người chấp hành án phạt tù, quyền sử dụng thư điện tử, điện thoại của người chấp hành án phạt tù, vấn đề tôn giáo trong nhà tù. Phần II cuốn sách tóm tắt các quyết định tư pháp liên quan đến QCN của người chấp hành án phạt tù. Phần phụ lục bao gồm các sửa đổi Hiến pháp của Hoa Kỳ, phán quyết của TA trong các vụ kiện cụ thể. Cách tiếp cận QCN của người chấp hành án phạt tù dưới góc độ các quyền do Hiến pháp quy định là vấn đề cần tham khảo khi xây dựng nội dung các QCN của người chấp hành án phạt tù trong phần nội dung của Luận án.

Sách chuyên khảo “*The Treatment of Prisoners under International Law*” (tạm dịch là *Đối xử với các phạm nhân theo Luật Quốc tế*), tác giả Giáo sư, Tiến sĩ Nigel Rodley và Matt Pollard, xuất bản lần thứ ba, Nhà xuất bản Đại học Oxford, Vương quốc Anh, năm 2009. Nội dung cuốn sách gồm 12 phần, 1 phụ lục về các văn kiện quốc tế liên quan đến chống tra tấn, nội dung cuốn sách đề cập đến sự phát triển của luật quốc tế liên quan đến QCN của người chấp hành án phạt tù. Phản ứng của LHQ trước các thách thức về tra tấn, các bình luận liên quan đến khái niệm, nội dung tra tấn, pháp luật quốc tế về QCN của người chấp hành án phạt tù và biện pháp bảo đảm QCN của người chấp hành án phạt tù. Với trọng tâm nghiên cứu là một lĩnh vực chuyên ngành của pháp luật quốc tế liên quan đến nhà tù và một số vi phạm QCN tồi tệ nhất người chấp hành án phạt tù có thể phải chịu đựng như tra tấn, các hành vi đối xử tàn bạo, hạ nhục hay vô nhân đạo khác. Đây là một công trình nghiên cứu về QCN của người chấp hành án phạt tù ở bình diện quốc tế có giá trị trong việc đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp bảo đảm QCN của người chấp hành án phạt tù ở nước ta theo tiêu chuẩn quốc tế.

Sách chuyên khảo “*Public Health behind bars, from prison to community*” (tạm dịch là *Y tế công cộng sau song sắt, từ nhà tù tới cộng đồng*), tác giả Robert B. Greifinger, Nhà xuất bản Springer, New York, Hoa Kỳ, năm 2007. Nội dung cuốn sách gồm có 30 chương, đề cập đến sức khỏe người chấp hành án phạt tù ở Hoa Kỳ, những tác động đến sức khỏe người chấp hành án phạt tù, các khuyến nghị để chăm sóc sức khỏe người chấp hành án phạt tù cho Chính phủ. Tác giả phân tích kỹ các

vấn đề sức khỏe có nội dung hấp dẫn nhất sau song sắt nhà tù, bao gồm các bệnh truyền nhiễm, bệnh tâm thần, nghiện ma túy, tự tử... Qua kết quả nghiên cứu, tác giả giúp cho cán bộ trại giam biết cách giám sát và ngăn chặn việc lây nhiễm HIV, lao, các bệnh truyền nhiễm khác giữa những người chấp hành án phạt tù, điều trị nghiện ma túy, rối loạn tâm thần cho người chấp hành án phạt tù, ngăn chặn tình trạng xâm hại sức khỏe của người chấp hành án phạt tù. Tiếp cận QCN của người chấp hành án phạt tù với góc độ chăm sóc sức khỏe y tế cộng đồng là hướng nghiên cứu rất thực tiễn, cuốn sách chứa đựng những thông tin hữu ích liên quan đến đề tài luận án.

- Trong nhóm các công trình nghiên cứu về quản lý, tổ chức THAPT, trước hết phải kể đến là chuyên khảo “*Guidance Notes on Prison Reform*” (tạm dịch là *Một số định hướng về cải cách nhà tù*) do Trung tâm nghiên cứu quốc tế về trại giam (International Centre for Prison Studies) thuộc trường Đại học King, Luân Đôn, Vương quốc Anh phát hành năm 2004 của tác giả Andrew Coyle nguyên Giám đốc Trung tâm nghiên cứu quốc tế về trại giam. Quyển sách này gồm có 15 chương, đó cũng chính là những định hướng về cải cách nhà tù. Tác giả đã cố gắng đưa ra những nguyên tắc được thừa nhận chung nhất có thể được áp dụng trong tất cả các nhà tù, bên cạnh đó tác giả cũng cung cấp những ví dụ thực tiễn có thể được áp dụng trong những môi trường khác nhau với hy vọng rằng những định hướng đó là những điểm hữu ích cho việc cải cách nhà tù. Trong đó chúng tôi rất quan tâm đến những định hướng về công tác quản lý nhà tù như: đội ngũ nhân viên nhà tù và việc huấn luyện, đào tạo nhân viên nhà tù; nhân đạo hóa việc đối xử với người chấp hành án phạt tù; cải tiến chăm sóc y tế trong nhà tù; vấn đề kiểm tra, giám sát và sự tham gia của xã hội dân sự vào hoạt động THAPT; vấn đề tổ chức THAPT đối với người chấp hành án phạt tù là phụ nữ và trẻ em. Ngoài ra, tác giả còn đưa ra một số giải pháp về những vấn đề quan tâm của nhà tù như: vấn đề quá tải, điều kiện giam giữ trước khi bị xét xử và việc đưa các nhà tù hoạt động theo các quy định của pháp luật. Đặc biệt tác giả đề xuất nên xem các nhà tù như một tổ chức dân sự hơn là một tổ chức quân sự và chuyển sự quản lý các nhà tù từ lực lượng Cảnh sát, Quân đội sang Bộ Tư pháp và tác giả còn đề xuất nên sử dụng các bản án khác thay thế cho bản án tù như đóng tiền phạt, bồi thường cho nạn nhân, lao động công ích, bị giám

sát ngoài cộng đồng, tù tại gia... Với cách tiếp cận QCN thông qua các định hướng về cải cách nhà tù là cách tiếp cận thực tế và hiệu quả trong việc bảo đảm QCN của người chấp hành án phạt tù, các định hướng về cải cách nhà tù nhằm bảo đảm QCN của người chấp hành án phạt tù có nghĩa quan trọng trong việc đề xuất các giải pháp của đề tài luận án.

Ngoài các sách chuyên khảo trên, còn có một số bài viết tiêu biểu của các nhà khoa học được đăng trên các tạp chí luật học uy tín trên thế giới nghiên cứu về nhiều khía cạnh có liên quan đến việc bảo đảm QCN của người chấp hành án phạt tù như sau: Bài báo “*Prison conditions, human right*” (tạm dịch là *Điều kiện nhà tù và QCN*), tác giả Steve Foster, Tạp chí Public Law, Đại học Coventry, Vương quốc Anh, số 1, năm 2009. Bài báo “*International Protection of the Rights of Prisoners: Is Solitary Confinement in the United States a Violation of International Standards?*” (tạm dịch là *Bảo đảm quốc tế về quyền của phạm nhân: Chế độ biệt giam ở Mỹ có vi phạm các tiêu chuẩn quốc tế?*), tác giả N. D Miller, đăng trên trang Lexisnexus.com, Hoa Kỳ ngày 25/6/2007. Bài báo “*Mental Health care in prisons*” (tạm dịch là *Chăm sóc sức khỏe tinh thần ở nhà tù*), tác giả John Reed, Tạp chí Tâm thần học, Trường Cao đẳng Hoàng gia Tâm thần học, Luân Đôn, Vương quốc Anh, tháng 4 năm 2003. Bài báo “*Prison Reform Efforts around the World: The Role of Prison Administrators*” (dịch là *Cải cách nhà tù trên thế giới, vai trò của các nhà quản lý nhà tù*), tác giả Andrew Coyle, Tạp chí Pace Law Review, Luân Đôn, Vương quốc Anh, số 2 năm 2004. Bài báo “*Using International Human Rights Laws and Standards for U.S. Prison Reform*” (tạm dịch là *Sử dụng những tiêu chuẩn và luật nhân quyền quốc tế để cải cách nhà tù của Mỹ*), tác giả Alvin J. Bronstein, Jenni Grainsborough, Tạp chí Pace Law số 811, Washington, Hoa Kỳ, tháng 5 năm 2004.

Các bài viết trên nghiên cứu những vấn đề cụ thể, tập trung vào thực tiễn bảo đảm QCN của người chấp hành án phạt tù trong THAHS hơn là các vấn đề có tính chất lý thuyết học thuật.

Như vậy, vấn đề bảo đảm QCN của người chấp hành án phạt tù trong THAHS được nhiều nhà khoa học trên thế giới quan tâm nghiên cứu với nhiều góc

độ, mức độ khác nhau, nhìn chung các công trình tập trung nghiên cứu vấn đề bảo đảm QCN nói chung và các QCN cụ thể của người chấp hành án phạt tù như các quyền được Hiến pháp quy định, quyền được chống tra tấn, quyền được chăm sóc sức khỏe... Tuy nhiên, với phạm vi các công trình đã khảo sát, chưa có công trình nào đề cập một cách toàn diện đến vấn đề quyền của NBKAPT trong THAHS.

1.1.2. Tình hình nghiên cứu ở Việt Nam

QCN là các quyền tự nhiên, khả năng vốn có của mỗi con người, đây là vấn đề rất nhạy cảm, mang tính thời sự, chính trị. Vấn đề bảo đảm QCN nói chung, QCN trong hoạt động tư pháp cũng như QCN của NBKAPT trong THAHS rất được quan tâm nghiên cứu trong khoa học pháp lý nước ta cũng như quốc tế. Cho đến nay, ở nước ta có rất nhiều công trình nghiên cứu đã công bố dưới nhiều dạng khác nhau như: đề tài nghiên cứu khoa học, sách chuyên khảo, tài liệu tham khảo, giáo trình, báo cáo khoa học, bài viết... Các công trình nghiên cứu này khá phong phú, đa dạng về nội dung, phạm vi nghiên cứu và cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu, song cũng có thể khái quát thành hai nhóm chính có liên quan đến đề tài luận án, đó là nhóm các giáo trình và các công trình nghiên cứu về QCN của người chấp hành án phạt tù và nhóm các công trình nghiên cứu về quản lý, tổ chức THAPT.

- Nhóm các Giáo trình liên quan đến vấn đề lý luận về QCN: Giáo trình về “QCN: tiếp cận đa ngành và liên ngành khoa học xã hội”, “QCN: tiếp cận đa ngành và liên ngành Luật học – tập I, tập II”, Giáo trình bậc đại học và sau đại học của Viện Khoa học xã hội Việt Nam, năm 2010. Nội dung sách tập trung vào một số vấn đề: Những vấn đề lý luận, lịch sử về QCN, đảm bảo thực hiện và cơ chế bảo vệ QCN; Bảo vệ quốc tế QCN; QCN ở Việt Nam: Những vấn đề chung; QCN và các ngành luật.

Giáo trình “Những vấn đề lý luận và thực tiễn của nhóm quyền dân sự và chính trị”, Giáo trình của Viện khoa học xã hội Việt Nam, 2011.

Giáo trình “Pháp luật Quốc tế về QCN”, Giáo trình của Học viện khoa học xã hội - Viện hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam, 2014. Giáo trình gồm 6 chương: Chương I: Luật Quốc tế và QCN; Chương II: Điều ước Quốc tế - nguồn cơ bản của pháp luật Quốc tế về QCN; Chương III: Một số văn kiện Quốc tế đa phương quan

trọng về QCN và tư cách thành viên của Việt Nam; Chương IV: Các điều ước khu vực về QCN; Chương V: Mối quan hệ giữa pháp luật Quốc tế và pháp luật Quốc gia về QCN; Chương VI: Thực trạng nội luật hóa và việc thực hiện nghĩa vụ điều ước Quốc tế trong lĩnh vực QCN của Việt Nam.

Giáo trình “Cơ chế quốc tế và khu vực về QCN”, Giáo trình của Học viện khoa học xã hội - Viện hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam, 2014. Giáo trình gồm 4 chương: Chương I: Cơ chế quốc tế về QCN; Chương II: Cơ chế quốc tế đa phương về QCN và tư cách thành viên của Việt Nam; Chương III: Cơ chế khu vực về QCN; Chương IV: Mối quan hệ giữa các cơ chế đa phương, khu vực và quốc gia.

- Trong nhóm các công trình nghiên cứu về QCN của người chấp hành án phạt tù thì cũng rất phong phú với nhiều góc độ và mức độ nghiên cứu khác nhau, đến nay một số công trình nghiên cứu điển hình đã được công bố như sau:

+ Giáo trình “Luật THAHS”, Giáo trình của Học viện khoa học xã hội - Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam, 2013. Giáo trình gồm 11 chương: Trong Chương I: đưa ra khái niệm, nhiệm vụ và các nguyên tắc của luật THAHS; Chương II: Lịch sử pháp luật THAHS Việt Nam; Chương III: Hệ thống tổ chức THAHS; Chương IV: THAHS; Chương V: THAPT; Chương VI: Hệ thống trại giam và chế độ giam giữ; Chương VII: Thi hành án phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ, án treo; Chương VIII: Thi hành án áp dụng hình phạt bổ sung; Chương IX: Thi hành các biện pháp tư pháp hình sự; Chương X: Tái hòa nhập cộng đồng của người đã chấp hành xong án phạt tù; Chương XI: Kinh nghiệm của một số nước trong công tác tái hòa nhập cộng đồng.

+ Sách chuyên khảo “*QCN: Tiếp cận đa ngành và liên ngành Luật học*” trong đó có bài viết “*Mối quan hệ giữa QCN với luật thi hành án hình sự Việt Nam*”, tác giả Tiến sĩ Đỗ Đức Hồng Hà, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, năm 2010. Trong bài viết này, tác giả đã nghiên cứu mối quan hệ giữa Luật THAHS với QCN, thực trạng Luật THAHS nhìn từ góc độ bảo vệ QCN. Trên cơ sở đó, tác giả đã đề xuất một số phương hướng hoàn thiện Luật THAHS nhằm bảo vệ tốt hơn QCN như: Hoàn thiện những quy định chung và các quy định cụ thể của Luật THAHS. Trong đó chúng tôi đặc biệt quan tâm đến một số đề xuất của tác giả nhằm hoàn thiện các

quy định về THAPT để bảo vệ tốt hơn quyền của con người như: Đề xuất xã hội hóa công tác THAPT; Hoàn thiện pháp luật THAPT; Hoàn thiện về tổ chức, quản lý về công tác THAPT; Hoàn thiện về chế độ, chính sách đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất và mô hình thi hành án và thiết chế bảo đảm công tác THAPT; Hoàn thiện quy định THAPT với PN là người nước ngoài. Công trình là tài liệu tham khảo rất có giá trị trong việc xây dựng các giải pháp tăng cường bảo đảm QCN của người chấp hành án phạt tù thuộc Chương 4 của Luận án.

+ Sách chuyên khảo “ Tư tưởng về QCN- Tuyển tập tư liệu thế giới và Việt Nam”, của Trung tâm nghiên cứu QCN và quyền công dân, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2011 (Nhà xuất bản Lao động – xã hội). Cuốn sách gồm 2 phần: Phần I: Tuyển chọn những văn kiện, đoạn trích và tuyên bố mang tính chất tiêu biểu, phản ánh nhận thức và tư tưởng của nhân loại về nhân quyền, được sắp xếp theo trình tự lịch sử; Phần II: Bao gồm những đoạn trích và tác phẩm phản ánh rõ nét tư tưởng về nhân quyền trong lịch sử của dân tộc Việt Nam. Cấu trúc hai phần của cuốn sách chỉ nhằm mục đích thuận lợi cho công việc nghiên cứu, không có ý nghĩa lịch sử Việt Nam là một phần tách rời của lịch sử nhân loại xét trên phương diện tư tưởng nhân quyền.

+ Sách chuyên khảo “Thực hiện các quyền hiến định trong Hiến pháp năm 2013”, của PGS, TS Trịnh Quốc Toàn; PGS, TS Vũ Công Giao đồng chủ biên - Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2017 (Nhà xuất bản Lý luận chính trị). Nội dung của sách gồm nhiều bài viết của các tác giả trong đó có:

* Hiến pháp năm 2013 với việc thực thi các điều ước Quốc tế về QCN của Việt Nam - PGS, TS Chu Hồng Thanh. Trong đó luận án có thể tham khảo các lý luận và quy định của điều ước quốc tế liên quan đến các điều ước quốc tế có liên quan đến quyền của NBKAPT.

* Bảo đảm QCN: Tư tưởng chủ đạo của Hiến pháp năm 2013 - TS Hoàng Hùng Hải. Các vấn đề được đề cập đến như: thế nào là bảo đảm QCN, các tư tưởng chủ đạo của Hiến pháp 2013 về bảo đảm QCN trong đó có bảo đảm quyền của người bị kết án là nguồn tham khảo liên quan trực tiếp đến luận án của NCS.

* Bảo đảm quyền sống theo tinh thần của Luật Nhân quyền quốc tế và Hiến pháp năm 2013 của Việt Nam - PGS, TS Vũ Công Giao. Trong đó, các giá trị lý luận, thực tiễn và các phân tích có liên quan đến luận án về quyền sống được NCS vận dụng có thể bao gồm: phân tích quyền sống, quyền được đối xử công bằng trong “quyền sống”, quyền sống tối thiểu.

* Hình phạt tử hình trong Luật Hình sự Việt Nam: Một số kiến nghị hoàn thiện - PGS, TS Trịnh Quốc Toàn, và “Hình phạt tử hình trong Dự thảo Bộ luật Hình sự sửa đổi: Từ góc nhìn của công chúng và chuyên gia”- PGS, TS Trương Hồ Hải. Trong 2 công trình này, những kiến thức về hình phạt tử hình được vận dụng để phân tích về quyền của người bị kết án tù khác với quyền của người bị kết án tử hình như thế nào.

* Bảo đảm quyền bất khả xâm phạm về thân thể, danh dự, nhân phẩm theo Hiến pháp năm 2013 và yêu cầu đặt ra với việc cải cách hệ thống tố tụng hiện nay - PGS, TS Nguyễn Ngọc Chí. Những kiến thức lý luận và cả thực tiễn về bảo đảm quyền bất khả xâm phạm về thân thể, danh dự, nhân phẩm đã được NCS vận dụng để phân tích về bảo đảm quyền bất khả xâm phạm về thân thể, danh dự, nhân phẩm của NBKAPT.

* Quyền tự do và an ninh cá nhân trong Luật Quốc tế, Hiến pháp năm 2013 và pháp luật hình sự Việt Nam - PGS, TS Vũ Công Giao, Nguyễn Quang Đức. Và “Bảo vệ quyền hiến định về tự do và an ninh cá nhân bằng pháp luật hình sự Việt Nam”- TS Trịnh Tiến Việt. Những kiến thức lý luận và cả thực tiễn về Quyền tự do và an ninh cá nhân trong 2 công trình này có thể được NCS vận dụng để phân tích về sự khác nhau giữ quyền tự do của công dân, và quyền này của người bị kết án tù.

* Hoàn thiện pháp luật về phòng, chống tra tấn theo tinh thần Hiến pháp năm 2013 - PGS, TS Vũ Công Giao, ThS Nguyễn Đông Sơn.

* Bảo đảm QCN trong giai đoạn xét xử theo tinh thần Hiến pháp năm 2013 - PGS, TS Vũ Công Giao, ThS Nguyễn Minh Tâm.

* Bảo đảm quyền được suy đoán vô tội theo tinh thần Hiến pháp năm 2013 - PGS, TS Vũ Công Giao, ThS Nguyễn Minh Tâm.

* “Quyền im lặng” trên thế giới và gợi mở cho việc bảo đảm QCN trong tố tụng hình sự theo Hiến pháp năm 2013 - PGS, TS Vũ Công Giao, ThS Nguyễn Minh Tâm.

* Bảo đảm thực thi quyền môi trường trong Hiến pháp năm 2013 - TS Mai Hải Đăng.

* Vai trò của TA trong việc bảo vệ QCN theo tinh thần Hiến pháp năm 2013 - TS Hoàng Hùng Hải.

* Sự cần thiết và các yêu cầu với việc thành lập cơ quan nhân quyền quốc gia bảo vệ và thúc đẩy các quyền hiến định trong Hiến pháp năm 2013 - PGS, TS Vũ Công Giao, ThS Nguyễn Thùy Dương.

+ Luận án Tiến sĩ *“Bảo đảm quyền con người của người bị kết án phạt tù trong thi hành án hình sự ở Việt Nam”* tác giả Lê Hữu Trí, Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh, năm 2017

Luận án này có đối tượng nghiên cứu khá gần với Luận án của NCS. Tuy nhiên, sự khác nhau thể hiện tập trung nhất ở phạm vi nghiên cứu. Luận án của tác giả Lê Hữu Trí tập trung nghiên cứu vấn đề bảo đảm QCN của người chấp hành án phạt tù ở các CSGG, đó chính là PN đang chấp hành án ở các CSGG. Còn phạm vi nghiên cứu của luận án *“Quyền của người bị kết án phạt tù ở Việt Nam”* nghiên cứu ở phạm vi rộng hơn, không chỉ bao gồm quyền của người đang chấp hành hình phạt tù (trong thi hành án) mà đối với cả đối tượng người bị kết án, bản án chưa có hiệu lực nhưng tạm miễn, tạm hoãn, tạm đình chỉ. Luận án *“Bảo đảm quyền con người của người bị kết án phạt tù trong thi hành án hình sự ở Việt Nam”* gồm 4 chương, nghiên cứu về cơ sở lý luận, thực trạng, quan điểm và giải pháp tăng cường đảm bảo QCN của NBKAPT trong THAHS ở Việt Nam. Đóng góp về khoa học của Luận án thể hiện rõ nét ở việc đã nghiên cứu một cách có hệ thống, tương đối toàn diện vấn đề đảm bảo QCN của NBKAPT trong THAHS và trong hoạt động THAHS ở Việt Nam. Đây là công trình vừa có giá trị tham khảo vừa là thách thức lớn đối với đề tài của NCS. Bởi đề tài luận án của NCS vừa có phạm vi nghiên cứu rộng hơn, nhưng có nhiều điểm có thể kế thừa từ công trình này, đồng thời phải có điểm phát triển và điểm mới hoặc hướng tiếp cận mới so với đề tài này.

+ Luận án Tiến sĩ *"Quyền của người bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam"*, tác giả Đinh Thị Mai, Viện hàn lâm khoa học Việt Nam, Học viện khoa học xã hội, năm 2014. Với phạm vi nghiên cứu Đề tài luận án được giới hạn trong phạm vi của chuyên ngành LHS và TTHS; người bị hại được hiểu theo nghĩa rộng, bao gồm cả cá nhân con người và cơ quan tổ chức (có pháp nhân hoặc không pháp nhân). Luận án nghiên cứu số liệu thống kê từ năm 2007 đến năm 2012 của TANDTC và nghiên cứu 312 bản án HSST, 91 hồ sơ VAHS của CQĐT và VKS cấp tỉnh. Luận án được thực hiện trên phạm vi toàn quốc. Luận án không nghiên cứu về quyền của NBKAPT nhưng các quan điểm về QCN trong tư pháp hình sự, cơ chế thực hiện QCN, các căn cứ phân loại quyền của người bị hại trong tố tụng hình sự là những tham khảo hữu ích cho NCS trong phân loại và nghiên cứu về quyền và cơ chế thực hiện quyền của NBKAPT ở Việt Nam hiện nay.

+ Luận án Tiến sĩ *"Đảm bảo QCN trong hoạt động tư pháp"*, tác giả Nguyễn Huy Hoàn, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội, năm 2004. Với phạm vi nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến đảm bảo QCN trong hoạt động tư pháp, tác giả cấu trúc Luận án gồm 3 chương, nghiên cứu về cơ sở lý luận, thực trạng, quan điểm và giải pháp tăng cường đảm bảo QCN trong hoạt động tư pháp ở Việt Nam. Đóng góp về khoa học của Luận án thể hiện rõ nét ở việc đã nghiên cứu một cách có hệ thống, tương đối toàn diện vấn đề đảm bảo QCN trong hoạt động tư pháp ở Việt Nam. Hoạt động thi hành án, trong đó có THAPT được tác giả đánh giá là một loại hoạt động tư pháp. Do vậy, tác giả đã đánh giá thực trạng, đề xuất các giải pháp tăng cường hoạt động này nhằm đảm bảo QCN của người chấp hành án phạt tù. Công trình có giá trị tham khảo trong việc xây dựng lý luận của đề tài luận án.

+ Luận án Tiến sĩ *"Thực hiện pháp luật về QCN của phạm nhân trong thi hành án phạt tù ở Việt Nam"*, Nghiên cứu sinh Nguyễn Đức Phúc, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội, năm 2012. Trong đó tác giả đã nghiên cứu làm rõ cơ sở lý luận và cơ sở pháp lý về thực hiện pháp luật về QCN của PN, khảo sát đánh giá thực trạng thực hiện pháp luật về QCN của PN tại một số trại giam, đã chỉ ra một số hạn chế trong thực hiện pháp luật về QCN của PN và đưa

ra các quan điểm, giải pháp bảo đảm thực hiện pháp luật về QCN của PN trong THAPT ở Việt Nam. Công trình có giá trị tham khảo trong việc đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp tăng cường bảo đảm QCN của người chấp hành án phạt tù thuộc phần nội dung của Luận án.

+ Đề tài khoa học cấp Đại học quốc gia *“Bảo vệ QCN bằng pháp luật hình sự và pháp luật tố tụng hình sự trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam”*, tác giả Giáo sư, Tiến sĩ khoa học Lê Văn Cẩm, Tiến sĩ Nguyễn Ngọc Chí, Thạc sĩ Trịnh Quốc Toàn, Khoa Luật, Đại học quốc gia Hà Nội, năm 2006. Với phạm vi nghiên cứu là những vấn đề lý luận về bảo đảm QCN bằng pháp luật trong lĩnh vực tư pháp hình sự, các tác giả đã đi sâu nghiên cứu làm rõ khái niệm QCN, khái niệm bảo vệ các QCN bằng pháp luật trong lĩnh vực tư pháp hình sự, đặc điểm và yêu cầu của việc bảo vệ các QCN bằng pháp luật trong lĩnh vực tư pháp hình sự. Đóng góp về khoa học của đề tài là tác giả đã xây dựng khái niệm, nêu ra được ý nghĩa và các đặc điểm cơ bản của việc bảo vệ các QCN bằng pháp luật hình sự, pháp luật tố tụng hình sự, pháp luật THAHS và bằng một số quy định pháp luật khác liên quan đến tổ chức, hoạt động của hệ thống tư pháp hình sự. Kết quả nghiên cứu của đề tài, đặc biệt là kết quả nghiên cứu trong việc bảo vệ các QCN bằng pháp luật THAHS có giá trị tham khảo khi nghiên cứu xây dựng lý luận của đề tài luận án.

Bài báo *“Bảo đảm QCN trong thi hành án phạt tù ở Việt Nam hiện nay”*, tác giả Nguyễn Đức Phúc, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật số 4 năm 2004 (số 228). Trong bài viết này, tác giả đã nghiên cứu nội dung cụ thể của bảo đảm pháp lý đối với QCN trong THAPT, tác giả cũng đã chỉ ra được những bất cập trong hoạt động THAPT mà có ảnh hưởng đến việc bảo vệ QCN của PN. Từ đó, tác giả đã đề xuất một số giải pháp nhằm bảo đảm QCN trong THAPT như: Hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật đảm bảo QCN trong THAPT; Đổi mới tổ chức và hoạt động của cơ quan tham gia THAPT trên cơ sở phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của TA, VKS, cơ quan Công an, các tổ chức trong Quân đội, cơ sở chuyên khoa y tế; Xử lý đúng pháp luật các hành vi vi phạm QCN trong THAPT, phải xác định nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa là nguyên tắc quan trọng nhất trong hoạt động này; Tăng cường mạnh mẽ cơ sở vật chất kỹ thuật cho THAPT. Công trình rất có

giá trị trong việc xây dựng lý luận về bảo đảm QCN của người chấp hành án phạt tù, trong việc đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp bảo đảm QCN của người chấp hành án phạt tù.

Luận văn Thạc sĩ luật học “*Bảo đảm QCN trong thi hành án phạt tù tại Việt Nam*”, tác giả Phạm Thị Tuyết Mai, Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2009. Tác giả đã nghiên cứu vấn đề lý luận chung về bảo đảm QCN trong THAPT, thực tiễn bảo đảm QCN trong THAPT tại Việt Nam. Trên cơ sở đó, tác giả đã đề xuất một số giải pháp, kiến nghị nhằm hoàn thiện chế định bảo đảm QCN trong THAPT như: Nâng cao trình độ cho lực lượng trực tiếp THAPT; Tăng cường cơ chế giám sát, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong THAPT nhằm bảo đảm QCN tốt hơn; Bảo đảm về cơ sở vật chất kỹ thuật và các điều kiện khác trong THAPT; Tổ chức đa dạng các hình thức học nghề cho người đang chấp hành án phạt tù; Mở rộng mối quan hệ phối hợp giữa trại giam với thân nhân gia đình người bị kết án tù cũng như áp dụng các biện pháp khác trong giáo dục, cải tạo PN; Tăng cường công tác thanh tra, giám sát hoạt động THAPT đồng thời tăng cường quan hệ phối hợp giữa TA, VKS và cơ quan thi hành án nhằm bảo đảm QCN trong THAPT; Giảm bớt thủ tục hành chính trong xét giảm án, tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù, đại xá và giải quyết khiếu nại, tố cáo. Đây là một công trình rất có giá trị tham khảo khi nghiên cứu nội dung của Luận án. Tuy nhiên, mặc dù Luận văn đạt được những thành công nhất định, nhưng Luận văn vẫn chưa xây dựng được khái niệm QCN trong THAPT, chưa xây dựng được hệ thống các bảo đảm QCN trong THAPT. Chính vì lý do đó, Luận văn cũng chưa đánh giá được một cách sâu sắc thực trạng bảo đảm QCN trong THAPT ở nước ta dựa trên hệ thống các bảo đảm QCN trong THAPT.

+ Trong các công trình nêu trên, các tác giả đã nghiên cứu một số vấn đề có liên quan đến QCN của người chấp hành án phạt tù. Cụ thể, các tác giả đã nghiên cứu những vấn đề lý luận, thực trạng và đề xuất các giải pháp nhằm bảo đảm các quyền cụ thể của người chấp hành án phạt tù. Các tác giả chưa làm rõ được cơ sở lý luận, chưa khảo sát, đánh giá được thực tiễn bảo đảm QCN của người chấp hành án phạt tù để từ đó đề xuất các giải pháp bảo đảm các QCN của người chấp hành án phạt tù trong THAHS.

+ Trong nhóm các công trình nghiên cứu về quản lý, tổ chức thi hành án phạt tù, đến nay cũng đã có một số công trình nghiên cứu điển hình đã công bố.

Trước hết, phải kể đến là sách chuyên khảo *“Hoàn thiện quản lý nhà nước trong lĩnh vực thi hành án hình sự”*, Tiến sĩ Vũ Trọng Hách, Nxb Tư pháp, Hà Nội, năm 2006. Tác giả đã nghiên cứu vấn đề quản lý nhà nước trong lĩnh vực THAHS hiểu theo nghĩa hẹp của quản lý nhà nước, tức là chỉ nghiên cứu quản lý nhà nước của hệ thống cơ quan hành chính nhà nước, đặc biệt nhấn mạnh vai trò trách nhiệm của các cơ quan chức năng được giao giúp Chính phủ quản lý, tổ chức công tác THAHS trong phạm vi cả nước. Cùng với 3 chương là cơ sở lý luận, thực trạng, phương hướng và giải pháp hoàn thiện quản lý nhà nước trong THAHS, cuốn sách có nhiều đóng góp khoa học mới. Nội dung cuốn sách góp phần bổ sung lý luận về khoa học quản lý nhà nước nói chung, quản lý nhà nước trong THAHS nói riêng, làm rõ nội hàm khái niệm, tầm quan trọng của quản lý nhà nước trong THAHS, đặc trưng cơ bản của tổ chức bộ máy và hoạt động quản lý nhà nước trong THAHS, làm rõ chủ thể, khách thể, nội dung, phương pháp quản lý nhà nước trong THAHS. Trên cơ sở đánh giá các kết quả, thiếu sót tồn tại của hoạt động này, tác giả đưa ra dự báo xu hướng phát triển của quản lý nhà nước trong THAHS, các phương hướng, giải pháp nhằm hoàn thiện hoạt động này trong tình hình mới. Những ưu điểm, hạn chế của THAPT với tính chất là một nội dung của THAHS đã được tác giả phân tích kỹ trong nội dung của cuốn sách. Công trình có giá trị tham khảo trong việc đánh giá tổ chức bộ máy quản lý THAPT, cơ chế phối hợp trong THAPT. Trên cơ sở đó, đề xuất các giải pháp có hiệu quả nhằm bảo đảm QCN của người chấp hành án phạt tù.

Sách chuyên khảo *“Một số vấn đề thi hành án hình sự”*, tác giả Tiến sĩ Trần Quang Tiệp, Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội, năm 2002. Trong 6 chương của cuốn sách, tác giả đã trình bày một cách có hệ thống các quy định của pháp luật THAHS Việt Nam, đưa ra những phân tích, đánh giá nhằm góp phần xây dựng nhận thức đúng, khoa học về THAHS như khái niệm, nhiệm vụ, nguyên tắc THAHS, cơ quan THAHS, địa vị pháp lý của người bị kết án, trình tự thủ tục thi hành các loại hình phạt, việc chấp hành hình phạt, giảm thời hạn chấp hành hình phạt, xóa án tích... tác giả còn trình bày pháp luật THAHS của một số nước trên thế giới là Liên

bang Nga, Vương quốc Anh, Cộng hòa Pháp. Đây là cuốn sách chứa đựng nhiều tri thức khoa học về THAHS, nhất là những tri thức về THAHS ở các nước khác nói chung, trong đó có những nội dung đề cập đến THAPT cần được kế thừa trong Luận án.

Sách chuyên khảo *“Pháp luật thi hành án hình sự Việt Nam những vấn đề lý luận với thực tiễn”*, tác giả Phó Giáo sư, Tiến sĩ Võ Khánh Vinh và Phó Giáo sư, Tiến sĩ Nguyễn Mạnh Kháng chủ biên, Nhà xuất bản Tư pháp, Hà Nội, năm 2006. Cuốn sách góp phần tìm hiểu những vấn đề lý luận cơ bản của THAHS, tiến hành tổng kết đầy đủ thực trạng THAHS nhằm chỉ ra những kinh nghiệm thành công, hạn chế của lĩnh vực này, xây dựng luận cứ khoa học cho nhiệm vụ tiếp tục đổi mới công tác THAHS hiện nay. Để giải quyết các vấn đề trên, cuốn sách cấu trúc thành 3 phần, 17 chương, nghiên cứu một cách có hệ thống các vấn đề cơ bản của THAHS. Phần I nghiên cứu về khái niệm, nhiệm vụ, nguồn, nguyên tắc cơ bản của pháp THAHS, địa vị pháp lý của người bị kết án, hệ thống các cơ quan THAHS, kiểm tra, giám sát hoạt động của cơ quan THAHS, lịch sử THAHS ở Việt Nam. Phần II đi sâu phân tích việc thi hành hình phạt, các biện pháp tư pháp và vấn đề tái hòa nhập cộng đồng. Phần III nghiên cứu hệ thống trại giam và chế độ giam giữ, vấn đề THAPT ở nước ngoài. Có thể thấy, giá trị nổi bật của cuốn sách là gắn lý luận với thực trạng THAHS. Cuốn sách không chỉ đưa ra những điểm mới về lý luận, đánh giá sâu sắc, khách quan thực trạng pháp luật THAHS mà còn đưa ra nhiều thông tin về THAPT. Việc đưa các chương về THAHS và tái hòa nhập cộng đồng, THAPT ở nước ngoài là những dẫn chứng điển hình cho vấn đề đó. Nội dung cuốn sách chứa đựng nhiều thông tin quan trọng về vấn đề lý luận và thực tiễn THAHS, có giá trị tham khảo rất lớn đối với việc nghiên cứu đề tài luận án.

Sách chuyên khảo *“Những vấn đề lý luận cơ bản về thi hành án phạt tù ở Việt Nam”*, tác giả Tiến sĩ Đường Minh Giới chủ biên, Học viện Cảnh sát nhân dân, Khoa Nghiệp vụ giáo dục cải tạo PN, Hà Nội, năm 2007. Cuốn sách có phạm vi nghiên cứu rộng, bao gồm các vấn đề cơ bản về lý luận và thực tiễn của THAPT, được kết cấu với các chương gồm: Những vấn đề lý luận cơ bản về THAPT; Quản lý nhà nước về THAPT; Quản lý, giam giữ PN; Giáo dục PN; Dạy nghề và tổ chức

cho PN lao động; Một số vấn đề về tạm giữ, tạm giam. Điểm nổi bật của cuốn sách này là đã phân tích chuyên sâu, có hệ thống các vấn đề lý luận, thực tiễn của THAPT, nêu ra những hạn chế, đề xuất các giải pháp để khắc phục hạn chế, nâng cao hiệu quả hoạt động này. Cuốn sách là tài liệu tham khảo rất quan trọng trong việc nghiên cứu thực trạng bảo đảm QCN của người chấp hành án phạt tù trong THAHS.

Đề tài khoa học cấp Bộ “*Quản lý nhà nước về thi hành án phạt tù*”, tác giả Tiến sĩ Hoàng Ngọc Nhất, Hà Nội, năm 2000. Trong đề tài, tác giả đã nghiên cứu một số vấn đề lý luận và thực tiễn công tác quản lý nhà nước về THAPT ở nước ta. Trên cơ sở đó, tác giả đã đề ra một số giải pháp tăng cường công tác quản lý nhà nước về THAPT như: Xây dựng bộ máy quản lý tập trung thống nhất, kiện toàn tổ chức THAPT theo định hướng của Đảng; Đổi mới và hoàn thiện hệ thống pháp luật về THAPT, xây dựng chế định pháp luật, tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động quản lý nhà nước công tác THAPT; Xây dựng các chế định pháp luật trong việc phối hợp chặt chẽ giữa TA nhân dân với VKS nhân dân, cơ quan chuyên trách thi hành án để nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước công tác THAPT; Điều chỉnh quy định phân loại giam giữ, giáo dục PN theo loại trại giam và quy hoạch, phân cấp hợp lý hệ thống trại giam hiện nay do lực lượng Công an nhân dân quản lý; Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ cho cán bộ, chiến sỹ làm công tác quản lý nhà nước về THAPT và tổ chức THAPT, quản lý trại giam; Đầu tư cơ sở vật chất phục vụ cho công tác quản lý và tổ chức THAPT; Đẩy mạnh công tác tổ chức nghiên cứu, tổng kết kinh nghiệm, kết hợp với việc tìm kiếm, ứng dụng những thành tựu mới về khoa học và công nghệ để xây dựng cơ sở lý luận quản lý nhà nước về công tác THAPT, góp phần đáp ứng kịp thời những vấn đề mới, phức tạp đặt ra trong hoạt động quản lý và tổ chức THAPT ở nước ta hiện nay. Đây là công trình cũng có giá trị tham khảo trong nghiên cứu về quản lý, tổ chức THAPT và mối quan hệ phối hợp trong THAPT trong phần nội dung của Luận án.

Bên cạnh các công trình trên, một số bài báo khác cũng nghiên cứu về các khía cạnh có liên quan đến THAPT. Bài báo “*Một số vấn đề cấp bách về thi hành án hình sự*” của Tiến sĩ Hoàng Ngọc Nhất, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật số 1/2001 trong đó có đề cập đến THAPT. Bài báo “*Hoạt động thi hành án hình sự hiện nay - Thực*

trạng và giải pháp hoàn thiện” của tác giả Trương Hòa Bình, Tạp chí Khoa học pháp lý số 6/2002. Bài báo “*Điều kiện đảm bảo hiệu quả hoạt động thi hành án hình sự*” của Tiến sĩ Bùi Kiên Điện, Tạp chí Luật học số 6/2007.

Những vấn đề lý luận và thực tiễn THAPT cũng là chủ đề của nhiều hội thảo khoa học về lĩnh vực này, nổi bật là hội thảo “*Công tác thi hành án phạt tù - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*” tổ chức tại Học viện Cảnh sát nhân dân từ ngày 17/6/2006 đến ngày 20/6/2006. Báo cáo giải trình, tiếp thu dự thảo Luật THAHS trình Quốc hội thông qua số 338/BC - UBTVQH ngày 15/6/2010 cũng chứa đựng nhiều thông tin phong phú liên quan đến thi hành án phạt tù. Tác giả đã sử dụng nhiều thông tin trong các tài liệu này phục vụ cho việc nghiên cứu đề tài luận án.

Trong các công trình nêu trên, các tác giả đi sâu nghiên cứu hoạt động quản lý nhà nước về bảo đảm QCN, tổ chức THAPT nhằm bảo đảm QCN trong lĩnh vực thi hành án hình sự. Vấn đề bảo đảm QCN, quyền của NBKAPT trong pháp luật hình sự ở Việt Nam cũng đã được đề cập nhưng chỉ là một phần nhỏ hoặc được đề cập một cách khái quát nhưng trong bối cảnh Nhà nước ta đang hoàn thiện và ban hành các văn bản pháp luật.

1.2. Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu

Qua khảo cứu tình hình nghiên cứu ở nước ngoài và trong nước có liên quan đến đề tài luận án, NCS nhận thấy:

Thứ nhất, Luận án nghiên cứu về QCN trong Giáo trình sau Đại học của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam về QCN, do Nhà xuất bản khoa học xã hội Hà Nội xuất bản năm 2015; sách Những vấn đề lý luận và thực tiễn của nhóm quyền dân sự và chính trị, do Nhà xuất bản khoa học xã hội Hà Nội xuất bản năm 2011; sách QCN tiếp cận đa ngành và liên ngành luật học tập 1, tập 2 do Nhà xuất bản khoa học xã hội Hà Nội xuất bản năm 2010; sách QCN tiếp cận đa ngành và liên ngành khoa học xã hội, do Nhà xuất bản khoa học xã hội Hà Nội xuất bản năm 2009, giáo trình và sách đều do GS, TS Võ Khánh Vinh chủ biên làm cơ sở lý luận của luận án, đồng thời luận án có kế thừa có thể kế thừa một số kết quả nghiên cứu đã đạt được ở các công trình nghiên cứu trước đây.

Qua các công trình nghiên cứu của các nhà khoa học trong nước như: Tiến sĩ Hoàng Ngọc Nhất, Tiến sĩ Vũ Trọng Hách, Tiến sĩ Nguyễn Đức Phúc, Tiến sĩ Đỗ

Đức Hồng Hà, Thạc sĩ Phạm Thị Tuyết Mai... đã làm rõ thực trạng quản lý, tổ chức thi hành án phạt tù, thực trạng thực hiện pháp luật về QCN của PN và đã đưa ra được một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý, tổ chức THAPT và thực hiện pháp luật về QCN của PN trong giai đoạn trước khi có Luật THAHS. Những kết quả nghiên cứu nói trên có giá trị rất quan trọng và cần được tiếp tục kế thừa trong nghiên cứu đề tài luận án.

Thứ hai, một số kết luận, khuyến cáo của các công trình nghiên cứu ở nước ngoài cần được tiếp tục nghiên cứu để áp dụng trong điều kiện ở Việt Nam.

Qua khảo cứu các công trình nghiên cứu ở nước ngoài của các nhà khoa học nước ngoài như Andrew Coyle, John W. Palmer, Nigel Rodley, Matt Pollard, Piet Hein van Kempen, Elizabeth Valisiades... đã nghiên cứu một cách khái quát và có hệ thống về công tác quản lý, tổ chức THAPT dưới góc độ bảo vệ QCN của người bị giam giữ trong khuôn khổ pháp luật và điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội ở quốc gia sở tại. Trong các nghiên cứu của mình, các tác giả đã đưa ra các khuyến cáo và các điều chỉ dẫn về công tác quản lý nhà tù và bảo vệ QCN, trong đó các tác giả đã đề xuất phi vũ trang hóa các nhà tù, chuyển sự quản lý các nhà tù từ lực lượng Quân đội, Cảnh sát sang Bộ Tư pháp; PN được sinh hoạt tôn giáo trong thời gian chấp hành án phạt tù; chế độ lao động, dạy nghề cho PN; chế độ liên lạc với thế giới bên ngoài của người chấp hành án phạt tù... Những khuyến cáo trên là có lý, nhưng để áp dụng trong điều kiện thực tiễn ở Việt Nam thì cần phải tiếp tục nghiên cứu làm rõ một số vấn đề như: Trong điều kiện tình hình an ninh trật tự, kinh tế xã hội ở nước ta có thể áp dụng những khuyến cáo đó hay không? Trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ làm công tác THAPT có đáp ứng được những yêu cầu đó không? Điều kiện cơ sở vật chất của các trại giam ở nước ta có đáp ứng được hay không?...

Thứ ba, Luận án cần tiếp tục nghiên cứu làm rõ một số vấn đề mà các công trình nghiên cứu trước đây chưa nghiên cứu hoặc đã nghiên cứu nhưng chưa nghiên cứu sâu.

+ Về mặt lý luận, Luận án cần tiếp tục nghiên cứu các vấn đề cơ bản sau:

* Trên cơ sở khái niệm, đặc điểm QCN nói chung trong pháp luật quốc tế, pháp luật Việt Nam và sự kế thừa kết quả nghiên cứu của các công trình khoa học

nghiên cứu về QCN, đặc biệt là các công trình nghiên cứu ở Việt Nam, đồng thời căn cứ vào thực tiễn tổ chức thực hiện bảo đảm quyền của NBKAPT ở Việt Nam. Luận án xây dựng mới khái niệm, nội dung quyền của NBKAPT ở Việt Nam. Ngoài ra, để bảo đảm tính thống nhất, logic của vấn đề nghiên cứu, Luận án cần làm rõ hơn về nhận thức mối quan hệ giữa nội dung các quyền của NBKAPT trong pháp luật hình sự và việc tổ chức thực hiện các quyền đó. Đặc biệt việc nghiên cứu quyền của NBKAPT xuất phát từ tinh thần cải cách tư pháp và tinh thần của Hiến pháp năm 2013.

* Trong quá trình nghiên cứu về vấn đề quyền của NBKAPT trong THAHS một số nước trên thế giới, Luận án tiếp tục khảo sát vấn đề quyền của người chấp hành án phạt tù trong THAHS một số nước tiêu biểu trên thế giới. Khác với các công trình nghiên cứu trước đó, Luận án cần nêu rõ những chuẩn mực quốc tế nào liên quan đến việc bảo đảm quyền của NBKAPT trong pháp luật hình sự phù hợp với điều kiện Việt Nam, xác định đúng những giá trị có thể vận dụng khả thi ở Việt Nam.

+ Về mặt thực tiễn, Luận án cần tập trung làm rõ những nội dung sau:

* Phân tích tình hình NBKAPT ở Việt Nam, tình hình THAPT.

* Đánh giá khách quan thực trạng quyền của NBKAPT trong pháp luật hình sự ở Việt Nam. Khác với các công trình khoa học trước đó, Luận án cần đánh giá toàn diện thực trạng các quyền cụ thể của NBKAPT trong pháp luật hình sự ở Việt Nam, chẳng hạn như các quyền về dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa của NBKAPT. Luận án cũng cần nghiên cứu rút ra những nguyên nhân khách quan, chủ quan của những hạn chế về quyền của NBKAPT trong pháp luật hình sự ở Việt Nam. Điều này rất quan trọng, bởi vì đó là cơ sở để đề ra các giải pháp nâng cao hiệu quả việc tổ chức thực hiện bảo đảm quyền của NBKAPT trong pháp luật hình sự ở nước ta trong thời gian tới.

* Qua nghiên cứu các công trình khoa học, các công trình đó mới chỉ đưa ra một số giải pháp liên quan đến những khía cạnh cụ thể đối với vấn đề bảo đảm các quyền của người của NBKAPT trong pháp luật hình sự. Khác với các công trình đó, Luận án đưa ra một hệ thống các giải pháp có tính tổng thể về quyền và giới hạn quyền của NBKAPT nhằm nâng cao hiệu quả trong pháp luật hình sự về quyền của NBKAPT đang chấp hành án ở Việt Nam.

Như vậy, qua nghiên cứu những công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài luận án mà luận án có thể kế thừa hoặc tiếp tục nghiên cứu làm rõ, có thể nói rằng, chưa có một công trình khoa học nào tiếp cận một cách toàn diện, hệ thống, đồng bộ về vấn đề quyền của NBKAPT từ khi ban hành Luật THAHS cho đến nay, đặc biệt là trong điều kiện cải cách tư pháp và theo tinh thần của Hiến pháp năm 2013 về QCN. Nhiều vấn đề lý luận quan trọng như khái niệm quyền của NBKAPT trong pháp luật hình sự; Nội dung quyền của NBKAPT trong pháp luật hình sự; Khái niệm tổ chức thực hiện quyền của NBKAPT; Hệ thống các yếu tố bảo đảm quyền của NBKAPT... còn bị bỏ ngỏ hoặc đã được đề cập ở mức độ nhất định nhưng còn thiếu đồng bộ, thiếu thống nhất.

Nhận thấy đây là một vấn đề khó, hẹp nhưng rất quan trọng cả về lý luận và thực tiễn; hơn nữa vấn đề này lại chưa được nghiên cứu một cách toàn diện, hệ thống, đồng bộ; vì thế nên NCS đã quyết định chọn đề tài: *“Quyền của người bị kết án phạt tù ở Việt Nam”* cho Luận án tiến sĩ của mình.

1.3. Những vấn đề đặt ra cần nghiên cứu

Một là, tiến hành nghiên cứu sâu về lý luận về quyền và đảm bảo thực hiện quyền của NBKAPT; những nội dung cơ bản về quyền và tổ chức thực hiện bảo đảm quyền của NBKAPT, cơ chế bảo đảm quyền của NBKAPT.

Hai là, nghiên cứu sự điều chỉnh của pháp luật và thực trạng các quy định của pháp luật đối với vấn đề quyền của NBKAPT; thực trạng tổ chức thực hiện quyền của NBKAPT trong THAHS, từ đó tìm ra những hạn chế, bất cập và nguyên nhân của những hạn chế bất cập đó. Theo đó trong quá trình nghiên cứu tác giả cập nhật những quy định mới của Luật THAHS năm 2010, những điểm phù hợp, những điểm bất cập và thực tế áp dụng trong THAHS.

Ba là, từ nghiên cứu làm rõ về cơ sở lý luận, thực trạng các quy định của pháp luật về quyền và tổ chức thực hiện bảo đảm quyền của NBKAPT.

Bốn là, những nguyên nhân chủ quan và khách quan của những tồn tại, hạn chế nêu trên chưa được đề cập nghiên cứu và làm sáng tỏ.

Năm là, đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao chất lượng bảo đảm thực hiện quyền của NBKAPT ở Việt Nam mà hiện nay chưa đề cập đến.

Kết luận Chương 1

Tổng quan tình hình nghiên cứu cho thấy quyền của NBKAPT trong THAHS cho đến nay còn là một vấn đề mới và chưa được quan tâm nghiên cứu nhiều. Ở nước ngoài, các nghiên cứu về quyền của NBKAPT cũng chỉ mới được khởi xướng và phát triển mạnh vào những thập niên gần đây và nghiên cứu gắn liền với mô hình tổ tụng điển hình của một số quốc gia.

Ở Việt Nam, vị trí, vai trò của NBKAPT chưa được các nhà nghiên cứu khoa học quan tâm thỏa đáng, cũng mới chỉ dừng lại ở các bài báo, các công trình nghiên cứu thuộc dạng các đề tài cấp cơ sở, cấp bộ. Trong các nghiên cứu của mình, các tác giả đã đưa ra các khuyến cáo và các điều chỉ dẫn về công tác quản lý nhà tù và bảo vệ QCN. Những khuyến cáo được đưa ra là có cơ sở, nhưng để áp dụng trong điều kiện thực tiễn ở Việt Nam thì cần phải tiếp tục nghiên cứu làm rõ.

Đây cũng chính là những nội dung đang bị bỏ trống mà trong luận án của mình nghiên cứu sinh sẽ tập trung xem xét, luận giải và làm sáng tỏ cả về lý luận và thực tiễn như sau.

Một là, nghiên cứu sâu về lý luận quyền của NBKAPT, những nội dung cơ bản về quyền của NBKAPT; phương thức, cơ chế tổ chức thực hiện bảo đảm quyền của NBKAPT.

Hai là, nghiên cứu sự điều chỉnh của pháp luật và thực trạng các quy định của pháp luật đối với vấn đề quyền của NBKAPT; thực trạng tổ chức thực hiện quyền của NBKAPT trong THAHS, từ đó tìm ra những hạn chế, bất cập và nguyên nhân của những hạn chế bất cập đó, từ đó tìm ra những hạn chế bất cập và nguyên nhân những hạn chế bất cập đó.

Ba là, trên cơ sở lý luận, thực trạng các quy định của Luật THAHS về quyền của NBKAPT, đề xuất đưa ra các giải pháp góp phần hoàn thiện Pháp luật về THAPT liên quan đến PN.

Chương 2

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ QUYỀN CỦA NGƯỜI BỊ KẾT ÁN PHẠT TÙ

2.1. Khái niệm quyền của người bị kết án phạt tù

2.1.1. *Nhận thức về quyền con người và quyền của người bị kết án phạt tù*

Khái niệm quyền của NBKAPT là luận điểm quan trọng trong phần cơ sở lý luận. Nhận thức đầy đủ vấn đề này đòi hỏi phải dựa trên quan điểm của Đảng, Nhà nước Việt Nam về quyền của NBKAPT.

Khi bàn về khái niệm quyền của NBKAPT trước hết cần nhận thức về QCN nói chung. QCN là phạm trù có tính lịch sử, phát triển lâu đời, được nhiều ngành khoa học nghiên cứu trên các mặt đời sống xã hội của quốc gia và quốc tế. Cách hiểu về QCN cũng có sự khác nhau nhất định giữa tư tưởng và các học thuyết, trường phái nghiên cứu về QCN, giữa các quốc gia trong từng giai đoạn lịch sử cụ thể.

QCN luôn là mục tiêu và động lực của đời sống xã hội, xuất hiện từ trong các nền văn minh cổ đại. Mỗi hình thái kinh tế - xã hội ra đời đánh dấu thành quả to lớn về QCN. Ngày nay QCN đã trở thành một trong ba mục tiêu hoạt động của LHQ cùng với Hòa bình an ninh và phát triển. Từ nửa sau thế kỷ XX, với sự hình thành Hiến chương LHQ (1945) và Bộ luật nhân quyền quốc tế, QCN đã trở thành một khái niệm toàn cầu, có ảnh hưởng ngày càng sâu rộng đối với nhiều quốc gia và cộng đồng quốc tế. *“Không có cụm từ nào trong lịch sử gần đây của loài người lại có nhiều đặc quyền để chịu trách nhiệm và gánh vác định mệnh của con người như cụm từ quyền con người”*[143], ở Việt Nam, bảo đảm QCN là quan điểm nhất quán của Đảng, Nhà nước ta; khái niệm QCN đã được ghi nhận trong các bản Hiến pháp, điển hình như khoản 1, Điều 14 Hiến pháp năm 2013: *“Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, tất cả các quyền con người về chính trị, dân sự, kinh tế, xã hội và văn hóa được công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm”*.

QCN là một phạm trù chính trị - pháp lý và là một vấn đề nhạy cảm, phức tạp nên luôn có cách hiểu khác nhau, từ khái niệm, nội dung đến cách thức thực hiện QCN. Có thể khái quát một số định nghĩa sau đây về QCN:

Tuyên bố Viên và Chương trình hành động (1993) định nghĩa: “*Quyền con người và tự do cơ bản là quyền bẩm sinh của mọi người được hưởng; việc thúc đẩy và bảo vệ các quyền đó là trách nhiệm trước tiên của Chính phủ*”[121].

LHQ trong tài liệu *Hỏi đáp về quyền con người* (1994) đã quan niệm: “*Quyền con người là những gì bẩm sinh, vốn có của con người mà nếu không được bảo đảm thì chúng ta sẽ không thể sống như một con người*”[156].

Theo Văn phòng Cao ủy LHQ về QCN(OHCHR): “*Quyền con người là những bảo đảm pháp lý toàn cầu có tác dụng bảo vệ các cá nhân và các nhóm chống lại những hành động hoặc sự bỏ mặc mà làm tổn hại đến nhân phẩm, những sự được phép và tự do cơ bản của con người*”[156].

Quỹ phát triển phụ nữ LHQ(UNIFEM) trong tài liệu *CEDAW- Thiết lập lại quyền cho phụ nữ*, (2006) đã đưa ra định nghĩa: “*Quyền con người là sức mạnh ý chí để đảm bảo và bảo vệ chân giá trị con người bằng luật pháp chứ không hoàn toàn phụ thuộc vào ý thích, hoàn cảnh hay sự ưu đãi*”[142].

Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội trong *Giáo trình Lý luận và pháp luật về quyền con người* (2009) thì QCN là “*những nhu cầu, lợi ích tự nhiên, vốn có và khách quan của con người được ghi nhận và bảo vệ trong pháp luật quốc gia và các thỏa thuận pháp lý quốc tế*”[54].

Các định nghĩa nêu trên mặc dù còn có những điểm khác nhau về nội dung và phương pháp tiếp cận, song đã phản ánh một số yếu tố chung cho khái niệm QCN.

Một là, QCN là các quyền bẩm sinh thuộc sở hữu vốn có của mọi người, nó gắn liền với hành động công nhận, thừa nhận chứ không phải là ban phát, từ chối hay tước đoạt vô cớ.

Hai là, trung tâm của khái niệm QCN là khái niệm về phẩm giá vốn có của mọi thành viên trong gia đình nhân loại. “Tất cả mọi người sinh ra đều tự do và bình đẳng về phẩm giá và các quyền” (Điều 1, UDHR, 1948).

Ba là, QCN là các quyền được áp dụng bình đẳng cho tất cả mọi người mà không có sự phân biệt nào về chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, chính kiến, quan điểm, nguồn gốc dân tộc hoặc xã hội.

Bốn là, QCN là các quyền được bảo đảm minh bạch về pháp lý nhằm giúp cá nhân, các nhóm xã hội đạt được nhu cầu, lợi ích một cách độc lập trên các lĩnh vực.

Năm là, QCN xác lập nghĩa vụ tôn trọng, bảo đảm của Nhà nước và xã hội.

Từ sự phân tích trên có thể hiểu: *Quyền con người là các đặc quyền tự nhiên, bắt nguồn từ phẩm giá vốn có của tất cả mọi người, được ghi nhận, bảo đảm bằng pháp luật quốc gia và quốc tế.*

Nội hàm của QCN được xác định trên cơ sở nhân phẩm, bình đẳng, tự do, không phân biệt đối xử, nhân đạo, khoan dung, trách nhiệm giải trình... Đây cũng chính là những giá trị được kết tinh từ mọi nền văn hóa, tạo thành nền tảng và thúc đẩy sự phát triển các QCN.

Ở Việt Nam, đã có những định nghĩa về QCN do một số cơ quan nghiên cứu và chuyên gia nêu ra. Những định nghĩa này cũng không hoàn toàn giống nhau, quan niệm phổ biến hiện nay thừa nhận: *“QCN là những nhu cầu, lợi ích tự nhiên vốn có và khách quan của con người, được ghi nhận, bảo vệ trong pháp luật quốc gia và các thỏa thuận pháp lý quốc tế”*[54]. Các nhu cầu, lợi ích tự nhiên vốn có và khách quan đó chính là các quyền tự nhiên của con người. Con người khi sinh ra có quyền được hưởng các quyền tự nhiên để tồn tại và phát triển. Tuy nhiên, để các quyền tự nhiên đó trở thành QCN thì phải được Nhà nước ghi nhận và tạo cơ sở pháp lý để các quyền tự nhiên đó có thể thực thi trên thực tế. Đồng thời, Nhà nước có những quy định pháp luật để bảo vệ các QCN đó. *“QCN chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng”*[54]. Điều này thể hiện tính chất phức tạp của sự thống nhất lợi ích giữa cá nhân và cộng đồng xã hội.

Như vậy, từ những phân tích trên có thể nhận thức thống nhất về QCN. Để hiểu rõ hơn về nội hàm của QCN, chúng ta cần phân biệt QCN với quyền công dân. QCN và quyền công dân là hai phạm trù rất gần gũi nhưng không hoàn toàn đồng nhất. *“Quyền công dân chính là các QCN được các nhà nước thừa nhận và quy định cho công dân của mình”*[7]. Xem xét, đối chiếu với khái niệm QCN ở trên thì ở góc độ nội dung QCN có nội dung rộng hơn quyền công dân. Nội dung quyền công dân là những QCN được một nhà nước thừa nhận trong hệ thống pháp luật và áp dụng cho công dân của mình. Nội dung QCN bao gồm quyền công dân nêu trên và những quyền hiển nhiên con người phải có để sống như một con người. Trong

thực tiễn phát triển xã hội QCN gắn bó chặt chẽ với bảo đảm quyền công dân ở mỗi quốc gia. Bảo vệ, bảo đảm tốt các quyền công dân đã được hiến pháp, pháp luật quốc gia quy định cũng chính là bảo đảm tốt QCN. Do vậy, vi phạm hay tước bỏ quyền cơ bản của công dân sẽ làm giảm tư cách công dân và thực chất là giảm tư cách con người của họ trong xã hội. Việc bảo vệ, bảo đảm có hiệu quả QCN sẽ góp phần làm cho quyền công dân được thực hiện và QCN được thể hiện chủ yếu qua quyền công dân.

Về phân loại QCN, có ý nghĩa quan trọng, nhằm làm rõ đặc điểm, tính chất của từng loại quyền, trên cơ sở đó giúp định hình các phương thức bảo đảm phù hợp hiệu quả, hiện nay có nhiều cách phân loại khác nhau. Cách phân loại phổ biến nhất là phân loại theo các lĩnh vực của đời sống nhân loại, QCN được phân thành hai nhóm chính: các quyền dân sự, chính trị và các quyền kinh tế, xã hội, văn hóa. Đây cũng là cách phân chia được sử dụng khi soạn thảo hai công ước quốc tế cơ bản về QCN của LHQ năm 1966 (Công ước về các quyền chính trị, dân sự và Công ước về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa. Tùy theo nhu cầu nghiên cứu, cũng có thể chia ra thành năm nhóm nhỏ hơn gồm: các quyền dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa. Trong đó các quyền dân sự thông thường bao gồm quyền sống; quyền bất khả xâm phạm về thân thể, danh dự, nhân phẩm; quyền tự do đi lại; các quyền về tài sản... Các quyền chính trị bao gồm quyền bầu cử, quyền ứng cử, quyền tham gia quản lý xã hội... Các quyền kinh tế bao gồm quyền được hưởng mức sống thích đáng; quyền tự do kinh doanh; quyền lao động... Các quyền xã hội bao gồm quyền được hưởng an sinh xã hội... Và các quyền văn hóa bao gồm quyền được giáo dục, quyền được tham gia và hưởng thụ đời sống văn hóa...). Tuy nhiên, cần lưu ý là sự phân chia các QCN thành các nhóm chỉ mang tính chất tương đối, bởi lẽ một số quyền có thể được xếp vào nhiều hơn một nhóm.

Những nhận thức trên là cơ sở quan trọng để xây dựng khái niệm quyền của NBKAPT. Ngoài ra, để xây dựng được khái niệm quyền của NBKAPT, đòi hỏi chúng ta có nhận thức đúng đắn về đối tượng NBKAPT. NBKAPT là người có tội, bị TA kết án phạt tù và bản án đã có hiệu lực pháp luật, khi đó những quyền của con người và quyền công dân của họ sẽ bị tước bỏ hoặc hạn chế hơn một số quyền

được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật khác nhau của nhà nước so với những công dân bình thường khác và phải chịu áp dụng biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc của Nhà nước, đó là hình phạt. Xuất phát từ những nhận thức trên, khái niệm quyền của NBKAPT có thể có một số đặc điểm sau:

Quyền của NBKAPT được hiểu là tổng thể các quyền của con người nhưng họ bị hạn chế hoặc tước bỏ một số quyền do luật định là cần thiết và quyền này được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật khác nhau của Nhà nước ta trên cơ sở phù hợp với luật pháp quốc tế hoặc các điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết với các quốc gia nước ngoài và nguyên tắc chung đã nêu trong Hiến pháp.

- Quyền của NBKAPT là những nhu cầu, đòi hỏi vốn có và khách quan của NBKAPT, là một lĩnh vực cụ thể của QCN nói chung.

Những nhu cầu, đòi hỏi của NBKAPT là những quyền họ đương nhiên có với tư cách là một thực thể tự nhiên - xã hội, bởi vì họ là con người nên họ được hưởng các quyền đó. Vì vậy, quyền của NBKAPT có tính chất tự nhiên, khách quan. Biểu hiện của các nhu cầu, lợi ích đó là các quyền của con người như quyền sống, quyền tự do cá nhân, quyền được giáo dục, chăm sóc y tế... Các quyền đó có thể được thực hiện ngay hoặc thực hiện dần dần từng bước, có tính chủ động hoặc thụ động, gồm các quyền có thể bị hạn chế hoặc không thể bị hạn chế.

Đây là một lĩnh vực cụ thể của QCN nói chung, xuất phát từ quan niệm thực tế rằng NBKAPT cũng là con người. Trong khi đó, QCN là của con người và cho tất cả mọi người. Chính vì thế, quyền của NBKAPT mang những đặc điểm của QCN nói chung, đó là những nhu cầu, lợi ích tự nhiên vốn có khách quan của con người, được bảo đảm bằng pháp luật và nhà nước là chủ thể có trách nhiệm chính trong bảo đảm QCN.

Nói cách khác, những nhu cầu, lợi ích tự nhiên vốn có và khách quan của NBKAPT với tư cách là một con người chính là cơ sở để khẳng định quyền của NBKAPT chính là một lĩnh vực cụ thể của QCN nói chung. Những khác biệt liên quan tới quyền của NBKAPT chủ yếu thể hiện ở nội dung cụ thể của pháp luật về quyền của NBKAPT và các biện pháp bảo đảm QCN của NBKAPT.

- Quyền của NBKAPT được ghi nhận, bảo vệ trong pháp luật quốc gia và các thỏa thuận pháp lý quốc tế.

Trong hoạt động của mình, nhà nước có trách nhiệm ghi nhận và bảo vệ quyền của NBKAPT. Hiến pháp, pháp luật hình sự, tố tụng hình sự và THAHS là công cụ hữu hiệu nhất được nhà nước sử dụng để thực hiện điều này, bởi nó không chỉ là phương tiện chính thức hóa, pháp lý hóa giá trị xã hội của quyền tự nhiên mà còn bảo đảm giá trị thực tế quyền của NBKAPT. Chỉ khi được ghi nhận trong Hiến pháp các QCN, việc bảo đảm nó mới mang tính cưỡng chế, bắt buộc với mọi chủ thể trong xã hội. Ở phương diện này, hệ thống pháp luật không chỉ là công cụ để nhà nước bảo đảm quyền của NBKAPT mà còn là phương tiện để NBKAPT bảo vệ quyền của mình thông qua việc vận dụng các quy phạm pháp luật. Khi đề cập đến vấn đề này, khoản 1, Điều 14 Hiến pháp năm 2013 khẳng định: *“Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật”*[7]. Theo tinh thần của Hiến pháp, các quyền của NBKAPT cũng là QCN nên họ cũng có các quyền đó. Do vậy, quyền của người bị kết án phải được thể hiện rõ ràng, ghi nhận chủ yếu trong Hiến pháp. Luật Hình sự, luật Tố tụng hình sự, luật THAHS quy định cụ thể các quyền mà NBKAPT bị tước, bị hạn chế hoặc hạn chế thực hiện quyền như một hậu quả pháp lý mà họ phải gánh chịu kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi chấp hành xong bản án. Ngoài ra, pháp luật THAHS phải quy định cụ thể về trình tự, thủ tục thực hiện các quyền của NBKAPT không bị tước hoặc hạn chế trong môi trường đặc biệt đó chính là các cơ sở giam giữ. Đây chính là cơ sở quan trọng để quyền của NBKAPT được thực hiện trên thực tế.

Ngoài ra, trên bình diện quốc tế vấn đề quyền của NBKAPT luôn được các quốc gia và các tổ chức quốc tế quan tâm. Cụ thể LHQ đã ban hành Các quy tắc về tiêu chuẩn tối thiểu về đối xử với tù nhân năm 1955, Công ước chống tra tấn và các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người năm 1984 (gọi tắt là Công ước chống tra tấn CAT), Tập hợp các nguyên tắc về bảo vệ tất cả những người bị giam hay bị cầm tù dưới bất kỳ hình thức nào năm 1988 và

những nguyên tắc cơ bản trong việc đối xử với tù nhân năm 1990. Điều đó đã thể hiện sự quan tâm và nỗ lực của cộng đồng quốc tế trong việc bảo vệ QCN của NBKAPT.

Ở nước ta cũng như một số nước trên thế giới, không có văn bản pháp luật nào quy định đầy đủ hết quyền của NBKAPT hiện đang chấp hành hình phạt tù mà quyền của họ được quy định ở nhiều văn bản pháp luật khác nhau, trong các ngành luật khác nhau trong hệ thống pháp luật Việt Nam như Luật Hình sự, Luật Tổ tụng hình sự, Luật hôn nhân và gia đình, Luật dân sự, Luật THAHS, Quy chế trại giam... Tuy nhiên, qua nghiên cứu hệ thống pháp luật Việt Nam cho thấy, ngoài các quy định trong pháp luật THAHS, còn có các căn cứ khác xác định quyền của NBKAPT hiện đang chấp hành hình phạt tù, đó là:

Điểm e, khoản 1, Điều 3, BLHS năm 2015 quy định: *“Đối với người bị phạt tù thì buộc họ phải chấp hành hình phạt tại các cơ sở giam giữ, phải lao động, học tập để trở thành người có ích cho xã hội; nếu họ có đủ điều kiện do Bộ luật này quy định, thì có thể được xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt, tha tù trước thời hạn có điều kiện”*[11];

Điều 44. *“Tước một số quyền công dân”*[11] BLHS năm 2015 quy định: Công dân Việt Nam bị kết án phạt tù về tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc tội phạm khác trong những trường hợp do Bộ luật này quy định, thì bị tước một hoặc một số quyền công dân sau đây:

- *Quyền ứng cử đại biểu cơ quan quyền lực Nhà nước;*
- *Quyền làm việc trong các cơ quan nhà nước và quyền phục vụ trong lực lượng vũ trang nhân dân.*

Thời hạn tước một số quyền công dân là từ 01 năm đến 05 năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù hoặc kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật trong trường hợp người bị kết án được hưởng án treo.

Quyền ứng cử đại biểu cơ quan quyền lực Nhà nước, quyền làm việc trong cơ quan nhà nước và quyền phục vụ trong lực lượng vũ trang là những quyền rất quan trọng của công dân mà NBKAPT bị tước. Bởi theo quy định của Hiến pháp năm 2013 thì công dân có quyền tham gia quản lý xã hội một cách trực tiếp hoặc gián

tiếp thông qua người đại diện do họ lựa chọn. Thông qua bầu cử, người dân lựa chọn ra những người đại diện cho ý chí, nguyện vọng của mình. Thực tế suốt chiều dài lịch sử của đất nước, Nhà nước Việt Nam luôn luôn phấn đấu để đảm bảo, tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho mọi công dân thực hiện quyền quản lý Nhà nước và xã hội.

Khái quát lại, chúng ta có thể nêu ra các quyền cơ bản của NBKAPT sau đây:

Quyền được bảo vệ chống lại sự xúc phạm nhân phẩm hoặc đe dọa đến sự an toàn của cá nhân; Quyền sở hữu, quyền thừa kế và các quyền khác đối với những tài sản hợp pháp; Quyền khiếu nại và tố cáo; Quyền được mang theo vật phẩm thiết yếu thường nhật vào trại giam; Quyền được yêu cầu trại giam thông báo cho các thành viên gia đình về tình hình chấp hành hình phạt tù của họ; Quyền nhận được sự hỗ trợ từ chính quyền địa phương để tái hoà nhập cuộc sống sau khi mãn hạn tù; Quyền được liên lạc bằng thư tín, điện thoại và được gặp người thân; Quyền được nhận tiền và những vật phẩm khác theo quy định của pháp luật; Quyền có sự đảm bảo cần thiết về những nhu cầu vật chất như quần áo thực phẩm, nơi ở và chăm sóc y tế; Quyền được giảm thời hạn, được miễn, hoãn, tha tù trước thời hạn có điều kiện, tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù, đặc xá và trả tự do theo những điều kiện qui định trong pháp luật; Quyền được học tập, giáo dục, được tham gia các hoạt động thể dục, thể thao, sinh hoạt văn hoá, văn nghệ; Quyền được lao động, hưởng thành quả lao động của mình và quyền nghỉ ngơi; Quyền được bảo hộ lao động, được hưởng bảo hiểm.

Ngoài ra pháp luật cũng qui định một số quyền khác dành cho người bị kết án hiện đang chấp hành án phạt tù lần nữa, người chưa thành niên và là người nước ngoài, đó là quyền được giam ở khu vực riêng và bố trí lao động phù hợp. Một số quyền của người bị kết án hiện đang chấp hành án phạt tù thực tế hiện nay chưa bị hạn chế hoặc tước bỏ bởi qui định pháp luật nào, như quyền kết hôn (Luật hôn nhân và gia đình, pháp luật liên quan đến THAHS hiện hành không hạn chế), nhưng khả năng thực hiện trong thực tiễn là khó, không muốn nói là không thể thực hiện được do họ bị cách ly khỏi xã hội, bị hạn chế quyền tự do đi lại nên có một số quyền công dân khác sẽ khó bảo đảm thực hiện được đầy đủ như đối với công dân bình thường khác đang ở ngoài xã hội. Những quyền này được bảo vệ trong suốt thời gian chấp

hành hình phạt tù. Do vậy, có thể khẳng định rằng, pháp luật Việt Nam qui định và bảo vệ quyền của NBKAPT trên tất cả các phương diện, với nhiều cấp độ và trên nhiều khía cạnh.

Từ những phân tích nêu trên, có thể đưa ra kết luận như sau:

Quyền của NBKAPT là những nhu cầu, đòi hỏi vốn có và khách quan của người bị kết án phạt tù được ghi nhận, bảo vệ trong pháp luật quốc gia và các thỏa thuận pháp lý quốc tế. Quyền của NBKAPT chính là các QCN được ghi nhận trong Hiến pháp, trừ các quyền mà NBKAPT bị luật tước bỏ hay hạn chế. Pháp luật THAHS quy định cụ thể về trình tự, thủ tục tổ chức thực hiện các quyền đó trong các cơ sở giam giữ.

2.1.2. Một số nguyên tắc cơ bản tôn trọng và bảo đảm các quyền không bị tước bỏ hoặc bị hạn chế của người bị kết án phạt tù

2.1.2.1. Nguyên tắc Đảng lãnh đạo

Nguyên tắc Đảng lãnh đạo là nguyên tắc chủ đạo, cơ bản và chi phối mọi hoạt động trong công tác tổ chức THAPT ở trại giam. Theo Điều 4, Chương I, Hiến pháp nước năm 2013: “*Đảng cộng sản Việt Nam-Đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, lấy chủ nghĩa Mác-Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội...*”

Nguyên tắc Đảng lãnh đạo được thể hiện ở quan điểm, chính sách hình sự của Đảng về chủ trương, phương hướng, nhiệm vụ của công tác THAPT ở nước ta, chính sách nhân đạo của Đảng, Nhà nước đối với người phạm tội. Trên cơ sở đó các cơ quan chức năng của Nhà nước, tổ chức xã hội triển khai thực hiện. Nguyên tắc Đảng lãnh đạo thể hiện rất rõ trong báo cáo chính trị giữa nhiệm kỳ của Ban chấp hành Trung ương Khoá VII: “*Thực hiện nghiêm chỉnh các hình phạt do luật định đối với kẻ phạm tội, đồng thời tích cực giáo dục, kết hợp với dạy nghề và tổ chức lao động, sản xuất, cải thiện các điều kiện giam giữ, cảm hoá phạm nhân, tạo điều kiện đưa họ trở lại làm ăn lương thiện. Ngăn chặn và nghiêm trị các hành vi ngược đãi, ức hiếp người bị giam*”.

Tại Công văn số 1032 ngày 24/11/1994 của Thường trực Bộ Chính trị - Ban Bí thư nêu rõ: Cần quán triệt quan điểm mục đích giam giữ là biến người xấu thành người tốt. Trong trại giam cần tổ chức dạy nghề, dạy văn hoá để PN lao động, học tập cải tạo thành người tốt, cải thiện trại giam, trại tạm giam để thể hiện bản chất của chế độ, Nhà nước ta, ngày 02/6/2005 Bộ Chính trị có Nghị quyết số 49-NQ/TU, trong đó cũng nhấn mạnh: *“Hoàn thiện chính sách, pháp luật hình sự và dân sự phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; hoàn thiện các thủ tục tố tụng tư pháp, bảo đảm tính đồng bộ, dân chủ, công khai, minh bạch, tôn trọng và bảo vệ quyền con người”*[36].

Tại văn kiện Đại hội XII của Đảng cũng xác định Thực hiện QCN, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân theo tinh thần hiến pháp năm 2013; gắn quyền với trách nhiệm, nghĩa vụ, đề cao đạo đức xã hội. *“Tiếp tục thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở; hoàn thiện hệ thống pháp luật, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân”*[47].

Như vậy, tại Đại hội lần thứ XII, Đảng coi thể chế dân chủ, đảm bảo thực hiện quyền công dân, QCN, xây dựng Nhà nước pháp quyền là một trong những biện pháp chiến lược quan trọng tạo động lực mới cho công cuộc đổi mới, phát triển bền vững đất nước. Ở đây, những quyền cơ bản của con người, của công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa xã hội được xác nhận, tôn trọng, bảo vệ. Ý thức về quyền và nghĩa vụ của công dân được nâng lên, thể hiện thông qua năng lực tham gia có trách nhiệm, hiệu quả vào nhiều hoạt động trên các lĩnh vực của đời sống xã hội. Đồng thời, quan tâm đến sự phát triển toàn diện của con người, bảo đảm lợi ích hợp pháp, chính đáng của con người, tôn trọng và thực hiện các điều ước quốc tế về QCN mà nước ta đã ký kết được thực hiện có hiệu quả.

Đối với công tác THAPT và việc tổ chức thực hiện quyền của NBKAPT ở các trại giam, tổ chức cơ sở Đảng là hạt nhân chính trị, lãnh đạo toàn diện và tổ chức thực hiện có hiệu quả các mặt công tác trong lĩnh vực THAPT bao gồm lãnh đạo công tác tư tưởng; lãnh đạo thực hiện công tác tổ chức và cán bộ; lãnh đạo các đoàn thể và xây dựng tổ chức Đảng trong sạch vững mạnh; lãnh đạo tổ chức thực

hiện chủ trương nhiệm vụ, mục tiêu công tác quản lý và giáo dục, đồng thời phải tôn trọng, bảo đảm thực thi đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của NBKAPT theo đúng chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các quy định của cấp trên đối với công tác THAPT.

Toàn bộ hệ thống những quan điểm, chính sách của Đảng là định hướng là cơ sở pháp lý quan trọng trong công tác tổ chức THAPT nhằm bảo đảm tốt công tác giam giữ, quản lý và thực hiện quyền của NBKAPT. Ngoài ra nó cũng thể hiện chính sách nhân đạo trong chính sách hình sự của Đảng, Nhà nước ta đối với NBKAPT.

2.1.2.2. Nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa

Nguyên tắc pháp chế XHCN là nguyên tắc phổ biến trong các lĩnh vực áp dụng pháp luật. Nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa trong THAPT nói chung và trong việc bảo đảm quyền và nghĩa vụ của NBKAPT nói riêng, đòi hỏi các qui phạm pháp luật điều chỉnh THAPT phải đầy đủ, thống nhất và tính khả thi cao. Hệ thống pháp luật này phải thể chế hoá chính sách của Đảng và Nhà nước ta trong công tác quản lý, giáo dục người đang chấp hành bản án phạt tù, quy định rõ quyền và nghĩa vụ của họ, trong đó chú ý là những quyền mà họ bị tước hoặc bị hạn chế. Việc quy định cụ thể như vậy sẽ tạo một hành lang pháp lý đầy đủ cho các cơ quan thi hành án thực thi nhiệm vụ. Mặt khác, hệ thống pháp luật đó phải tạo một cơ chế bảo vệ quyền và nghĩa vụ hợp pháp của người bị kết án. Nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa trong công tác THAPT được thể hiện cụ thể như sau:

Nghiêm cấm mọi hình thức nhục hình, xúc phạm danh dự nhân phẩm của NBKAPT. Họ được đối xử trên cơ sở tôn trọng quyền được pháp luật bảo hộ trừ những quyền bị pháp luật tước bỏ hoặc hạn chế.

Mỗi cán bộ thi hành án phải nắm chắc pháp luật THAPT, những chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước liên quan đến quyền của NBKAPT, đến các hoạt động của cơ quan tư pháp để từ đó tổ chức thực hiện công tác quản lý, giáo dục người bị kết án hiện đang chấp hành bản án theo đúng qui định.

Mọi vi phạm pháp luật trong quá trình THAPT phải được phát hiện kịp thời, nhanh chóng và được xử lý nghiêm minh bất kể người vi phạm đó là ai.

2.1.2.3. Nguyên tắc nhân đạo xã hội chủ nghĩa

Trước khi phân tích nguyên tắc nhân đạo XHCN chúng ta phải khẳng định rằng, việc THAPT theo đúng quy định của pháp luật đối với NBKAPT là nhằm bảo đảm QCN của toàn thể cộng đồng và cũng chính là tôn trọng pháp luật, bảo vệ công lý. Thi hành hình phạt không chỉ nhằm mục đích trừng phạt người có tội mà mục đích chính là giáo dục, cải tạo NBKAPT trở thành người có ích cho xã hội. Trong công tác tổ chức THAPT, nguyên tắc nhân đạo XHCN là một trong các nguyên tắc cơ bản của pháp luật xã hội chủ nghĩa. Thể hiện tính nhân đạo trong chính sách hình sự của Đảng, Nhà nước ta và được thể hiện cụ thể như sau:

- Mọi chế độ giam giữ, giáo dục đối với người bị kết án hiện đang thi hành phạt tù phải tạo ra môi trường cần thiết phù hợp với đặc điểm giáo dục cải tạo người bị kết án hiện đang thi hành phạt tù nhằm biến họ “đầu vào là tội phạm đầu ra là người công dân có ích cho xã hội”.

- Trong trường hợp có căn cứ của pháp luật thì người bị kết án hiện đang thi hành phạt tù được giảm, tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù, được xét tha tù có điều kiện và được xét đề nghị đặc xá.

- Người bị kết án hiện đang thi hành phạt tù được phân loại và được quản lý theo loại. Đối với người bị kết án hiện đang thi hành phạt tù là người chưa thành niên được quản lý, giam giữ giáo dục phù hợp với lứa tuổi và giới tính.

- Mỗi cán bộ làm công tác THAPT phải nhận thức sâu sắc vấn đề, người bị kết án hiện đang thi hành phạt tù không phải là người vứt bỏ, phế thải mà họ vẫn là con người với đầy đủ nghĩa của nó, họ vẫn tồn tại với tư cách là một thành viên của xã hội, với những ràng buộc, những mối quan hệ đa phương, họ chỉ bị pháp luật hoặc TA tước bỏ hoặc hạn chế một số quyền công dân. Trên cơ sở đó có thái độ nhân đạo đối với NBKAPT, phải thể hiện sự tôn trọng cá nhân, nhân phẩm và danh dự của họ. Mọi quyền lợi hợp pháp của NBKAPT như phòng chữa bệnh, ăn, ở, nhận thư quà, được khen thưởng, thăm gặp thân nhân ... phải được tôn trọng và đảm bảo thực hiện. Trong thời gian chấp hành hình phạt tù nếu NBKAPT có đủ điều

kiện, tiêu chuẩn phải được xét đề nghị giảm, tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù, tha tù có điều kiện, đặc xá theo đúng quy định của pháp luật. Những hành vi xâm hại đến quyền của NBKAPT phải được phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm minh.

Nguyên tắc nhân đạo trong việc đảm bảo quyền và lợi ích hợp của PN không chỉ được qui định trong pháp luật THAPT ở Việt Nam mà còn được qui định trong các văn bản quốc tế. Tại Điều 10 Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị được Đại hội đồng LHQ thông qua ngày 16 tháng 12 năm 1966 và Việt Nam phê chuẩn, gia nhập ngày 24 tháng 9 năm 1982 ghi rõ: “Những người bị tước tự do phải được đối xử nhân đạo và phẩm chất vốn có của con người phải được tôn trọng... Chế độ trại giam thi hành án phải nhằm mục đích chính yếu trong việc đối xử với tù nhân là cải tạo đưa họ trở lại xã hội”.

2.1.2.4. Nguyên tắc quản lý nghiêm khắc kết hợp với phân hoá triệt để

Theo quy định tại điểm e, khoản 1, Điều 3 BLHS năm 2015: “*Đối với người bị phạt tù thì buộc họ phải chấp hành hình phạt tại các cơ sở giam giữ, phải lao động, học tập để trở thành người có ích cho xã hội; nếu họ có đủ điều kiện do Bộ luật này quy định, thì có thể được xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt, tha tù trước thời hạn có điều kiện*”[11]. Như vậy, theo quy định của pháp luật thì việc quản lý nghiêm khắc NBKAPT, tổ chức thi hành nghiêm hình phạt tù đối với NBKAPT chính là đảm bảo QCN của toàn thể xã hội và đây cũng chính là tôn trọng pháp luật và bảo vệ công lý. Nhưng phải khẳng định rằng quản lý nghiêm khắc NBKAPT để tổ chức thi hành nghiêm bản án không phải chỉ nhằm mục đích trừng trị mà mục đích chính là giáo dục, cải tạo người phạm tội trở thành những công dân tuân thủ pháp luật. Do vậy, chúng ta phải có trách nhiệm đảm bảo những quyền hợp pháp của người bị kết án trong suốt quá trình chấp hành hình phạt tù của họ.

Tuy nhiên, do phần NBKAPT trước khi bị bắt thi hành bản án có lối sống buông thả, tùy tiện, không chịu tuân thủ pháp luật cũng như tôn trọng phong tục, tập quán, chuẩn mực đạo đức, sẵn sàng trốn không thi hành bản án nếu có điều kiện. Vì vậy, để tổ chức thực hiện nghiêm bản án, đạt được mục đích của hình phạt, một yêu cầu bắt buộc không thể thiếu được là phải phân hoá triệt để tội phạm và quản lý nghiêm không để họ có điều kiện trốn không thi hành bản án, bắt buộc họ phải tuân

thủ các quy định của pháp luật và LuậtTHAHS và hỗ trợ tư pháp; đấu tranh không khoan nhượng; xử lý nghiêm khắc mọi sai phạm của những người sai phạm. Sự phân loại triệt để NBKAPT và quản lý nghiêm khắc họ sẽ tước bỏ mọi điều kiện chống đối, làm cho người bị kết án xây dựng thói quen tuân thủ pháp luật, ý thức chấp hành LuậtTHAHS và hỗ trợ tư pháp. Tuy nhiên nếu chúng ta chỉ đơn thuần phân loại tội phạm triệt để, quản lý nghiêm khắc sẽ dễ dẫn đến tình trạng căng thẳng, lo lắng, bức xúc, từ đó dễ nảy sinh những ý nghĩ và hành động tiêu cực. Do vậy cùng với các hoạt động trên chúng ta phải quan tâm và đảm bảo các quyền lợi hợp pháp của người bị kết án được pháp luật quy định.

2.1.2.5. Nguyên tắc xã hội hoá công tác tổ chức thi hành hình phạt tù

Thi hành hình phạt tù là loại hoạt động tư pháp đặc biệt, quan trọng của Nhà nước và là toàn bộ hoạt động quản lý, giam giữ, giáo dục NBKAPT tại trại giam, được điều chỉnh chặt chẽ của pháp luật.

Thi hành hình phạt tù liên quan đến QCN, quyền và nghĩa vụ hợp pháp của công dân và là lĩnh vực rất nhạy cảm về chính trị rất dễ bị thế lực thù địch bên ngoài lợi dụng. Để đảm bảo quyền của NBKAPT trong thời gian chấp hành hình phạt tù, chúng ta không chỉ cố gắng bằng sự nỗ lực của cơ quan quản lý và tổ chức THAPT mà đòi hỏi phải có sự phối hợp chặt chẽ với các ban ngành, tổ chức-xã hội mà đặc biệt là cơ quan TA, cơ quan duy nhất có thẩm quyền quyết định thay đổi nội dung trong bản án như tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù, giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù ... và VKS nhân dân.

Khoản 1, Điều 4 BLHS năm 2015, quy định: “*Các cơ quan Công an, Kiểm sát, TA, Tư pháp, Thanh tra và các cơ quan hữu quan khác có trách nhiệm thi hành đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của mình, đồng thời hướng dẫn, giúp đỡ các cơ quan khác của Nhà nước, tổ chức, công dân đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm, giám sát và giáo dục người phạm tội tại cộng đồng*”[11].

Với chức năng, nhiệm vụ của mình, VKS nhân dân đã kiểm sát việc tuân theo pháp luật nhằm bảo đảm việc quản lý, giáo dục và thực hiện chính sách đối với người chấp hành hình phạt tù theo đúng quy định của pháp luật; tính mạng, tài sản, danh dự nhân phẩm và các quyền khác của họ không bị pháp luật tước bỏ được tôn

trọng. Chính nhờ có hoạt động của VKS mà nhiều sơ hở, thiếu sót, sai phạm trong quản lý, giáo dục người bị kết án hiện đang thi hành phạt tù đã được phát hiện và khắc phục kịp thời, góp phần khích lệ tinh thần, nâng cao trách nhiệm cho cán bộ chiến sỹ trong hoạt động tổ chức thi hành hình phạt tù. Cùng với TA nhân dân, VKS nhân dân, các cơ quan Nhà nước. Các tổ chức xã hội và công dân, đặc biệt là thân nhân PN góp phần quan trọng vào việc động viên, khuyến khích người bị kết án hiện đang thi hành phạt tù nghiêm chỉnh chấp hành hình phạt tù. Sự quan tâm của cơ quan Nhà nước, tổ chức và xã hội và thân nhân người bị kết án hiện đang thi hành phạt tù có tác động rất lớn đến họ trong thời gian họ chấp hành hình phạt tù. Ngoài ra các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội và công dân còn có vai trò to lớn trong việc phát hiện những tồn tại, thiếu sót, sai phạm trong quá trình tổ chức THAPT để ngày một nâng cao hiệu quả công tác này.

2.1.3. Nội dung các quyền và vấn đề nội luật hóa pháp luật quốc tế quy định về các quyền của người bị kết án phạt tù

Bảo đảm quyền của NBKAPT đòi hỏi phải tìm hiểu đầy đủ, cụ thể nội dung các quyền nhưng bị hạn chế thực hiện quyền của NBKAPT và làm rõ những cách thức làm cho các quyền đó đi vào cuộc sống.

Tuyên ngôn toàn thế giới về nhân quyền của LHQ năm 1948; Công ước về các quyền dân sự và chính trị của LHQ năm 1966; Công ước về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa của LHQ năm 1966 đã quy định đầy đủ về các QCN. Trên cơ sở đó, các QCN có thể chia thành hai nhóm chính, đó là nhóm các quyền dân sự, chính trị và nhóm các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa.

Ở Việt Nam QCN và quyền công dân được quy định ở Chương II Hiến pháp năm 2013. Trong đó quy định các quyền như quyền sống, quyền được bảo vệ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, quyền tự do tư tưởng, tín ngưỡng và tôn giáo, quyền khiếu nại, tố cáo, quyền học tập, lao động, quyền được bảo vệ sức khỏe...

Xuất phát từ địa vị pháp lý của NBKAPT, triển khai quy định của Hiến pháp, nhiều văn bản pháp luật hình sự, tố tụng hình sự, THAHS Việt Nam đã trực tiếp hoặc gián tiếp đề cập tới các quyền của NBKAPT. Văn bản nổi bật quy định vấn đề này là Luật THAHS năm 2010 tại Chương 3, từ Điều 21 tới Điều 49. Những nội

dung QCN nêu trên của NBKAPT cũng phù hợp với các quy tắc tiêu chuẩn tối thiểu về đối xử với tù nhân của LHQ năm 1955, Công ước CAT của LHQ năm 1984, Tập hợp các nguyên tắc về bảo vệ tất cả những người bị giam hay bị cầm tù dưới bất kỳ hình thức nào của LHQ năm 1988 và Những nguyên tắc cơ bản trong việc đối xử với tù nhân của LHQ năm 1990.

Như vậy, dựa trên cơ sở quy định của pháp luật Việt Nam, pháp luật quốc tế về quyền của NBKAPT cũng như thực trạng bảo đảm các quyền này trong THAHS, có thể nêu ra nội dung các quyền của NBKAPT như sau:

2.1.3.1. Nhóm các quyền về dân sự, chính trị của người bị kết án phạt tù

Trong nhóm các quyền về dân sự và chính trị của NBKAPT ở Việt Nam bao gồm những quyền sau:

- Quyền sống của NBKAPT.

Quyền sống của con người được quy định tại Điều 3 UDHR như sau: “*Mọi người đều có quyền sống...*”[29] và Điều 6 ICCPR năm 1966: “*Mọi người đều có quyền có hữu là được sống. Quyền này phải được pháp luật bảo vệ. Không ai có thể bị tước mạng sống một cách tùy tiện*”[25]. Theo Điều 6 ICCPR, các quốc gia thành viên có nghĩa vụ thực hiện những biện pháp thích hợp để bảo vệ mọi người khỏi nguy cơ bị tước đoạt tính mạng một cách tùy tiện bởi mọi chủ thể. Theo ủy ban giám sát thực hiện ICCPR (ủy ban nhân quyền - Human Rights Committee), yêu cầu này còn đòi hỏi “*việc bảo đảm quyền sống không chỉ được hiểu theo nghĩa hẹp là bảo đảm sự toàn vẹn về tính mạng mà còn bao hàm việc bảo đảm sự tồn tại của con người*”[53].

Hiến pháp quy định mọi người đều có quyền sống. Tính mạng con người được pháp luật bảo hộ. Không ai bị tước đoạt tính mạng trái luật.

Quyền sống là quyền trước tiên và quan trọng của con người. Mọi hành vi xâm phạm quyền sống của con người bị coi là phạm tội và bị nghiêm trị theo quy định của pháp luật. Nhà nước Việt Nam đặc biệt ưu tiên và có những nỗ lực cao nhất nhằm bảo đảm quyền sống cho mọi người kể cả những người phạm tội, NBKAPT đang chấp hành hình phạt tại trại giam. Đối với NBKAPT, họ phải chấp hành bản án phạt tù ở các cơ sở giam giữ, họ bị tước và bị hạn chế một số quyền

con người nhưng họ được đảm bảo quyền sống. Đây được coi là *“quyền quan trọng nhất của con người mà trong bất cứ hoàn cảnh nào, kể cả trong tình trạng khẩn cấp của quốc gia, cũng không thể bị vi phạm...”* [53]

Đối với khía cạnh thứ hai của quyền sống là các yếu tố bảo đảm sự tồn tại của con người. Đối với NBKAPT, trong thời gian chấp hành án ở các cơ sở giam giữ, họ được hưởng chế độ ăn, mặc, ở theo quy định của Nhà nước đủ đáp ứng nhu cầu tối thiểu của con người, về chế độ ăn, mặc, ở của PN được quy định từ Điều 9 đến Điều 20 các quy tắc tiêu chuẩn tối thiểu về đối xử với tù nhân của LHQ năm 1955[23]. Cụ thể, trong thời gian chấp hành án phạt tù PN được bảo đảm chỗ ở thoáng mát, đủ ánh sáng, điều kiện vệ sinh sạch sẽ. Về chế độ mặc, PN được cấp phát quần áo, chăn màn phù hợp với điều kiện khí hậu và đủ để giữ sức khỏe, về chế độ ăn, PN được cung cấp thức ăn đủ dinh dưỡng để đảm bảo sức khỏe và thể lực, được cung cấp nước uống đầy đủ và hợp vệ sinh.

- *Quyền bất khả xâm phạm về thân thể, danh dự, nhân phẩm của NBKAPT.*

Điều 1 của UDHR tuyên bố: *“Tất cả mọi người sinh ra đều được tự do và bình đẳng về nhân phẩm và quyền. Mọi con người đều được tạo hóa ban cho lý trí và lương tâm và cần phải đối xử với nhau trong tình bằng hữu”*[29]; Điều 3 của UDHR năm 1948 khẳng định: *“Mọi người đều có quyền sống, quyền tự do và an toàn cá nhân”*[29]; tiếp theo đó, Điều 5 của UDHR khẳng định *“Không ai bị tra tấn hay bị đối xử, xử phạt một cách tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ thấp nhân phẩm”*[29]. Tinh thần này tiếp tục được khẳng định tại các Điều 7 và 17 của ICCPR[25], theo đó, không ai bị xâm phạm bất hợp pháp đến danh dự và uy tín, mọi người đều có quyền được pháp luật bảo vệ chống lại những xâm phạm. Bên cạnh các quy định trên, vấn đề chống tra tấn còn được đề cập trong một số điều ước quốc tế khác về nhân quyền, đặc biệt là Công ước về chống tra tấn và các hình thức đối xử, trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ thấp nhân phẩm của LHQ năm 1984. Tuy nhiên cần lưu ý là chống tra tấn, đối xử hay trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục được coi là một quy phạm tập quán quốc tế về nhân quyền, bởi vậy, tất cả các quốc gia trên thế giới đều có nghĩa vụ phải tuân thủ, bất kể quốc gia đó có là thành viên của ICCPR, CAT hay bất cứ điều ước quốc tế nào khác có liên

quan hay không. Như vậy, con người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, danh dự nhân phẩm.

Đối với PN, nguyên tắc 1, Tập hợp các nguyên tắc về bảo vệ tất cả những người bị giam hay bị cầm tù dưới bất kỳ hình thức nào của LHQ năm 1988 đã khẳng định: *“Tất cả những người bị giam hoặc bị cầm tù dưới bất kỳ hình thức nào đều phải được đối xử một cách nhân đạo và được tôn trọng với phẩm giá vốn có của con người”*[28]; tiếp theo, tại nguyên tắc thứ nhất trong những nguyên tắc cơ bản trong việc đối xử với tù nhân của LHQ năm 1990 đã khẳng định *“Mọi tù nhân phải được đối xử với sự tôn trọng theo đúng nhân phẩm vốn có và giá trị của họ với tư cách là con người”*[27]. Như vậy, đối với PN mặc dù họ bị tước quyền tự do đi lại, cư trú, họ phải chấp hành án ở các cơ sở giam giữ, nhưng họ vẫn còn có quyền tự do về thân thể, được tôn trọng danh dự và nhân phẩm. Hiến pháp Việt Nam quy định mọi người đều có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe, danh dự và nhân phẩm. Không ai bị bắt, nếu không có quyết định của TA nhân dân hoặc quyết định phê chuẩn của VKS nhân dân, trừ trường hợp phạm tội quả tang. Việc bắt giữ người phải đúng pháp luật. Mọi hình thức truy bức, nhục hình, đối xử vô nhân đạo, xúc phạm danh dự nhân phẩm của con người đều bị nghiêm cấm. Trong thời gian chấp hành án, NBKAPT phải được tổ chức giam giữ đúng quy định và bảo đảm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm trong quá trình giam giữ. Tổ chức giam giữ đúng pháp luật là cơ sở, điều kiện để tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của NBKAPT được bảo đảm. Đây cũng là mục đích, yêu cầu mà quá trình giam giữ phải hướng tới. Biểu hiện tập trung nhất của quyền này là NBKAPT được đối xử với sự nhân đạo, tôn trọng về danh dự, nhân phẩm, tính mạng, sức khỏe được bảo đảm.

Trong các cơ sở giam giữ, PN phải được giam giữ ở các khu riêng. Trong các khu giam giữ, phải định kỳ thực hiện phân loại PN thành từng loại phù hợp, tiến hành nâng, hạ loại để thuận tiện cho bố trí giam giữ, sinh hoạt và học tập, lao động. PN được tổ chức thành các đội, tổ. Việc phân loại PN do Giám thị trại giam, trại tạm giam, Trưởng nhà tạm giữ quyết định căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội của người chấp hành án phạt tù, mức hình phạt, đặc điểm nhân thân của người

chấp hành án phạt tù, kết quả chấp hành án của họ. Điều này cũng hoàn toàn phù hợp với Quy tắc 8, các quy tắc tiêu chuẩn tối thiểu về đối xử với tù nhân của LHQ năm 1955, cụ thể là: *“Các loại tù nhân khác nhau phải được giam trong các nhà tù hoặc các khu riêng biệt của nhà tù có tính đến độ tuổi, giới tính, lý lịch phạm tội, lý do pháp lý của việc giam giữ và những điều cần thiết trong đối xử với họ”*[23]. Theo đó, để bảo đảm giam giữ an toàn, không để xảy ra vi phạm quyền của NBKAPT, các cơ sở giam giữ cũng phải bố trí giam giữ riêng các PN nữ, PN là người chưa thành niên, người nước ngoài, người có bệnh truyền nhiễm, đặc biệt nguy hiểm, người có dấu hiệu bị bệnh tâm thần hoặc bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc điều chỉnh hành vi của mình trong thời gian chờ quyết định của TA. Trong trại tạm giam, những PN nữ, PN thường xuyên vi phạm nội quy trại giam được giam giữ riêng. Người chấp hành án tại nhà tạm giữ được ở buồng riêng là buồng quản lý PN.

Trong quá trình tổ chức quản lý giam giữ PN, các cơ sở giam giữ phải không để các vi phạm quyền của PN xảy ra. Các hành vi xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của PN như hành vi tra tấn PN từ phía cán bộ nhà nước có thẩm quyền, hành vi xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm lẫn nhau giữa các PN phải bị ngăn chặn và xử lý nghiêm minh. Việc PN chết do bị vi phạm chế độ quản lý giam giữ cũng là những vi phạm QCN, được đề cập trong chuẩn mực quốc tế về bảo đảm QCN đối với PN.

- *Quyền tiếp cận thông tin của NBKAPT.*

Trong thời gian chấp hành án phạt tù, NBKAPT được cung cấp thông tin về thời sự, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Đây mới chỉ là quyền được thông tin của NBKAPT. Quyền tiếp cận thông tin NBKAPT nên được hiểu theo nghĩa rộng hơn bao gồm quyền được chấp hành án ở cơ sở giam giữ theo đúng quy định của pháp luật; quyền được thăm gặp, nhận, gửi thư, liên lạc điện thoại và quyền được thông tin của PN.

+ *Quyền được chấp hành án ở cơ sở giam giữ theo đúng quy định của NBKAPT.*

Địa điểm chấp hành án của NBKAPT có ảnh hưởng rất lớn đến công tác giáo dục cải tạo, tư tưởng và việc liên lạc, thăm gặp của họ. Khi bản án quyết định phạt tù có hiệu lực pháp luật, các cơ quan có thẩm quyền phải tiến hành các thủ tục trong

thời hạn theo luật định để tổ chức đưa NBKAPT đến cơ sở giam giữ để chấp hành hình phạt theo quy định của pháp luật. Địa điểm của cơ sở giam giữ mà NBKAPT phải chấp hành án phải thuận lợi cho NBKAPT, phải gần nơi ở của người bị kết án hoặc địa điểm nơi xảy ra tội phạm. Điều này cũng phù hợp với nguyên tắc 20, tập hợp các nguyên tắc về bảo vệ tất cả những người bị giam hay bị cầm tù dưới bất kỳ hình thức nào của LHQ năm 1988: *“Nếu một người bị giam hay bị cầm tù yêu cầu thì, nếu có thể, người đó sẽ được giam hay cầm tù ở một nơi gần một cách hợp lý với nơi người đó thường trú”*[28].

+ *Quyền được thăm gặp, nhận, gửi thư và liên lạc điện thoại của phạm nhân.*

Quyền này của PN có ý nghĩa quan trọng trong công tác giáo dục cải tạo PN, tạo điều kiện cho gia đình và xã hội tham gia vào công tác giáo dục PN nhằm giúp cho PN an tâm tư tưởng, cải tạo tiến bộ. Tuy nhiên, để phòng ngừa các hành vi lợi dụng quyền này để vi phạm chế độ quản lý giam giữ, cung cấp các thông tin ảnh hưởng tới an ninh trật tự ở cơ sở giam giữ, nội dung bảo đảm quyền này được quy định rất cụ thể và tổ chức thực hiện rất chặt chẽ.

Theo quy tắc 37, các quy tắc tiêu chuẩn tối thiểu về đối xử với tù nhân của LHQ năm 1955 thì quyền này của PN được quy định như sau: *“Dưới sự giám sát cần thiết, tù nhân phải được phép tiếp xúc với gia đình và bạn bè tốt của họ vào những thời gian thường lệ, cả bằng thư từ lẫn thăm viếng”*[23], điều này cũng tiếp tục được quy định tại nguyên tắc 19, tập hợp các nguyên tắc về bảo vệ tất cả những người bị giam hay bị cầm tù dưới bất kỳ hình thức nào của LHQ năm 1988, theo đó *“Một người bị giam hay bị cầm tù có quyền được các thành viên của gia đình người đó đến thăm, trao đổi thư từ và phải được tạo ra cơ hội đầy đủ để liên lạc với thế giới bên ngoài, nhưng vẫn phải tuân thủ những điều kiện và hạn chế hợp lý do pháp luật hay các quy chế hợp pháp quy định”*[28].

Đối với tù nhân là người nước ngoài thì tại quy tắc 38, các quy tắc tiêu chuẩn tối thiểu về đối xử với tù nhân của LHQ năm 1955 quy định: Tù nhân là người nước ngoài phải được tạo điều kiện thuận lợi một cách thỏa đáng để tiếp xúc với các đại diện ngoại giao hoặc lãnh sự của quốc gia của tù nhân đó.

Tù nhân là công dân của một quốc gia không có đại diện ngoại giao hay lãnh sự ở quốc gia giam giữ và là người tỵ nạn hay người không có quốc tịch phải được phép tiếp xúc với đại diện ngoại giao của quốc gia chịu trách nhiệm về quyền lợi của họ hay với bất kỳ cơ quan quốc gia hay quốc tế nào có nhiệm vụ bảo vệ những người như vậy[23].

Như vậy, theo các tiêu chuẩn quốc tế trong thời gian chấp hành án phạt tù, PN có quyền được thăm gặp thân nhân, gia đình và liên lạc với thế giới bên ngoài có thể bằng thư từ hoặc bằng các phương tiện khác như điện thoại, điện tín...

+ *Quyền được thông tin của NBKAPT.*

Quyền được thông tin của NBKAPT được quy định tại quy tắc 39, các quy tắc tiêu chuẩn tối thiểu về đối xử với tù nhân của LHQ năm 1955. Theo đó, *“Tù nhân phải thường xuyên được biết những tin tức quan trọng thông qua việc đọc báo, tạp chí định kỳ hay những ấn phẩm đặc biệt của nhà tù, thông qua nghe đài, diễn thuyết hay bất kỳ biện pháp tương tự nào do ban quản lý nhà tù cho phép và kiểm soát”*[23]. Như vậy, trong thời gian chấp hành án phạt tù, NBKAPT được cung cấp thông tin về thời sự, chính sách, pháp luật của Nhà nước và thông tin về quá trình chấp hành án của mình.

- *Quyền khiếu nại, tố cáo của NBKAPT.*

Quy tắc 36, các quy tắc tiêu chuẩn tối thiểu về đối xử với tù nhân của LHQ năm 1955 quy định về quyền khiếu nại của tù nhân, theo đó:

a. Vào ngày làm việc trong tuần, mọi tù nhân phải có cơ hội đề nghị hay khiếu nại với Giám đốc nhà tù hoặc người được ủy quyền đại diện cho Giám đốc nhà tù.

b. Tù nhân có thể đề nghị hay khiếu nại tới thanh tra viên nhà tù trong thời gian thanh tra. Tù nhân phải có cơ hội nói chuyện với thanh tra viên hay bất kỳ viên chức thanh tra nào khác mà không có mặt Giám đốc hay những cán bộ, nhân viên khác của nhà tù.

c. Mọi tù nhân phải được phép đề nghị hay khiếu nại với ban quản lý trung ương của nhà tù, cơ quan xét xử hay các nhà chức trách thích hợp khác mà không bị kiểm duyệt nội dung, nhưng phải theo mẫu phù hợp qua những kênh đã được chấp thuận.

d. Mọi đề nghị hoặc khiếu nại trừ khi rõ ràng là không có cơ sở hay quá vụn vặt, phải được giải quyết kịp thời và được phản hồi không chậm trễ[23].

Như vậy, trong THAHS, NBKAPT có quyền khiếu nại, tố cáo. Trong thời gian chấp hành án phạt tù, NBKAPT có quyền khiếu nại, tố cáo những quyết định, hành vi trái pháp luật của cán bộ cơ quan tham gia THAPT, của bất kỳ cá nhân nào khác vi phạm pháp luật trong THAPT và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những hành vi khiếu nại, tố cáo của mình. Đơn thư khiếu nại, tố cáo của NBKAPT phải được chuyển đến cơ quan có thẩm quyền chịu trách nhiệm giải quyết.

- *Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của NBKAPT.*

Quyền này được ghi nhận tại Điều 18 của UDHR, sau đó được tái khẳng định và cụ thể hóa tại Điều 18 ICCPR. Theo đó, mọi người đều có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo.

Quyền tự do này bao gồm tự do có hoặc theo một tôn giáo hoặc tín ngưỡng do mình lựa chọn, tự do bày tỏ tín ngưỡng hoặc tôn giáo một mình hoặc trong tập thể với nhiều người khác, một cách công khai hoặc thầm kín dưới hình thức thờ cúng, cầu nguyện, thực hành và giảng đạo. Không một ai bị ép buộc làm những điều tổn hại đến quyền tự do lựa chọn một tôn giáo hoặc tín ngưỡng. Quyền tự do bày tỏ tôn giáo hoặc tín ngưỡng chỉ có thể bị giới hạn bởi những quy định của pháp luật và những giới hạn này là cần thiết cho việc bảo vệ an toàn, trật tự công cộng, sức khỏe hoặc đạo đức của cộng chúng hoặc những quyền và tự do cơ bản của người khác[25]. Đối với NBKAPT, quyền thực hành tôn giáo, tín ngưỡng là một trong những quyền của NBKAPT không bị tước bỏ bởi các bản án hình sự kết tội họ, do đó quyền này phải được bảo lưu trong thời gian họ chấp hành án. Nhu cầu sinh hoạt tôn giáo, tín ngưỡng là một nhu cầu có thật và cũng đóng một vai trò quan trọng trong hoạt động quản lý giam giữ, giáo dục cải tạo PN, giúp cho PN có chỗ dựa về tinh thần, có sự hướng thiện và kiểm soát hành vi của bản thân, có quyết tâm cải tạo tốt hơn. Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của PN cũng được ghi nhận trong các quy tắc tiêu chuẩn tối thiểu về đối xử với tù nhân của LHQ năm 1955 tại các quy tắc 6, 41 và 42. Đặc biệt tại quy tắc 6 đã nhấn mạnh: “*Cần phải tôn trọng tín ngưỡng và giáo lý của tù nhân*”[23]. Về nội dung và trình tự, thủ tục thực hiện quyền này

của người bị kết án được quy định cụ thể tại quy tắc 41 và 42, các quy tắc tiêu chuẩn tối thiểu về đối xử với tù nhân của LHQ năm 1955[23].

2.1.3.2. Nhóm các quyền về kinh tế, xã hội và văn hóa của người bị kết án phạt tù

- Quyền lao động của NBKAPT.

Con người có quyền làm việc, quyền lao động, quyền tự do lựa chọn nghề nghiệp, quyền được hưởng những điều kiện làm việc công bằng, thuận lợi. Quyền này của con người được ghi nhận tại Điều 23 của UDHR và nội dung quyền này được quy định cụ thể tại các Điều 6, 7 ICESCR.

NBKAPT mà cụ thể là PN trong thời gian chấp hành án được bảo đảm quyền lao động của mình. Quyền lao động của PN được ghi nhận trong các quy tắc tiêu chuẩn tối thiểu về đối xử với tù nhân của LHQ năm 1955 từ quy tắc 71 đến quy tắc 76. Tại nguyên tắc 8, những nguyên tắc cơ bản trong việc đối xử với tù nhân đã được Đại Hội đồng LHQ thông qua và công bố ngày 14/12/1990 đã quy định về quyền lao động của NBKAPT, theo đó các cơ sở giam giữ *“Phải tạo điều kiện để tù nhân có thể thực hiện các công việc hữu ích và có thu nhập, nhằm giúp họ dễ dàng tái hòa nhập vào thị trường lao động của đất nước, đồng thời cho phép họ góp phần hỗ trợ tài chính cho bản thân và gia đình”*[27].

Như vậy, qua nghiên cứu tiêu chuẩn của quốc tế trong thời gian chấp hành án ở các cơ sở giam giữ NBKAPT có quyền lao động. Lao động trong trại giam không được mang tính chất khổ sai. Mọi PN đang chấp hành án phạt tù đều phải lao động, tùy thuộc vào độ tuổi, sức khỏe thể chất và tâm thần của họ, do cán bộ y tế xác nhận. Thông qua lao động đào tạo nghề cho PN để họ có thể tự nuôi sống bản thân và gia đình sau khi chấp hành án phạt tù. Trong giới hạn cho phép, PN có thể lựa chọn loại công việc mà họ muốn làm. Lao động trong trại giam phải được bảo hộ để bảo đảm an toàn cho sức khỏe của PN và thời gian lao động phải được quy định trong luật. PN phải được hưởng một chế độ trả công thỏa đáng đối với công việc của mình và được phép sử dụng một phần thu nhập của mình để mua những đồ dùng cần thiết cho cá nhân, gửi lưu ký và có thể gửi một phần thu nhập của họ cho gia đình.

- *Quyền học tập của NBKAPT.*

Quyền học tập của con người được quy định tại Điều 13 ICESCR. Đối với PN trong thời gian chấp hành án, họ được hưởng chế độ về học tập, học nghề. Chế độ về giáo dục của PN cũng được quy định cụ thể tại quy tắc 77, các quy tắc tiêu chuẩn tối thiểu về đối xử với tù nhân của LHQ năm 1955. Theo đó, các cơ sở giam giữ *“Phải có quy định về việc ưu tiên giáo dục cho tất cả những tù nhân có khả năng hưởng lợi ích từ giáo dục, kể cả các giáo lý tín ngưỡng ở những quốc gia có thể thực hiện được điều này. Giáo dục cho người mù chữ và tù nhân trẻ là bắt buộc...”*[23]. Trong điều kiện cho phép, giáo dục cho PN phải được kết hợp với hệ thống giáo dục của quốc gia, sao cho sau khi chấp hành xong án phạt tù, họ có thể tiếp tục việc học tập mà không gặp khó khăn.

- *Quyền được chăm sóc sức khỏe của NBKAPT.*

Quyền được chăm sóc sức khỏe của con người được quy định tại Điều 12 ICESCR. Xuất phát từ bản chất của hình phạt tù, NBKAPT cũng được hưởng chế độ chăm sóc sức khỏe theo quy định. Chế độ chăm sóc sức khỏe của PN cũng được quy định trong các quy tắc tiêu chuẩn tối thiểu về đối xử với tù nhân của LHQ năm 1955 từ quy tắc 22 đến quy tắc 26. Về chế độ chăm sóc y tế đối với PN, PN được hưởng chế độ phòng, chống dịch bệnh. Các cơ sở giam giữ có trách nhiệm phối hợp với cơ quan y tế, tổ chức khám sức khỏe cho PN.

PN bị ốm đau, bệnh tật được khám và điều trị tại cơ sở y tế của cơ sở giam giữ. Nếu PN bị bệnh nặng vượt quá khả năng điều trị của cơ sở y tế của cơ sở giam giữ thì được chuyển đến cơ sở y tế cấp huyện, cấp tỉnh để điều trị phù hợp với tình trạng sức khỏe, bệnh tật của người đó. PN bị tâm thần hoặc bệnh khác làm mất khả năng nhận thức, điều chỉnh hành vi của mình được chữa bệnh tại cơ sở chuyên khoa y tế, PN nghiện ma túy được tổ chức cai nghiện. Kinh phí cho hoạt động chăm sóc y tế này do nhà nước cấp.

2.2. Tổ chức thực hiện quyền của người bị kết án phạt tù

2.2.1. Khái niệm tổ chức thực hiện quyền của người bị kết án phạt tù

Quyền của người bị kết án do pháp luật quy định. Để đưa các quyền đó vào thực tế đời sống phải tổ chức thực hiện, giống như áp dụng pháp luật, khi quyền và

lợi ích của chủ thể của pháp luật không tự phát sinh, phải do cơ quan có thẩm quyền áp dụng để đưa quyền đó thành hiện thực. Ví dụ: quyền lao động không thể ai cũng được tự do lao động tùy thích, nếu người lao động mà lao động ở trong cơ quan, tổ chức nào thì cơ quan, tổ chức ấy tiếp nhận hồ sơ, thủ tục để xét duyệt, theo đó là tổ chức thi tuyển công chức, viên chức.

Ghi nhận của pháp luật về quyền của NBKAPT mới chỉ là sự thừa nhận giá trị xã hội của các quyền đó và tạo tiền đề quan trọng để thực hiện chúng, song những quyền này nếu không được tổ chức thực hiện thì mới chỉ tồn tại ở dạng tiềm năng. Tổ chức thực hiện để các quyền này trở thành hiện thực trong thực tiễn THAPT. Để tổ chức thực hiện quyền của NBKAPT trong THAPT đạt hiệu quả, tạo điều kiện để NBKAPT được hưởng các quyền của mình ở mức cao nhất có thể phụ thuộc vào những yếu tố sau đây:

- Tổ chức, hoạt động của các cơ quan tham gia THAPT.

Trong hệ thống tổ chức THAPT, hoạt động của các cơ quan tham gia THAPT có liên quan trực tiếp tới các quyền của NBKAPT. Chính vì vậy, tổ chức, hoạt động của các cơ quan này có vai trò rất quan trọng trong việc tổ chức thực hiện các quyền của NBKAPT trong THAPT.

Xét về mặt lý luận, cơ quan có trách nhiệm liên quan đến THAPT đều có trách nhiệm tổ chức thực hiện và bảo đảm quyền của NBKAPT. Tuy nhiên, trách nhiệm chủ yếu thuộc về các cơ quan sau đây:

+ Cơ quan quản lý, tổ chức THAPT thuộc BCA, BQP: Cơ quan này có trách nhiệm quản lý THAPT, bảo đảm thi hành các bản án, quyết định của TA đã có hiệu lực pháp luật một cách nghiêm chỉnh, kịp thời. Bên cạnh đó, cơ quan này có trách nhiệm phát hiện các vi phạm pháp luật không những trong quá trình THAPT mà còn ở các giai đoạn tổ tụng hình sự trước đó, nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của công dân. Do vậy, để thực hiện tốt nhiệm vụ của mình, tổ chức hoạt động của các cơ quan quản lý, tổ chức THAPT này phải thường xuyên được hoàn thiện để hoạt động hiệu quả, nhưng có đầy đủ các cơ quan chuyên môn để quản lý được hoạt động THAPT nói chung và bảo đảm được quyền của NBKAPT trong quá trình đó.

+ Cơ quan trực tiếp bảo đảm thực hiện quyền của người bị kết án là các trại giam, trại tạm giam: Đặc biệt đối với các cơ quan này có nhiệm vụ chủ yếu quản lý giáo dục, cải tạo người chấp hành án phạt tù, cơ cấu tổ chức phải được phân định rõ ràng, xác định rõ trách nhiệm của từng bộ phận, từng cán bộ trong cơ quan đối với việc bảo đảm quyền của NBKAPT trong THAHS.

THAHS nói chung và THAPT nói riêng là một hoạt động mang tính chất hành chính tư pháp, là nơi mà các biện pháp cưỡng chế của nhà nước được áp dụng rất phổ biến. Chính vì thế, quyền của người bị kết án nói chung và quyền của NBKAPT nói riêng rất dễ bị xâm phạm bởi vì họ có địa vị pháp lý hạn chế hơn so với các chủ thể khác tham gia THAHS. Với quan niệm trên, tổ chức thực hiện quyền của NBKAPT trong THAHS có thể có một số đặc điểm sau:

- *Chủ thể trực tiếp bảo đảm thực hiện quyền của NBKAPT là các trại giam và cán bộ, chiến sỹ trong các trại giam làm nhiệm vụ giáo dục, quản giáo...*

Quyền của NBKAPT có được bảo đảm thực hiện đầy đủ hay không còn phụ thuộc vào các cơ quan nhà nước, trong đó có chính sách pháp luật THAHS là một bảo đảm, đồng thời cán bộ, công chức được giao việc có trách nhiệm bảo đảm quyền của NBKAPT. Trong việc bảo đảm quyền của NBKAPT trong THAHS trước hết phụ thuộc vào các cơ quan có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật ghi nhận về quyền của NBKAPT và quy định về thủ tục THAPT, đây là phương tiện để thực hiện bảo đảm quyền, qua đó cũng để người bị kết án thực hiện quyền bị tước hay bị hạn chế. Đồng thời, quy định trách nhiệm của cơ quan, người tiến hành tổ tụng hình sự phải thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật để quyền của người bị kết án được thực hiện. Bên cạnh đó, việc bảo đảm quyền của NBKAPT còn phụ thuộc rất lớn vào các cơ quan quản lý THAHS, các cơ quan THAHS, các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động THAHS và các cán bộ THAHS. Trong đó đặc biệt quan trọng là các cơ sở giam giữ có trách nhiệm bảo đảm các điều kiện về ăn uống, ở, mặc, lao động, học tập, học nghề, sinh hoạt văn hóa, thể thao..., đồng thời mỗi cán bộ làm công tác THAHS phải nhận thức sâu sắc vấn đề NBKAPT không phải là người bỏ đi hay phế thải mà họ vẫn là con người với đầy đủ nghĩa của nó, họ vẫn tồn tại với tư cách là một thành viên xã hội,

với những ràng buộc, những mối quan hệ đa phương, họ chỉ bị pháp luật hoặc TA tước bỏ hoặc hạn chế một số quyền công dân, trên cơ sở đó có thái độ nhân đạo đối với NBKAPT, phải thể hiện sự tôn trọng cá nhân, nhân phẩm và danh dự của họ. Theo quy định của Nhà nước, các cơ sở giam giữ có trách nhiệm thông báo công khai cho người bị kết án hiện đang chấp hành hình phạt tù biết các quyền và nghĩa vụ của mình để thực hiện cho đúng. Các cơ quan quản lý THAHS có trách nhiệm thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật trong bảo đảm quyền của NBKAPT. TA thực hiện việc ra quyết định thi hành án, quyết định hoãn, tạm đình chỉ, giảm thời hạn và miễn chấp hành hình phạt tù... VKS thực hiện chức năng kiểm sát việc giam giữ, quản lý, giáo dục cải tạo người chấp hành án phạt tù tại các cơ sở giam giữ, bảo đảm giám sát các điều kiện sinh hoạt hàng ngày của PN, kiểm sát việc đề nghị xét, giảm thời hạn, tạm đình chỉ, gia hạn tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù, thẩm định hồ sơ xét đặc xá nhằm hạn chế sự lạm dụng quyền lực của cơ quan, người có thẩm quyền tham gia THAPT, đẩy lùi hành vi vi phạm quyền của PN trong hoạt động này.

Như vậy, tất cả các quyền của NBKAPT được hưởng trong thời gian chấp hành hình phạt tù đều được bảo đảm thực hiện bởi các cơ quan: Công an, TA, VKS. Ngoài ra, việc bảo đảm quyền của NBKAPT trong THAPT còn tùy thuộc vào đạo đức, trình độ chuyên môn, năng lực của người trực tiếp tổ chức THAPT.

- Quyền của NBKAPT không hoàn toàn như quyền con người, quyền công dân nói chung

Việc tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm QCN, quyền công dân trong lĩnh vực THAHS phải tuân thủ các nguyên tắc cơ bản đã được Hiến pháp ghi nhận, phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, cụ thể là nguyên tắc “các quyền con người, quyền công dân... được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật” và nguyên tắc “quyền con người chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng”[7].

Theo quy định tại khoản 3, Điều 3 Luật THAHS năm 2010, THAPT là: “Việc cơ quan, người có thẩm quyền buộc người bị kết án phạt tù phải chịu sự quản

lý giam giữ, giáo dục, cải tạo để họ trở thành người có ích cho xã hội”[6]. THAPT là hoạt động mang tính chất cưỡng chế rất nghiêm khắc, để bảo đảm quyền của NBKAPT đòi hỏi các cơ quan, người có thẩm quyền trong THAPT phải ghi nhận, bảo vệ và tổ chức thực hiện các quyền của NBKAPT nhằm làm cho các quyền của họ được thực thi trong thực tiễn THAPT. Việc ghi nhận, bảo vệ và tổ chức thực hiện các quyền của NBKAPT đó chính là cách thức nhằm làm cho các quyền của họ được thực thi trong thực tiễn THAPT.

+ Ghi nhận: Các chủ thể có trách nhiệm bảo đảm quyền của NBKAPT, trước hết và chủ yếu là cơ quan và cán bộ có thẩm quyền xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật phải thừa nhận đồng thời phải quy định ngày càng đầy đủ, cơ bản các quyền của NBKAPT trong hệ thống văn bản pháp luật THAHS. Cơ quan lập pháp chỉ hạn chế những quyền của NBKAPT trong những trường hợp Hiến pháp quy định (Điều 14); còn các cơ quan ban hành các văn bản dưới luật không được có những quy định hạn chế quyền của NBKAPT.

+ Tổ chức thực hiện: Các chủ thể có trách nhiệm phải chủ động xây dựng các thể chế, thiết chế cũng như các quy chế, quy định, chương trình, kế hoạch và biện pháp quản lý cụ thể để NBKAPT được hưởng thụ đến mức cao nhất có thể các quyền của mình, làm cho các quyền của họ được thực thi trong thực tiễn THAPT.

+ Bảo vệ: Các chủ thể có trách nhiệm phải phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm minh những hành vi vi phạm quyền của NBKAPT từ phía các cơ quan và cá nhân tham gia THAPT và các hành vi vi phạm từ phía chính những NBKAPT khác.

- Bảo đảm thực hiện quyền cho NBKAPT phụ thuộc vào cơ sở vật chất điều kiện hiện có của các trại giam, trại tạm giam và thái độ trách nhiệm của cán bộ, chiến sỹ quản giáo, giáo dục trong các trại giam, trại tạm giam.

Bảo đảm quyền của NBKAPT trong THAHS là một quá trình phức tạp, bao gồm nhiều hoạt động khác nhau. Hoạt động này chỉ được vận hành hiệu quả trên một nền tảng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng yêu cầu đặt ra.

Những người có thẩm quyền trong hoạt động này lại thường phải tiếp xúc với những cám dỗ vật chất, các vi phạm do vậy rất dễ xảy ra. Vì thế, bảo đảm cơ sở vật chất, kỹ thuật trong THAHS là một yêu cầu cần thiết. Thực hiện tốt điều này

không chỉ có ý nghĩa làm cho cơ quan có thẩm quyền, người có thẩm quyền tham gia THAPT thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao, mà còn bảo đảm cho quyền của NBKAPT được thực hiện.

Thực hiện hoạt động này đòi hỏi cơ sở vật chất kỹ thuật rất lớn, đó là trụ sở làm việc, công cụ phương tiện làm việc, trang thiết bị phục vụ cho công tác chuyên môn nghiệp vụ, tiền lương, tiền thù lao cho những người tham gia THAPT. Bảo đảm cơ sở vật chất kỹ thuật trong THAPT có nghĩa là làm cho hoạt động THAPT có đầy đủ điều kiện vật chất cần thiết, phù hợp để vận hành có hiệu quả. Để đáp ứng yêu cầu này, cơ sở vật chất kỹ thuật trong THAPT phải luôn luôn được đầu tư nâng cấp cả về số lượng, chất lượng. Trong đó, cần đặc biệt chú ý tới tính hiện đại của các phương tiện khoa học kỹ thuật. Bởi vì, ứng dụng khoa học công nghệ trong hoạt động này là một xu thế tất yếu hiện nay, khi việc quản lý người chấp hành án phạt tù trở nên rất phức tạp, đặc biệt ở các cơ sở giam giữ bị quá tải về số lượng người chấp hành án phạt tù, các vi phạm quyền của NBKAPT còn bị che giấu dưới nhiều phương thức thù đoạn tinh vi.

- Mục đích bảo đảm quyền của NBKAPT.

Mục đích bảo đảm quyền của NBKAPT trong THAHS là nhằm làm cho các quyền của NBKAPT trong THAHS được thực thi trong thực tiễn THAPT.

Như vậy, từ những phân tích nêu trên có thể rút ra khái niệm: “Tổ chức thực hiện bảo đảm quyền của NBKAPT trong THAHS là việc cơ quan, người có thẩm quyền ghi nhận, tổ chức thực hiện bảo vệ các quyền của NBKAPT nhằm làm cho các quyền của họ được thực thi trong thực tiễn THAHS”.

Ở nước ta, Đảng và Nhà nước luôn xác định bảo đảm quyền của NBKAPT trong THAHS nói riêng cũng như trong hoạt động tổ tụng hình sự nói chung là nhiệm vụ trọng tâm. Do đó, một loạt các văn bản pháp luật có liên quan đến THAPT đã được ban hành và đưa vào áp dụng với mục đích ghi nhận, bảo vệ và tổ chức thực hiện hiệu quả quyền của NBKAPT trong THAHS.

Qua phân tích cho thấy, hệ thống các bảo đảm quyền của NBKAPT trong THAHS nói trên bao gồm nhiều yếu tố cụ thể, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Trong quá trình bảo đảm quyền của NBKAPT trong THAHS, các yếu tố tác động

đến việc bảo đảm quyền của NBKAPT có vai trò trực tiếp làm cho quyền của NBKAPT trong THAHS đi vào cuộc sống. Nhận thức rõ vấn đề này là một luận điểm quan trọng, là cơ sở để đề ra các giải pháp tăng cường bảo đảm quyền của NBKAPT trong THAHS.

2.3. Cơ chế bảo đảm quyền của người bị kết án phạt tù

2.3.1. Ghi nhận của pháp luật về quyền của người bị kết án phạt tù

Các quyền của NBKAPT trong THAHS phải được ghi nhận trong hệ thống pháp luật về THAHS. Pháp luật về quyền của NBKAPT trong THAHS bao gồm tổng thể các quy phạm pháp luật điều chỉnh những quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình tổ chức, thực hiện quyền của NBKAPT trong quá trình tổ chức THAPT, pháp luật về quyền của NBKAPT trong THAPT có thể được giới hạn theo phạm vi hẹp và rộng.

Theo phạm vi hẹp, pháp luật về quyền của NBKAPT trong THAHS là các quy định của Luật THAHS về bảo đảm quyền của NBKAPT, cụ thể là các quy định về quyền và nghĩa vụ của NBKAPT; quyền hạn, nghĩa vụ, trách nhiệm của cơ quan và người có thẩm quyền tham gia THAPT.

Theo phạm vi rộng, pháp luật về quyền của NBKAPT trong THAPT liên quan đến quy định của toàn bộ hệ thống pháp luật, tập trung ở các quy định của Hiến pháp, Luật Hình sự, Luật Tố tụng hình sự, Luật THAHS nhằm bảo đảm quyền của NBKAPT trong THAPT, bao gồm các nội dung cơ bản là: quy định về QCN, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, quy định về tội phạm, hình phạt với việc bảo đảm QCN, nguyên tắc bảo đảm QCN trong tố tụng hình sự nói chung, THAPT nói riêng, quyền của NBKAPT và quyền hạn, nghĩa vụ, trách nhiệm của cơ quan và người có thẩm quyền tham gia THAPT.

Con người có các quyền cơ bản được ghi nhận trong Hiến pháp, các lĩnh vực luật hình sự, luật tố tụng hình sự, luật THAHS phải bảo vệ các quyền cơ bản này. Liên quan tới vấn đề đó, luật hình sự có hai nhiệm vụ chính là, bảo vệ QCN và giáo dục phòng ngừa hành vi vi phạm QCN. Nhằm thực hiện các nhiệm vụ này, quy định của luật hình sự về tội phạm phải chính xác, cụ thể, hệ thống hình phạt phải đa dạng, phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội.

Luật Tố tụng hình sự, về bản chất mục đích của luật tố tụng hình sự là nhằm xác định sự thật khách quan của vụ án hình sự, phòng ngừa ngăn chặn tội phạm và giáo dục ý thức pháp luật cho công dân. Trong quá trình thực hiện mục đích đó, QCN nói chung và của NBKAPT phải được bảo đảm. Để thực hiện điều này, nội dung các văn bản pháp luật tố tụng hình sự phải không được trái với các nguyên tắc cơ bản của tố tụng hình sự nhằm bảo đảm QCN.

Bên cạnh đó, các văn bản pháp luật này cần quy định cụ thể rõ ràng về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án hình sự, xác định rõ quyền, nghĩa vụ của chủ thể tố tụng hình sự. Các quy định của luật tố tụng hình sự cũng không được mâu thuẫn với nhau, dễ thực hiện, để thông qua đó mọi NBKAPT đều có thể sử dụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Các quy định của Luật THAHS phải hướng tới việc hoàn thiện cơ chế hữu hiệu để thực thi một cách nghiêm chỉnh thống nhất trong việc bảo đảm quyền của người bị kết án nói chung và NBKAPT nói riêng, kịp thời đáp ứng được các yêu cầu trong thực hiện quyền của NBKAPT trong THAHS.

Như vậy, pháp luật về quyền của NBKAPT trong THAHS phải có các thuộc tính là toàn diện, đồng bộ, khả thi và minh bạch. Ngoài ra, lĩnh vực pháp luật này cũng phải được thường xuyên hệ thống hóa, pháp điển hóa nhằm sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật chưa phù hợp với thực tiễn, loại bỏ những văn bản pháp luật đã lạc hậu. Từ đó, cơ quan nhà nước có thẩm quyền cần kịp thời ban hành các văn bản pháp luật mới, điều chỉnh những vấn đề bức xúc liên quan tới quyền của NBKAPT trong THAHS.

Có thể nói, pháp luật về quyền của NBKAPT trong THAHS là yếu tố đầu tiên rất quan trọng để quyền của NBKAPT được thực hiện, bởi vì không có pháp luật thì không có quyền.

2.3.2. Bảo vệ quyền của người bị kết án phạt tù

Bảo vệ quyền của NBKAPT trong THAHS chính là chống lại mọi sự xâm phạm quyền của NBKAPT nhằm giữ cho các quyền đó luôn luôn được nguyên vẹn. Bảo vệ quyền của NBKAPT chính là biểu hiện cụ thể của bảo đảm quyền của NBKAPT trong THAHS. Để bảo vệ quyền của NBKAPT, nhà nước phải ban hành

một hệ thống pháp luật hoàn chỉnh và tổ chức thực hiện pháp luật trên thực tế. Chính vì vậy, sự vi phạm trong quá trình bảo đảm quyền của NBKAPT trong THAHS sự xét cho cùng chính là sự vi phạm QCN.

Vi phạm quyền của NBKAPT trong THAHS bao gồm nhiều loại khác nhau. Có loại từ phía các cơ quan tham gia THAPT, do cán bộ, chiến sĩ ở các cơ quan đó thực hiện. Những vi phạm loại này nảy sinh do những khuyết tật yếu kém của các cơ quan tham gia THAPT, nó đặc biệt phát triển khi tổ chức hoạt động của các cơ quan đó còn bất cập, trách nhiệm pháp lý của các cơ quan cũng như của cán bộ, chiến sĩ có thẩm quyền không được quy định rõ ràng.

Vi phạm quyền của NBKAPT trong THAHS cũng có thể nảy sinh trong nội bộ NBKAPT, có cơ sở khách quan từ những mâu thuẫn lợi ích. Loại vi phạm này cũng rất dễ xảy ra trong môi trường của cơ sở giam giữ. Đặc biệt là khi hoạt động giám sát, thanh tra, kiểm tra việc bảo đảm QCN ở môi trường này không được đảm bảo.

Những vi phạm có thể do nhiều nguyên nhân khách quan, chủ quan khác nhau. Thế nhưng, đã có vi phạm thì phải xử lý nghiêm minh theo nguyên tắc công bằng, đúng pháp luật. Ý nghĩa của việc xử lý vi phạm trong quá trình bảo đảm quyền của NBKAPT trong THAHS thể hiện ở chỗ, việc xử lý vi phạm bảo vệ được quyền của NBKAPT, giáo dục người vi phạm và những người khác biết tôn trọng quyền của NBKAPT. Nói cách khác, đây chính là một loại bảo đảm quyền của NBKAPT trong THAHS.

2.3.3. Cơ chế phối hợp bảo đảm thực hiện quyền của người bị kết án phạt tù

THAPT là loại hoạt động tư pháp đặc biệt, quan trọng của Nhà nước và là hoạt động quản lý, giam giữ, giáo dục NBKAPT tại trại giam, trại tạm giam, được điều chỉnh chặt chẽ bằng pháp luật.

THAPT liên quan đến QCN là lĩnh vực rất nhạy cảm. Để tổ chức thực hiện bảo đảm quyền của NBKAPT trong thời gian chấp hành hình phạt tù, chúng ta không chỉ cố gắng bằng sự nỗ lực của cơ quan quản lý và tổ chức THAPT mà đòi hỏi phải có sự phối hợp chặt chẽ với các Ban ngành, tổ chức xã hội mà đặc biệt là cơ quan TA, cơ quan duy nhất có thẩm quyền quyết định thay đổi nội dung trong bản án như tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù, giảm thời hạn chấp hành hình phạt

tù...và VKS nhân dân. Theo khoản 1, Điều 4 của BLHS năm 2015 quy định: “cơ quan Công an, Kiểm sát, Tòa án, Tư pháp, Thanh tra và các cơ quan hữu quan khác có trách nhiệm thi hành đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của mình, đồng thời hướng dẫn, giúp đỡ các cơ quan khác của Nhà nước, tổ chức, công dân đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm, giám sát và giáo dục người phạm tội tại cộng đồng”[11]

Với chức năng nhiệm vụ của mình: VKS có nhiệm vụ kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong THAPT. Trong THAPT, VKS có trách nhiệm áp dụng mọi biện pháp do luật định để loại trừ sự vi phạm pháp luật về quyền của NBKAPT của bất cứ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào. Để quyền của NBKAPT trong THAHS được bảo đảm tốt, cần hoàn thiện tổ chức, hoạt động của VKS, thực hiện theo nguyên tắc tập trung thống nhất trong ngành, thực hiện tốt chế độ kiểm sát, báo cáo giữa VKS cấp dưới với VKS cấp trên. Yêu cầu cụ thể là tổ chức, hoạt động của VKS phải sát hợp với nhiệm vụ được giao, bảo đảm cho VKS thực hiện tốt chức năng của mình. Theo đó, VKS cần có đủ cơ quan chuyên môn để kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong lĩnh vực này đối với từng cấp TA tương ứng, từng cơ sở giam giữ thuộc đối tượng kiểm sát của mình. Các cơ quan này cần phải hoạt động đúng pháp luật, kịp thời phát hiện xử lý các hành vi vi phạm quyền của NBKAPT trong THAHS.

Đối với Tòa án: TA với tư cách là cơ quan thực hiện quyền tư pháp, là trung tâm của hoạt động tư pháp, TA có trách nhiệm theo dõi tình hình và kết quả thi hành bản án, quyết định phạt tù và có vai trò chủ trì trong việc ban hành ra nhiều quyết định quan trọng có liên quan tới quyền của NBKAPT như ra quyết định thi hành án, hoãn chấp hành án phạt tù, tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù, giảm thời hạn chấp hành án phạt tù, miễn chấp hành án phạt tù... Do vậy, hoàn thiện TA về mặt cơ cấu tổ chức, hoạt động nhằm bảo đảm quyền của NBKAPT là một yêu cầu tất yếu khách quan. Để thực hiện tốt vấn đề này, cần quán triệt các nguyên tắc xét xử của TA, đẩy mạnh thực hiện hoạt động giám đốc việc xét xử, hướng dẫn của TA nhân dân tối cao về đường lối xét xử và chế độ báo cáo của TA cấp dưới đối với TA cấp trên. Trên cơ sở đó, hoàn thiện tổ chức, hoạt động của TA phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao. TA với vai trò là trung tâm của hoạt động tư pháp cần có

cơ quan chuyên trách theo dõi việc THAPT nhằm bảo đảm quyền của NBKAPT trong THAHS. Hoạt động của TA cần phải khách quan toàn diện, bảo đảm xử lý đúng các hành vi vi phạm pháp luật về quyền của NBKAPT.

Bảo đảm quyền của NBKAPT trong THAHS là một quá trình chặt chẽ bao gồm nhiều hành vi, phương thức khác nhau. Để thực hiện tốt hoạt động này, cần xác định rõ địa vị pháp lý, nguyên tắc tổ chức hoạt động của các cơ quan tham gia THAPT. Quá trình này cũng không thể diễn ra đúng pháp luật, đạt hiệu quả cao nếu các chủ thể tham gia không phối hợp với nhau. Chính vì vậy, bảo đảm cơ chế phối hợp trong thực hiện pháp luật là một yêu cầu quan trọng, thông qua đó quyền của NBKAPT được bảo đảm.

Đặc trưng nổi bật của cơ chế phối hợp này là sự phối hợp, chế ước lẫn nhau.

Trong đó, sự phối hợp là cơ sở để bảo đảm quyền của NBKAPT được thực hiện thuận lợi, đúng pháp luật. Sự chế ước được đặt ra nhằm giúp các chủ thể này phát hiện những thiếu sót, vi phạm của nhau, yêu cầu chủ thể có thiếu sót, vi phạm tự khắc phục hoặc yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết, thông qua đó, hạn chế được sự lạm quyền trong quá trình thực hiện. Cơ chế phối hợp trong THAPT được thể hiện thông qua các mối quan hệ đa dạng nhiều chiều giữa các chủ thể tham gia hoạt động này dựa trên cơ sở quy định của pháp luật. Các mối quan hệ cơ bản là: mối quan hệ nội tại giữa các cơ quan tham gia chủ yếu vào THAPT, chẳng hạn như mối quan hệ giữa VKS với TA, giữa các cơ quan này với cơ quan THAPT thuộc BCA và BQP. Mối quan hệ trong nội bộ của từng cơ quan tham gia THAPT thuộc BCA, BQP, VKS và TA. Mối quan hệ giữa các cơ quan nêu trên với các cơ quan chức năng của Bộ Tư pháp, Bộ Y tế, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân các cấp và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Để bảo đảm quyền của NBKAPT, cơ chế phối hợp giữa các chủ thể này cần được tiến hành thông qua việc xác định về mặt pháp lý các mối quan hệ. Trong đó, xác định rõ quyền và nghĩa vụ của các chủ thể, cơ chế cách thức phối hợp với nhau, nội dung phối hợp cần tập trung vào các vấn đề cấp thiết có liên quan tới quyền của NBKAPT. Đây chính là cơ sở để xác định rõ trách nhiệm của từng chủ thể tham gia

bảo đảm quyền của NBKAPT trong THAHS, hạn chế sự xâm hại tới quyền của NBKAPT trong THAHS.

2.3.4. Giám sát, thanh tra, kiểm tra việc bảo đảm quyền của người bị kết án phạt tù

Bảo đảm quyền của NBKAPT trong THAPT là trách nhiệm của mọi cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan tới THAPT. Trong THAPT, quyền của NBKAPT luôn có nguy cơ bị xâm hại rất cao. Bảo đảm quyền của NBKAPT là hoạt động rất phức tạp, nhạy cảm. Hoạt động của các cơ quan tham gia THAPT luôn trực tiếp ảnh hưởng tới các quyền của NBKAPT được pháp luật quy định. Chính vì vậy, hoạt động giám sát, thanh tra, kiểm tra việc bảo đảm quyền của NBKAPT trong THAHS cần phải là hoạt động thường xuyên, liên tục nhằm hiện thực hóa quyền của NBKAPT. Hoạt động này cũng nhằm hạn chế sự lạm dụng quyền lực nhà nước của các cơ quan có thẩm quyền trong THAPT. Để thực hiện tốt điều này, cần xác định rõ các vấn đề cơ bản về chủ thể, nội dung, phương thức thực hiện, làm cho hoạt động này có hiệu lực trong thực tiễn cuộc sống.

Hoạt động giám sát, thanh tra, kiểm tra trên cũng chỉ có hiệu quả trên thực tế khi xác định rõ quyền hạn, nghĩa vụ, trách nhiệm của các chủ thể có liên quan. Việc xác định cần thực hiện theo hướng phân định cụ thể thẩm quyền, trách nhiệm của cơ quan với cá nhân của từng cơ quan đó, giữa lãnh đạo với cán bộ thực hiện nhiệm vụ, làm rõ trách nhiệm của chủ thể có quyền yêu cầu giám sát, thanh tra, kiểm tra với các chủ thể phải chịu sự giám sát, thanh tra, kiểm tra.

Hoạt động giám sát, thanh tra, kiểm tra trong THAPT có một số sự khác nhau về chủ thể, phương thức thực hiện, các quyền và nghĩa vụ cụ thể nhưng đều có mục đích chung là nhằm bảo đảm quyền của NBKAPT trong THAHS.

2.4. Quyền của người bị kết án phạt tù của một số nước trên thế giới

2.4.1. Quyền của người bị kết án phạt tù trong thi hành án hình sự ở Trung Quốc

Mặc dù có những điểm tương đồng nhất định với Việt Nam về hệ thống chính trị, nhưng Trung Quốc chủ trương xây dựng kiểu nhà nước đặc thù, pháp luật cũng đặc thù. Nguồn chủ yếu của luật THAPT Trung Quốc gồm hai loại chính, là

các giải thích của TA và các quy định pháp luật, cụ thể là Luật Tổ tụng hình sự năm 1996, Luật về tù giam năm 1994. Ở Trung Quốc hình phạt tù là hình phạt chính được áp dụng phổ biến với cột mốc là năm 1954 Chính phủ Trung Quốc đã thông qua quy chế cải tạo lao động đầu tiên.

Chính phủ Trung Quốc luôn luôn đối xử với người chấp hành án phạt tù với tư cách của một con người, giúp đỡ họ và tạo cho họ có hy vọng vào tương lai trong khi chấp hành án phạt tù. Hiến pháp nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa quy định: “Tất cả những người có quốc tịch Cộng hòa nhân dân Trung Hoa đều là công dân của Cộng hòa nhân dân Trung Hoa”. Người chấp hành án phạt tù bị kết án về những hành vi phạm tội, song họ vẫn là những con người và vẫn là công dân của Trung Quốc. Đây chính là quan điểm nền tảng cho công tác bảo vệ QCN nói chung và quyền của người chấp hành án trong các nhà tù của Trung Quốc.

Dựa trên tư tưởng nhân đạo trong việc thi hành án phạt tù và cải tạo đối với người chấp hành án, đồng thời phù hợp với nhu cầu cần thiết phải xây dựng một hệ thống pháp luật dân chủ, Luật nhà tù của Cộng hòa nhân dân Trung Hoa đã đưa ra những nguyên tắc chung và những điều khoản riêng về quyền của người chấp hành án phạt tù. Luật nhà tù gồm 78 điều, trong đó có 37 điều trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến quyền của người chấp hành án phạt tù. Luật này cũng quy định những quyền đặc biệt của người chấp hành án phạt tù, bao gồm: quyền được bảo vệ chống lại sự xúc phạm nhân phẩm hoặc sự đe dọa đến sự an toàn của cá nhân; quyền sở hữu những tài sản hợp pháp; quyền kháng cáo, bào chữa, khiếu kiện và tố cáo; quyền được mang theo những vật phẩm thiết yếu thường nhật vào trong nhà tù; quyền được yêu cầu nhà tù thông báo cho các thành viên gia đình về tình trạng của họ; quyền được nhận sự hỗ trợ của chính quyền địa phương để tái hòa nhập cuộc sống sau khi mãn hạn tù; quyền được phục hồi danh dự, uy tín theo những điều kiện do pháp luật quy định; quyền được bình đẳng với các công dân khác trước pháp luật; quyền được liên lạc bằng thư tín và được gặp người thân; quyền được nhận tiền và những vật phẩm khác theo các luật lệ có liên quan; quyền có sự bảo đảm cần thiết về các nhu cầu vật chất như quần áo, thực phẩm, nơi ở, chăm sóc y tế, quyền được trao những giải thưởng có tính chất tinh thần hay những giải thưởng vật chất;

quyền được giảm án hoặc trả tự do theo những điều kiện quy định trong pháp luật; quyền được giáo dục, được tham gia vào các hoạt động thể thao văn hóa; quyền được lao động và nghỉ ngơi, quyền được nhận tiền công lao động trong thời gian chấp hành án phạt tù theo những quy định có liên quan; quyền được bảo hộ lao động, được hưởng bảo hiểm và các quyền khác mà theo pháp luật người chấp hành án phạt tù không bị tước bỏ hoặc hạn chế, bao gồm: quyền được bầu cử theo luật cho nhưng PN không bị tước quyền chính trị.

Pháp luật cũng quy định các quyền đặc biệt dành cho người chấp hành án phạt tù là nữ, người chấp hành án phạt tù là chưa thành niên và PN là người dân tộc thiểu số. Một số quyền khác không được quy định trong Luật nhà tù nhưng trên thực tế vẫn được bảo vệ như quyền tự do tín ngưỡng, quyền thừa kế tài sản, quyền xin cấp bằng sáng chế và quyền về hôn nhân và gia đình. Những quyền này của người chấp hành án phạt tù bao trùm các lĩnh vực tinh thần, vật chất, chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa và xã hội. Do vậy, có thể khẳng định rằng, pháp luật Trung Quốc quy định và bảo vệ quyền của người chấp hành án phạt tù trên tất cả các phương diện với nhiều cấp độ và trên nhiều khía cạnh.

Nhìn chung, song song với việc quản lý người chấp hành án phạt tù nghiêm khắc, nhân đạo và khoa học phù hợp với pháp luật, các nhà tù ở Trung Quốc đã áp dụng những biện pháp dưới đây để cải tạo người chấp hành án phạt tù:

Thứ nhất, các nhà tù ở Trung Quốc tập trung vào việc giáo dục người chấp hành án phạt tù. Cán bộ quản lý nhà tù coi nhà tù không chỉ để thi hành án phạt tù mà còn là một môi trường giáo dục cải tạo người chấp hành án phạt tù. Từ giữa những năm 80, các nhà tù ở Trung Quốc đã tiên phong trong việc “xây dựng nhà tù giống như những trường học đặc biệt”, nhờ đó đã giáo dục người chấp hành án phạt tù về kỷ luật, văn hóa và hệ tư tưởng. Được giáo dục không chỉ là quyền lợi của người chấp hành án phạt tù mà còn là một trong những nghĩa vụ của họ. Giáo dục tư tưởng bao gồm: giáo dục pháp luật, đạo đức, tình hình đất nước và những chính sách của nhà nước, đồng thời giúp họ suy nghĩ, dự định về tương lai của họ. Giáo dục văn hóa tập trung chủ yếu vào các khóa học tiểu học, trung học cơ sở và phổ thông trung học. Công tác giáo dục kỹ thuật hay giáo dục hướng nghiệp được tổ chức phù hợp với nhu cầu lao động sản xuất của người chấp hành án phạt tù và nhu

cầu về việc làm của họ sau khi được trả tự do. Một số người chấp hành án phạt tù có khả năng cũng được chọn làm giáo viên dạy kỹ thuật và văn hóa.

Những nhà tù ở Trung Quốc cũng chú trọng tới đời sống văn hóa của người chấp hành án phạt tù. Tất cả nhà tù đều có thư viện, có phòng đọc cho người chấp hành án phạt tù, báo tường và bài viết trên bảng đen, tổ chức các nhóm ca hát và nhóm biểu diễn nghệ thuật cùng với việc tổ chức những cuộc thi đấu thể thao cho người chấp hành án phạt tù.

Thứ hai, các nhà tù ở Trung Quốc thể hiện một cơ chế cải tạo thông qua lao động đối với người chấp hành án phạt tù. Pháp luật Trung Quốc thực hiện việc sử dụng lao động như một biện pháp cải tạo người chấp hành án phạt tù chứ không phải là một hình thức hành hạ người chấp hành án phạt tù hay nhằm mục đích thu lợi nhuận. Những hoạt động lao động giúp người chấp hành án phạt tù quen với công việc, thúc đẩy tinh thần lao động, vượt qua những thói quen xấu, tăng cường tinh thần tuân thủ kỷ luật và có được những kỹ năng lao động sản xuất như là một công cụ kiếm sống khi đã mãn hạn tù. Các nhà tù tổ chức lao động theo những điều kiện môi trường và kỹ thuật phù hợp cho người chấp hành án phạt tù và thực hiện những chế độ bảo hiểm, bảo hộ lao động như đối với những doanh nghiệp khác ngoài xã hội. Các nhà tù cũng áp dụng chế độ về thời gian lao động do Nhà nước quy định và bảo đảm quyền nghỉ ngơi cho người chấp hành án phạt tù trong những ngày nghỉ lễ hợp pháp.

Thứ ba, các nhà tù ở Trung Quốc cũng thi hành một chính sách cải tạo người chấp hành án phạt tù thông qua các biện pháp thuyết phục để giúp cho người chấp hành án phạt tù tin tưởng vào tương lai của họ. Thực tế cho thấy, người chấp hành án phạt tù ở Trung Quốc có độ tuổi dưới 35 chiếm 80% tổng số người chấp hành án phạt tù, do vậy các nhà tù ở Trung Quốc yêu cầu cán bộ quản lý nhà tù đối xử với các người chấp hành án phạt tù như cha mẹ đối xử với con cái, như thầy đối với trò và như bác sĩ đối với bệnh nhân. Nhân viên nhà tù đối xử với người chấp hành án phạt tù rất nhiệt tâm, luôn kiên nhẫn giáo dục và giúp đỡ họ. Các nhà tù cũng cho phép những người chấp hành án phạt tù có thái độ cải tạo tốt có thể được về đoàn

tụ với gia đình trong một vài ngày. Những biện pháp này giúp cho người chấp hành án phạt tù tìm thấy được hy vọng và hướng tới tương lai của họ.

Thứ tư, Trung Quốc cũng vận động nhiều tổ chức xã hội cùng phối hợp với nhau để giúp đỡ, giáo dục và tái hòa nhập cộng đồng cho người chấp hành án phạt tù đã chấp hành xong hình phạt tù. Việc tái hòa nhập của người chấp hành án phạt tù là một vấn đề xã hội lớn mà chỉ riêng các nhà tù thì rất khó có thể thực hiện được, do đó, rất cần có sự hỗ trợ từ toàn thể xã hội.

Qua những nỗ lực trên, Trung Quốc đã cải tạo thành công một số lượng lớn người chấp hành án phạt tù trước đây đã từng coi thường pháp luật và đạo đức xã hội, thiếu sự ổn định về mặt tinh thần, thất học và không nghề nghiệp trở thành những người biết tuân thủ pháp luật, có đạo đức, được giáo dục, được học tập những kỹ năng sản xuất và có khả năng nuôi sống bản thân bằng chính sức lao động của họ. Họ tái hòa nhập xã hội với tư cách là những công dân có ích cho xã hội, do đó, họ lấy lại được nhân phẩm và phục hồi được các quyền lợi của họ.

Nhìn chung, việc bảo vệ các quyền của người chấp hành án phạt tù trong các nhà tù Trung Quốc phù hợp với tinh thần cơ bản của Tuyên ngôn toàn thế giới về nhân quyền của LHQ năm 1948, Công ước về các quyền dân sự và chính trị năm 1966, Công ước về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa năm 1966 và phù hợp với Các quy tắc về tiêu chuẩn tối thiểu về đối xử với tù nhân của LHQ năm 1955... Tuy nhiên, do điều kiện kinh tế, do nhận thức của một số cán bộ quản lý nhà tù về pháp luật và người chấp hành án phạt tù còn hạn chế và do trình độ nghề nghiệp của họ còn non yếu nên việc bảo đảm quyền người chấp hành án phạt tù vẫn còn một số hạn chế nhất định.

2.4.2. Quyền của người bị kết án phạt tù trong thi hành án hình sự ở Cộng hòa Pháp

Là nước tiêu biểu của hệ thống pháp luật Châu Âu lục địa, nên nguồn luật điều chỉnh THAHS ở Pháp là các đạo luật thành văn. THAHS được quy định trong BLTTHS năm 1957 tại quyền thứ năm và luật này đã được sửa đổi bổ sung nhiều lần. Tại Pháp, những tội phạm hình sự bị xử lý bằng hình phạt tù là phổ biến, hình phạt tù còn được áp dụng khi người bị kết án không nộp tiền phạt hoặc án phí. Điều này chỉ có ngoại lệ khi người bị kết án là người chưa thành niên và người già từ 65 tuổi trở lên.

Chẳng hạn, Điều 751 Luật số 85 - 407 ngày 30/12/1985 quy định: “Người chưa thành niên và người già từ 65 tuổi trở lên, vào thời điểm tuyên án không thể bị phạt giam do không nộp tiền phạt hoặc án phí”.

Điểm nổi bật trong luật thi hành án hình sự của Pháp là nhấn mạnh thẩm quyền của Viện Công tố và quy định các cơ quan chuyên trách bảo đảm thi hành án ngay trong TA. Chẳng hạn, Điều 708 BLTTHS nêu trên quy định: “Theo yêu cầu của Viện Công tố bản án được thi hành ngay sau khi có hiệu lực pháp luật”. Như vậy, bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành ngay sau khi tuyên án theo yêu cầu của Viện Công tố mà không phải chờ Chánh án ra quyết định thi hành án và theo quy định tại Điều 709, Viện trưởng Viện Công tố bên cạnh Tòa sơ thẩm, phúc thẩm có quyền trực tiếp yêu cầu lực lượng công quyền hỗ trợ thi hành án. Tại Pháp, trong mỗi tòa sơ thẩm, thẩm quyền rộng có một hoặc nhiều thẩm phán đảm nhiệm chức năng Thẩm phán thi hành án (Điều 709, Luật số 72-1226 ngày 29/12/1972). Như vậy, việc bảo đảm cho bản án quyết định được thi hành ngay, giao cho người chuyên trách thực hiện chính là một cách thức bảo vệ quyền của NBKAPT. Để bảo đảm quyền của NBKAPT, luật THAHS của Pháp cũng quy định về việc đình chỉ hoặc thi hành từng phần hình phạt, miễn chấp hành án phạt tù, giảm thời hạn chấp hành án phạt tù, trả tự do cho người chấp hành án phạt tù.

Nhằm thể chế hóa quyền của NBKAPT, chế độ trại giam của Pháp đề cao việc giáo dục cải tạo. Có thể dẫn chứng cho điều này trong Điều 720 và 722 BLTTHS nêu trên. Theo đó, kết quả lao động, học nghề là những tiêu chuẩn đánh giá để bảo đảm việc tái hòa nhập xã hội và đạo đức của người chấp hành án phạt tù. Chế độ trại giam của Pháp cũng nhấn mạnh việc các nhà tù phải tiến hành những chuẩn bị cần thiết để bảo đảm cho việc lao động, học nghề của người bị giam nếu họ muốn. Quan hệ lao động của người chấp hành án phạt tù không phải là đối tượng của hợp đồng lao động, trừ những hoạt động ở bên ngoài trại giam. Điều đáng chú ý nữa là, “Trong phạm vi điều kiện do pháp luật quy định, Thẩm phán phụ trách thi hành án cho phép người chấp hành án phạt tù được làm việc bên ngoài trại giam theo chế độ bán tự do” (Điều 722 Bộ luật tố tụng hình sự).

Vấn đề bảo đảm quyền của người bị kết án phạt tù trong thi hành án phạt tù được Pháp đặc biệt quan tâm và quy định rõ ràng trong hệ thống pháp luật. Các quy định về hình thức và chế độ giam giữ NBKAPT có ý nghĩa hết sức quan trọng vì nó trực tiếp tác động đến hiệu quả của công tác giáo dục cải tạo người phạm tội. Cộng hòa Pháp đã cho áp dụng hình thức giám sát điện tử đối với người phạm tội bị phạt tù giam. Ngày 26/10/2005, Thượng viện Pháp đã thông qua Dự luật về xử lý những trường hợp tái phạm hình sự, theo đó người phạm tội sau khi chấp hành án một thời gian thay vì tiếp tục phải ngồi tù, họ được mang vòng điện tử để tại ngoại.

Tại Cộng hòa Pháp, theo quy định của pháp luật, nếu NBKAPT vào trại giam mà không biết đọc, không biết viết thì bắt buộc trại giam phải có trách nhiệm dạy văn hóa, bảo đảm cho người chấp hành án phạt tù biết đọc, biết viết thông thạo, đồng thời người chấp hành án phạt tù có quyền tham gia vào tất cả các chương trình học tập, được cung cấp các dụng cụ học tập và tài liệu giáo dục cần thiết phù hợp với điều kiện giam giữ. Trong thời gian chấp hành án trong các trại giam, người chấp hành án phạt tù có thể theo học các lớp học từ xa do các cơ sở của Bộ Giáo dục tổ chức. Đối với trường hợp người chấp hành án phạt tù học xong chương trình giáo dục tiểu học có thể dự thi lấy chứng chỉ. Cùng với việc học văn hóa, PN trong các trại giam của Pháp có quyền được thỏa mãn các đòi hỏi của đời sống tín ngưỡng, tinh thần hay tôn giáo của họ. Theo đó, người chấp hành án phạt tù có quyền tiếp đón mục sư, linh mục và được tham dự các lễ tôn giáo. Điều này rất có ý nghĩa trong việc ổn định tinh thần của người chấp hành án phạt tù trong quá trình chấp hành án. Dạy nghề cho người chấp hành án phạt tù trong các trại giam là một hoạt động được hết sức được quan tâm. Ở Pháp, theo quy định của pháp luật, người chấp hành án phạt tù được bố trí theo học những khóa học về kỹ thuật, ngoài ra người chấp hành án phạt tù cũng được hưởng chế độ “nửa tự do” để theo học một khóa học bên ngoài người chấp hành án phạt tù nếu xét thấy việc này là cần thiết cho việc tái hòa nhập cộng đồng của họ. Dạy nghề cho người chấp hành án phạt tù giúp cho họ có một nghề nghiệp nhất định để khi ra tù có điều kiện thích ứng với nhu cầu của xã hội và bảo đảm cuộc sống của bản thân họ. Ngoài ra, đối với vấn đề tái hòa nhập cộng đồng đối với người hết hạn tù cũng được Cộng hòa Pháp rất quan

tâm. Theo quy định, mỗi trại giam tại Pháp đều thành lập Phòng Xã hội - Giáo dục; cơ quan tòa án có ủy ban án treo và trợ giúp người mãn hạn tù. Các ủy ban này hoạt động với sự tham gia của các cơ quan nhà nước hoặc các nhà hảo tâm nhằm giúp đỡ những người mãn hạn tù tìm kiếm việc làm, trợ giúp vật chất, giúp ổn định chỗ ở,... Tất cả đều nhằm giúp những người mãn hạn tù nhanh chóng tái hòa nhập cộng đồng. Việc quan tâm của các cơ quan, tổ chức xã hội và các nhà hảo tâm trong việc giúp đỡ những người mãn hạn tù sớm hòa nhập cộng đồng có ý nghĩa rất quan trọng trong việc củng cố và nâng cao hiệu quả của quá trình giáo dục cải tạo người chấp hành án phạt tù trong các trại giam. Ngoài ra, điều này cũng làm giảm một cách đáng kể hành vi tái phạm của những người mãn hạn tù, thông qua đó góp phần nâng cao hiệu quả phòng ngừa tội phạm nói chung.

2.4.3. Quyền của người bị kết án phạt tù trong thi hành án hình sự ở Vương Quốc Anh

Hình phạt tù là một trong ba loại hình phạt ở Vương quốc Anh bên cạnh hình phạt tử hình và hình phạt tiền. Trong các loại hình phạt, pháp luật nước này chủ yếu quy định hình phạt tù và hình phạt tiền. Pháp luật cũng quy định chặt chẽ về hình phạt tù đối với người phạm tội là người chưa thành niên. Vương quốc Anh là điển hình cho hệ thống pháp luật Anh - Mỹ. Do vậy, pháp luật về THAHS được tiến hành với hai loại nguồn cơ bản là án lệ và các đạo luật thành văn. Trong đó, án lệ là loại nguồn chủ yếu, thường xuyên được viện dẫn để giải quyết các vụ việc liên quan tới quyền của người bị kết án phạt tù trong THAHS. Quyền của NBKAPT trong THAHS ở Vương quốc Anh được quan tâm từ rất lâu và tổ chức thực hiện với nhiều đạo luật. Dẫn chứng cho điều này là Vương quốc Anh đã có đạo luật hình sự từ năm 1948, đạo luật về hành vi phạm tội chưa đạt năm 1981, đạo luật về tư pháp hình sự năm 1982, đạo luật về nhà tù năm 1952.

Bảo đảm quyền của NBKAPT trong THAHS của Vương quốc Anh được thực hiện theo hướng loại bỏ sự vô nhân đạo và không áp dụng chế độ trại giam hà khắc. Để thực hiện điều này, năm 1948 Vương quốc Anh đã bãi bỏ hình phạt tù khổ sai và hình phạt tù lao động nặng nhọc. Vương quốc Anh cũng đề cao quan điểm hạn chế áp dụng hình phạt tù, TA chỉ áp dụng hình phạt này nếu các biện pháp

cưỡng chế khác không có hiệu quả và đề cao việc phòng ngừa các hành vi xâm phạm quyền của quyền của người chấp hành án phạt tù. Thể hiện tinh thần này, đạo luật hình sự năm 1961 quy định đối với người chưa thành niên dưới 17 tuổi thì không áp dụng hình phạt tù. Khi quyết định hình phạt tù, TA được tạm giữ người bị kết án tại đồn cảnh sát, tại trụ sở TA nhưng không được quá 8 giờ tối của hôm ra quyết định. Sau đó, TA phải tổ chức đưa ngay người bị kết án tới nhà tù. Điểm đáng chú ý nữa liên quan tới bảo đảm quyền của NBKAPT trong THAHS là “Vương quốc Anh áp dụng chế độ miễn chấp hành hình phạt tù không điều kiện và chế độ miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện. Hoạt động này được ghi nhận như là các biểu hiện của sự coi trọng giáo dục cải tạo NBKAPT trong THAHS”.

2.4.4. Quyền của người bị kết án phạt tù trong thi hành án hình sự ở Canada

Tại Canada, không tìm thấy nhiều sự khác biệt trong quan niệm về bảo đảm quyền của NBKAPT trong THAHS so với nước khác trong cùng hệ thống pháp luật. Tuy nhiên, điểm nổi bật của Canada là việc dân sự hóa tối đa trong thi hành án phạt tù. Mục đích cơ bản của thi hành án phạt tù được xác định không phải là giúp người chấp hành án phạt tù thừa nhận tác hại của hành vi phạm tội họ đã thực hiện mà nhằm bảo vệ lợi ích của chính bản thân họ. Các nguyên tắc cơ bản của chế độ trại giam là bảo đảm an toàn cho cộng đồng, tái hòa nhập cộng đồng cho người chấp hành án phạt tù, thực hiện công khai, chịu trách nhiệm trước công chúng và người bị hại trong quá trình ra quyết định, bảo đảm sự công bằng trong quản lý nhà tù và đối xử với PN.

Chế độ trại giam của Canada được xây dựng trên quan điểm cho rằng: “Việc bỏ tù đã là một hình phạt rồi, cho nên không cần trừng trị người phạm tội thêm một lần nữa trong tù”. Theo đó, Canada không bắt buộc người chấp hành án phạt tù phải lao động để cải tạo. Việc lao động sản xuất trong nhà tù là tự nguyện, việc xây dựng chương trình cải tạo phải dựa trên sự đồng ý của người chấp hành án phạt tù. Người chấp hành án phạt tù có quyền tham gia xây dựng kế hoạch cải tạo mà Ban quản lý nhà tù thiết kế cho họ. Những người không muốn tham gia kế hoạch đó có thể tham gia chương trình học tập, cải tạo khác. Tuy nhiên, người chấp hành án phạt tù nào từ chối tham gia tất cả các chương trình giáo dục cải tạo thì sẽ khó được tha tù trước thời hạn.

Các cán bộ nữ thường được sử dụng để giám sát người chấp hành án phạt tù nam và làm việc ca đêm với các người chấp hành án phạt tù nam. Hầu hết cán bộ quản giáo không mặc đồng phục khi làm việc. Các cán bộ quản giáo không thuộc lực lượng Cảnh sát, họ phải tự chịu chi phí đào tạo, tuyển dụng vào làm việc tại nhà tù.

Văn phòng điều tra viên tại nhà tù là nơi tiếp nhận khiếu nại, điều tra khiếu nại của người chấp hành án phạt tù. Văn phòng này độc lập với các cơ quan quản lý nhà tù của Canada, là cơ chế phòng ngừa lạm dụng quyền lực đối với người chấp hành án phạt tù. Trả tự do khi hết thời hạn chấp hành án phạt tù là rất hiếm ở Canada, tuyệt đại đa số người chấp hành án phạt tù ở Canada được tha tù trước thời hạn.

2.4.5. Nhận xét về quyền của người bị kết án phạt tù trong thi hành án hình sự ở một số nước trên thế giới

Nghiên cứu quyền của NBKAPT trong THAHS ở một số nước tiêu biểu cho thấy, do điều kiện cụ thể ở các nước không giống nhau, nên quy định của pháp luật ở các nước cũng có những điểm khác biệt. Những khác biệt này thể hiện ở các khía cạnh như pháp luật về THAPT, trại giam và chế độ trại giam, vấn đề giám sát và quản lý nhà nước về THAPT. Điều đó phản ánh sự phức tạp và nhận thức khác nhau của các quốc gia về quyền của NBKAPT trong THAHS. Thậm chí, một số quốc gia có những quan điểm trái ngược nhau về quan niệm, cách thức bảo đảm quyền của NBKAPT trong THAHS. Mặc dù vậy, điểm chung trong vấn đề quyền của NBKAPT và bảo đảm quyền của NBKAPT trong THAHS của các nước trên là:

- Mục tiêu bảo vệ quyền của người chấp hành án phạt tù là vấn đề tất cả các quốc gia đều hướng tới, vì đây là giá trị chung của nhân loại. Bảo đảm quyền của người chấp hành án phạt tù là trách nhiệm của nhiều chủ thể khác nhau, nhưng trước hết thuộc về các cơ quan nhà nước. Các nước đều thiết lập nên những phương thức thiết chế để bảo đảm quyền của NBKAPT trong THAHS.

- Quyền của NBKAPT trong THAHS liên quan tới nhiều lĩnh vực pháp luật, nhưng chủ yếu được ghi nhận trong Hiến pháp và thể chế hóa thành các quy định của luật hình sự, luật tố tụng hình sự và luật THAHS.

- Bảo đảm quyền của NBKAPT trong THAHS được tiến hành với trình tự, thủ tục chặt chẽ và cơ chế giám sát bắt buộc, nhấn mạnh hoạt động của các cơ quan chuyên nghiệp thực hiện hoạt động này.

- Quyền của NBKAPT trong THAHS trên phương diện pháp luật đang trong quá trình quốc tế hóa sâu sắc thông qua việc các nước tích cực tiếp cận những chuẩn mực quốc tế về vấn đề này, ký kết thực hiện các điều ước quốc tế liên quan tới quyền của NBKAPT trong THAHS. Xu thế chủ yếu hiện nay là dân sự hóa hoạt động này, giảm tải gánh nặng cho nhà nước trong việc THAHS. Đây vừa là một cách thức để cân bằng, kiểm soát quyền lực nhà nước, vừa là biện pháp bảo đảm quyền của NBKAPT trong THAHS.

Có thể thấy, kinh nghiệm của các quốc gia trên đã thể hiện sự đa dạng, phong phú và đều liên quan tới bảo đảm quyền của NBKAPT trong THAHS. Nghiên cứu vấn đề này là cần thiết để xem xét vận dụng ở Việt Nam hiện nay.

Kết luận Chương 2

Kết quả nghiên cứu ở Chương 2 đã làm rõ được những vấn đề lý luận về quyền của NBKAPT trong THAHS. Qua đó, đã làm rõ được khái niệm quyền của người bị kết án phạt tù trong thi hành án hình sự và nội dung các quyền của người bị kết án phạt tù trong thi hành án hình sự.

Trên cơ sở những nhận thức những vấn đề về lý luận, đã giúp NCS xây dựng được khái niệm và hệ thống về tổ chức thực hiện bảo đảm quyền của NBKAPT ở Việt Nam. Đồng thời, cũng đã tìm hiểu, đánh giá một số kinh nghiệm bảo đảm quyền của NBKAPT trong THAHS ở một số nước điển hình trên thế giới và vấn đề nội luật hóa pháp luật quốc tế liên quan đến người bị kết án, theo đó tìm ra những giá trị phù hợp có thể áp dụng ở Việt Nam.

Như vậy, có thể thấy, việc nghiên cứu cơ sở lý luận về bảo đảm quyền của người bị kết án phạt tù trong thi hành án hình sự ở Việt Nam và tham khảo kinh nghiệm của một số nước điển hình trên thế giới là những điểm lý luận quan trọng, giúp đi sâu nghiên cứu thực trạng trong Chương 3 và đề ra các giải pháp phù hợp tại Chương 4 nhằm bảo đảm quyền của người bị kết án phạt tù ở Việt Nam.

Chương 3

THỰC TRẠNG QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN QUYỀN CỦA NGƯỜI BỊ KẾT ÁN PHẠT TÙ Ở VIỆT NAM

3.1. Thực trạng quy định của pháp luật về quyền của người bị kết án phạt tù ở Việt Nam

3.1.1. *Thực trạng tình hình người bị kết án phạt tù đang chấp hành án*

Hiện nay bối cảnh quốc tế và tình hình ANTT ở nước ta có nhiều diễn biến phức tạp, khó dự báo. Tình hình tội phạm và các vi phạm pháp luật vẫn phức tạp, có chiều hướng gia tăng cả về số lượng và tính chất mức độ nguy hiểm, thủ đoạn phạm tội ngày càng tinh vi. Nhiều tội phạm hoạt động núp bóng doanh nghiệp, nhiều băng ổ nhóm tội phạm lộng hành, sử dụng hung khí đâm thuê chém mướn, truy sát, tranh giành địa bàn hoạt động; có một số vụ giết người dã man, tàn bạo; tình trạng bạo lực, xâm hại phụ nữ, trẻ em, chống người thi hành công vụ ngày càng liều lĩnh nguy hiểm, tội phạm tham nhũng, tội phạm sử dụng công nghệ cao, xảy ra nhiều vụ đại án...

Từ những nguyên nhân phức tạp của tình hình ANTT nêu trên dẫn đến số PN trong các cơ sở giam giữ vẫn tiếp tục gia tăng. Theo Báo cáo tổng kết công tác THAHS và hỗ trợ tư pháp từ năm 2010 đến năm 2018: năm 2010 là 106.260 PN; năm 2011 là 116.274 PN; năm 2012 là 130.554 PN; năm 2013 là 133.149 PN; năm 2014 là 150.726 PN; năm 2015 là 132.022 PN; năm 2016 là 139.405 PN; năm 2017 là 133.790 PN. (Theo Báo cáo của VKS nhân dân tính đến ngày 25/5/2018 số NBKAPT đang chấp hành án trong các trại giam, trại tạm giam và cơ sở giáo dục của BCA có 134401 PN, đang chấp hành án tại BQPL là 355 PN). Số PN ở các cơ sở giam giữ do BCA quản lý trên toàn quốc có 141.850 đối tượng - tăng 1,7%; số người bị án tử hình tăng 13,5%; người bị tạm giữ tạm giam tăng 1,1%. Đây là một số lượng rất lớn về người chấp hành án phạt tù. Điều này cũng đặt ra cho nhà nước, các cơ quan có thẩm quyền phải nghiên cứu đổi mới chính sách THAHS, theo đó phải thực hiện đồng bộ công tác phân công, phối hợp, kiểm soát để đảm bảo vấn đề về quyền của người đang chấp hành án trong thực tiễn xã hội hiện nay.

3.1.2. Thực trạng quy định về chủ thể tổ chức thực hiện quyền của người bị kết án

Điều 106 Hiến pháp năm 2013 quy định: “*Bản án, quyết định của Tòa án nhân dân có hiệu lực pháp luật phải được cơ quan, tổ chức, cá nhân tôn trọng; cơ quan, tổ chức cá nhân hữu quan phải nghiêm chỉnh chấp hành*”. Như vậy, chấp hành bản án là một hoạt động không thể thiếu được sau hoạt động xét xử. Bởi hoạt động này chỉ có ý nghĩa khi nghĩa vụ của người phải chấp hành bản án được TA xác định trong bản án, quyết định được thi hành và vấn đề này càng có ý nghĩa hơn trong thực tiễn hiện nay khi xác định vai trò của các cơ quan nhà nước trong đảm bảo QCN trong thi hành bản án. Việc chấp hành bản án sẽ củng cố kết quả của công tác xét xử, bảo đảm hiệu lực bản án, quyết định của TA bảo vệ lợi ích của Nhà nước, bảo hộ các quyền, lợi ích hợp pháp của các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội và công dân, góp phần tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa khi các chủ thể, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền tham gia vào việc đảm bảo QCN trong chấp hành bản án của TA đã tuyên về hình phạt tù.

Trên thực tế, TA giải quyết nhiều loại vụ án khác nhau, tính chất của các quyết định và nghĩa vụ của người phải chấp hành bản án phải thực hiện trong thi hành bản án cũng khác nhau nên phải có nhiều loại hình thi hành bản án. Nếu căn cứ vào hình thức các bản án, quyết định TA đã tuyên thì có các loại hình THAHS, thi hành bản án dân sự, thi hành bản án kinh tế, thi hành bản án lao động, thi hành bản án hành chính và thi hành quyết định tuyên bố phá sản doanh nghiệp. Nếu căn cứ vào tính chất của các quyết định của TA và nghĩa vụ mà người phải chấp hành bản án phải thực hiện trong quá trình thi hành bản án thì có các loại THAHS, thi hành bản án dân sự, thi hành bản án hành chính. Tuy vậy, việc phân loại các loại hình chấp hành bản án chỉ mang tính chất tương đối vì thi hành bản án là xuất phát từ các bản án, quyết định của TA mà trong mỗi bản án, quyết định của TA đều có thể chứa đựng nhiều vấn đề liên quan đan xen lẫn nhau. Trong bản án hình sự có thể có cả các quyết định về hình sự, quyết định về dân sự như quyết định về hình phạt tù và quyết định về phạt tiền, về bồi thường thiệt hại tài sản.

THAHS là việc thực hiện các quyết định của TA về hình phạt tử hình, phạt tù, phạt cải tạo không giam giữ, phạt quản chế... Trừ hình phạt tử hình nhằm loại bỏ

những kẻ phạm tội đặc biệt nghiêm trọng không có khả năng cải tạo, còn các hình phạt khác đều nhằm giáo dục người bị kết án trở thành người lương thiện. Do tính chất của các quyết định của TA nên các biện pháp được áp dụng mang tính cưỡng chế cao, người bị kết án nếu không tự nguyện chấp hành, cơ quan thi hành án sẽ dùng các biện pháp cưỡng chế buộc phải thi hành như bắt giữ, dẫn giải, truy nã. Để tránh những sai lầm dẫn đến những hậu quả không thể khắc phục được do những sơ xuất chủ quan của lực lượng thi hành án (nhất là đối việc thi hành án tử hình) nên thủ tục thi hành án được quy định hết sức chặt chẽ. Việc thi hành án chỉ được tiến hành khi bản án, quyết định của TA có hiệu lực pháp luật, trừ trường hợp bị cáo đang bị tạm giam mà TA cấp sơ thẩm quyết định đình chỉ vụ án, không kết tội, miễn hình phạt cho bị cáo, hình phạt không phải là tù giam hoặc phạt tù giam nhưng cho hưởng án treo hoặc khi thời hạn phạt tù bằng hoặc ngắn hơn thời hạn đã tạm giam thì bản án, quyết định sơ thẩm được thi hành ngay (vấn đề này đã được quy định trong BLTTHS). Mục đích của thi hành án chủ yếu là giáo dục người bị kết án trở thành người lương thiện và bảo đảm quyền và nghĩa vụ cho người chấp hành án, nâng cao vai trò uy tín của nhà nước trong thực tiễn xã hội, nên các biện pháp áp dụng trong thi hành án nhằm tác động vào tư tưởng, cải tạo tư tưởng của người bị kết án và diễn ra trong một quá trình tương đối dài. Trong THAHS, các bản án, quyết định hình sự của TA rất đa dạng. Do vậy, khó có một cơ quan nào có thể đảm nhiệm được đầy đủ việc thi hành các bản án, quyết định của TA. Việc thi hành các bản án, quyết định phải do nhiều cơ quan, tổ chức thực hiện.

Qua nghiên cứu tìm hiểu các loại hình THAPT cho thấy xác định chủ thể tham gia đảm bảo quyền của người đang chấp hành án phạt tù hiện nay bao gồm những cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền sau:

Để quản lý hoạt động thi hành án của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, việc quản lý công tác thi hành án nói chung hiện do Bộ Tư pháp đảm nhiệm, Bộ Tư pháp là cơ quan giúp Chính phủ quản lý các công tác tư pháp liên quan đến thi hành án, BCA là cơ quan giúp Chính phủ thực hiện các hoạt động thi hành án của những người bị kết án tù (tù có thời hạn, tù chung thân). Bên cạnh đó theo quy định của pháp luật hiện hành thì TA đang “can thiệp” vào quá trình THAHS dưới các hoạt

động chuyển giao bản án, quyết định, giải thích bản án, quyết định... Hơn nữa, theo quy định trong BLTTHS về THAHS thì việc thi hành án chủ yếu được điều chỉnh bởi Luật THAHS (Luật THAHS quy định trình tự, thủ tục THAHS, bao gồm thủ tục thi hành án tử hình, thủ tục THAPT, thủ tục thi hành án cải tạo không giam giữ...). Để đảm bảo cho việc tham gia vào hoạt động thi hành án và chấp hành án có hiệu quả, cần phải đề cập đến vai trò của VKS trong vai trò giám sát việc quản lý các bản án phạt tù đang thi hành trong thực tiễn và vấn đề thực hiện chế độ chính sách của nhà nước đối với các cơ quan quản lý thi hành án và cơ quan trực tiếp thi hành án. Để thực hiện có hiệu quả quá trình chấp hành án của NBKAPT không thể không nhắc đến cơ quan trực tiếp quản lý thi hành án và cơ quan thi hành án đó là các cơ quan nghiệp vụ trực thuộc BCA, BQP và cơ quan trại giam nơi quản lý người đang chấp hành án phạt tù. Ngoài ra theo quy định của Luật THAHS năm 2010 còn có sự tham gia của Ủy ban nhân dân các cấp cũng tham gia vào vấn đề đảm bảo quyền của NBKAPT.

Như vậy dựa vào các văn bản pháp luật của nhà nước, chúng ta có thể thấy có các cơ quan, chủ thể sau đây tham gia việc đảm bảo QCN trong chấp hành án phạt tù: Chính phủ; Bộ Tư pháp; BCA; BQP, Ủy ban nhân dân; TA nhân dân; VKS nhân dân các cấp có thẩm quyền tham gia các hoạt động thi hành án và một số các cơ quan bộ, ngành có liên quan được đề cập trong Hiến pháp, Luật Tổ chức chính phủ, Luật THAHS...

Sở dĩ cần xác định chủ thể tham gia đảm bảo quyền của người đang chấp hành án phạt tù là để xác định các quan hệ phối hợp của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong thực hiện chính sách hình sự của Nhà nước đối với người phạm tội, xác định vai trò của các cơ quan nhà nước trong đấu tranh ngăn chặn các thế lực thù địch lợi dụng việc chúng ta thực hiện thi hành bản án phạt tù để nói xấu chế độ, chính sách của nhà nước trong việc bảo đảm QCN ở thực tiễn xã hội.

3.1.3. Thực trạng thực hiện quyền của người bị kết án phạt tù đang chấp hành án

Việc chấp hành bản án của NBKAPT đang chấp hành án được thực hiện trong trại giam là chủ yếu. Các hoạt động này chính là việc thực hiện chế độ chính

sách của Nhà nước cho NBKAPT đang chấp hành án ở trại giam. Các chế độ chính sách này được thể hiện ở các quy định pháp luật sau đây:

Theo quy định của pháp luật, NBKAPT có thời hạn, tù chung thân đang chấp hành án trong trại giam là PN. PN là những “công dân đặc biệt” của xã hội, họ có địa vị pháp lý đặc biệt, với tư cách là những người phạm tội họ bị tước bỏ, hạn chế một số quyền lợi nhất định theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, xuất phát từ bản chất ưu việt của Đảng, Nhà nước Việt Nam, truyền thống nhân đạo của dân tộc, với mục đích là giáo dục PN trở thành những công dân có ích cho xã hội thì trong quá trình chấp hành hình phạt tù PN vẫn được Nhà nước bảo đảm quyền sống, được tôn trọng về nhân phẩm và bất khả xâm phạm về thân thể. Các chế độ ăn, mặc, ở, các chính sách pháp luật và tham gia các hoạt động giáo dục thường xuyên theo quy định của pháp luật, cụ thể là:

3.1.1.1. Quyền sống, quyền được tôn trọng về nhân phẩm và bất khả xâm phạm về thân thể.

Quyền sống, quyền được tôn trọng về nhân phẩm và bất khả xâm phạm về thân thể của con người được ghi nhận trong Hiến pháp năm 2013 và được cụ thể hóa trong nhiều văn bản như: Bộ Luật Dân sự năm 2005, BLHS năm 2015, BLTTHS năm 2015, Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2009, Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004,...Ngoài ra, các văn bản dưới luật (Nghị định của Chính phủ, Nghị quyết của Hội đồng thẩm phán TA nhân dân tối cao, Thông tư của các Bộ, ngành) cũng có những quy định bảo đảm quyền sống của con người. Đặc biệt là trong Luật THAHS năm 2010, quy chế trại giam...

Tại Điều 19 Hiến pháp năm 2013, Quyền sống của con người được ghi nhận “*Mọi người có quyền sống. Tính mạng con người được pháp luật bảo hộ. Không ai bị tước đoạt tính mạng trái luật*”[7]. Theo quy định pháp luật THAHS hiện nay thì quyền sống của NBKAPT được hiểu là một quyền hàm chứa, nghĩa là không được ghi nhận trực tiếp trong một văn bản pháp luật nào mà đòi hỏi chúng ta phải viện dẫn từ nhiều văn bản pháp luật có liên quan như: Hiến pháp, BLHS và Luật THAHS. Theo quy định của BLHS năm 2015, trong hệ thống cách hình phạt chính có 2 loại hình phạt tù đó là tù có thời hạn và tù chung thân. 1 “*Tù có thời hạn là buộc người bị kết án*

phải chấp hành hình phạt tại trại giam, CSGG trong một thời hạn nhất định”[11]. 2 “*Tù chung thân là hình phạt tù không thời hạn được áp dụng đối với người phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, nhưng chưa đến mức bị xử lý phạt tử hình*”[11]. Điều đó có nghĩa là, NBKAPT phải chấp hành hình phạt tại trại giam hoặc cơ sở giam giữ, bị cách ly với xã hội, bị tước quyền tự do đi lại, cư trú trong thời gian chấp hành án phạt tù. Như vậy, ngoài các quyền bị tước và hạn chế, NBKAPT được hưởng các quyền khác, trong đó có quyền sống. Để bảo đảm quyền sống của con người nói chung và của NBKAPT nói riêng, BLHS năm 2015 đã quy định các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người tại Chương XIV (từ Điều 123 đến Điều 156). Tuy nhiên, trong BLHS năm 2015 cũng chưa có điều luật nào quy định về hành vi tra tấn là hành vi rất dễ phát sinh trong quá trình THAPT ở các trại giam hay cơ sở giam giữ.

Điều 20 Hiến pháp năm 2013 quy định: “*Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe, danh dự và nhân phẩm; không bị tra tấn, bạo lực, truy bức, nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, sức khỏe, xúc phạm danh dự, nhân phẩm*”[7]. “Không ai bị bắt nếu không có quyết định của TA nhân dân, quyết định hoặc phê chuẩn của VKS nhân dân, trừ trường hợp phạm tội quả tang. Việc bắt, giam, giữ người do luật định”[7]. Mọi hình thức truy bức, nhục hình, đối xử vô nhân đạo, xúc phạm danh dự nhân phẩm của người dân đều bị nghiêm cấm.

Đối với người bị kết án đang THAPT, quyền này được ghi nhận tại khoản 3, Điều 4 Luật THAHS năm 2010 quy định về nguyên tắc THAHS, theo đó quá trình THAHS phải: “*bảo đảm nhân đạo xã hội chủ nghĩa; tôn trọng nhân phẩm, quyền, lợi ích hợp pháp của người chấp hành án*”[6]. Tuy nhiên, quy định của Luật THAHS chưa bao trùm hết nội dung của quyền này, chưa ghi nhận về quyền bất khả xâm phạm về thân thể của người bị kết án đang THAPT, đây là quyền quan trọng của người bị kết án. Cũng giống như quy định về một số quyền khác của người bị kết án đang THAPT, để hiểu được quyền này cũng đòi hỏi phải viện dẫn từ nhiều văn bản pháp luật khác có liên quan.

Để bảo đảm quyền bất khả xâm phạm về thân thể, danh dự, nhân phẩm của con người nói chung và của NBKAPT nói riêng, BLHS năm 2015 đã quy định Tội bức cung, Tội dùng nhục hình và một số hành vi xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm con người có thể bị coi là tra tấn trong một số trường hợp nhất định. Hình phạt đối với các hành vi phạm tội nêu trên rất nghiêm khắc; tùy theo từng tội phạm và các yếu tố tăng nặng trách nhiệm hình sự mà hình phạt có thể là tù chung thân. Đồng thời, những hành vi đồng phạm với hành vi tra tấn nêu trên đều bị xử lý theo quy định tại Điều 17 Bộ luật này và các điều luật về các tội phạm tương ứng với vai trò đồng phạm như: người tổ chức, người thực hành, người xúi giục, người giúp sức. Những hành vi che giấu, không tố giác hành vi tra tấn, tùy theo tính chất, mức độ có thể bị xử lý hình sự hoặc hành chính. Tuy nhiên, mặc dù BLHS năm 2015 đã có hai tội danh nêu trên nhưng các tội này chưa bao trùm hết nội hàm theo định nghĩa rất rộng về hành vi tra tấn được nêu trong Điều 1 Công ước chống tra tấn của LHQ[24].

Đối với khía cạnh thứ hai của quyền sống là các yếu tố bảo đảm sự tồn tại của con người. Để bảo đảm các yếu tố này, trong thời gian chấp hành án ở các trại giam hay cơ sở giam giữ, NBKAPT được hưởng chế độ ăn, mặc, ở. Chế độ ăn, mặc, ở của người bị kết án đang thi hành hình phạt tù được quy định tại Điều 42, 43 Luật THAHS và từ Điều 8 đến Điều 12 Nghị định số 117/2011/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ quy định về tổ chức quản lý PN và chế độ ăn, mặc ở sinh hoạt, chăm sóc y tế đối với PN.

3.1.1.2. Chế độ của người bị kết án phạt tù (phạm nhân) trong quá trình chấp hành án được hưởng các quyền về ăn, mặc, ở, sinh hoạt, phòng, khám chữa bệnh.

Với bản chất của Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam, chính sách của Nhà nước ta đối với người bị kết án đang chấp hành hình phạt tù được bảo đảm và thực hiện đầy đủ những nhu cầu tối thiểu về chế độ ăn, mặc, ở, chữa bệnh phù hợp với đặc điểm tình hình và điều kiện của đất nước. Kết quả đã nâng cao cuộc sống vật chất, tinh thần cho hàng chục vạn PN, góp phần xây dựng trại giam thực sự trở thành một “ngôi trường đặc biệt” để quản lý, giáo dục người phạm tội trở thành những công dân có ích cho xã hội. Cụ thể là:

- Chế độ ăn đối với PN trong quá trình chấp hành án

Người chấp hành hình phạt tù được Nhà nước bảo đảm tiêu chuẩn ăn. Căn cứ yêu cầu bảo đảm sức khỏe của người chấp hành hình phạt tù trong quá trình bị giam giữ, lao động, học tập tại trại giam, Điều 42 Luật THAHS năm 2010 quy định về Chế độ ăn đối với PN như sau:

1. PN được bảo đảm tiêu chuẩn định lượng về gạo, rau xanh, thịt, cá, đường, muối, nước mắm, bột ngọt, chất đốt. Đối với PN lao động nặng nhọc, độc hại theo quy định của pháp luật, thì định lượng ăn được tăng thêm. Ngày lễ, tết theo quy định của pháp luật, PN được ăn thêm nhưng mức ăn không quá năm lần tiêu chuẩn ăn ngày thường.

Căn cứ yêu cầu bảo đảm sức khỏe của PN trong quá trình giam giữ, lao động, học tập tại nơi chấp hành án, Chính phủ quy định cụ thể định mức ăn phù hợp với điều kiện kinh tế, ngân sách và biến động giá cả thị trường. Giám thị trại giam, Giám thị trại tạm giam, Thủ trưởng cơ quan THAHS Công an cấp huyện có thể quyết định hoán đổi định lượng ăn cho phù hợp với thực tế để bảo đảm cho PN ăn hết tiêu chuẩn.

2. Ngoài tiêu chuẩn ăn quy định tại khoản 1 Điều này, PN được sử dụng quà, tiền của mình để ăn thêm nhưng không được quá ba lần định lượng trong 01 tháng cho mỗi PN.

3. PN được bảo đảm ăn, uống vệ sinh. Việc nấu ăn cho PN do PN đảm nhiệm dưới sự giám sát, kiểm tra của trại giam, trại tạm giam, cơ quan THAHS Công an cấp huyện. Bếp ăn cho PN được cấp các dụng cụ cần thiết cho việc nấu ăn, đun nước uống và chia đồ ăn cho PN theo khẩu phần tiêu chuẩn.

Qua khảo sát một số PN ở các trại giam thuộc BCA quản lý cho thấy, có nhiều PN cho rằng tiêu chuẩn ăn hàng tháng đầy đủ, một số không xác định được ăn như vậy có đảm bảo hay không, một số PN nam tuổi từ 18 đến 30 là lao động nặng nhọc cho rằng tiêu chuẩn ăn chưa được bảo đảm. Cũng qua khảo sát thăm dò có một số PN trả lời thực phẩm cung cấp cho họ là thiếu, về số lượng đã vậy, song việc tổ chức bữa ăn hàng ngày cũng còn những thiếu sót như chưa chia đều thức ăn cho các bữa ăn, thường các bếp PN dồn thức ăn nhiều ngày vào một bữa. Thực trạng trên xuất

phát từ lý do, với tiêu chuẩn thực phẩm có 1,5kg thịt, cá mà chia đều cho 30 ngày thì mỗi ngày có 30gr lại chia tiếp cho 2 bữa không kể ăn sáng thì mỗi bữa chỉ có 15,gr. Như vậy tiêu chuẩn về thực phẩm là quá thấp. Có thể nói rằng đây là vấn đề cần phải quan tâm nhiều hơn về số lượng cũng như công tác kiểm tra, giám sát đối với tiêu chuẩn ăn của PN.

- Chế độ ở (nằm) đối với PN trong quá trình chấp hành án

Theo khoản 4, Điều 42 Luật THAHS năm 2010 quy định về ở của PN như sau: PN được ở theo buồng giam tập thể, trừ PN đang bị giam riêng theo quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 27 của Luật này. Chỗ nằm tối thiểu của mỗi phạm nhân là 02 mét vuông (m^2). Đối với PN có con nhỏ ở cùng thì được bố trí chỗ nằm tối thiểu là 03 mét vuông (m^2).

Trại giam phải chăm lo và bảo đảm các quy định chung về ở của PN, cũng như bảo đảm các điều kiện vệ sinh môi trường. Không để cho PN lấn chiếm chỗ nằm của nhau, hay tự tiện thay đổi chỗ nằm, chen ép, gây khó dễ trong cuộc sống hàng ngày.

Qua khảo sát các trại giam trong toàn quốc đến nay, đã có 93/169 phân trại được đầu tư cải tạo, nâng cấp hoàn toàn theo quy mô giam giữ được duyệt; 21 phân trại đang trong quá trình đầu tư cải tạo nâng cấp; còn 55 phân trại cần tiếp tục đầu tư để bảo đảm quy mô giam giữ (17 phân trại xây mới, 38 phân trại phải cải tạo mở rộng); diện tích nhà giam có 481.986 m^2 ; diện tích chỗ nằm (đủ điều kiện giam giữ) hiện có 230.381 m^2 , đáp ứng được yêu cầu giam giữ theo quy định của Luật THAHS (2 m^2 /1 PN) là 115.180 PN; với số lượng PN thời điểm hiện nay (khoảng 130.313 PN) diện tích sàn chỗ nằm trung bình đạt 1,77 m^2 /1 PN. Cơ sở hạ tầng của các trại giam, trại tạm giam, nhà tạm giữ tuy còn khó khăn (nhất là các trại tạm giam, nhà tạm giữ) nhưng đã có nhiều cải thiện, có điện lưới quốc gia, hệ thống giao thông được cải tạo, nâng cấp tốt hơn.

Tuy nhiên, trong tình hình hiện nay các trại giam trong đều ở vào tình trạng quá tải, không thể đảm bảo được những quy định về ở cho PN. Mặt khác hiện nay tình hình kinh tế, xã hội đặc biệt là tài chính của nhà nước chưa thể khắc phục ngay được tình hình quá tải. Vì vậy, mỗi trại giam cần phải đẩy mạnh lao động sản xuất,

tạo nguồn tài chính, động viên cán bộ, PN bằng khả năng nội lực, kết hợp với kinh phí Nhà nước cấp để củng cố xây dựng trại giam ngày càng khang trang, đẹp đẽ hơn.

- Quy định về mặc và tư trang đối với PN trong quá trình chấp hành án

Điều 43 Luật THAHS năm 2010 quy định: PN được cấp quần áo theo mẫu thống nhất, khăn mặt, chăn, chiếu, màn, dép, mũ hoặc nón, xà phòng; PN nữ được cấp thêm đồ dùng cần thiết cho vệ sinh của phụ nữ. PN tham gia lao động được cấp quần áo bảo hộ lao động và căn cứ vào điều kiện công việc cụ thể được cấp thêm dụng cụ bảo hộ lao động cần thiết. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Thực tế cho thấy, trong điều kiện ở trại giam chủ yếu là lao động phổ thông: làm công việc đồng áng, khai thác vật liệu xây dựng, trồng rừng và chăm sóc rừng... Bên cạnh đó, do đặc thù khí hậu ở nước ta nóng ẩm, chất liệu vải để may quần áo là chất liệu vải thường. Vì vậy chỉ trong một thời gian ngắn quần, áo bị rách, sờn hoặc sau một ngày làm việc ngấm mồ hôi, bụi, bẩn phải giặt giũ nếu như thời tiết không thuận lợi gặp mưa thì ngày hôm sau PN sẽ không có quần, áo mặc để đi làm và buộc họ phải mặc quần, áo tự có (tất nhiên số quần, áo này đều phải đóng số hiệu của trại giam), trong khi đó Luật THAHS năm 2010 quy định PN vào trại giam phải mặc quần áo của trại giam theo mẫu thống nhất.

Bên cạnh quần, áo sử dụng hàng ngày thì quần, áo lót, khăn mặt của PN cũng không đủ dùng... Qua khảo sát PN các trại giam cho thấy hàng năm số lượng quần áo lót, khăn mặt chỉ đủ cho PN dùng trong khoảng 2/3 thời gian theo quy định. Nhiều PN bị mất quần, áo, khăn mặt nếu gia đình không có điều kiện gửi đến hoặc mua thì thời gian còn lại họ sẽ phải tự tìm thứ khác để làm vật dụng thay thế.

- Một số quy định về hoạt động thể dục, thể thao, sinh hoạt, văn nghệ đối với PN trong quá trình chấp hành án

Mọi hoạt động của PN trong trại giam được tổ chức thực hiện có giờ giấc, có mục đích và đặt dưới sự hướng dẫn, giám sát chặt chẽ của cán bộ Cảnh sát trại giam. PN phải nghiêm chỉnh chấp hành những quy định về chế độ sinh hoạt được quy định trong nội quy, quy chế và sự hướng dẫn của cán bộ. Trang phục, tác phong, lời nói, cử chỉ phải đúng đắn theo quy định chung. PN phải tự giác tham gia các hoạt động cá nhân và các hoạt động chung của trại giam. Nghiêm cấm PN thuê

người khác phục vụ hoặc làm thay công việc của mình. PN được quan tâm chăm sóc về đời sống tinh thần. Theo Điều 44 Luật THAHS năm 2010 thì người đang chấp hành hình phạt tù được tham gia hoạt động văn hoá, văn nghệ và thể dục, thể thao phù hợp với yêu cầu giam giữ, giáo dục và điều kiện của trại giam.

Qua khảo sát thực hiện Chương trình số 2645/Ctr-BVHTTDL-BCA ngày 8/8/2014 của BCA và Bộ Văn hóa, thể thao và Du lịch; Kế hoạch số 2623/KH-C81-C86 ngày 6/10/2014 của Tổng cục Cảnh sát THAHS và hỗ trợ tư pháp (nay là Cục Cảnh sát quản lý trại giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng) về việc phối hợp tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao trong các TG, TTG, CSGDBB, TGD, các trại giam, trại tạm giam đã thường xuyên tổ chức các phong trào VHVN - TDTT như Hội diễn văn nghệ như “Tiếng hát tình đời PN, TV lần thứ 2 năm 2010”, cuộc thi viết “Sự hối hận và niềm tin hướng thiện” năm 2011, Trại giam Thủ Đức tổ chức phát động phong trào đọc sách trong toàn thể PN, Trại giam Sông cái phối hợp với Thư viện tỉnh Ninh Thuận tổ chức Hội thi tuyên truyền, giới thiệu sách với chủ đề “Quyển sách tôi yêu”, “Hành trình thân ái vì sức khỏe cộng đồng”...

- *Một số quy định về phòng, khám, chữa bệnh đối với PN trong quá trình chấp hành án:* Trong thời gian THAPT ở trại giam PN được hưởng chính sách về phòng, chống dịch bệnh, khám và chữa bệnh để đảm bảo sức khỏe. Khi vào trại PN được khám sức khỏe, phân loại sức khỏe, lập sổ y bạ và phiếu sức khỏe để theo dõi, bảo vệ sức khỏe trong thời gian THAPT; làm cơ sở để phân PN về các đội và bố trí lao động cho phù hợp.

PN ốm đau được khám và điều trị tại bệnh xá của trại giam. Trường hợp PN bị bệnh nặng vượt quá khả năng điều trị của bệnh xá trại giam, Giám thị quyết định chuyển đến bệnh viện của Nhà nước để điều trị. Đối với PN bị nhiễm HIV/AIDS, việc chăm sóc và điều trị thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật. Giám thị trại giam phải thông báo những trường hợp bị bệnh nặng cho nhân thân hoặc đại diện hợp pháp của người đó biết để phối hợp chăm sóc, điều trị PN. Căn cứ vào kết luận phân loại sức khỏe của y tế trại giam, Giám thị trại giam bố trí chế độ lao động, học tập đối với từng PN cho phù hợp.

Trường hợp PN bị thương tật do tai nạn lao động thì được thực hiện chế độ bảo hiểm theo quy định của Chính phủ. Để phục vụ cho việc phòng, khám, chữa bệnh cho PN và phục vụ công tác quản lý giam giữ, mỗi trại giam thành lập một bệnh xá hoặc trạm xá (tùy theo số lượng PN) để khám và điều trị cho PN. Biên chế, tổ chức, trang thiết bị cần thiết phải đảm bảo cho việc khám, chữa bệnh phù hợp với tình hình đặc điểm và yêu cầu của trại giam.

Cán bộ y tế của trại phải thường xuyên theo dõi và đề nghị với giám thị trại giam về: số lượng, chất lượng phục vụ ăn uống; tình trạng vệ sinh của trại giam, PN và môi trường chung; sự rèn luyện thân thể và tình trạng sức khỏe của PN.

Trường hợp PN chết hoặc bị thương do tai nạn lao động, Giám thị trại giam phải làm các thủ tục cần thiết và bảo đảm chế độ trợ cấp theo quy định của BCA, BQP, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Trường hợp PN chấp hành hình phạt tù chết mà trước đó đã có thời gian tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc nhưng chưa nhận bảo hiểm xã hội một lần hoặc là người trước đó đang được hưởng lương hưu thì thân nhân của họ được hưởng trợ cấp tuất theo quy định của pháp luật bảo hiểm xã hội.

Nếu thân nhân hoặc đại diện hợp pháp của PN chết có đơn đề nghị được nhận thi thể để tự an táng hoặc đề nghị được nhận hài cốt đã được địa táng từ đủ 3 năm trở lên tại nghĩa trang thuộc quản lý của trại giam hoặc quản lý của địa phương về tự an táng thì Giám thị trại giam có thể xem xét, quyết định cho nhận thi thể, hài cốt, trừ trường hợp ảnh hưởng đến ANTT và vệ sinh môi trường; gia đình PN phải chịu mọi chi phí về việc tự an táng.

3.1.1.3. Người bị kết án phạt tù trong quá trình chấp hành án được bảo đảm về lao động, học tập

- Một số quy định về lao động đối với PN trong quá trình chấp hành án.

Quá trình giáo dục, cải tạo những người phạm tội là một việc làm hết sức khó khăn và phức tạp. Quan điểm của Nhà nước ta trong chính sách giáo dục, cải tạo PN là bằng lao động và thông qua lao động. Đây là biện pháp cơ bản để đạt được mục đích là giáo dục, cải tạo PN thành người lao động chân chính, có ích cho xã hội. Trong

thời gian chấp hành hình phạt tù, người bị kết án tù phải lao động. Chế độ lao động và việc sử dụng kết quả lao động của họ do Chính phủ quy định:

PN lao động 8 giờ trong 1 ngày, được nghỉ các ngày lễ, Tết, chủ nhật và tổ chức học tập vào ngày thứ bảy. Thời gian PN học văn hóa, học nghề, nghe phổ biến thời sự, chính sách, pháp luật, học chương trình giáo dục công dân được trừ vào thời gian lao động. Trong trường hợp đột xuất, Giám thị trại giam có thể yêu cầu PN làm thêm giờ nhưng không được quá 2 giờ trong 1 ngày hoặc lao động trong các ngày thứ bảy, chủ nhật nhưng không quá 8 giờ trong 01 ngày. Thời gian lao động thêm giờ hoặc lao động trong các ngày thứ bảy, chủ nhật sẽ được nghỉ bù hoặc bồi dưỡng bằng tiền hoặc hiện vật. Trong thời gian chấp hành ở trại giam, PN được phân thành từng đội để quản lý và tổ chức lao động sản xuất cho phù hợp. Dưới sự quản lý, giám sát của cán bộ trại giam.

- Một số quy định về học tập đối với PN trong quá trình chấp hành án

Hiến pháp năm 2013 quy định, học tập vừa là quyền lợi, vừa là nghĩa vụ của mọi công dân. THAPT là nhằm mục đích giáo dục, cảm hóa con người phạm tội trở thành những công dân có ích cho xã hội, có trình độ và có đủ điều kiện cần thiết để tái hòa nhập cộng đồng. Để giúp cho PN phát triển, nâng cao về nhận thức, trình độ văn hóa... nhà nước ban hành chính sách quy định rõ chế độ học tập của PN trong thời gian chấp hành án ở trại giam.

Vì vậy, trong thời gian ở trại giam ngoài giờ lao động, tham gia hoạt động văn nghệ, thể dục, thể thao... PN phải tham gia học tập để không ngừng nâng cao trình độ, sau này trở về xã hội có đủ khả năng và điều kiện tạo dựng cuộc sống cho bản thân, là một công dân có văn hóa, có ý thức chấp hành pháp luật của Nhà nước và các quy tắc của cuộc sống xã hội.

Để đạt được yêu cầu trên, chính sách về học tập của PN được quy định tại Điều 28 Luật THAHS năm 2010 như sau:

Trong thời gian chấp hành hình phạt tù, NBKAPT được học pháp luật, giáo dục công dân, học văn hoá, học nghề, được thông tin về chính sách, thời sự phù hợp với điều kiện của trại giam. PN chưa biết chữ được học văn hóa để xóa mù chữ, PN là người chưa thành niên được phổ cập tiểu học. PN là người nước ngoài, dân tộc thiểu

số được khuyến khích học tiếng Việt. Căn cứ vào điều kiện cụ thể của trại giam. Giám thị trại giam sắp xếp thời gian học văn hóa cho PN là đối tượng xóa mù chữ và người chưa thành niên, mỗi tuần học 3 buổi, mỗi buổi học 4 giờ trong thời gian làm việc. Tất cả PN đều được nghe phổ biến thời sự, chính sách, được học các chương trình giáo dục công dân vào thứ bảy hàng tuần (mỗi buổi học 4 giờ).

3.1.1.4. Phạm nhân trong quá trình chấp hành án được bảo đảm về thăm gặp; nhận, gửi thư, bưu kiện, bưu phẩm và liên lạc bằng điện thoại với thân nhân

PN trong thời gian chấp hành ở trại giam là những công dân bị tước tự do, bị quản lý, giam giữ theo quy định của pháp luật. Họ bị cách ly khỏi đời sống xã hội bên ngoài, bị tước bỏ và hạn chế một số quyền lợi nhất định. Vì vậy, nhu cầu giao tiếp với xã hội bên ngoài, với người thân, với gia đình, bạn bè... càng trở nên quan trọng và có ý nghĩa giáo dục sâu sắc. Với ý nghĩa đó, việc tổ chức cho PN thăm gặp gia đình, người thân, liên lạc điện thoại với thân nhân sẽ làm cho họ thấy được sự quan tâm thông cảm của mọi người, có tác dụng động viên, an ủi họ về vật chất và tinh thần để họ yên tâm cải tạo. Chính sách nhà nước đối với PN quy định rõ: Trong thời gian chấp hành hình phạt tù, người bị kết án được gửi, nhận thư, bưu kiện, bưu phẩm, gặp thân nhân, liên lạc bằng điện thoại với thân nhân và nhận quà theo quy định của Chính phủ.

Tuy vậy, việc cho phép PN thăm gặp, nhận gửi thư quà, liên lạc bằng điện thoại cũng có khi bất lợi, thậm chí còn gây hậu quả tác hại đối với công tác giáo dục, PN lợi dụng thực hiện hành vi vi phạm. Vì vậy, việc tổ chức thăm gặp; nhận, gửi thư quà; tổ chức cho PN liên lạc bằng điện thoại với thân nhân phải đảm bảo theo đúng quy định pháp luật:

- Một số quy định về thăm gặp thân nhân đối với PN trong quá trình chấp hành án (khoản 1, Điều 46 Luật THAHS năm 2010)

Tổ chức cho PN thăm gặp thân nhân vừa là công tác chính trị của trại giam đối với gia đình, đồng thời là biện pháp công tác nghiệp vụ trong quản lý, giam giữ, giáo dục PN, đảm bảo duy trì quan hệ bình thường giữa PN với gia đình, thân nhân của họ về mặt tình cảm, tranh thủ gia đình PN động viên, khuyến khích PN thi đua lao động, học tập chấp hành bản án, tích cực và yên tâm cải tạo. Mặt khác, giúp cán

bộ hiểu hơn về PN để tiến hành các nội dung, biện pháp giáo dục phù hợp. PN được gặp thân nhân 01 tháng 01 lần (trừ trường hợp bị thi hành kỷ luật) tại nhà gặp của trại giam và chấp hành đúng các quy định về thăm gặp. Mỗi lần gặp thân nhân không quá một giờ; PN lập công lớn hoặc trường hợp đặc biệt Giám thị trại giam có thể quyết định thời gian được gặp thân nhân lâu hơn, nhưng cũng không quá 2 giờ hoặc cho gặp thêm 1 lần trong tháng.

PN có nhiều cố gắng trong lao động, nghiêm chỉnh chấp hành nội quy, quy chế trại giam hoặc lập công trong thời gian chấp hành hình phạt tù được gặp thân nhân (là vợ hoặc chồng) không quá 24 giờ. Đối với PN được gặp thân nhân từ 3 giờ trở lên thì được ở buồng riêng trong phạm vi nhà thăm gặp của trại giam. Thân nhân của PN đến thăm PN phải có sổ thăm gặp hoặc đơn xin thăm gặp (có xác nhận của chính quyền địa phương hoặc cơ quan, nơi cư trú, công tác, học tập). Việc thăm gặp PN là người nước ngoài hoặc người nước ngoài đến thăm gặp PN Việt Nam phải được sự đồng ý của Cơ quan quản lý trực tiếp THAPT (khoản 5, Điều 46 Luật THAHS năm 2010).

- Một số quy định về nhận, gửi thư, bưu kiện, bưu phẩm và liên lạc bằng điện thoại với thân nhân đối với PN trong quá trình chấp hành án (Điều 47 Luật THAHS năm 2010)

Khi gặp thân nhân, PN được nhận quà, thư và tiền. Riêng tiền mặt, PN phải gửi lưu ký của trại giam và sử dụng theo quy định pháp luật. Mỗi tháng PN được nhận 1 gói quà (không quá 7 kg). Trước khi PN nhận quà, cán bộ trại giam phải kiểm tra. PN được gửi mỗi tháng 2 lá thư, các thư gửi và nhận đều phải qua kiểm duyệt. PN được liên lạc điện thoại trong nước bằng tiếng Việt với thân nhân mỗi tháng 1 lần, mỗi lần không quá 5 phút. Giám thị trại giam xem xét, quyết định việc cho PN liên lạc bằng điện thoại và phải tổ chức kiểm soát chặt chẽ việc liên lạc bằng điện thoại giữa PN với thân nhân để không làm ảnh hưởng đến ANTT.

3.1.1.5. PN trong quá trình chấp hành án được bảo đảm về quyền khiếu nại, tố cáo

Quyền khiếu nại, tố cáo là quyền cơ bản của công dân được quy định tại Hiến pháp năm 2013 và Luật Khiếu nại, tố cáo. PN không bị tước bỏ quyền này và

trại giam phải đảm bảo cho PN thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo trong quá trình họ chấp hành án.

Trại giam là môi trường “đặc biệt”, là nơi quản lý, giam giữ những người phạm tội (PN). Trại giam cũng là nơi dễ nảy sinh và tồn tại nhiều quan hệ xã hội phức tạp của những người có địa vị pháp lý khác nhau, giữa cán bộ trại giam (những người đại diện cho cơ quan thực thi pháp luật) có nhiệm vụ, quyền hạn nhất định với PN (những người đã thực hiện hành vi phạm tội) phải vào trại giam chấp hành án, bị pháp luật tước bỏ, hạn chế một số quyền lợi nhất định và phải chấp hành mệnh lệnh của cán bộ trại giam. Trong những điều kiện nhất định những mối quan hệ tác động qua lại giữa cán bộ với PN, giữa cán bộ với cán bộ có thể phát sinh những quan hệ có tính tiêu cực, trái pháp luật có nguy cơ đe dọa hoặc trực tiếp xâm hại đến những quyền và lợi ích của các bên được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, việc đảm bảo cho PN thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo là vấn đề có ý nghĩa nhân đạo và pháp chế sâu sắc góp phần quan trọng vào quá trình giáo dục, cải tạo PN; xây dựng trại giam thành một môi trường giáo dục lành mạnh, đầy tính nhân văn; mặt khác góp phần đấu tranh ngăn chặn và xử lý nghiêm minh trước pháp luật những hành vi sai trái của các cơ quan, cá nhân được nhà nước trao quyền thực thi pháp luật.

Để thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo của PN trong quá trình chấp hành án, Luật THAHS năm 2010 quy định: Người chấp hành án hình sự và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan có quyền khiếu nại đối với quyết định, hành vi của cơ quan, người có thẩm quyền THAHS nếu có căn cứ cho rằng quyết định, hành vi đó là trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình(khoản 1, Điều 150).Người chấp hành án và mọi công dân có quyền tố cáo với cơ quan, người có thẩm quyền về hành vi vi phạm pháp luật của bất kỳ người có thẩm quyền nào trong THAHS gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân(khoản 1, Điều 165).

PN có quyền khiếu nại, tố cáo về những quyết định và hành vi trái pháp luật của cá nhân và cơ quan thi hành, của những người cơ quan khác và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về những hành vi cố ý khiếu nại, tố cáo sai sự thật của mình.

Đơn thư khiếu nại, tố cáo của họ phải được chuyển đến cơ quan có thẩm quyền và trách nhiệm giải quyết.

Trại giam có trách nhiệm tổ chức tiếp nhận đơn thư khiếu nại, tố cáo của phạm nhân. Phải lập sổ theo dõi thật đầy đủ, cụ thể. Tuyệt đối không được tự tiện xoá bỏ, cắt xén nội dung ghi trong đơn thư khiếu nại, tố cáo của họ. Giám thị trại giam có trách nhiệm giải quyết những đơn thư khiếu nại, tố cáo thuộc phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình. Những đơn thư khiếu nại, tố cáo vượt quá thẩm quyền phải gửi ngay đến cơ quan điều tra, VKS nhân dân, TA, UBND, cơ quan cấp có thẩm quyền giải quyết. Tuyệt đối không được thờ ơ, bỏ mặc hay để mất, thất lạc.

Các cơ quan và những người có thẩm quyền phải giải quyết khiếu nại, tố cáo của PN theo đúng pháp lệnh về khiếu nại, tố cáo. Nếu có vấn đề khiếu nại, tố cáo đúng thì cơ quan có thẩm quyền phải có biện pháp khắc phục ngay những vi phạm pháp luật hay thiếu sót, khuyết điểm bị khiếu nại, tố cáo. Nếu nội dung khiếu nại, tố cáo sai thì cũng phải trả lời cho người khiếu nại, tố cáo biết kết quả và lý do, văn bản trả lời phải được lưu trong hồ sơ PN.

3.1.1.6. Phạm nhân trong quá trình chấp hành án được khen thưởng khi có quá trình chấp hành án tốt

Chính sách nhà nước ta đã quy định rõ chế độ khen thưởng, kỷ luật đối với PN trong quá trình chấp hành án. Việc thực hiện tốt chính sách này là cơ sở để động viên, khích lệ PN thi đua chấp hành án, mặt khác trừng trị nghiêm minh những PN có hành vi vi phạm và răn đe, phòng ngừa chung tình trạng PN vi phạm nội quy trại giam, góp phần quan trọng vào công tác quản lý, giáo dục PN.

Vì vậy, để khuyến khích PN cố gắng cải tạo tốt, lập công chuộc tội và xử lý thích đáng những PN không chịu cải tạo, cố tình chống đối hoặc tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội trong trại giam nhà nước ta đã quy định cụ thể chính sách khen thưởng và kỷ luật đối với PN:

Đối tượng khen thưởng là những cá nhân PN hoặc tập thể đội PN, không phân biệt thời gian cải tạo dài hay ngắn, tính chất, mức độ phạm tội nếu nghiêm chỉnh chấp hành và thực hiện tốt các tiêu chuẩn thi đua cải tạo hoặc lập công thì được xét khen thưởng theo quy định. Qui định khen thưởng đối với PN là sự thừa

nhận trên phương diện pháp lý của Nhà nước đối với quá trình cải tạo và sự tiến bộ của họ. Đây là những căn cứ rất quan trọng làm cơ sở đánh giá xếp loại thi đua chấp hành án phạt tù và chính sách của Nhà nước đối với PN.

Việc khen thưởng cho PN có thể áp dụng theo quy định của pháp luật, trong thời gian chấp hành án phạt tù nếu PN thực sự ăn năn hối lỗi, chấp hành tốt nội quy trại giam, lao động vượt mức chỉ tiêu, kế hoạch, lập công... Giám thị trại giam xem xét và quyết định khen thưởng theo các hình thức: Biểu dương: Được áp dụng trong trường hợp họ chấp hành tốt nội quy, tích cực hăng hái trong lao động, học tập...Thưởng tiền hoặc hiện vật: được áp dụng trong trường hợp họ tự giác chấp hành nội quy, quy chế, kết quả lao động vượt chỉ tiêu kế hoạch, đạt giải cao trong các kỳ thi, cuộc thi...Tăng số lần và thời gian gặp gỡ thân nhân, tăng số lần và số lượng quà được nhận: Được áp dụng đối với trường hợp PN có thành tích trong chấp hành nội quy, nhiệt tình trong lao động, học tập đạt năng suất cao... (phải theo đúng quy định về thăm gặp, nhận gửi thư, quà).Được đề nghị giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù theo quy định của pháp luật.Căn cứ vào sự bình bầu của tập thể đội PN, ý kiến nhận xét của cán bộ trực tiếp quản lý và Hội đồng xét thi đua, khen thưởng đối với PN mà Giám thị quyết định.

3.1.1.7. Phạm nhân trong quá trình chấp hành án được giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù khi cải tạo tốt

Trong công tác quản lý, giam giữ, giáo dục PN, Đảng và Nhà nước ta luôn thực hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng, tạo điều kiện, khuyến khích cho những con người biết ăn năn hối cải, lập công chuộc tội, tích cực tham gia lao động học tập cải tạo để được sớm trở tái hòa nhập cộng đồng.

Thực hiện chính sách xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù cho PN là thực hiện chính sách nhân đạo của Đảng và Nhà nước ta đối với người phạm tội biết ăn năn hối cải, đồng thời tạo điều kiện, khuyến khích thúc đẩy PN tích cực học tập cải tạo. Chính vì vậy khi thực hiện phải căn cứ vào qui định pháp luật của Nhà nước, để đảm bảo đúng tiêu chuẩn, điều kiện theo luật định.

Điều kiện xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù cho PN là cơ sở để xem xét đánh giá xem PN trong quá trình chấp hành bản án đã có đủ điều kiện xét giảm

hay không. Vì vậy Điều 63 BLHS năm 2015 và Thông tư liên tịch số 02/2013/TTLT-BCA-BQP-TANDTC-VKSNDTC ngày 15/05/2013 của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao hướng dẫn thi hành các quy định về giảm thời hạn chấp hành án phạt tù đối với PN qui định cụ thể người được xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù phải có hai điều kiện:

Thứ nhất, phải chấp hành hình phạt tù được một thời gian nhất định

Qui định PN phải chấp hành hình phạt tù được một thời gian nhất định là cơ sở để đánh giá quá trình chấp hành bản án, kết quả lao động, học tập cải tạo của PN. NBKAPT, nếu đã chấp hành hình phạt được một thời gian nhất định và có nhiều tiến bộ, thì theo đề nghị của cơ quan THAPT, TA có thể quyết định giảm thời hạn chấp hành hình phạt. Thời gian đã chấp hành hình phạt để được xét giảm lần đầu là một phần ba (1/3) thời hạn đối với hình phạt tù từ ba mươi năm trở xuống, mười hai năm (12 năm) đối với tù chung thân. Đối với người đã được giảm một phần hình phạt mà lại phạm tội mới nghiêm trọng, rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng, thì TA chỉ xét giảm lần đầu sau khi người đó đã chấp hành được hai phần ba (2/3) mức hình phạt chung hoặc hai mươi năm (20 năm) nếu là tù chung thân.

Đối với người được xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù trong trường hợp đặc biệt. Điều 63 của BLHS năm 2015 qui định: Người bị kết án có lý do đáng được khoan hồng thêm như đã lập công, đã quá già yếu hoặc mắc bệnh hiểm nghèo, thì TA có thể xét giảm vào thời gian sớm hơn hoặc với mức cao hơn so với thời gian và mức quy định tại Điều 63 của Bộ luật này.

Thứ hai, đã chứng tỏ quyết tâm cải tạo được thể hiện: (1) Thành thật hối lỗi: Là thấy được rõ tội lỗi của bản thân, đã khai báo một cách đầy đủ, không có hành vi che đậy, dấu diếm tội lỗi của bản thân và đồng bọn, tích cực chấp hành bản án; (2) Trong lao động học tập có nhiều tiến bộ, kết quả xếp loại cải tạo hàng năm đạt loại khá trở lên. Nghiêm chỉnh chấp hành nội qui, qui chế trại giam.

Thực hiện chính sách xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù của Nhà nước ta không chỉ nhằm rút ngắn thời gian chấp hành hình phạt tù cho PN mà còn có tác dụng thúc đẩy PN thi đua lao động, học tập cải tạo tiến bộ.

3.1.1.8. Phạm nhân trong quá trình chấp hành án được tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù khi cơ quan nhà nước xác định có những vướng mắc về pháp luật có liên quan đến việc quyết định chấp hành bản án

Tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù cho PN là việc TA cho người đang chấp hành hình phạt tù được tạm đình chỉ chấp hành hình phạt theo quy định của pháp luật trong một khoảng thời gian nhất định.

Chế định tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù đặt ra cơ sở pháp lý cho NBKAPT đang chấp hành án trong trại giam có thể được tạm ngừng chấp hành hình phạt trong một khoảng thời gian nhất định khi có những lý do đặc biệt mà pháp luật quy định, như về yếu tố sức khỏe, bệnh tật...Tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù không chỉ là một chế định pháp lý mà còn là một chính sách lớn của nhà nước ta đối với NBKAPT, thể hiện tính nhân văn, nhân đạo của Đảng, Nhà nước đối với những PN có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định pháp luật. Việc thực hiện chính sách tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù cho PN không chỉ có ý nghĩa về mặt chính trị, xã hội mà còn là động lực thúc đẩy gia đình và thân nhân họ động viên PN chấp hành bản án.Điều 4 Thông tư liên tịch số 03/2013/TTLT-BCA-TANDTC-VKSNDTC-BQP-BYT ngày 15/05/2013 của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Y tế, Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao hướng dẫn thi hành quy định về tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù đối với PN qui định cụ thểđiều kiện được tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù như sau:

1. PN đang chấp hành án phạt tù tại các trại giam, trại tạm giam, cơ quan THAHSCông an cấp huyện có thể được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù khi thuộc một trong các trường hợp dưới đây: a) PN bị bệnh nặng đến mức không thể tiếp tục chấp hành án phạt tù và nếu phải chấp hành án phạt tù sẽ nguy hiểm đến tính mạng của họ, do đó, cần thiết phải cho họ tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù để có điều kiện chữa bệnh, trừ người không có thân nhân hoặc không có nơi cư trú rõ ràng. Người bị bệnh nặng quy định tại khoản này là người mắc một trong các bệnh hiểm nghèo như: Ung thư giai đoạn cuối, liệt, lao nặng kháng thuốc, xơ gan cổ chướng, suy tim độ III trở lên, suy thận độ IV trở lên, nhiễm

HIV đã chuyển giai đoạn AIDS đang có nhiễm trùng cơ hội, không có khả năng tự phục vụ bản thân và có tiên lượng xấu, nguy cơ tử vong cao hoặc mắc một trong các bệnh khác được Hội đồng giám định y khoa, bệnh viện cấp tỉnh hoặc cấp quân khu trở lên kết luận bằng văn bản là bệnh hiểm nghèo, nguy hiểm đến tính mạng; b) Nữ PN có thai hoặc đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi trong trại giam, trại tạm giam, cơ quan THAHSCông an cấp huyện, nếu họ bị xử phạt tù lần đầu và có nơi cư trú rõ ràng; c) PN là người lao động có thu nhập duy nhất trong gia đình, nếu họ tiếp tục chấp hành án phạt tù thì gia đình sẽ gặp khó khăn đặc biệt (không có nguồn thu nhập nào khác, không có ai chăm sóc, nuôi dưỡng những người thân thích là người già, trẻ em hoặc những người khác không có khả năng lao động trong gia đình họ), trừ trường hợp người đó bị kết án về các tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc các tội khác là tội rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng; d) PN bị kết án phạt tù về tội ít nghiêm trọng và do nhu cầu công vụ, cần thiết sự có mặt của họ để thực hiện công vụ nhất định.

2. PN thuộc các trường hợp đã quy định tại điểm a, b khoản 1, điều này, nếu bị kết án về các tội ít nghiêm trọng, nghiêm trọng, rất nghiêm trọng xâm phạm an ninh quốc gia, chỉ được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù khi được sự đồng ý của Bộ trưởng BCA hoặc Bộ trưởng BQP.

3. PN thuộc các trường hợp đã quy định tại điểm a, b khoản 1, điều này, nếu bị kết án về các tội đặc biệt nghiêm trọng xâm phạm an ninh quốc gia hoặc bị kết án tù chung thân mà chưa được giảm xuống tù có thời hạn, chỉ được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù khi có đề nghị của Bộ trưởng BCA hoặc Bộ trưởng BQP và được sự đồng ý của Chánh án TA nhân dân Tối cao, Viện trưởng VKS nhân dân Tối cao.

3.1.1.9. Phạm nhân trong quá trình chấp hành án được đặc xá khi đáp ứng được những điều kiện theo quy định của pháp luật

Trại giam là nơi thi hành án phạt tù buộc những người bị kết án tù có thời hạn, tù chung thân chấp hành hình phạt nhằm giáo dục họ trở thành những người lương thiện có ích cho xã hội. Chính vì vậy trong công tác quản lý, giam giữ, giáo

dục PN Đảng và Nhà nước ta luôn thực hiện chính sách khoan hồng cho những người biết ăn năn hối cải, tích cực tham gia lao động, học tập, cải tạo, lập công chuộc tội để sớm được trở về đoàn tụ với gia đình, tham gia xây dựng xã hội, trong đó có chính sách đặc xá tha cho những PN đang chấp hành án trong các trại giam, khi họ đã có đủ điều kiện và tiêu chuẩn do luật định.

Đặc xá là sự khoan hồng đặc biệt của Nhà nước do Chủ tịch nước quyết định tha tù trước thời hạn cho NBKAPT có thời hạn, tù chung thân nhân sự kiện trọng đại, ngày lễ lớn của đất nước hoặc trong trường hợp đặc biệt. Đặc xá cho những PN có đủ tiêu chuẩn, điều kiện là thực hiện chính sách nhân đạo, có ý nghĩa chính trị, xã hội to lớn của Đảng và Nhà nước ta trong công tác giáo dục cải tạo PN.

Theo quy định tại Điều 13 Luật Đặc xá năm 2018 về quyền của người được đặc xá, mặc dù người được đề nghị đặc xá là người đang chấp hành án phạt tù có thời hạn, NBKAPT chung thân nhưng đã được giảm xuống tù có thời hạn, người đang được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù và bị hạn chế một số quyền công dân nhất định; tuy nhiên, các QCN cơ bản khác của họ như quyền được bảo đảm về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm; quyền được vui chơi, giải trí; quyền được học tập; quyền được phổ biến, cung cấp thông tin về chính sách, pháp luật... vẫn được bảo đảm theo quy định của pháp luật. Xuất phát từ bản chất đặc xá là sự khoan hồng đặc biệt của Nhà nước do Chủ tịch nước quyết định tha tù trước thời hạn cho NBKAPT có thời hạn, tù chung thân nhân sự kiện trọng đại, ngày lễ lớn của đất nước hoặc trong trường hợp đặc biệt; có tác dụng khuyến khích, động viên người đang chấp hành án phạt tù có thời hạn, NBKAPT chung thân nhưng đã được giảm xuống tù có thời hạn, người đang được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù có nhiều tiến bộ, có ý thức cải tạo tốt, thi hành hình phạt bổ sung là nộp tiền, nộp án phí, thi hành nghĩa vụ trả lại tài sản, bồi thường thiệt hại, nghĩa vụ dân sự khác để sớm được trở về với gia đình và xã hội nên việc quy định các quyền của người được đề nghị đặc xá tại Điều 13 Luật Đặc xá năm 2018 có ý nghĩa rất quan trọng, thể hiện và đáp ứng được mong muốn chính đáng của người đang chấp hành án phạt tù nói chung, của người được đề nghị đặc xá nói riêng trong việc tìm hiểu, nắm vững chủ trương, điều kiện được đề nghị đặc xá các trường hợp không được đề nghị đặc xá và

góp phần bảo đảm các nguyên tắc thực hiện đặc xá được quy định tại Điều 4 Luật Đặc xá năm 2018 như tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; bảo đảm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; bảo đảm dân chủ, công bằng, khách quan, công khai, minh bạch.

Theo quy định tại khoản 1, Điều 13 Luật Đặc xá năm 2018, thì người được đề nghị đặc xá được phổ biến chính sách, pháp luật về đặc xá, thông báo Quyết định về đặc xá, các văn bản hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền về điều kiện của người được đề nghị đặc xá và các thông tin khác về đặc xá liên quan đến người được đề nghị đặc xá. Quy định này là phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật về công bố, thông báo, niêm yết Quyết định về đặc xá và bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với quy định của Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật, Luật THAHS.

Thực tiễn tiến hành công tác này thời gian qua cho thấy, người được đề nghị đặc xá phải liên hệ với thân nhân, đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền để giúp họ xin các giấy tờ, tài liệu cần thiết để chứng minh nhân thân hoặc thuộc diện đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi theo quy định của pháp luật như bản sao quyết định tặng thưởng các danh hiệu như Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động, Huy chương kháng chiến, Giấy chứng nhận thương binh, bệnh binh, con *“Bà mẹ Việt Nam anh hùng”*...; xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người chấp hành án cư trú xác nhận họ. thuộc diện gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; Quyết định miễn hình phạt tiền, miễn nộp án phí của TA; Giấy đồng ý xóa nợ của người bị hại hoặc đại diện hợp pháp của người bị hại được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú và cơ quan thi hành án dân sự đang thụ lý vụ việc đó xác nhận; bản sao giấy khai sinh... Do vậy, việc quy định quyền của người được đề nghị đặc xá là liên hệ với thân nhân để thu thập giấy tờ, tài liệu cần thiết cho việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị đặc xá; đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền cấp, xác nhận giấy tờ tài liệu cần thiết cho việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị đặc xá tại khoản 2, khoản 3 Điều 13 Luật Đặc xá năm 2018 là để tạo điều kiện cho người được đề nghị đặc xá hoàn thiện hồ sơ đề nghị đặc xá theo đúng quy định của pháp luật.

3.1.4. Thực trạng thực hiện quyền của người dưới 18 tuổi bị kết án hiện đang chấp hành án phạt tù

Theo quy định tại khoản 5, Điều 91BLHS năm 2015 thì không xử phạt tù chung thân hoặc tử hình đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. NBKAPT là người chưa thành niên cần được hiểu là người từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi đang chấp hành án phạt tù có thời hạn tại trại giam.

Theo quy định tại khoản 5, Điều 4 Luật THAHS năm 2010, việc thi hành án đối với người chưa thành niên chủ yếu nhằm giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành người có ích cho xã hội. Đây là nguyên tắc bao trùm, thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của Đảng và Nhà nước ta đối với người chưa thành niên phạm tội. Cụ thể hóa nguyên tắc cơ bản này tại Điều 51, 52, và 53 Luật THAHS năm 2010 đã có những quy định riêng theo hướng Nhà nước bảo đảm chế độ quản lý, giáo dục, học văn hóa, học nghề, lao động phù hợp với sức khỏe, giới tính, đặc điểm nhân thân, tâm sinh lý lứa tuổi của NBKAPT là người chưa thành niên. Nhà nước cũng ưu tiên bảo đảm tiêu chuẩn, định lượng ăn, mặc, đồ dùng cá nhân, chế độ sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, vui chơi giải trí, chế độ gặp, liên lạc với thân nhân của NBKAPT là người chưa thành niên cao hơn so với NBKAPT là người thành niên tạo điều kiện để NBKAPT là người chưa thành niên sửa chữa lỗi lầm, phát triển lành mạnh về thể chất và tinh thần, có điều kiện hòa nhập cộng đồng sau khi chấp hành xong án phạt tù, trở thành người có ích cho xã hội.

Về Chế độ quản lý, giáo dục, học văn hóa, học nghề, lao động

Theo quy định tại Điều 51 Luật THAHS năm 2010 thì NBKAPT là người chưa thành niên được giam giữ theo chế độ riêng phù hợp với sức khỏe, giới tính và đặc điểm nhân thân. Trại giam có trách nhiệm giáo dục NBKAPT là người chưa thành niên về văn hóa, pháp luật và dạy nghề phù hợp với độ tuổi, trình độ văn hóa, giới tính và sức khỏe chuẩn bị điều kiện để họ hòa nhập cộng đồng sau khi chấp hành xong án phạt tù. Thực hiện bắt buộc học chương trình tiểu học phổ cập trung học cơ sở và học nghề.

Về lao động: người chưa thành niên được lao động ở khu vực riêng và phù hợp với độ tuổi; không phải làm công việc nặng nhọc, nguy hiểm hoặc tiếp xúc với các chất độc hại.

Quy định nêu trên thể hiện chính sách nhân đạo của Nhà nước đối với người chưa thành niên phạm tội, cụ thể hóa một trong những nguyên tắc rất quan trọng của Luật THAHS được quy định tại khoản 5, Điều 4, đó là: *“Thi hành án đối với người chưa thành niên chủ yếu nhằm giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành người có ích cho xã hội”*.

Để hướng dẫn thi hành quy định tại Điều 51 Luật THAHS, khoản 3, Điều 8 Nghị định số 80/2011/NĐ-CP ngày 16-9-2011 của Chính phủ quy định các biện pháp bảo đảm tái hòa nhập cộng đồng đối với người chấp hành xong án phạt tù đã quy định trong quá trình chấp hành án phạt tù, PN là người chưa thành niên được ưu tiên bố trí học nghề, nâng cao tay nghề; đồng thời người chưa thành niên chấp hành xong án phạt tù được ưu tiên học văn hóa, học nghề, giải quyết việc làm và hỗ trợ vay vốn để học tập, tìm kiếm việc làm ổn định cuộc sống (khoản 2 Điều 14).

Về Chế độ ăn, mặc, sinh hoạt văn hoá, văn nghệ và vui chơi giải trí

NBKAPT là người chưa thành niên được bảo đảm tiêu chuẩn định lượng ăn như NBKAPT là người thành niên và được tăng thêm về thịt, cá nhưng không quá 20% so với định lượng. Ngoài tiêu chuẩn mặc và tư trang như NBKAPT thành niên, mỗi năm NBKAPT là người chưa thành niên được cấp thêm quần áo theo mẫu thống nhất và đồ dùng cá nhân khác theo quy chế trại giam. Thời gian và hình thức tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao, sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, nghe đài, đọc sách, báo, xem truyền hình và các hình thức vui chơi giải trí khác phù hợp với đặc điểm của người chưa thành niên.

Về chế độ gặp, liên lạc với thân nhân

Theo Điều 53 Luật THAHS năm 2010 quy định về chế độ gặp, liên lạc với thân nhân của PN là người chưa thành niên như sau:

PN là người chưa thành niên được gặp thân nhân không quá ba lần trong 01 tháng, mỗi lần gặp không quá 03 giờ, trường hợp đặc biệt được gặp không quá 24 giờ (PN là người thành niên chỉ được gặp thân nhân một lần trong 01 tháng, mỗi lần gặp không quá 01 giờ, trường hợp đặc biệt thì không quá 03 giờ); được liên lạc với thân nhân qua điện thoại mỗi tháng không quá 04 lần, mỗi lần không quá 10 phút, có sự giám sát của cán bộ trại giam và tự chịu chi phí (PN là người thành niên được

liên lạc điện thoại trong nước với thân nhân mỗi tháng 01 lần, mỗi lần không quá 05 phút). Nhà nước khuyến khích thân nhân của PN là người chưa thành niên quan tâm thăm gặp, gửi sách vở, đồ dùng học tập, dụng cụ học tập, thể dục thể thao, vui chơi, giải trí cho PN.

Quy định nêu trên xuất phát từ đặc điểm về lứa tuổi, tâm lý và yêu cầu giáo dục cải tạo NBKAPT là người chưa thành niên. Trong đó, gia đình hoặc thân nhân của NBKAPT là người chưa thành niên có vai trò rất quan trọng trong việc giáo dục cải tạo đối tượng này. Thời gian thăm gặp, động viên của gia đình hoặc thân nhân đối với NBKAPT là người chưa thành niên có ý nghĩa tích cực, cần được quy định thời gian thăm gặp nhiều hơn so với PN là người đã thành niên. Đồng thời, ngoài việc thăm gặp, Nhà nước cũng khuyến khích thân nhân của NBKAPT là người chưa thành niên quan tâm gửi sách vở, đồ dùng học tập, dụng cụ học tập, thể dục thể thao, vui chơi, giải trí lành mạnh cho NBKAPT là người chưa thành niên giúp họ cải tạo tiến bộ.

Trường hợp đặc biệt(được hiểu là trường hợp NBKAPT là người chưa thành niên đã chấp hành tốt nội quy trại giam, trại tạm giam hoặc tích cực học tập, lao động hoặc để thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật)được kéo dài thời gian gặp thân nhân nhưng không quá với (Điều 53 Luật THAHS năm 2010).

3.1.5. Thực trạng thực hiện quyền của người bị kết án phạt tù là phụ nữ, phụ nữ có thai và đang nuôi con nhỏ

Trong nhiều văn kiện và văn bản pháp luật quốc tế đã xác định và đề cao quyền của phụ nữ, coi đó như là một trách nhiệm của văn minh thế giới. Việc quy định quyền của phụ nữ trong pháp luật là sự ghi nhận về mặt pháp lý đối với vai trò của nữ giới trong xã hội, đây là bước tiến trong sự nghiệp giải phóng con người nói chung và giải phóng phụ nữ nói riêng.

Ở Việt Nam, quyền của phụ nữ thực sự được đề cập đến từ khi nhân dân ta giành được độc lập từ tay thực dân phong kiến. Sau khi giành được chính quyền và Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa được thành lập đã đánh dấu một bước chuyển biến cơ bản trong đời sống của người phụ nữ. Hiện nay, những quyền cơ bản của phụ nữ được ghi nhận tại Điều 26 Hiến pháp năm 2013: “*Công dân nam, nữ bình đẳng về mọi mặt; Nhà nước có chính sách bảo đảm quyền và cơ hội bình đẳng giới.*

Nhà nước, xã hội và gia đình tạo điều kiện để phụ nữ phát triển toàn diện, phát huy vai trò của mình trong xã hội; nghiêm cấm phân biệt đối xử về giới”. Trong các văn bản pháp luật như: Luật Bình đẳng giới, Bộ luật Dân sự, Luật Bảo hiểm xã hội, Bộ luật Lao động, Luật Hôn nhân và gia đình, BLHS, BLTTHS, Luật Phòng, chống bạo lực gia đình...Thể chế hoá các quy định của Hiến pháp năm 2013 về QCN,BLHS năm 2015 đã quy định những điều luật bảo vệ quyền của phụ nữ, trong đó BLHS cũng thể hiện sự chính sách khoan hồng, tính nhân đạo của Đảng và Nhà nước trong việc xử lý tội phạm là nữ giới; có chính sách giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: người phạm tội là phụ nữ có thai, phụ nữ nuôi con nhỏ được quy định là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (điểm n, khoản 1 Điều 51); Tha tù trước thời hạn có điều kiện: phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi,(điểm e, khoản1, Điều 66). Chính sách nhân đạo, khoan hồng được thể hiện cả trong việc áp dụng hình phạt và thi hành án: Không áp dụng hình phạt tử hình đối với phụ nữ có thai hoặc đối với phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi khi phạm tội hoặc khi bị xét xử, không thi hành án tử hình đối với phụ nữ có thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi được hoãn cho đến khi con đủ 36 tháng tuổi. Luật THAHSnăm 2010 quy định:PN nữ được bố trí giam giữ riêng(điểm a, khoản 2, Điều 27).

*Về chế độ lao động của PN nữ:*PN nữ được bố trí làm những công việc phù hợp với giới tính, sức khỏe và độ tuổi; không làm công việc nặng nhọc, độc hại thuộc danh mục cấm sử dụng lao động nữ(khoản 2, Điều 29).

*Về xử lý PN vi phạm,*trong thời gian bị giam tại buồng kỷ luật, PN không được gặp thân nhân và có thể bị cùm chân. Không áp dụng cùm chân đối với phụ nữ, PN là người chưa thành niên, PN là người già yếu(điểm c, khoản 1, Điều 38).

*Về chế độ ăn, ở, mặc,*đối với PN nữ được cấp thêm đồ dùng cần thiết cho vệ sinh của phụ nữ có trị giá tương đương 02kg gạo tẻ thường(Điều 42, 43).

Chế độ đối với PN nữ có thai, nuôi con dưới 36tháng tuổi

Xuất phát từ đặc điểm nhân thân và tính chất của tội phạm, trong các trường hợp cụ thể, một số PN nữ đang mang thai hoặc nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi không đượchoãn, tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù theo quy định củapháp luật. Do vậy, Điều 40 Luật THAHSnăm 2010 đã quyđịnh riêng về chếđộ đối với PN nữ

có thai và nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi và trách nhiệm của các cơ quan có thẩm quyền, như sau:

PN nữ có thai nếu không được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù thì được bố trí nơi ở hợp lý, được khám thai định kỳ hoặc đột xuất, được chăm sóc y tế trong trường hợp cần thiết; được giảm thời gian lao động, được hưởng chế độ ăn, uống bảo đảm sức khỏe. PN nữ có thai được nghỉ lao động trước và sau khi sinh con theo quy định của Bộ luật lao động. Trong thời gian nghỉ sinh con, PN được bảo đảm tiêu chuẩn, định lượng ăn theo chỉ dẫn của y sĩ hoặc bác sĩ, được cấp phát thực phẩm, đồ dùng cần thiết cho việc chăm sóc trẻ sơ sinh. PN nữ nuôi con dưới 36 tháng tuổi được bố trí thời gian phù hợp để chăm sóc, nuôi dưỡng con. Trại giam, trại tạm giam, Cơ quan THAHS Công an cấp huyện có trách nhiệm làm thủ tục đề nghị đăng ký khai sinh cho con của PN. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi PN chấp hành án có trách nhiệm đăng ký và cấp giấy khai sinh.

PN nữ có con từ 36 tháng tuổi trở lên phải gửi con về cho thân nhân nuôi dưỡng. Trường hợp con của PN không có thân nhân nhận nuôi dưỡng, thì trại giam, trại tạm giam thuộc BCA, trại tạm giam thuộc BQP, Cơ quan THAHS Công an cấp tỉnh, phải đề nghị Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi PN chấp hành án chỉ định cơ sở bảo trợ xã hội tiếp nhận, nuôi dưỡng. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phải chỉ định cơ sở bảo trợ xã hội có trách nhiệm tiếp nhận, nuôi dưỡng. Người chấp hành xong án phạt tù được nhận lại con đang được cơ sở bảo trợ xã hội nuôi dưỡng. Trại giam phải tổ chức nhà trẻ ngoài khu giam giữ để chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em là con của PN dưới 36 tháng tuổi và con của PN từ 36 tháng tuổi trở lên trong thời gian chờ làm thủ tục đưa vào cơ sở bảo trợ xã hội.

Để quy định chi tiết và bảo đảm chế độ đối với PN nữ trong thời gian mang thai, nghỉ sinh con hoặc đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, khoản 6, Điều 8 Nghị định số 117/2011/NĐ-CP có hướng dẫn cụ thể như sau: PN nữ trong thời gian mang thai, nghỉ sinh con hoặc đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi được bảo đảm tiêu chuẩn, định lượng ăn theo chỉ định của y sĩ hoặc bác sĩ và được tăng thêm định lượng về thịt, cá từ 20% đến 30% so với định lượng ăn của PN quy định tại khoản 1 Điều 8

Nghị định số 117/2011/NĐ-CP; được cấp phát các đồ dùng cần thiết cho việc chăm sóc trẻ sơ sinh.

3.2. Thực trạng thực hiện và bảo đảm quyền của người bị kết án phạt tù đang chấp hành án ở Việt Nam

3.2.1. Thực trạng về cơ quan có thẩm quyền trong việc đảm bảo quyền của người bị kết án đang chấp hành án

Để thực hiện đảm bảo quyền của người bị kết án đang chấp hành án phạt tù, tạo uy tín cho các cơ quan hành pháp của nhà nước trong thực tiễn xã hội, thực tiễn rất cần sự quan tâm và tham gia của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền vào vấn đề này. Quá trình khảo sát cho thấy, các cơ quan nhà nước như: TA, VKS nhân dân, cơ quan thi hành án, người có thẩm quyền... phải tham gia vào các hoạt động đảm bảo quyền cho người bị kết án đang chấp hành án, cụ thể là:

- Đối với Tòa án nhân dân:

Hiện nay, việc NBKAPT thực hiện nghĩa vụ thi hành bản án đòi hỏi phải có sự tham gia của nhiều cơ quan. Trước tiên, việc thi hành bản án phạt tù đòi hỏi phải có quyết định thi hành án phạt tù của Chánh án TA nhân dân đã xét xử sơ thẩm, do vậy, yêu cầu đầu tiên là TA phải có quyết định thi hành án kịp thời để đưa bản án đã có hiệu lực ra thi hành. Theo thống kê của TA nhân dân tối cao, hằng năm có rất nhiều bị cáo bị xét xử sơ thẩm án phạt tù ở các mức khác nhau. Theo quy định, thời hạn ra quyết định thi hành án là bảy ngày kể từ ngày bản án, quyết định sơ thẩm có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày nhận được bản án, quyết định phúc thẩm, quyết định giám đốc thẩm, quyết định tái thẩm. Vì vậy, việc ra quyết định thi hành án có đúng thời hạn hay chậm phụ thuộc rất nhiều vào thời gian chuyển giao bản án giữa các bộ phận của TA. Việc chuyển giao bản án của NBKAPT sang bộ phận THAHS hiện nay tại các TA ở địa phương áp dụng khác nhau, có TA chuyển các bản án hình sự sơ thẩm cho bộ phận thi hành án để ra quyết định sau khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị bản án có hiệu lực pháp luật, nhưng có TA lại do bộ phận quản lý hồ sơ sau xét xử thuộc Văn phòng TA chuyển và có TA sau khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị chuyển toàn bộ các bản án đã xét xử sơ thẩm cho bộ phận thi hành án vào sổ theo dõi thi hành án và ra quyết định thi hành án. Song, lại có TA chỉ

chuyển cho bộ phận thi hành án những bản án hình sự đã có hiệu lực pháp luật và trong trường hợp này bộ phận thi hành án chỉ theo dõi được những bản án được giao, còn có bỏ sót, bỏ lọt bản án nào hay không thì không thể biết. Việc ra quyết định THAHS trong đó có THAPT, phần lớn các TA cấp sơ thẩm đều ra quyết định thi hành án đúng quy định đối với hình phạt chính. Tuy nhiên, còn một số TA địa phương, nơi không có trại giam, đối với những vụ án có nhiều bị cáo, nếu có một bị cáo hoặc một số bị cáo trong vụ án có kháng cáo hoặc kháng nghị thì bản án đó bị để lại chờ kết quả xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo không có kháng cáo hoặc không kháng nghị với lý do là theo yêu cầu của cơ quan Công an; nếu TA ra quyết định thi hành án đối với các bị cáo không có kháng cáo, kháng nghị thì cơ quan Công an phải chuyển bị án đó đến trại giam để chấp hành hình phạt, việc trích xuất để xét xử phúc thẩm sẽ rất phức tạp về thủ tục và điều kiện thực hiện. Việc không ra quyết định thi hành án là vi phạm quy định trên, nhưng nếu ra quyết định thi hành án thì gây khó khăn cho việc xét xử phúc thẩm.

- Đối với Viện kiểm sát nhân dân:

VKS là cơ quan thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp - cơ quan truy tố và buộc tội thì phải có trách nhiệm theo dõi việc thi hành bản án hình sự. Mục đích của công tác kiểm sát là nhằm đảm bảo cho việc giam giữ được thực hiện đúng các quy định của pháp luật, các chế độ đối với người bị giam giữ được chấp hành nghiêm chỉnh. Tính mạng, tài sản, danh dự, nhân phẩm của người bị giam giữ và các quyền khác của họ không bị pháp luật tước bỏ được tôn trọng; việc thi hành bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật và những bản án, quyết định được thi hành ngay theo quy định của pháp luật, nhằm đảm bảo các bản án, quyết định đó được thi hành đúng pháp luật, đầy đủ, kịp thời. Căn cứ pháp lý của VKS nhân dân thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc tạm giữ, tạm giam và THAHS theo quy định của Luật tổ chức VKS nhân dân năm 2014 và Luật THAHS năm 2010.

Thực hiện các quy định của pháp luật về việc tạm giữ, tạm giam và THAHS, thời gian qua, các cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan quản lý giam giữ, cơ quan THAHS cơ bản thực hiện nghiêm túc các quy định của BLHS, BLTTHS, Luật

THAHS, Quy chế về tạm giữ, tạm giam, góp phần tích cực trong việc đấu tranh có hiệu quả với các loại vi phạm, tội phạm; góp phần giữ vững trật tự, an toàn xã hội trên cả nước. PN chấp hành án phạt tù đều đảm bảo tương đối tốt về trình tự, thủ tục thi hành án và theo quy định của pháp luật; các quyền và lợi ích của NBKAPT được đảm bảo và giải quyết kịp thời theo đúng quy định. Công tác quản lý người bị tạm giữ tại các nhà tạm giữ, trại tạm giam trên cả nước được tăng cường và quan tâm hơn trước; có nhiều tiến bộ, cơ sở vật chất, một số nơi đã được đầu tư, phần nào giảm bớt áp lực cho công tác quản lý giam giữ. Mặc dù vậy, còn một số tồn tại trong công tác này như: Người bị tạm giam thiếu thủ tục chuyển đi chấp hành án tại các trại giam thuộc trách nhiệm của cơ quan Công an. Một số trại tạm giam chưa kịp thời lập danh sách báo cáo Cơ quan THAHS Công an cấp tỉnh đề nghị đưa NBKAPT (đang bị tạm giam đã đủ thủ tục thi hành án) đi chấp hành án; còn để thiếu thủ tục như: Hồ sơ thiếu lý lịch bị can, thiếu danh chỉ bản, thiếu quyết định truy nã, biên bản bàn giao hồ sơ và không xác định tình trạng sức khỏe... Chậm làm thủ tục chuyển đi thi hành án, chậm áp giải và chậm truy nã còn xảy ra ở nhiều nơi, cho thấy biện pháp tác động và cơ chế phối hợp giữa các khâu công tác nghiệp vụ và các cơ quan hữu quan chưa đủ mạnh, chưa đủ tác dụng răn đe, phòng ngừa nên hiệu quả của công tác này còn hạn chế. Vi phạm xảy ra chủ yếu trong công tác quản lý và tổ chức giam giữ, trong thực hiện chế độ, chính sách cơ quan tiến hành tố tụng như: chưa chấp hành đúng thời hạn tạm giam; chậm ra quyết định tạm giam để đảm bảo thi hành án, chậm ra quyết định thi hành án và chậm gửi các quyết định... Điều này cho thấy, công tác kiểm sát THAPT của VKS vẫn chưa thực hiện hết chức năng, nhiệm vụ của mình, dẫn đến ảnh hưởng quyền, lợi ích của NBKAPT.

3.2.2. Thực trạng quan hệ phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện quyền của người bị kết án phạt tù đang chấp hành án

Quan hệ phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện quyền của NBKAPT đang chấp hành án là sự phối hợp giữa các cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền trong việc đảm bảo chế độ chính sách của Nhà nước đối với người bị kết án. Quan hệ này được khảo sát ở các quan hệ phối hợp sau:

3.2.2.1. Mối quan hệ giữa thi hành án hình sự với thi hành án dân sự

Thi hành án là một hoạt động của Nhà nước, là một nhiệm vụ quan trọng trong chức năng đối nội của Nhà nước ta. Hoạt động thi hành án do các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tiến hành theo trình tự, thủ tục luật định, nhằm buộc người bị kết án phải chịu hình phạt hoặc buộc cá nhân, tổ chức phải thực hiện nghĩa vụ theo bản án, quyết định của TA. Thi hành án là hoạt động gắn liền với xét xử, vì vậy, khi có bản án, quyết định của TA đòi hỏi phải có hoạt động thi hành án tương xứng. Căn cứ vào các qui định của pháp luật hiện hành, có thể chia hoạt động thi hành án ở nước ta hiện nay thành 2 mảng sau:

- Thi hành án hình sự:

BLTTHS năm 2015 và Luật THAHS năm 2010 qui định về các cơ quan, tổ chức có nhiệm vụ thi hành phần hình phạt trong bản án, quyết định hình sự như sau: (1) Cơ quan Công an THAPT có thời hạn, tù chung thân và tham gia Hội đồng thi hành án tử hình. (2) Chính quyền xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan, tổ chức nơi người bị kết án cư trú hoặc làm việc có nhiệm vụ theo dõi, giám sát việc cải tạo của những người bị phạt cải tạo không giam giữ. (3) Việc thi hành án quản chế, cấm cư trú, tước một số quyền công dân, cấm đảm nhiệm một số chức vụ hoặc cấm làm một số nghề nhất định do chính quyền xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan, tổ chức nơi thi hành án đảm nhiệm. (4) Cơ sở chuyên khoa y tế thi hành quyết định về bắt buộc chữa bệnh.

- Thi hành án dân sự:

Theo qui định tại Luật Thi hành án dân sự năm 2015: những bản án, quyết định dân sự của TA bao gồm bản án, quyết định về dân sự, hôn nhân và gia đình, lao động, quyết định về tài sản trong bản án, quyết định hình sự và bản án, quyết định khác do pháp luật qui định do cơ quan thi hành án dân sự chịu trách nhiệm thi hành.

Mặc dù, có sự phân biệt giữa THAHS và thi hành án dân sự nhưng giữa chúng có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Bởi vì, đa số các trường hợp người phải thi hành án phần dân sự trong các bản án hình sự, đồng thời là người phải thụ hình hoặc chịu các hình phạt khác, nên kết quả của mỗi hoạt động thi hành án sẽ có tác động, ảnh hưởng lẫn nhau. Nếu trong THAHS, có sự động viên giáo dục tốt đối với

phạm nhân thì không những họ sẽ thi hành tốt việc cải tạo mà còn khuyến khích phạm nhân thực hiện tốt phần thi hành án dân sự. Đồng thời, việc thông báo cụ thể thời hạn mãn hạn tù của PN từ phía cơ quan THAHS sẽ giúp cho cơ quan thi hành án dân sự có những biện pháp hữu hiệu để xúc tiến các hoạt động buộc người phải thi hành án thực hiện nghĩa vụ dân sự (như địa chỉ, tình trạng tài sản của người phải thi hành án...). Ngược lại, nếu người phải thi hành án đã thực hiện tốt trách nhiệm dân sự khi thi hành án dân sự thì cần được xem xét là yếu tố quan trọng để xét giảm án, ân xá, đặc xá... cho PN; điều đó sẽ khuyến khích được bị cáo chấp hành nghiêm chỉnh phần thi hành án dân sự trong THAHS.

Hiện nay, việc tổ chức thi hành án dân sự và THAHS có sự tách rời, một bản án, quyết định của TA có thể do nhiều cơ quan, tổ chức thi hành án, vì vậy việc xác định cụ thể mối quan hệ giữa thi hành án dân sự và THAHS sẽ đảm bảo cho công tác thi hành án đạt được hiệu quả.

3.2.2.2. Mối quan hệ giữa cơ quan thi hành án và cơ quan quản lý công tác thi hành án

Theo qui định của Bộ luật dân sự năm 2015, công tác thi hành án dân sự được chuyển giao từ TA nhân dân các cấp sang các cơ quan thi hành án dân sự thuộc Chính phủ. Như vậy, kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2016 cho đến nay hoạt động thi hành án trong cả hai lĩnh vực THAHS và thi hành án dân sự đều do Chính phủ thống nhất quản lý Nhà nước trong phạm vi cả nước. BCA, BQP giúp Chính phủ quản lý công tác THAPT và tổ chức công tác THAPT. Bộ Tư pháp, BQP, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giúp Chính phủ quản lý và tổ chức việc thi hành án dân sự.

Việc thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về công tác thi hành án của các cơ quan quản lý công tác thi hành án nhằm đảm bảo việc tổ chức, hoạt động thi hành án đi vào nề nếp có hiệu quả, giúp cho Chính phủ nắm vững tình hình thi hành án và có những chỉ đạo kịp thời nhằm nâng cao chất lượng tổ chức và hoạt động thi hành án. Các cơ quan quản lý thi hành án thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo hoạt động thi hành án, đào tạo và tuyển dụng cán bộ, thực hiện chế độ, chính sách cán bộ, trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật, thanh tra, kiểm tra hoạt động thi hành án nhằm đảm bảo bản án, quyết định của TA đã có hiệu lực pháp luật phải được thi hành kịp thời, nghiêm

minh, đúng pháp luật. Tuy nhiên, các cơ quan thi hành án được độc lập trong quá trình tổ chức thực thi nhiệm vụ thi hành án, bất kỳ một cơ quan nào dù là cơ quan quản lý thi hành án cũng không được can thiệp vào quá trình thực thi nhiệm vụ của cơ quan thi hành án và cán bộ thi hành án.

3.2.2.3. Mối quan hệ giữa cơ quan thi hành án và cơ quan thi hành án được uỷ thác

Trong hoạt động thi hành án nói chung và thi hành án dân sự nói riêng luôn gắn liền với điều kiện về tài sản, nơi có tài sản, nơi cư trú của người phải thi hành án, nhất là trong trường hợp tài sản, thu nhập của họ tồn tại ở các địa phương khác nhau. Hoặc trong THAHS, có những trường hợp TA đã xử sơ thẩm uỷ thác cho TA khác cùng cấp ra quyết định thi hành án... Chính vì vậy, việc uỷ thác thi hành án thường được đặt ra, làm xuất hiện mối quan hệ giữa cơ quan thi hành án ban đầu và cơ quan thi hành án nhận uỷ thác. Khi uỷ thác, cơ quan thi hành án đã uỷ thác phải ra quyết định uỷ thác, trong đó phản ánh rõ nội dung uỷ thác, khoản đã thi hành xong, khoản thi hành dở dang, khoản tiếp tục thi hành và các thông tin cần thiết khác... Cơ quan nhận uỷ thác có trách nhiệm thi hành theo yêu cầu của cơ quan thi hành án đã uỷ thác. Vấn đề này có quan hệ mật thiết giữa quyền của NBKAPT trong thời gian chấp hành án với vấn đề thi hành các hình phạt bổ sung mà người đang chấp hành hình phạt tù phải thực hiện. Để việc uỷ thác thi hành án có hiệu quả đòi hỏi cần xác định rõ phạm vi quyền hạn, trách nhiệm của các cơ quan thi hành án trong việc uỷ thác; thông qua đó có thể kiểm tra, theo dõi việc uỷ thác và việc thực hiện các quyết định uỷ thác, tránh trường hợp việc uỷ thác không đúng địa chỉ hoặc cơ quan nhận uỷ thác không tích cực thi hành, gây thiệt hại về quyền lợi của người được thi hành án, người bị kết án không phải thụ hình, kỷ cương, pháp luật không được đảm bảo.

3.2.2.4. Mối quan hệ giữa cơ quan thi hành án và cán bộ làm công tác thi hành án

Các cơ quan thi hành án là các cơ quan trực tiếp tổ chức thi hành các bản án, quyết định của TA và những người trực tiếp thực hiện là các Chấp hành viên, Giám thị trại giam, Quản giáo, các cán bộ của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn... Tham gia vào quá trình thi hành án có rất nhiều các chủ thể khác nhau, nhưng trong

đó Chấp hành viên, Giám thị trại giam, phó Giám thị, Quản giáo là những chủ thể chính. Các chủ thể khác (như đại diện VKS, thành viên Hội đồng định giá, lực lượng Cảnh sát...) chỉ tham gia hoạt động thi hành án vào từng thời điểm, từng lĩnh vực mà không nhất thiết phải tham gia vào toàn bộ quá trình thi hành án. Trong hoạt động thi hành án, sau khi được Thủ trưởng cơ quan thi hành án phân công, Chấp hành viên được Nhà nước giao cho nhiệm vụ thi hành các bản án, quyết định của TA, Giám thị trại giam được giao nhiệm vụ điều hành và quản lý toàn bộ hoạt động của các Trại giam. Như vậy, việc phân công của Thủ trưởng cơ quan thi hành án đối với các cán bộ thi hành án là thủ tục hành chính điều hành trong cơ quan, còn khi thực thi nhiệm vụ, quyền hạn của mình đã được phân công, Chấp hành viên, Giám thị trại giam nhân danh Nhà nước thực hiện quyền lực Nhà nước, chỉ tuân theo pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật. Không một cá nhân hay cơ quan nào có quyền can thiệp vào quá trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của họ. Mọi hoạt động của Chấp hành viên, Giám thị trại giam đều phải tuân thủ nghiêm ngặt trình tự, thủ tục do pháp luật qui định...

3.2.2.5. Mối quan hệ giữa cơ quan thi hành án và người bị kết án, người được thi hành án, người phải chấp hành án

Bản chất của thi hành án là bảo vệ trật tự pháp luật nhằm khôi phục lại quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức, đồng thời buộc người có nghĩa vụ phải thực hiện nghĩa vụ đối với người có quyền, đối với Nhà nước. Do đó, trong quan hệ pháp luật thi hành án luôn xuất hiện mối quan hệ giữa cơ quan thi hành án với người bị kết án, người phải thi hành án và người được thi hành án.

Trong THAHS, khi bản án hình sự có hiệu lực pháp luật, các cơ quan thi hành án chủ động tổ chức thi hành án, không phụ thuộc vào ý chí của người bị kết án, người bị kết án phải chịu các hình phạt mang tính chất cưỡng chế tuyệt đối mà không có khả năng lựa chọn như: tù có thời hạn, chung thân, tử hình và các hình phạt khác. Họ có nhiệm vụ lao động, học tập, cải tạo dưới sự quản lý của cơ quan thi hành án.

Trong thi hành án dân sự, sau khi bản án, quyết định của TA có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thể hiện ý chí

của mình trong việc thoả thuận về thể thức thi hành án, thời hạn thi hành án và các vấn đề khác liên quan đến việc chấp hành bản án, quyết định của TA, nếu thoả thuận đó không trái pháp luật, không xâm phạm đến lợi ích của Nhà nước, xã hội và những người có liên quan. Nếu người được thi hành án và người phải thi hành án thoả thuận được về việc thi hành bản án, quyết định của TA thì sẽ không có sự tham gia của cơ quan thi hành án vào quá trình thi hành án hay nói cách khác trong trường hợp này việc thi hành bản án, quyết định của TA không cần đến sức mạnh cưỡng chế của Nhà nước. Bên cạnh việc tôn trọng quyền tự định đoạt của đương sự, pháp luật qui định quyền chủ động thi hành án của cơ quan thi hành án trong những trường hợp liên quan đến lợi ích của Nhà nước hoặc cần thiết bảo vệ ngay quyền và lợi ích của cá nhân, tổ chức như thi hành bản án, quyết định về trả lại tài sản hoặc bồi thường thiệt hại tài sản xã hội chủ nghĩa, phạt tiền, tịch thu tài sản, án phí; các quyết định khẩn cấp tạm thời. Khi có yêu cầu thi hành án của người được thi hành án hoặc những trường chủ động thi hành án, cơ quan thi hành án thực hiện việc thi hành án theo qui định của pháp luật thi hành án và nếu người phải thi hành án không tự nguyện thi hành, Chấp hành viên có quyền áp dụng các biện pháp cưỡng chế buộc người phải thi hành án thi hành đúng phán quyết của TA, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người được thi hành án.

3.2.2.6. Mối quan hệ giữa cơ quan thi hành án và Viện Kiểm sát

Để đảm bảo thi hành án đúng pháp luật, đầy đủ, kịp thời, VKS tham gia vào quá trình thi hành án nhằm thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật đối với hoạt động của TA, đương sự, cơ quan thi hành án, và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến việc thi hành án. Thông qua công tác kiểm sát thi hành án, VKS kiểm sát hoạt động của TA trong việc chấp hành các qui định của pháp luật thi hành án về thời hạn và thủ tục chuyển giao bản sao bản án, quyết định, bản sao biên bản kê biên, tạm giữ tài sản, tang vật, chuyển giao tài sản, tang vật, việc cấp bản sao bản án, quyết định. Đồng thời VKS kiểm sát hoạt động của cơ quan thi hành án, cán bộ thi hành án trong việc ra các quyết định về thi hành án, uỷ thác thi hành án, tiến hành thủ tục thi hành án, thực hiện biện pháp cưỡng chế thi hành án, giải quyết khiếu nại hành vi trái pháp luật của Thủ trưởng cơ quan thi hành án và cán bộ thi

hành án. Kiểm sát việc tuân theo pháp luật của lực lượng Cảnh sát nhân dân trong việc cưỡng chế thi hành án, kiểm sát việc tuân theo pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện quyết định cưỡng chế thi hành án.

Vì vậy, việc thực hiện tốt chức năng kiểm sát thi hành án của VKS sẽ bảo đảm cho bản án, quyết định của TA được thi hành đúng pháp luật, đồng thời có thể phát hiện và ngăn chặn kịp thời những hiện tượng tiêu cực trong hoạt động nghiệp vụ thi hành án của các cán bộ thi hành án. Mặt khác, công tác kiểm sát thi hành án giúp cho cơ quan thi hành án trong việc giải quyết khiếu nại của công dân, tổ chức có liên quan đến việc thi hành án một cách nhanh chóng và hiệu quả.

3.2.2.7. Mối quan hệ giữa cơ quan thi hành án với chính quyền địa phương và các cơ quan Nhà nước, tổ chức, cá nhân liên quan trong việc thi hành án

Về nguyên tắc, cơ quan thi hành án mà trực tiếp là cán bộ thi hành án phải chịu trách nhiệm về việc thi hành bản án, quyết định được giao. Tuy nhiên, hoạt động thi hành án nhằm bảo vệ lợi ích hợp pháp của cá nhân, tập thể, giữ gìn kỷ cương xã hội, không chỉ là hoạt động chuyên môn thuần túy của cơ quan thi hành án, các cán bộ thi hành án mà còn là trách nhiệm của các cấp chính quyền và toàn xã hội. Việc thi hành án cũng như đảm bảo quyền của người đang chấp hành án không thể thực hiện tốt nếu không đặt công tác thi hành án trong tổng thể hoạt động triển khai các hoạt động giữ gìn an ninh, trật tự an toàn xã hội của địa phương. Vì vậy, Luật thi hành án dân sự và BLTTHS đã quy định rõ trách nhiệm của các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân và công dân phải phối hợp, giúp đỡ cơ quan thi hành án và cán bộ thi hành án trong việc tổ chức thi hành các bản án, quyết định của TA.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm chỉ đạo việc tổ chức, phối hợp các cơ quan hữu quan trong việc thi hành án ở địa phương mình. Chính quyền xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan, tổ chức nơi người bị kết án cư trú, làm việc có nhiệm vụ theo dõi, giám sát việc cải tạo của những người được hưởng án treo hoặc bị phạt cải tạo không giam giữ, quản chế, cấm cư trú, tước một số quyền công dân...

- Lực lượng Cảnh sát nhân dân có nhiệm vụ giữ gìn trật tự, kịp thời ngăn chặn những hành vi cản trở, chống đối việc cưỡng chế thi hành án theo yêu cầu của Thủ trưởng cơ quan thi hành án.

- Cơ quan Nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân hữu quan trong phạm vi chức năng nhiệm vụ của mình và công dân có trách nhiệm giúp đỡ, thực hiện yêu cầu của cơ quan thi hành án trong việc thi hành án, như hỗ trợ phương tiện, lực lượng để cưỡng chế thi hành án; giúp đỡ cơ quan thi hành án trong việc vận động, giáo dục đương sự tự nguyện thi hành án; và các yêu cầu khác trong việc thi hành án.

Sự phối hợp chặt chẽ giữa vai trò chủ động, trách nhiệm của cơ quan thi hành án, cán bộ thi hành án và sự chỉ đạo sát sao, kịp thời của Ủy ban nhân dân các cấp, sự phối hợp của các cơ quan, tổ chức có liên quan tạo ra sức mạnh tổng hợp, nâng cao ý thức trách nhiệm của cả cộng đồng đối với hoạt động thi hành án. Tuy nhiên, sự phối hợp trong thi hành án không có nghĩa là đùn đẩy, dựa dẫm, quyền hạn và trách nhiệm không được phân định rõ ràng. Các cán bộ thi hành án, cơ quan thi hành án được pháp luật giao cho chức năng thi hành án không chỉ giữ vai trò tham mưu mà thực sự chủ động tổ chức, tiến hành các trình tự, thủ tục thi hành án do pháp luật qui định, chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thi hành kịp thời, đầy đủ các bản án, quyết định của TA. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với cơ quan thi hành án trong việc tổ chức thi hành án như: Cơ quan Công an có trách nhiệm cử lực lượng Cảnh sát tư pháp tham gia bảo vệ, cưỡng chế thi hành án khi có yêu cầu của cơ quan thi hành án... Vì vậy, việc kiện toàn hệ thống tổ chức và hoạt động của các cơ quan liên quan cũng như việc xác định cụ thể trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động thi hành án sẽ đảm bảo cho việc thi hành án được thực hiện có hiệu quả; đồng thời ý thức pháp luật của nhân dân, vai trò trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức được nâng lên, niềm tin của người đang chấp hành án vào hệ thống pháp luật, bộ máy Nhà nước được củng cố.

Tóm lại, thi hành án là một bộ phận hoạt động của bộ máy Nhà nước, là công cụ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức bằng sức mạnh cưỡng chế

Nhà nước và là cơ sở bảo đảm cho sự công bằng, công lý của xã hội. Mọi hoạt động của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền đều nhằm đưa ra bản án hay quyết định thể hiện ý chí của Nhà nước về việc xác lập quyền và nghĩa vụ của người đang chấp hành án theo qui định của pháp luật. Nhưng ý chí đó có trở thành hiện thực hay không tùy thuộc vào kết quả giai đoạn thi hành bản án, quyết định của TA. Thiếu giai đoạn thi hành án thì các phán quyết của TA sẽ trở nên vô nghĩa, quyền lực Nhà nước bị xem thường, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân bị xâm phạm. Tuy nhiên, hoạt động thi hành án không chỉ là hoạt động nghiệp vụ riêng của cơ quan thi hành án mà là trách nhiệm chung của các cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và của toàn xã hội. Việc xác định rõ mối quan hệ quản lý Nhà nước giữa cơ quan quản lý thi hành án với cơ quan thi hành án và mối quan hệ giữa cơ quan thi hành án dân sự với cơ quan THAHS, giữa cơ quan thi hành án và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác thi hành án sẽ là cơ sở để hoàn thiện tổ chức, hoạt động của các cơ quan quản lý thi hành án, cơ quan thi hành án cũng như các qui định pháp luật về thủ tục thi hành án và là yếu tố quyết định việc bảo đảm quyền của người bị kết án đang chấp hành án phạt tù.

3.3. Nhận xét đánh giá quy định của pháp luật về quyền của người bị kết án và tổ chức thực hiện quyền của người bị kết án phạt tù đang chấp hành án

3.3.1. Những bất cập, hạn chế trong quy định của pháp luật thi hành án phạt tù

Yêu cầu đặt ra trong tiến trình cải cách hành chính và cải cách tư pháp ở nước ta hiện nay là việc hoàn thiện hệ thống các quy định pháp luật (thể chế) làm cơ sở pháp lý cho việc thực hiện mọi vấn đề có liên quan đến tổ chức và hoạt động của mọi cơ quan, đơn vị trong bộ máy nhà nước. Điều này hoàn toàn phù hợp với mục tiêu xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa mà Đảng và Nhà nước đã đề ra. Trong những năm qua, hệ thống văn bản pháp luật về thi hành án bước đầu đã đáp ứng được với yêu cầu của việc thực hiện nhiệm vụ trong tình hình mới. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, hệ thống văn bản pháp luật về thi hành án còn bộc lộ khá nhiều khiếm khuyết cần thiết phải khắc phục, cụ thể là:

- Các quy định của pháp luật về thi hành án còn thiếu và bất cập:

Cùng với sự phát triển của đời sống xã hội nói chung, công tác thi hành án nói chung, đảm bảo QCN trong chấp hành án nói riêng ngày càng đa dạng về nội dung, phức tạp về tính chất. Tuy nhiên, hiện nay mặc dù chúng ta đã có Luật THAHS thi hành án hiện hành nhưng về khách quan có thể thấy Luật THAHS không theo kịp với xu thế phát triển chung đó và đã gây nên tình trạng “bỏ ngỏ” nhiều vấn đề, nhiều quy định còn “bất cập” so với điều kiện kinh tế - xã hội hiện tại, không đồng bộ với các thể chế trong các lĩnh vực khác, mà cụ thể là:

+ Pháp luật về thi hành án hiện hành còn thiếu quy định về sự phối hợp trong cơ chế quản lý thi hành án phạt tù và thi hành án dân sự. Chúng ta đều biết rằng, trong bản án hình sự có thể đồng thời có cả hai loại trách nhiệm cần thực hiện: trách nhiệm hình sự và trách nhiệm dân sự. Việc thi hành án phạt tù do BCA đảm nhiệm, còn thi hành án dân sự do cơ quan thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp thực hiện. Trong quá trình thi hành án, hai cơ quan có những chức năng riêng biệt chưa có sự phối hợp chặt chẽ với nhau đã làm hạn chế tác dụng giáo dục người phạm tội, hạn chế hiệu quả chung của công tác thi hành án. Trên thực tế, người phạm tội sau khi đã thụ hình xong đã lẩn tránh việc thi hành phần trách nhiệm dân sự; ngược lại người có ý thức thi hành phần trách nhiệm dân sự trong thời gian thụ hình nhưng pháp luật thi hành án không quy định đây là một tình tiết để xét giảm án phạt tù. Thêm vào đó, thực tế còn nảy sinh nhiều vướng mắc trong quan hệ công tác giữa cơ quan thi hành án với TA, VKS, lực lượng bảo vệ cường chế thi hành án, chính quyền địa phương trong việc yêu cầu hoãn thi hành án, kháng nghị tạm đình chỉ thi hành án của người có thẩm quyền, tham gia cường chế thi hành... Điều này đòi hỏi pháp luật về thi hành án phải có những quy định rõ ràng để tạo nên cơ chế hoạt động phối hợp nhịp nhàng giữa cơ quan thi hành án với các cơ quan hữu quan.

Tất cả những hạn chế này đã làm giảm sút một cách đáng kể hiệu lực, hiệu quả hoạt động của công tác thi hành án nói chung và đảm quyền của người đang chấp hành án phạt tù nói riêng.

- Sự tản mát, thiếu đồng bộ trong hệ thống văn bản pháp luật về thi hành án:

Thi hành án là nhiệm vụ có tính chất phức tạp bao gồm rất nhiều công việc cụ thể liên quan đến từng mảng hoạt động khác nhau nhưng chúng đều phục vụ cho một mục tiêu chung là đảm bảo việc thi hành các bản án, quyết định của TA. Thực tiễn hiện nay cho thấy, cơ sở pháp lý về tổ chức và hoạt động của từng mảng thi hành án do các văn bản pháp luật khác nhau điều chỉnh, đối với THAPT là Luật THAHS năm 2010. Các văn bản pháp luật về công tác thi hành án phần lớn đều mang tính chất đơn hành, hiệu lực pháp lý thấp, mang tính tình thế, khắc phục hoàn cảnh cụ thể. Việc thiếu một đạo luật chung về công tác thi hành án có hiệu lực pháp lý cao, tạo cơ sở thống nhất về mặt tổ chức và cơ chế quản lý, điều hành công tác thi hành án tất yếu đã dẫn đến tình trạng các văn bản pháp luật về thi hành án có sự chồng chéo, mâu thuẫn, vừa thiếu, vừa manh mún, tản mát. Điều này đã có ảnh hưởng tiêu cực đến hiệu lực, hiệu quả của công tác thi hành án.

3.3.2. Những hạn chế trong tổ chức thực hiện quyền của người bị kết án phạt tù đang chấp hành án

Đây là một hoạt động có ý nghĩa quan trọng trong việc đảm bảo thi hành các bản án, quyết định của TA và các cơ quan trọng tài, góp phần tăng cường hiệu lực hoạt động của toàn bộ bộ máy nhà nước, bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của các cá nhân, tổ chức, công tác thi hành án luôn luôn được củng cố, hoàn thiện đáp ứng với yêu cầu, nhiệm vụ mà Nhà nước đặt ra cho từng thời kỳ, giai đoạn lịch sử nhất định.

Hiến pháp năm 2013 và các đạo luật về tổ chức bộ máy nhà nước được Quốc hội thông qua năm 2013, trong đó phải kể đến việc Luật Tổ chức Chính phủ quy định chức năng quản lý công tác thi hành án thuộc về Chính phủ đồng thời Luật Tổ chức TA nhân dân không quy định thẩm quyền thi hành án thuộc về TA nhân dân. Trên cơ sở những quy định của hai đạo luật này, Luật THAHS năm 2010, quy định cụ thể về tổ chức và hoạt động THAHS, đặt cơ sở pháp lý cho công tác THAHS.

Tuy nhiên, trước đòi hỏi của yêu cầu đổi mới sâu sắc và toàn diện mọi mặt đời sống xã hội của đất nước, đặc biệt là yêu cầu của công cuộc cải cách hành chính và cải cách tư pháp nhằm xây dựng và hoàn thiện Nhà nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, công tác thi hành án cần tiếp tục phải đổi mới nhằm góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, lập lại trật tự, kỷ cương xã hội,

tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, và bảo đảm quyền của người bị kết án đang chấp hành án theo đúng quy định của pháp luật, trong thực hiện quyền của NBKAPT đang chấp hành án còn có những hạn chế cơ bản dưới đây:

Thứ nhất, tổ chức bộ máy cơ quan thi hành án

Tổ chức bộ máy cơ quan thi hành án hiện là vấn đề cơ bản trong đổi mới tổ chức và hoạt động thi hành án. Trong cải cách hành chính và cải cách tư pháp, vấn đề kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan theo hướng tinh gọn, phân cấp rõ ràng, không chồng chéo, trùng lặp thẩm quyền, giữ vững được đầu mối quản lý tập trung thống nhất, đủ điều kiện để hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao được đặt ra như là một yêu cầu có tính chất quyết định đến sự thành công của tiến trình cải cách.

Thực tiễn tổ chức bộ máy thi hành án hiện nay nổi lên một số vấn đề sau đây:

- Về cơ quan quản lý nhà nước đối với công tác thi hành án:

Quản lý nhà nước về công tác thi hành án có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả, hiệu lực của công tác thi hành án, bởi lẽ, nội dung của công tác quản lý nhà nước về thi hành án chi phối đến từng công việc cụ thể của công tác thi hành án như: biên chế tổ chức, chính sách chế độ, cơ sở vật chất, cơ chế phối hợp thực hiện... Tuy nhiên thực tiễn hiện nay cho thấy việc quản lý nhà nước đối với công tác thi hành còn bị xé lẻ, phân tán theo từng lĩnh vực thi hành án với sự tham gia của quá nhiều cơ quan nhà nước khác nhau, cụ thể là:

- + Công tác THAHS và dân sự trong quân đội do BQP quản lý;
- + Công tác THAPT giam và trục xuất do BCA quản lý;

Thêm vào đó, trong việc thi hành án hiện nay còn có sự tham gia của các cơ quan liên quan như: TA nơi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự ra quyết định THAHS, việc thi hành các hình phạt khác như cải tạo không giam giữ, quản chế, cấm đi khỏi nơi cư trú, bắt buộc chữa bệnh hoặc án treo do chính quyền địa phương nơi người phải thi hành án cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi những người này đang công tác chịu trách nhiệm giám sát, giáo dục. Điều này gây ra những khó khăn nhất định cho việc quản lý nhà nước đối với công tác thi hành án.

Việc quản lý nhà nước đối với công tác thi hành án hiện nay tập trung vào quá nhiều đầu mối, mà chưa có một cơ quan nào chịu trách nhiệm thống nhất quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn, tổng kết công tác thi hành án trong phạm vi cả nước. Tình

trạng này đã dẫn đến sự thiếu tập trung thống nhất trong công tác quản lý thi hành án, gây ra những khó khăn nhất định trong việc điều hành, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát hoạt động nhất là việc phối hợp thực hiện trong công tác thi hành án.

- Về tổ chức của các cơ quan thi hành án:

Tham gia trực tiếp vào công tác thi hành án hiện nay là các cơ quan thi hành án chuyên trách, các cơ quan có chức năng liên quan và các cơ quan hữu quan khác, cụ thể là:

+ Đối với thi hành án hình sự:

* Cơ quan thi hành án phạt tù là các trại giam;

* Việc thi hành các hình phạt khác như cải tạo không giam giữ, quản chế, cấm đi khỏi nơi cư trú, bắt buộc chữa bệnh hoặc án treo do chính quyền địa phương nơi người phải thi hành án cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi những người này đang công tác chịu trách nhiệm giám sát, giáo dục.

+ Các điều kiện đảm bảo cho cơ quan thi hành án hoạt động có hiệu quả như các trang thiết bị cần thiết, các điều kiện vật chất, kinh phí hoạt động... còn khá hạn hẹp, đặc biệt là việc thiếu sự trợ giúp của lực lượng cảnh sát chuyên nghiệp trong công tác thi hành án. Điều này làm cho cơ quan thi hành án chưa thực sự đủ “mạnh” để đảm nhiệm công việc được pháp luật giao phó.

Thứ hai, về đội ngũ cán bộ làm công tác thi hành án

Thực tiễn những năm qua cho thấy, công tác tuyển dụng cán bộ, bổ nhiệm, miễn nhiệm chấp hành viên, công tác đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ, công tác khen thưởng, xử lý sai phạm đối với cán bộ thi hành án đã được chú trọng, chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác thi hành án thực sự đã được nâng cao một bước. Tuy nhiên, trước đòi hỏi của việc đổi mới tổ chức và hoạt động thi hành án, công tác cán bộ trong lĩnh vực thi hành án còn bộc lộ một số tồn tại sau đây:

- Đội ngũ cán bộ làm công tác thi hành án vẫn còn thiếu về số lượng, yếu về chất lượng so với yêu cầu của nhiệm vụ được giao, với khối lượng công việc thi hành án ngày một gia tăng, tính chất ngày một phức tạp. Tình trạng này đã kéo dài trong nhiều năm cần có các giải pháp tích cực để giải quyết triệt để;

- Mặc dù đã có nhiều biện pháp tích cực để tuyển chọn đội ngũ cán bộ làm công tác thi hành án, nhưng trên thực tế, những hiện tượng tiêu cực nảy sinh trong công tác thi hành án vẫn còn xuất hiện. Điều này xuất phát từ chính những yếu kém của công tác cán bộ, đặc biệt là khâu kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm đối với đội ngũ cán bộ làm công tác thi hành án, mà trước hết là đội ngũ chấp hành viên;

- Việc sắp xếp, bố trí vị trí công tác đối với đội ngũ cán bộ làm công tác thi hành án còn có những bất hợp lý đã gây ra những khó khăn nhất định cho việc tổ chức thực hiện công tác thi hành án.

3.3.3. Nguyên nhân hạn chế vướng mắc trong thực hiện quyền của người bị kết án phạt tù đang chấp hành án hiện nay

Nguyên nhân của hạn chế vướng mắc trong thực hiện quyền của người bị kết án tù đang chấp hành án hiện nay là xuất phát từ cơ chế tổ chức và cách thức quản lý công tác thi hành án hiện nay

Các bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của TA mang tính bắt buộc đối với cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan và phải được thi hành nghiêm chỉnh. Có như vậy mới nêu cao được hiệu quả quản lý xã hội bằng pháp luật, tăng cường pháp chế, bảo vệ được lợi ích của nhà nước, xã hội và công dân, đạt được mục đích giáo dục và phòng ngừa. Một trong những điều kiện đảm bảo hiệu quả công tác thi hành án nói chung chính là phải có một cơ chế tổ chức và quản lý phù hợp. Với cơ chế tổ chức và quản lý thi hành án hiện nay mặc dù đã có sự đổi mới, phát triển hơn so với trước kia nhưng vẫn còn những vướng mắc, hạn chế cần khắc phục.

Vướng mắc và hạn chế lớn nhất thể hiện ở chỗ: cơ chế tổ chức, quản lý công tác thi hành án nói chung hiện nay còn mang tính chất phân tán, không tập trung thể hiện ở việc có quá nhiều cơ quan thực hiện quản lý Nhà nước về thi hành án, nhiều cơ quan thi hành án khác nhau tổ chức thực hiện nhiệm vụ thi hành các bản án và quyết định của TA. Chẳng hạn đối với hình phạt tù, hình phạt trục xuất thì BCA thực hiện chức năng quản lý và tổ chức thi hành nhưng việc quyết định đưa bản án ra thi hành thì lại thuộc quyền của Chánh án TA nhân dân; việc thi hành các loại hình phạt khác như (phạt tù cho hưởng án treo, cải tạo không giam giữ, cấm cư trú, quản chế, biện pháp bắt buộc chữa bệnh) được giao cho chính quyền sở tại nơi người bị kết án cư

trú hoặc cơ quan tổ chức nơi người bị kết án làm việc, công tác chịu trách nhiệm giám sát, giáo dục nhưng cơ quan nào có trách nhiệm quản lý, kiểm tra, hướng dẫn và chỉ đạo thì lại không xác định cụ thể nên hiệu quả thi hành án không cao.

Việc phân tán không tập trung của cơ chế quản lý và tổ chức công tác thi hành án không chỉ thể hiện trong cơ chế tổ chức và quản lý nói chung mà trong từng lĩnh vực cụ thể cũng bị xé lẻ, chia cắt, thiếu đồng bộ. Điều đó thể hiện ở những điểm cụ thể dưới đây:

- *Trong lĩnh vực thi hành án hình sự:* Việc THAHS hiện nay có sự phân tách giữa THAHS trong và ngoài quân đội, thể hiện rất rõ trong cơ chế tổ chức và quản lý công tác thi hành các loại hình phạt cụ thể: Thi hành hình phạt tử hình; thi hành hình phạt tù; thi hành hình phạt và các quyết định khác như cải tạo không giam giữ, phạt tù nhưng cho hưởng án treo, trục xuất, quản chế, cấm cư trú, bắt buộc chữa bệnh; thi hành các quyết định về dân sự trong bản án hình sự....sự phân tán, thiếu tập trung dẫn đến việc quản lý không thống nhất, khó kiểm tra, giám sát công tác tổ chức thi hành án.

Với cơ chế tổ chức và quản lý thi hành án hiện nay, tất yếu dẫn đến một hệ quả là để thi hành một bản án hình sự có thể có ít nhất 4 cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành, cụ thể:

- Chánh án TA nhân dân đã xét xử sơ thẩm hoặc Chánh án TA được uỷ quyền (trong trường hợp người bị kết án cư trú ở nơi khác) có quyền ra quyết định thi hành bản án hình sự đã có hiệu lực pháp luật.

- BCA có trách nhiệm tổ chức và quản lý việc THAPT, thi hành hình phạt trục xuất.

- Đối với các loại hình phạt khác như phạt cải tạo không giam giữ, phạt tù cho hưởng án treo, cấm cư trú, quản chế được giao về cho chính quyền địa phương hay cơ quan tổ chức nơi người bị kết án cư trú hoặc làm việc đảm nhận việc thi hành.

- Việc thi hành các quyết định về dân sự trong các bản án hình sự do cơ quan thi hành án dân sự đảm nhiệm.

Như vậy, để thi hành án một bản án hình sự, buộc phải có sự can thiệp của nhiều cơ quan nhưng cơ chế phối hợp giữa các cơ quan này một mặt khó thực hiện

mặt khác có trường hợp chưa được xác định, do đó đã ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả thi hành án. Ngoài ra với cơ chế tổ chức và quản lý như vậy, ngay trong mỗi hoạt động thi hành từng mảng, từng phần của bản án hình sự trên thực tế cũng bị xé lẻ, tách rời nhau ví dụ: Trong việc thi hành hình phạt tù thì cơ quan có thẩm quyền ra quyết định thi hành án và cơ quan có nhiệm vụ tổ chức thi hành án, cơ quan có nhiệm vụ quản lý công tác thi hành án là hoàn toàn khác nhau.

TA là cơ quan có quyền ra quyết định đưa bản án ra thi hành, quyết định tạm đình chỉ thi hành hoặc hoãn thi hành hình phạt, xem xét quyết định miễn, giảm thời hạn chấp hành hình phạt, quyết định việc xoá án...

Việc tổ chức thi hành hình phạt tù lại thuộc nhiệm vụ của cơ quan công an và các trại giam trực thuộc BCA. BCA là cơ quan giúp Chính phủ trực tiếp thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước về công tác THAPT.

Đối với các loại hình phạt khác như cải tạo không giam giữ, quản chế, cấm cư trú, phạt tù cho hưởng án treo... còn khoán trắng cho cơ quan chính quyền địa phương hoặc cơ quan, tổ chức nơi người phải chấp hành hình phạt cư trú hoặc làm việc mà chưa có cơ chế quản lý, giám sát dễ dẫn đến tình trạng thi hành nửa vời không nghiêm chỉnh, hiệu quả giáo dục và phòng ngừa không cao.

Mặt khác không ít các đối tượng thi hành án vừa phải chấp hành các phán quyết của TA về hình sự vừa phải chịu trách nhiệm về dân sự mà trong trường hợp này việc thi hành án đối với họ lại do hai cơ quan thi hành án khác nhau thực hiện. Thế nhưng, việc thi hành tốt phán quyết về dân sự không được coi là một điều kiện quan trọng trong việc xét giảm thời hạn thi hành hình phạt về hình sự. Điều đó, trong thực tế đã ảnh hưởng không tốt đến hiệu quả của hoạt động thi hành án dân sự, không khuyến khích, động viên được người phải chấp hành hình phạt tù giam, cải tạo không giam giữ... kịp thời và nghiêm chỉnh thi hành trách nhiệm dân sự nhằm được xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt. Nhất là đối với các trường hợp khi tiến hành điều tra cơ quan điều tra, không kịp thời áp dụng các biện pháp đảm bảo thi hành án về dân sự như phong toả, kê biên tài sản của người phạm tội, cá biệt nếu có đối tượng sau khi chấp hành hình phạt xong không trở lại địa phương và cũng không xác định được địa chỉ cư trú mới của họ thì cơ quan thi hành án dân sự sẽ không thể tổ chức thi hành phần quyết định về trách nhiệm dân sự của họ. Điều đó sẽ dẫn đến tình trạng tồn đọng án, ảnh hưởng tới quyền lợi của Nhà nước của tập thể và công dân.

Nguyên nhân từ trình độ nhận thức, từ chính sách pháp luật, điều kiện cơ sở vật chất và đời sống văn hóa tinh thần

Thứ nhất, trình độ nhận thức của cán bộ thi hành án hình sự còn hạn chế dẫn tới những vi phạm làm tổn hại đến quyền của NBKAPT như: vẫn còn hiện tượng bố trí lao động chưa phù hợp với độ tuổi, sức khỏe của PN; thời gian lao động, thời giờ nghỉ ngơi chưa bảo đảm; chưa bảo đảm định lượng khẩu phần ăn cho phạm nhân, thậm chí có hiện tượng trại giam không cho PN ăn đúng giờ theo quy định vì vi phạm kỷ luật; việc cấp phát quần áo, chăn màn và các đồ dùng sinh hoạt theo vùng miền chưa được phù hợp.

Thứ hai, Hệ thống pháp luật và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của NBKAPT như: Hiến pháp, pháp luật hình sự, pháp luật dân sự, pháp luật hành chính... Luật Thi hành án hình sự, nội quy, quy chế trại giam và các văn bản hướng dẫn về chế độ chính sách liên quan đến quyền và nghĩa vụ của NBKAPT tuy đã được ghi nhận, nhưng trong tình hình đất nước đang phát triển kinh tế thị trường theo hướng CNH, HĐH và sự hòa nhập kinh tế quốc tế toàn cầu, đồng thời với chủ trương cải cách tư pháp, cải cách hành chính phù hợp với thể chế nhà nước pháp quyền XHCN thì nhiều vấn đề trong chính sách pháp luật hình sự cần phải tiếp tục điều chỉnh hoàn thiện hơn để bảo đảm quyền của NBKAPT.

Thứ ba, Các trại giam đều đóng ở vùng sâu, xa, báo chí đến rất chậm, muộn, thông tin thời sự sau vài ngày mới đến nơi. Sóng vô tuyến truyền hình khó bắt hoặc nhiễu ảnh hưởng nhiều đến giáo dục thời sự, chính trị, văn hóa và đời sống tinh thần của PN.

Thứ tư, Đời sống vật chất hạn chế, theo quy định của pháp luật và chế độ, chính sách của Nhà nước. Song điều kiện không được thoải mái về vật chất, sinh hoạt trong môi trường trại giam. Số lượng PN ngày càng tăng nhanh, tạo nên sự bức xúc về tình trạng quá tải. Chỗ nằm của mỗi PN, theo quy định của pháp luật là $2m^2$. Hiện nay, do tình hình tội phạm diễn biến rất phức tạp, số lượng PN ngày càng tăng, dẫn đến chỗ ở, nơi ngủ rất chật chội, nhiều nơi, trung bình mỗi PN chỉ được $1,8m^2$, có nơi chưa được $1,8m^2$, PN dễ lây một số bệnh như lao, viêm gan và có thể là HIV/AIDS. Nhu cầu sinh lý (sinh hoạt vợ chồng) bị hạn chế. Những PN cải tạo tốt mới được gặp vợ hoặc chồng một lần. Do điều kiện trại giam ở xa, nhiều PN mỗi năm chỉ được gặp vợ hoặc chồng một lần. Đây cũng là nguyên nhân vướng mắc trong bảo đảm quyền của NBKAPT.

Kết luận Chương 3

Nghiên cứu đánh giá thực trạng về quyền của người bị kết án đang chấp hành trong các trại giam được tiến hành nghiêm túc bằng nhiều phương pháp khác nhau, như sử dụng phương pháp tổng hợp, phân tích, thống kê, so sánh để làm rõ thực trạng thực hiện quyền của NBKAPT đang chấp hành án ở Việt Nam của các cơ quan nhà nước trong tình hình hiện nay, tác giả đánh giá những kết quả đạt được và chỉ ra những nguyên nhân đạt được kết quả đó; đồng thời cũng chỉ ra được những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của tồn tại và hạn chế đó là: Hệ thống pháp luật điều chỉnh chưa kịp với tình hình thực tế đã và đang diễn ra trong đó có các vấn đề liên quan đến NBKAPT, kể cả pháp luật về THAPT và các quy định của pháp luật khác liên quan đến NBKAPT. Mặt khác do Nhà nước chưa quan tâm hoặc quan tâm nhưng triển khai chưa kịp (chậm) trong việc đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho công tác THAPT.

Sự tham gia thiếu đồng bộ và chưa nêu hết vai trò trách nhiệm của cơ quan ban ngành liên quan và gia đình NBKAPT còn những mặc cảm về NBKAPT với tội lỗi của họ gây nên. Nhận thức của cán bộ, chiến sĩ kể cả lãnh đạo trại giam đối với NBKAPT, cho rằng là loại người phải là trừng trị và áp dụng các hình thức không phù hợp với quy định của pháp luật. Các hoạt động của trại giam cũng như việc tổ chức thực hiện các chế độ chính sách đối với NBKAPT cũng phản ánh một cách khách quan rằng những trại giam nào cán bộ chiến sĩ ý thức được PN họ là con người và được hưởng các quyền công dân mà pháp luật không tước bỏ thì ở đó thực hiện tốt hơn thể hiện ở chỗ chẳng những thực hiện chế độ chính sách do Nhà nước quy định trong pháp luật Hình sự và Luật THAPT mà còn ở các quy định của pháp luật khác liên quan đến quyền công dân mà NBKAPT được hưởng.

Đánh giá đúng thực trạng tổ chức thực hiện quyền của người bị kết án sẽ giúp cho việc đề xuất những phương hướng, giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả đảm bảo QCN nói chung, quyền của NBKAPT đang chấp hành án trong tình hình hiện nay. Đây chính là quan điểm, tư tưởng của Đảng, Nhà nước ta về QCN và quyền của NBKAPT.

Chương 4

QUAN ĐIỂM, GIẢI PHÁP VỀ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ BẢO ĐẢM TỔ CHỨC THỰC HIỆN QUYỀN CỦA NGƯỜI BỊ KẾT ÁN PHẠT TÙ

4.1. Quan điểm của Đảng, Nhà nước ta về hoàn thiện quyền của người bị kết án phạt tù trong thi hành án hình sự

Trong suốt chiều dài lịch sử, loài người luôn đấu tranh nhằm giải phóng con người, xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Trong thời gian dài dân tộc Việt Nam bị nước ngoài đô hộ, phải gánh chịu những hy sinh to lớn để giành độc lập dân tộc và tự do của Tổ quốc. Bằng cuộc đấu tranh bất khuất, kiên cường qua nhiều thế kỷ, dân tộc Việt Nam đã khẳng định rằng, quyền thiêng liêng, cơ bản nhất của con người là quyền được sống trong độc lập, tự do, quyền được tự quyết định vận mệnh của mình. Đây cũng chính là nguyên tắc có tính nền tảng về quyền tự quyết dân tộc đã được khẳng định trong Hiến chương LHQ và tại Điều 1 của cả hai Công ước cơ bản nhất của LHQ về QCN: Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội, văn hóa và Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị.

Đảng và Nhà nước ta luôn khẳng định quan điểm quan tâm đặc biệt đến QCN nói chung và quyền của NBKAPT nói riêng. Quan điểm này dựa trên nền tảng tư tưởng của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, truyền thống văn hóa dân tộc và xem xét, chọn lọc những tiêu chuẩn về QCN được thế giới thừa nhận rộng rãi. Tư tưởng Hồ Chí Minh về QCN là sự kết hợp giữa chủ nghĩa nhân đạo xã hội chủ nghĩa với truyền thống yêu nước, thương nòi của dân tộc Việt Nam, giữa lý luận mác - xít và thực tiễn cách mạng Việt Nam. Quan điểm trên của Hồ Chí Minh được thể hiện bằng bản Tuyên ngôn độc lập bất hủ, ngay trong ngày khai sinh nước Việt Nam dân chủ cộng hòa: *“Tất cả mọi người sinh ra có quyền bình đẳng, tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được. Trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền được tự do, quyền được mưu cầu hạnh phúc...”* (Tuyên ngôn độc lập ngày 02/9/1945). Tuyên ngôn độc lập năm 1945 không chỉ nhằm công bố với thế giới về sự ra đời của một quốc gia độc lập, có chủ quyền, mà còn là một bản tuyên ngôn về QCN của Việt Nam, đồng thời khẳng định nhân dân Việt Nam quyết tâm đem hết tinh thần và lực lượng để bảo vệ giá trị thiêng liêng đó. Kế thừa

phát huy giá trị của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và truyền thống văn hóa dân tộc, quan điểm nhất quán và xuyên suốt về QCN của Đảng và Nhà nước ta là giải phóng con người khỏi áp bức, bóc lột, đem lại tự do, ấm no, hạnh phúc cho nhân dân. Đây được xem là những tư tưởng và đường lối chỉ đạo về QCN, làm cơ sở cho việc bảo vệ và thúc đẩy các QCN trên thực tế.

Chỉ thị số 12/CT- TW ngày 12/7/1992 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VII) về “Vấn đề QCN và quan điểm, chủ trương của Đảng ta” xác định: *“Đối với chúng ta vấn đề quyền con người được đặt ra xuất phát từ mục tiêu của Chủ nghĩa xã hội từ bản chất của chế độ ta và bao quát rộng rãi nhiều lĩnh vực, từ chính trị, tư tưởng, văn hóa đến kinh tế, xã hội an ninh quốc phòng, pháp chế...”*. Theo đó, QCN được nhìn nhận là giá trị chung của nhân loại, là thành quả cuộc đấu tranh lâu dài qua các thời đại của nhân dân lao động và các dân tộc bị áp bức trên thế giới và cũng là cuộc đấu tranh của loài người làm chủ thiên nhiên; xem xét vấn đề này không thể tách rời phạm trù quyền dân tộc, chủ quyền quốc gia cũng như truyền thống văn hóa, lịch sử và trình độ phát triển của dân tộc. Do đó, giải phóng con người gắn liền với giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội. Mặt khác, quyền không tách rời nghĩa vụ; dân chủ phải đi đôi với kỷ cương. Với cách hiểu cơ bản về QCN như vậy, Đảng ta khẳng định, QCN là mục tiêu và động lực của sự phát triển xã hội. Và quan trọng hơn cả, vấn đề QCN xuất phát từ chính mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, từ bản chất của chế độ và bao quát rộng rãi nhiều lĩnh vực, hay nói cách khác QCN mang tính giai cấp. Vì vậy, bảo vệ và phát huy QCN là trách nhiệm chung mà tất cả các cấp, các ngành và địa phương phải tích cực, chủ động thực hiện.

QCN là tiếng nói chung, mục tiêu chung của xã hội loài người. Pháp luật về QCN ghi nhận các tư tưởng và lý luận về QCN, bảo vệ và thúc đẩy sự phát triển tự do nhân phẩm và hạnh phúc của mỗi người. Mỗi quốc gia về văn minh nhân loại. Sự ghi nhận các quyền và tự do cơ bản của con người trong Hiến pháp Việt Nam thể hiện quan điểm cơ bản của Đảng và Nhà nước Việt Nam: QCN vừa là mục tiêu vừa là động lực của sự phát triển đất nước, vì dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh.

Kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XIII đã thông qua Hiến pháp năm 2013 gồm 11 chương, 120 điều, riêng chế định về QCN quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân

trong Chương II, từ Điều 14 đến Điều 49 gồm 36/120 điều, là chương chứa đựng nhiều điều nhất và nhiều điểm mới nhất. Tuy nhiên, QCN không chỉ được quy định tập trung trong Chương II mà còn là quan điểm, nội dung xuyên suốt trong toàn bộ Hiến pháp năm 2013, với mục tiêu quan trọng nhất là tiếp tục phát huy dân chủ, bảo đảm thực hiện tốt hơn QCN, quyền, nghĩa vụ cơ bản của công dân. Hiến pháp năm 2013 đánh dấu bước phát triển mới mạnh mẽ trong tư duy lý luận của Đảng và Nhà nước ta trong một loạt vấn đề cơ bản của thời đại và sự nghiệp đổi mới đất nước, trong đó có vấn đề QCN. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung và phát triển năm 2011) cũng chỉ rõ: *“Quan tâm hơn nữa việc chăm lo hạnh phúc và phát triển tự do, toàn diện của con người, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con người, tôn trọng và thực hiện các điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết”*. Khẳng định mạnh mẽ bản chất nhà nước ta là nhà nước thực hiện chủ quyền nhân dân, thực hành dân chủ, bảo đảm QCN, quyền công dân và bảo đảm quyền lực Nhân dân, Điều 2 Hiến pháp năm 2013 khẳng định: *“Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân. Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân...”*[7].

Lý luận về QCN cho thấy, QCN chỉ được bảo đảm trên cơ sở hệ thống pháp luật hoàn chỉnh, thống nhất. Như vậy, để bảo đảm quyền của NBKAPT trước hết đòi hỏi phải hoàn thiện hệ thống pháp luật về quyền của NBKAPT. Quan điểm về vấn đề này đã được thể hiện ở Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 với mục tiêu là xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật đồng bộ, thống nhất, khả thi, công khai, minh bạch. Theo đó: *“cần tiến hành đồng bộ với cải cách hành chính, cải cách tư pháp, với những bước đi vững chắc; coi trọng số lượng và chất lượng, có trọng tâm, trọng điểm; dự tính đầy đủ các điều kiện bảo đảm hiệu lực, hiệu quả thi hành của pháp luật”*[35]. Ngoài ra, quan điểm về vấn đề hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo đảm quyền của NBKAPT còn được thể hiện ở Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020. Cụ thể là: *“Sớm hoàn thiện*

hệ thống pháp luật liên quan đến lĩnh vực tư pháp phù hợp mục tiêu của chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật. Coi trọng việc hoàn thiện chính sách hình sự và thủ tục tố tụng tư pháp, đề cao hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện trong việc xử lý người phạm tội. Giảm hình phạt tù, mở rộng áp dụng hình phạt tiền, hình phạt cải tạo không giam giữ đối với một số loại tội phạm”[36]. Đây là những định hướng quan trọng trong việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo đảm quyền của NBKAPT.

Trong giai đoạn hiện nay, vấn đề bảo đảm quyền của NBKAPT trong thi hành án hình sự được gắn liền với nhiệm vụ triển khai thực hiện quy định của Hiến pháp năm 2013 về QCN trong mọi mặt của đời sống xã hội, nhất là trong các lĩnh vực mà QCN dễ bị xâm phạm nhất, trong đó có THAPT. Ngoài ra, vấn đề bảo đảm quyền của NBKAPT trong THAHS còn phải bám sát yêu cầu của chiến lược cải cách tư pháp. Điều đó được thể hiện trong Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020. Theo đó, về phương hướng cải cách tư pháp là: *“hoàn thiện các thủ tục tố tụng tư pháp, bảo đảm tính đồng bộ, dân chủ, công khai, minh bạch, tôn trọng và bảo vệ quyền con người”*[36]. Như vậy, để bảo đảm quyền của NBKAPT nói riêng, quan điểm của Đảng ta là phải hoàn thiện các thủ tục tố tụng tư pháp. Đó chính là hoàn thiện pháp luật về tố tụng tư pháp, hoàn thiện các cơ quan tố tụng tư pháp trong đó có các cơ quan tham gia THAHS. Phải tổ chức các cơ quan tham gia THAHS hợp lý, khoa học và hiệu quả về cơ cấu tổ chức, điều kiện vật chất, phương tiện làm việc. Đồng thời, cần chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ trong các cơ quan này, phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng, cơ quan dân cử, các tổ chức xã hội và nhân dân đối với hoạt động THAPT.

Như vậy, quan điểm của Đảng, Nhà nước ta về bảo đảm quyền của NBKAPT trong THAHS có nội dung đầy đủ và thống nhất bảo đảm cho quyền của NBKAPT được tiến hành trên thực tế.

4.2. Các giải pháp hoàn thiện pháp luật và bảo đảm tổ chức thực hiện quyền của người bị kết án phạt tù ở Việt Nam

4.2.1. Tăng cường nhận thức về quyền của người bị kết án phạt tù

Nhận thức của những cán bộ, công chức, viên chức, những người làm việc trong các cơ quan nhà nước có thẩm quyền xây dựng, ban hành các văn bản pháp

luật và quản lý, tổ chức THAPT có vai trò quan trọng trong việc bảo đảm quyền của NBKAPT. Ngoài ra, NBKAPT với tư cách là chủ thể của QCN trong THAHS, nhận thức của họ về quyền của người bị kết án cũng có vai trò trong việc bảo vệ quyền của mình và của những NBKAPT khác. Vì vậy, cần tăng cường nhận thức về quyền của người bị kết án trong THAHS.

Để tăng cường nhận thức về quyền của người bị kết án trong THAHS, trước hết phải tăng cường công tác nghiên cứu lý luận về bảo đảm quyền của NBKAPT, tạo cơ sở lý luận cho hoạt động lập pháp THAPT và thực hiện pháp luật THAPT nhằm bảo đảm quyền của NBKAPT. Tiếp đến, cần tuyên truyền, giáo dục pháp luật về quyền của NBKAPT và bảo đảm quyền của NBKAPT cho các chủ thể tham gia THAPT và các tổ chức, cá nhân. Cụ thể:

Thứ nhất, tuyên truyền, giáo dục pháp luật cho đội ngũ cán bộ, chiến sĩ tham gia THAPT. Đây là chủ thể có nhiệm vụ bảo vệ quyền của NBKAPT, phòng, chống các vi phạm về quyền của NBKAPT và cũng chính là chủ thể có khả năng, điều kiện vi phạm quyền của NBKAPT. Để thực hiện tốt vấn đề này, phải thường xuyên, kịp thời giáo dục, rèn luyện cho đội ngũ cán bộ, chiến sĩ tham gia THAPT về chính trị tư tưởng, phẩm chất đạo đức, tinh thần trách nhiệm trong công việc, nâng cao nhận thức pháp luật về QCN, ý thức tôn trọng và bảo vệ quyền của người bị kết án. Làm cho cán bộ, chiến sĩ tham gia THAPT phải thực sự là tấm gương đạo đức về nhiều mặt cho người chấp hành án phạt tù học tập noi theo, là những người kiên trì trong giáo dục cải tạo, rèn luyện nhân cách cho người chấp hành án phạt tù, có tinh thần kiên quyết đấu tranh với các hành vi vi phạm QCN.

Thứ hai, tuyên truyền, giáo dục nâng cao trình độ, nhận thức cho NBKAPT về quyền của họ. Để làm tốt điều này, cần thường xuyên đổi mới nội dung, chương trình giáo dục cải tạo người chấp hành án phạt tù cho phù hợp với tình hình thực tế của công tác THAPT, đẩy mạnh việc thực hiện phong trào thi đua giữa những người chấp hành án phạt tù với nhau, chú ý nhân rộng những người chấp hành án phạt tù điển hình tiên tiến trong hoạt động giáo dục cải tạo. Như chúng ta đã biết, giáo dục PN là quá trình tác động đến nhận thức, tư tưởng của PN, làm cho PN tự giác học tập, lao động và cải tạo. Muốn đạt được điều đó, phải làm cho PN thấy được họ vẫn

còn được cán bộ và mọi người tin tưởng, tín nhiệm. Khi được cán bộ tin tưởng, tín nhiệm giao cho họ làm công việc cụ thể nào đó, niềm tin trong họ sẽ được khôi phục, họ thấy rằng bản thân họ vẫn còn có ích. Điều đó sẽ kích thích những phẩm chất tốt đẹp lâu nay “bị bỏ quên” trong nhân cách của họ được khôi phục lại. Họ sẽ cố gắng học tập và cải tạo thật tốt để tiếp tục nhận được sự tín nhiệm của cán bộ, của mọi người. Cán bộ làm nhiệm vụ giáo dục PN tại các trại giam cần lựa chọn những PN cải tạo tiến bộ, có đủ điều kiện, được tập thể PN tín nhiệm giới thiệu để Ban Giám thị quyết định đưa những PN này vào Ban tự quản để giúp việc cho cán bộ, chiến sỹ trại giam; lựa chọn những PN cải tạo tốt, có tay nghề để hướng dẫn, dạy nghề, dạy văn hóa cho PN khác... Trong thời gian tới, cán bộ làm nhiệm vụ giáo dục PN tại các trại giam cần mạnh dạn thay đổi cách làm, cách nghĩ trong công tác giáo dục pháp luật cho PN. Cần có những phương pháp, nội dung tác động giáo dục mới phù hợp với đặc điểm tâm lý từng PN. Cán bộ có thể chuyển từ phương pháp thuyết giảng sang phương pháp kích thích hành động tích cực của PN bằng việc làm cụ thể của cán bộ, hoặc của PN để chứng minh vấn đề cán bộ cần giáo dục. Cán bộ phải sử dụng đa dạng các thông tin, tài liệu, không nhất thiết phải bó hẹp trong phạm vi pháp luật, nội quy, quy chế trại giam... Có thể sử dụng các thông tin về xã hội, về tình hình phát triển của đất nước, về những mối quan hệ của PN ngoài xã hội, làm cho PN tin rằng cán bộ biết rõ về họ, và thật sự muốn giúp họ. Muốn đạt được điều đó, trong quá trình tiếp xúc với PN hàng ngày, cán bộ phải luôn giữ đúng tư thế, tác phong của mình, phải giản dị, và thể hiện được tình yêu thương, sự quan tâm, chăm sóc đến PN. Làm cho PN thấy được cán bộ thật sự là người thầy, người anh và là một người bạn của họ, đó là nơi họ có thể tâm sự và thổ lộ tất cả những điều thầm kín nhất.

Trong việc tuyên truyền giáo dục về quyền cho người chấp hành án phạt tù, những nội dung học tập liên quan đến quyền của NBKAPT cần được đặc biệt chú ý. Việc học tập nội dung này tập trung vào quan điểm đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước ta về QCN, các quy định pháp luật Việt Nam về quyền của NBKAPT, những kết quả của Việt Nam trong bảo đảm quyền của NBKAPT các quyền và nghĩa vụ của NBKAPT trong việc thực hiện quyền của mình. Các cơ sở giam giữ cần đưa những nội dung này vào chương trình học tập bắt buộc khi

NBKAPT mới đến cơ sở giam giữ để chấp hành án, trong thời gian chấp hành án phạt tù và khi người chấp hành án phạt tù chuẩn bị hết thời hạn chấp hành án phạt tù. Trong quá trình học tập cần mời các tuyên truyền viên của những tổ chức như: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên... tham gia giảng dạy kết hợp với các cuộc thi tìm hiểu về quyền của NBKAPT. Thực hiện các hoạt động này sẽ làm cho người chấp hành án phạt tù nâng cao nhận thức về quyền của mình, hiểu thêm về bản chất tốt đẹp, tôn trọng quyền của NBKAPT của nhà nước Việt Nam. Từ đó người chấp hành án phạt tù tích cực phấn đấu cải tạo tiến bộ, có ý thức tôn trọng và bảo vệ QCN.

Thứ ba, tăng cường công tác tuyên truyền, giải thích pháp luật thi hành án hình sự cho các cơ quan, tổ chức và nhân dân.

Đất nước ta đang trong tiến trình đổi mới, mục tiêu dân giàu nước mạnh xã hội công bằng, văn minh là ý nguyện của Đảng, Nhà nước và nhân dân cả nước. Một trong những biện pháp để thực hiện mục tiêu chiến lược này là chúng ta phải xây dựng được một Nhà nước pháp quyền thực sự, mọi công dân đều sống và làm việc theo pháp luật. Do vậy công tác phổ biến pháp luật cho cán bộ, nhân dân luôn được coi là một trong những nhiệm vụ quan trọng, là khâu không thể thiếu trong quá trình xây dựng và thực hiện pháp luật. Không chỉ tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật nói chung mà phải tuyên truyền pháp luật về thi hành án nói riêng, giáo dục ý thức tự giác chấp hành pháp luật, thuyết phục quần chúng tự nguyện chấp hành, chỉ tiến hành cưỡng chế trong trường hợp cần thiết. Để mỗi người dân không chỉ biết pháp luật, hiểu pháp luật mà quan trọng hơn là “*Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật*” thì chỉ phổ biến pháp luật thôi chưa đủ, công tác này cần được kết hợp chặt chẽ với việc tổ chức thực hiện pháp luật với công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, văn hoá truyền thống. Để làm được việc này trong quá trình triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cần có sự liên hệ với các cơ quan bảo vệ pháp luật như TA, VKS, thanh tra, công an và các cơ quan hữu quan khác đảm bảo công tác thi hành án có hiệu quả.

Giáo dục QCN có vai trò quan trọng trong việc thực thi nhân quyền. Giáo dục QCN nhằm nâng cao tri thức nói chung, vừa như một cách thức trao quyền để người dân có thể tự bảo vệ và thúc đẩy QCN. Nhận thức đầy đủ, đúng đắn về

QCN giúp mỗi người hành xử đúng, tránh được những nhận thức và hành động cực đoan, vừa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với người khác và cộng đồng.

Các chỉ thị của Đảng và Nhà nước nhấn mạnh việc tăng cường công tác giáo dục về QCN cho mọi tầng lớp xã hội; trong đó quan tâm giáo dục về QCN cho đối tượng học sinh, sinh viên, đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào các tôn giáo. Đồng thời, chú trọng giáo dục QCN cho cán bộ, công chức, viên chức các cấp, nhằm nâng cao trách nhiệm của những người đại diện nhà nước trong việc bảo đảm QCN.

Trong bối cảnh quan điểm nhân quyền tư sản tác động mạnh vào Việt Nam, việc giáo dục QCN theo quan điểm của Đảng cần được quan tâm hơn nữa, qua đó giúp các cấp, các ngành, các địa phương giải quyết thỏa đáng những vấn đề nhân quyền phức tạp đang nảy sinh hiện nay, cả về đối nội cũng như đối ngoại. Trong đó có vấn đề quyền của NBKAPT đang bị các thế lực thù địch lợi dụng xuyên tạc, kích động, bóp méo sự thật nhằm thực hiện âm mưu chống phá lại Đảng, Nhà nước ta.

4.2.2. Hoàn thiện hệ thống pháp luật về quyền của người bị kết án phạt tù

Pháp luật về quyền của NBKAPT trong THAHS là tổng thể các quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện quyền của NBKAPT trong THAHS.

Pháp luật về bảo đảm quyền của NBKAPT trong THAHS được hiểu theo nghĩa rộng và nghĩa hẹp. Theo nghĩa rộng, pháp luật về bảo đảm quyền của NBKAPT trong THAHS bao gồm các quy định của toàn bộ hệ thống pháp luật nói chung có liên quan đến bảo đảm quyền của NBKAPT, chẳng hạn như là: Hiến pháp, BLHS, BLTTHS, Luật thi hành tạm giữ, tạm giam, Luật THAHS, Luật khiếu nại, Luật tố cáo... và hệ thống văn bản quy định chi tiết hướng dẫn thi hành các văn bản nêu trên. Theo nghĩa hẹp, pháp luật về bảo đảm quyền của NBKAPT trong THAHS bao gồm các quy định của pháp luật THAHS, các quy định pháp luật đó phải không được trái với những nguyên tắc cơ bản của THAPT, quyền và nghĩa vụ của các chủ thể tham gia THAPT.

Hệ thống pháp luật hoàn thiện là yếu tố thứ nhất, hoạt động tổ chức quản lý, giam giữ, giáo dục cải tạo người bị kết án và chế độ chính sách về công tác này là yếu tố quan trọng thứ hai quyết định chất lượng hiệu quả hoạt động bảo đảm quyền của NBKAPT.

Trong thực tiễn công tác THAHS nói chung và công tác THAPT nói riêng, để bảo đảm quyền của NBKAPT cần tiến hành một số công việc sau:

- Hoàn thiện các quy định pháp luật hình sự liên quan đến quyền của người bị kết án trong THAHS.

Quyền của NBKAPT có thể bị xâm hại từ chính những NBKAPT khác hoặc từ phía các cán bộ có thẩm quyền trong các cơ quan tham gia THAPT. Trong THAPT các hành vi vi phạm từ phía những người bị kết án khác chủ yếu là đánh nhau, cố ý gây thương tích và giết người. Loại hành vi vi phạm từ phía các cán bộ có thẩm quyền, do nhiều nguyên nhân khác nhau ít bị phát hiện hoặc khó bị phát hiện. Tuy nhiên, khi bị phát hiện thì cũng khó xử lý vì việc giải quyết liên quan đến nhiều ngành, nhiều cấp, nhiều người nhất là hành vi tra tấn. Về hành vi tra tấn, trong BLHS Việt Nam chưa có quy định tội danh này, chưa sử dụng thuật ngữ “Tra tấn”, hành vi này còn được hiểu và áp dụng hình phạt như các tội danh thông thường. Vì thế, chúng ta nên xem xét hoàn thiện pháp luật hình sự của Việt Nam theo tinh thần của Điều 4 Công ước Chống tra tấn của LHQ quy định “Mỗi quốc gia thành viên phải bảo đảm rằng mọi hành vi tra tấn đều cấu thành tội phạm theo luật hình sự của nước mình. Điều này cũng áp dụng với những hành vi cố gắng thực hiện việc tra tấn hoặc hành vi của bất kỳ người nào đồng lõa hoặc tham gia việc tra tấn. Mỗi quốc gia thành viên phải trừng trị những tội phạm này bằng những hình phạt thích đáng tương ứng với tính chất nghiêm trọng của chúng”. Qua đó, chúng tôi thấy rằng, để bảo đảm quyền của NBKAPT trong THAHS có hiệu quả cần hoàn thiện quy định của pháp luật hình sự như sau:

+ Quy định rõ căn cứ pháp luật để xử lý người thực hiện hành vi phạm tội xâm hại đến quyền của NBKAPT được quy định trực tiếp tại Một số chương của BLHS năm 2015. Cụ thể: Chương XIV (Các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người), Chương XV (Các tội xâm phạm quyền tự do của con người, quyền tự do, dân chủ của công dân) và một số điều luật thuộc Chương XXIV (Các tội xâm phạm hoạt động tư pháp) như: tội dùng nhục hình (Điều 373), tội bức cung (Điều 374). Cùng với đó, cần nghiên cứu rút ngắn khoảng cách giữa mức tối đa và mức tối thiểu của khung hình phạt nhằm hạn chế sự tùy tiện

có thể xảy ra khi quyết định hình phạt. Mặt khác, nhằm bảo vệ tốt hơn quyền của NBKAPT, khi xây dựng pháp luật cần tính đến hai loại hành vi vi phạm từ phía NBKAPT và từ phía cán bộ có thẩm quyền trong các cơ quan tham gia THAPT. Đối với loại hành vi vi phạm từ phía các cán bộ có thẩm quyền trong các cơ quan tham gia THAPT cần xử lý nghiêm khắc hơn, mức hình phạt nặng hơn. cần coi đây là tình tiết tăng nặng khi xem xét quyết định hình phạt.

+ Bên cạnh đó, cần xác định rõ định nghĩa về tra tấn trong BLHS năm 2015, đồng thời hình sự hóa hành vi tra tấn. Mặc dù Bộ luật này đã có hai tội danh là tội dùng nhục hình (Điều 373) và tội bức cung (Điều 374), nhưng các tội này chưa bao trùm hết nội hàm của hành vi tra tấn theo định nghĩa rất rộng về hành vi tra tấn được nêu trong Điều 1 Công ước chống tra tấn của LHQ. Như vậy, để phòng, chống tra tấn nói chung, phòng, chống tra tấn NBKAPT nói riêng, nhằm bảo vệ quyền của họ, điều đầu tiên và rất quan trọng cần làm là “nghiên cứu bổ sung hệ thống các tội danh về vấn đề tra tấn trong BLHS, trong đó nhất thiết cần quy định thêm tội tra tấn và đưa ra những định nghĩa cụ thể về các hành vi tra tấn, đối xử, trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo và hạ nhục phù hợp với tiêu chuẩn liên quan của pháp luật quốc tế. Quy định như vậy sẽ bảo đảm kịp thời quyền của NBKAPT trong bối cảnh hiện nay ở Việt Nam, phù hợp với các chuẩn mực quốc tế về quyền của NBKAPT trong THAHS.

- Hoàn thiện các quy định pháp luật tổ tụng hình sự liên quan đến bảo đảm quyền của NBKAPT trong THAHS.

THAHS nói chung và THAPT nói riêng là lĩnh vực thuộc phạm vi điều chỉnh của BLTTHS và Luật THAHS. Thế nhưng, trong các văn bản pháp luật trên cũng chưa có một điều luật nào quy định về quyền và nghĩa vụ của NBKAPT cũng như của NBKAPT. Quyền của NBKAPT trong THAHS được hiểu là quyền hàm chứa, được viện dẫn từ nhiều quy định pháp luật khác có liên quan mới hiểu được. Đây là một nguyên nhân dẫn đến quyền của NBKAPT không được nhận thức đúng đắn trên thực tế. Xuất phát từ lý do đó, cần sửa đổi BLTTHS năm 2015 theo hướng bảo đảm sự cân đối, phù hợp giữa BLTTHS với Luật THAHS. Việc sửa đổi cần quán triệt dựa trên mối quan hệ giữa luật chung và luật chuyên ngành. BLTTHS với tính chất là luật chung, cần đặt ra nguyên tắc cơ bản nhằm bảo đảm QCN, ghi nhận đầy

đủ quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của các chủ thể tham gia THAPT, điều chỉnh bao quát hoạt động THAHS của tất cả chủ thể này.

- Hoàn thiện các quy định pháp luật THAHS về bảo đảm quyền của NBKAPT trong THAHS.

+ Trong quá trình THAPT, quyền được tôn trọng và bảo vệ sức khỏe của PN là hết sức quan trọng và dễ bị xâm hại, tuy nhiên tại khoản 3, Điều 4 Luật THAHS năm 2010 về *Nguyên tắc thi hành án hình sự* mới quy định nguyên tắc tôn trọng nhân phẩm, quyền, lợi ích hợp pháp của người chấp hành án mà chưa nhắc đến cụm từ “sức khỏe”. Trong khi đó, quyền được an toàn về thân thể là một trong những quyền quan trọng của người chấp hành án bên cạnh quyền được tôn trọng nhân phẩm, cần được bảo đảm theo các tiêu chí quốc tế về quyền của người chấp hành án phạt tù vốn được ghi nhận trong Bộ *Các quy tắc tiêu chuẩn tối thiểu về đối xử với tù nhân* năm 1955 của LHQ. Ngoài ra, pháp luật THAHS Việt Nam vẫn chưa có quy định cụ thể về việc nghiêm cấm hành vi tra tấn trong THAPT, mặc dù nước ta đã là thành viên của Công ước của LHQ về Chống tra tấn. Lý do là thời điểm Việt Nam ký Công ước Chống tra tấn của LHQ ngày 7/11/2013 là khi mà Luật THAHS đã được ban hành từ trước đó 03 năm, do vậy, cụm từ “tra tấn” vẫn chưa một lần được nhắc đến trong đạo luật này, đồng thời, cũng với lý do trên mà tại Điều 9 về *Những hành vi bị nghiêm cấm trong thi hành án hình sự* của Luật này vẫn chưa bao gồm hành vi tra tấn. Chính vì thế, những hành vi tra tấn chưa đến mức bị xử lý về hình sự theo tội dùng nhục hình hoặc cố ý gây thương tích sẽ không bị xử lý hoặc khó xử lý vì thiếu căn cứ pháp lý. Do vậy, cần bổ sung trong Luật THAHS năm 2010 quy định về thể nào là hành vi tra tấn và quy định nghiêm cấm hành vi tra tấn. Mặc dù BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã có quy định cấu thành tội phạm đối với hành vi dùng nhục hình, cố ý gây thương tích hay hành hạ người khác... Luật THAHS có quy định nguyên tắc tôn trọng nhân phẩm, quyền, lợi ích hợp pháp của người chấp hành án, và nghiêm cấm xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của người chấp hành án. Nhưng, với tư cách là đạo luật trực tiếp quy định về nguyên tắc, trình tự, thủ tục, tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan có thẩm quyền trong THAHS, quy định về quyền, nghĩa vụ của người chấp hành án hình sự, cũng như về

trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong THAHS - Luật này cần quy định việc tôn trọng sức khỏe của người chấp hành án thành một nguyên tắc THAHS, và cần quy định rõ thế nào là hành vi tra tấn, đồng thời cần quy định nghiêm cấm hành vi tra tấn trong khi THAHS.

+ Tinh thần bảo vệ quyền của phụ nữ là người chấp hành án phạt tù của Các quy tắc Bangkok của LHQ năm 2010 thông qua những quy định về bảo vệ các PN nữ trước nguy cơ bị xâm hại tình dục trong môi trường trại giam và về chăm sóc sức khỏe sinh sản cho PN nữ trên cơ sở đặc thù giới tính chưa được phản ánh đậm nét trong hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về THAPT của Việt Nam. Hiện tại, các từ khóa như “tình dục”, “sức khỏe giới tính” hay “sinh sản” chưa được tìm thấy trong Luật THAHS năm 2010, Nghị định số 117/2011/NĐ-CP của Chính phủ về *Quy định về tổ chức quản lý phạm nhân và chế độ ăn, mặc, ở, sinh hoạt, chăm sóc y tế đối với phạm nhân* hay Thông tư liên tịch 04/2010/TTLT về *Hướng dẫn việc khám bệnh, chữa bệnh cho người bị tạm giữ, tạm giam, phạm nhân, trại viên cơ sở giáo dục, học sinh trường giáo dưỡng tại bệnh viện nhà nước*. Thiết nghĩ, quyền bất khả xâm hại về tình dục và quyền được hỗ trợ, tư vấn về sức khỏe giới tính hay sức khỏe sinh sản là quyền tự nhiên trên cơ sở đặc thù giới tính mà người phụ nữ (bao gồm cả những phụ nữ là người đang chấp hành án hình sự) đáng được hưởng và được pháp luật bảo vệ. Do đó, pháp luật THAHS Việt Nam cũng cần bổ sung những quy định bảo vệ những quyền nói trên của những người phụ nữ đang chấp hành án một cách cụ thể và toàn diện hơn.

+ Bổ sung nguyên tắc tôn trọng và bảo vệ QCN của người chấp hành án tại Điều 4 Luật THAHS năm 2010. Tại Điều 8 BLTTHS năm 2015 quy định về nguyên tắc tôn trọng và bảo vệ QCN, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân trong khi tiến hành tố tụng. Tuy nhiên, trong Luật THAHS năm 2010 tại Điều 4 quy định các nguyên tắc THAHS, thì chưa có quy định nguyên tắc nào nhằm tôn trọng và bảo vệ QCN của người bị kết án nói chung và người chấp hành án phạt tù nói riêng. Các nguyên tắc THAHS được quy định tại Điều 4 Luật THAHS năm 2010 chủ yếu mang tính chất chuyên ngành, tập trung vào các yêu cầu cụ thể của các hoạt động THAHS, phục vụ cho việc giáo dục cải tạo người chấp hành án phạt tù. Vì thế, để

bảo đảm QCN của người bị kết án nói chung và quyền của NBKAPT nói riêng cần bổ sung nguyên tắc tôn trọng và bảo vệ QCN của người chấp hành án tại Điều 4 Luật THAHS năm 2010. Cụ thể là: Bổ sung khoản 9 trong Điều 4 như sau: “9. *Tôn trọng và bảo vệ Quyền con người của người chấp hành án*”.

+ Bổ sung quy định về địa điểm chấp hành án của NBKAPT tại Điều 22 Luật THAHS. Quyết định của cơ quan quản lý THAHS đưa NBKAPT vào một cơ sở giáo dục nào đó để chấp hành án có ý nghĩa rất quan trọng đối với NBKAPT. Để bảo đảm quyền của NBKAPT được tổ chức đưa đi chấp hành án tại các cơ sở giam giữ đúng quy định của pháp luật, tạo điều kiện thuận lợi cho việc chấp hành án của người bị kết án và thực hiện chế độ thăm gặp của người chấp hành án, Luật THAHS nên có quy định về địa điểm của cơ sở giam giữ mà người bị kết án phải đến chấp hành. Quy định đó có thể dựa trên địa điểm người chấp hành án thực hiện hành vi phạm tội hoặc dựa trên hộ khẩu thường trú hay theo yêu cầu của người bị kết án... Để giải quyết vấn đề này đòi hỏi Nhà nước ta phải quy hoạch lại hệ thống trại giam theo hướng mỗi địa phương tổ chức một trại giam và trại giam đó vừa phải chịu sự lãnh đạo của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và vừa chịu sự chỉ đạo về nghiệp vụ của cơ quan quản lý THAHS ở Trung ương.

+ Hoàn thiện quy định về quyền thăm gặp, nhận, gửi thư và liên lạc điện thoại của người chấp hành án phạt tù. Tình cảm gia đình, thân nhân có tác động quan trọng đến tâm tư, tình cảm của người chấp hành án phạt tù. Cơ sở giam giữ phải thường xuyên tăng cường mối quan hệ chặt chẽ giữa gia đình người chấp hành án phạt tù và cơ sở giam giữ trong công tác giáo dục cải tạo người chấp hành án phạt tù trong thời gian chấp hành án phạt tù ở trại giam. Vấn đề này cũng đã được quy định tại Điều 4 Luật THAHS về nguyên tắc THAHS. Để tăng cường mối liên hệ này, các cơ sở giam giữ phải có các chủ trương, chính sách và biện pháp để khuyến khích gia đình người chấp hành án phạt tù tham gia hỗ trợ với cơ sở giam giữ. Một trong những biện pháp góp phần tăng cường mối quan hệ chặt chẽ giữa gia đình người chấp hành án phạt tù và cơ sở giam giữ, đó là tạo điều kiện cho gia đình người chấp hành án phạt tù thăm gặp người chấp hành án phạt tù, tạo điều kiện cho người chấp hành án phạt tù liên lạc bằng thư từ, điện thoại với gia đình mà không bị hạn chế để người chấp hành án phạt tù có điều kiện trao đổi những tâm tư, tình cảm của mình

với gia đình. Đây cũng chính là các nội dung của quyền được tiếp cận thông tin của người chấp hành án phạt tù trong THAHS cần được bảo đảm. Để đạt được mục đích đó, chúng tôi đề xuất trong Luật THAHS năm 2010 nên tăng số lần thăm gặp và tăng thời gian thăm gặp của phạm nhân (Điều 46 Luật THAHS năm 2010), không nên hạn chế số lượng thư được gửi và thời lượng gọi điện thoại của người chấp hành án phạt tù trong một tháng. Ngoài ra, thư gửi và nhận của người chấp hành án phạt tù không cần phải kiểm duyệt nội dung mà chúng ta chỉ cần kiểm tra hình thức thư có hợp pháp không, có lợi dụng việc gửi nhận thư để đưa những vật cấm ra vào chấp hành án phạt tù hay không? (Điều 47 Luật THAHS năm 2010).

+ Hoàn thiện quy định về giam giữ PN là người đồng tính, song tính và người chuyển giới. *“Đối với phạm nhân là người đồng tính, nhất là đồng tính nam, khi giam giữ họ chung với phòng giam giữ của nam giới, thường sẽ gây nên sự kỳ thị, phỉ báng và phân biệt của những người dị tính trong phòng giam giữ, thậm chí những người khác có thể tấn công, xâm phạm nghiêm trọng danh dự, nhân phẩm, thậm chí là sức khỏe, tính mạng của người đồng tính.”* Điều đó sẽ dẫn đến hành vi vi phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể, danh dự, nhân phẩm của người chấp hành án phạt tù trong THAHS. Hiện nay, Luật THAHS năm 2010 chưa có quy định về phân loại và tổ chức giam giữ PN là người đồng tính, song tính và người chuyển giới. *Để bảo vệ quyền con người của phạm nhân là người đồng tính, song tính và người chuyển giới, Điều 27 Luật THAHS năm 2010 bổ sung thêm chế độ giam giữ riêng biệt đối với phạm nhân là người đồng tính, song tính và người chuyển giới trong trường hợp có cơ sở khoa học và cơ sở pháp lý cho việc xác định giới tính thực của họ.”*

+ Xây dựng thông tư hướng dẫn việc THAPT đối với NBKAPT là người nước ngoài.

Cần khẩn trương xây dựng và ban hành thông tư hướng dẫn THAPT đối với người nước ngoài đang bị kết án phạt tù tại các trại giam ở nước ta. Theo quy định của Luật THAHS năm 2010 thì người chấp hành án phạt tù là người nước ngoài được giam ở khu vực riêng trong trại giam. Ngoài ra, chế độ quản lý giam giữ, giáo dục cải tạo, xem xét giảm án, tha tù, đặc xá, đại xá người đang chấp hành án phạt tù là người nước ngoài được thực hiện theo quy định của Luật THAHS.

Tuy nhiên, do NBKAPT là người nước ngoài có những đặc thù như: ngôn ngữ, văn hóa, phong tục tập quán... nhưng cho đến nay vẫn chưa có một văn bản hướng dẫn cụ thể việc THAPT đối với người nước ngoài và người không có quốc tịch. Việc ban hành thông tư hướng dẫn chi tiết việc tổ chức giam giữ, giáo dục, lao động, chế độ, chính sách, việc thăm gặp, nhận gửi thư, quà, điện thoại... đối với NBKAPT là người nước ngoài là việc vừa thể hiện sự nghiêm minh, bình đẳng của pháp luật Việt Nam, vừa thể hiện chính sách nhân đạo, tôn trọng nhân quyền, phong tục tập quán, luật quốc tế của Việt Nam, góp phần phục vụ cho chính sách mở cửa, hợp tác quốc tế, phát triển kinh tế của Nhà nước ta. Đồng thời phòng ngừa, khắc phục những sơ hở thiếu sót trong lĩnh vực THAPT để bị các thế lực thù địch lợi dụng kích động chống đối, xuyên tạc vu cáo nói xấu... nhằm làm giảm uy tín của Nhà nước ta trên trường quốc tế.

+ Theo Điều 24 Hiến pháp năm 2013 quy định: *“1. Mọi người có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Các tôn giáo bình đẳng trước pháp luật. 2. Nhà nước tôn trọng và bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo. 3. Không ai được xâm phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo hoặc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để vi phạm pháp luật”*. Ngoài ra, khoản 5 Điều 6 của Luật Tín ngưỡng năm 2016 cũng quy định: *“Người bị tạm giữ, người bị tạm giam theo quy định của pháp luật về thi hành tạm giữ, tạm giam; người đang chấp hành hình phạt tù có quyền sử dụng kinh sách, bày tỏ niềm tin tín ngưỡng tôn giáo”*. Hay nói cách khác họ được đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng, tôn giáo của cá nhân theo quy định pháp luật. Đây là những quy định rất mới và tiến bộ của Việt Nam về bảo vệ quyền tự do tín ngưỡng của con người. Tuy nhiên, hiện nay pháp luật THAHS Việt Nam vẫn chưa có những quy định liên quan đến nhu cầu tín ngưỡng, tôn giáo của những người đang chấp hành án phạt tù hoặc chấp hành án tử hình. NCS cho rằng, các nhà làm luật Việt Nam cũng nên cân nhắc bổ sung các quyền đó trong những văn bản quy phạm pháp luật THAHS nhằm cụ thể hóa các quy định của Hiến pháp năm 2013, để đáp ứng yêu cầu của các tiêu chí quốc tế tối thiểu về quyền liên quan đến tôn giáo, tín ngưỡng, đồng thời để bắt nhịp với các quy định rất tiến bộ đang được đề xuất trong Luật Tín ngưỡng, tôn giáo nêu ở trên.

+ Pháp luật Việt Nam nói chung chưa có sự tương đồng với pháp luật THAHS nói riêng trong việc hỗ trợ người chấp hành án phạt tù tái hòa nhập xã hội. Mặc dù Nghị định số 80/2011/NĐ-CP của Chính phủ ngày 16/9/2011 về *Quy định các biện pháp đảm bảo tái hòa nhập cộng đồng đối với người chấp hành xong án phạt tù* và Thông tư số 39/2013/TT- BCA ngày 25/9/2013 *Quy định về giáo dục và tư vấn cho phạm nhân sắp chấp hành xong án phạt tù* đã quy định cụ thể trách nhiệm và nghĩa vụ của các cơ quan, đơn vị chức năng trong việc hỗ trợ, tư vấn, và giúp đỡ những người chấp hành xong án phạt tù tìm kiếm việc làm ổn định, nhưng Luật Việc làm vốn được ban hành muộn nhất so với các văn bản nêu trên (ban hành ngày 16/11/2013, hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015) lại chưa quy định những người chấp hành xong án phạt tù thuộc diện các đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ về việc làm và hỗ trợ tạo việc làm. Cụ thể là người chấp hành xong án phạt tù và các doanh nghiệp vừa và nhỏ, hợp tác xã, hộ kinh doanh sử dụng nhiều lao động là người chấp hành xong án phạt tù không thuộc diện được vay vốn từ Quỹ Quốc gia về việc làm với lãi suất thấp so với người lao động thông thường và các đơn vị tuyển dụng không sử dụng người đã chấp hành xong án phạt tù. Điều đó cho thấy Luật Việc làm năm 2013 chưa có những quy định tích cực trong công tác hỗ trợ tái hòa nhập xã hội cho những người đã chấp hành xong án phạt tù.

4.2.3. Kiện toàn tổ chức, hoạt động của cơ quan tham gia thi hành án phạt tù

Để bảo đảm quyền của NBKAPT trong THAHS, các cơ quan tham gia thi hành án phạt tù thuộc BCA, BQP, VKS, TA phải có tổ chức, hoạt động phù hợp, hiệu quả. Nội dung này chỉ có thể được thực hiện tốt trên cơ sở xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan tham gia THAPT, cụ thể:

- Đối với TA: Xác định lại vị trí, thẩm quyền và trách nhiệm của TA, bảo đảm sự kiểm soát của TA - cơ quan thực hiện quyền tư pháp đối với việc thi hành các bản án, quyết định của tòa án. TA với tư cách là cơ quan thực hiện quyền tư pháp, là trung tâm của hoạt động tư pháp, vì vậy cần thiết lập một cơ chế pháp lý để đảm bảo TA không chỉ xét xử và ra các quyết định thi hành án mà còn phải có trách nhiệm theo dõi tình hình và kết quả thi hành bản án, quyết định của mình, kịp thời

khắc phục được những sai sót trong các bản án, quyết định đã tuyên như giải thích, đính chính và kháng nghị.

- Đối với Viện kiểm sát: Phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của VKS nhân dân trong công tác THAPT. VKS nhân dân thực hiện quyền kiểm sát thi hành án, kiểm sát đối với tất cả các hoạt động tư pháp trong thi hành án. VKS có vai trò rất quan trọng trong thẩm quyền kiểm sát việc ra các quyết định thi hành án; kiểm sát việc chấp hành pháp luật trong giam giữ, cải tạo, lập hồ sơ đề nghị và xét miễn, giảm thời hạn chấp hành hình phạt, việc giải quyết khiếu nại, tố cáo THAHS... Để phát huy vai trò của VKS, bảo đảm đúng quy định của pháp luật; quyền con người, các quyền, lợi ích hợp pháp khác của người chấp hành án phạt tù phải được tôn trọng và bảo vệ, VKS có trách nhiệm kiểm tra, giám sát các hoạt động của Tòa án, cơ quan THAHS trong việc tiến hành kiểm sát các hoạt động cụ thể như: bắt thi hành án phạt tù, hoãn, tạm đình chỉ, đình chỉ thi hành án phạt tù, tha tù trước thời hạn, xét giảm thi hành án phạt tù, kiểm sát việc chấp hành hình phạt tù tại các trại giam, trại tạm giam, nhà tạm giữ, lưu giam; thi hành án phạt tù được cải tạo ngoài xã hội... VKS tiến hành kiểm sát thời hạn, thời hiệu thi hành án phạt tù để đảm bảo đúng pháp luật, bảo vệ quyền con người nói chung và NBKAPT nói riêng.

- Đối với các cơ quan quản lý, tổ chức THAPT thuộc BCA, BQP: Các cơ quan này phải thường xuyên đổi mới về tổ chức và hoạt động, bảo đảm gọn nhẹ nhưng đủ cơ quan chuyên môn. Đặc biệt đối với cơ sở giam giữ cần có cơ cấu rõ ràng, xác định cụ thể trách nhiệm của từng bộ phận trong cơ quan, cần thống nhất cách thức tổ chức, cơ cấu hệ thống cơ sở giam giữ trong BCA, BQP. Hoạt động của các cơ quan này cần hướng tới việc bảo đảm quyền của NBKAPT trong các cơ sở giam giữ. Chẳng hạn, việc dạy nghề cho NBKAPT phải thiết thực để họ có thể tìm được việc làm sau khi chấp hành xong hình phạt tù trở về tái hòa nhập với cộng đồng, cần đẩy mạnh việc dạy tiếng Việt cho NBKAPT là người nước ngoài, thúc đẩy hoạt động của các nhóm đồng đẳng giúp đỡ lẫn nhau giữa NBKAPT, xây dựng quỹ hoàn lương cho họ.

Đổi mới tổ chức hoạt động của cơ quan tham gia THAPT trên cơ sở phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của TA, VKS, cơ quan Công an, các đơn vị trong Quân

đội, cơ sở chuyên khoa y tế. Nhiệm vụ trọng tâm là giữ nguyên mô hình cơ quan THAHS hiện nay; xây dựng quy chế phối hợp giữa các cơ quan tham gia THAPT; đẩy mạnh hoạt động tổng kết lý luận, thực tiễn và trao đổi kinh nghiệm giữa các cơ quan này.

Như vậy, để bảo đảm quyền của NBKAPT trong thi hành án dân sự được thực hiện tốt hơn nữa cần phải đổi mới tổ chức, hoạt động của các cơ quan có thẩm quyền trong THAPT theo hướng quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, xây dựng cơ chế phối hợp, chế ước thật nhịp nhàng đa dạng giữa các cơ quan dựa trên các quy định của pháp luật hình sự, tố tụng hình sự nói chung và pháp luật thi hành án phạt tù nói riêng.

4.2.4. Nâng cao phẩm chất, năng lực, trình độ cho đội ngũ cán bộ làm công tác thi hành án phạt tù

Đội ngũ cán bộ có vị trí hết sức quan trọng, là nhân tố quyết định sự thành công hay thất bại của cách mạng, là khâu then chốt của nhiệm vụ then chốt. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng căn dặn chúng ta rằng: “Cán bộ là cái gốc của mọi công việc” và “Công việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hay kém”. Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta luôn coi trọng công tác cán bộ, một trong những vấn đề quyết định sự thành công hay thất bại đối với sự nghiệp cách mạng.

Ngày nay, trong thời kỳ đổi mới, tình hình và nhiệm vụ mới đang đặt ra nhiều yêu cầu mới đối với công tác cán bộ. Hoạt động THAHS là hoạt động tư pháp hình sự có liên quan trực tiếp đến QCN đồng thời đây cũng là một hoạt động phức tạp, liên quan đến nhiều lĩnh vực như tâm lý, chính trị, xã hội, pháp luật, văn hóa, văn nghệ, dạy nghề, đặc biệt là giáo dục đối tượng rất phức tạp gồm nhiều thành phần, trình độ, lứa tuổi, dân tộc, giới tính... khác nhau trong cùng một cơ sở giam giữ. Do vậy, cần xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác THAPT bảo đảm đủ về số lượng, có đủ năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và phẩm chất đạo đức, đặc biệt ở những cơ sở giam giữ có NBKAPT là người nước ngoài, đòi hỏi cán bộ phải giỏi về ngoại ngữ để có thể hoàn thành tốt nhiệm vụ giáo dục cải tạo đối với những người đó.

Xây dựng đội ngũ cán bộ làm nhiệm vụ giáo dục PN đủ về số lượng, vững vàng về chính trị, giỏi về chuyên môn nghiệp vụ. Đặc biệt là phải được trang bị kiến thức cơ bản về lý luận giáo dục PN kết hợp với kiến thức về giáo dục học, tâm lý

học, kiến thức về văn hóa, xã hội... để cán bộ làm nhiệm vụ giáo dục PN có thể nắm vững và vận dụng phù hợp, hiệu quả trong hoạt động giáo dục PN, luôn công tâm, sẵn sàng công hiến vì mục tiêu hiệu quả công việc đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

Để nâng cao phẩm chất, năng lực, trình độ cho đội ngũ cán bộ làm công tác THAPT, cần quan tâm đến việc đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ cho lực lượng này như:

- Tăng cường nhận thức về QCN nói chung, bảo đảm quyền của NBKAPT cho đội ngũ cán bộ làm công tác THAPT.

- Giáo dục, rèn luyện phẩm chất đạo đức, ý thức tổ chức kỷ luật, thái độ chính trị, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần và có chính sách đúng đắn với cán bộ, chiến sĩ làm công tác THAPT, những người thường xuyên tiếp xúc với tội phạm, nhất là trong môi trường trại giam.

- Quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ cả về số lượng và chất lượng cán bộ, chiến sĩ, đa dạng hóa các loại hình đào tạo, mở rộng chương trình học tập, ngoài học chuyên môn, nghiệp vụ, còn học thêm về tâm lý giáo dục, xã hội học, vũ trang, trinh sát, quản lý kinh tế, lao động sản xuất và dạy nghề...Ngoài ra, phải tăng cường quan hệ quốc tế trong đào tạo lực lượng THAPT.

4.2.5. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong thi hành án phạt tù và xử lý hành vi vi phạm quyền của người bị kết án phạt tù

Quyền của NBKAPT rất dễ bị xâm hại trong một môi trường đặc biệt là môi trường trại giam, một môi trường tách biệt với xã hội bên ngoài nên dễ dẫn đến tình trạng lạm quyền trong khi thi hành công vụ. Trại giam là nơi giáo dục cải tạo những con người đã thực hiện những hành vi phạm tội, suy thoái về nhân cách, nơi những người có thẩm quyền phải trực tiếp tiếp xúc với người chấp hành án. Vi phạm quyền của NBKAPT bao gồm các loại khác nhau, có loại xuất phát từ phía các cơ quan quản lý, tổ chức THAPT do người có thẩm quyền trong cơ quan đó thực hiện. Vi phạm quyền của NBKAPT cũng có thể nảy sinh trong nội bộ giữa những người chấp hành án với nhau, giữa người chấp hành án với những người khác có liên quan. Vi phạm QCN

trong thi hành án phạt tù được thể hiện thông qua hành vi vi phạm pháp luật và hành vi vi phạm Nội quy trại giam của những người có thẩm quyền và người chấp hành án phạt tù. Bảo đảm việc thanh tra, kiểm tra, kiểm sát, giám sát, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong thi hành án phạt tù phải là một yêu cầu thường xuyên cấp bách nhằm hạn chế sự lạm dụng quyền lực của cơ quan, người có thẩm quyền tham gia THAPT, đẩy lùi hành vi vi phạm quyền của NBKAPT trong hoạt động này.

Trong điều kiện hiện tại, để bảo đảm tính hiệu quả, khách quan của hoạt động giải quyết khiếu nại, tố cáo của NBKAPT, đòi hỏi pháp luật THAHS phải quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan tham gia THAPT. Cần tăng cường vai trò của VKS trong giải quyết khiếu nại, tố cáo. Theo đó, cần bổ sung Điều 142 Luật THAHS năm 2010 về quyền hạn của VKS khi kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong giải quyết khiếu nại, tố cáo là: *“Viện kiểm sát có quyền trực tiếp giải quyết các khiếu nại, tố cáo trong thi hành án hình sự, kiểm tra việc giải quyết các khiếu nại, tố cáo của các cơ quan có thẩm quyền. Trong trường hợp quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo của các cơ quan có thẩm quyền không đúng pháp luật, VKS có quyền kiến nghị hoặc yêu cầu chuyển vụ việc khiếu nại, tố cáo sang cho VKS giải quyết.”*

Ngoài ra, cần nghiên cứu bổ sung quy định trong Luật THAHS năm 2010 những trường hợp người khiếu nại được quyền khởi kiện ra TA đối với quyết định hoặc hành vi của người có thẩm quyền trong việc giải quyết khiếu nại, bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Khiếu nại và tính đặc thù của hoạt động THAHS.

Cùng với đó, Luật THAHS năm 2010 cần quy định cụ thể trình tự thủ tục tiếp nhận, giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của VKS các cấp trong THAPT. Có như vậy mới tạo cơ sở pháp lý đầy đủ thuận tiện cho người chấp hành án phạt tù thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo của mình.

Đối với TA, với tư cách là cơ quan thực hiện quyền tư pháp, là trung tâm của hoạt động tư pháp, vì vậy TA cần có cơ chế pháp lý để theo dõi tình hình và kết quả thi hành bản án, quyết định của mình. Đối với VKS là cơ quan có trách nhiệm kiểm sát việc thực hiện pháp luật đối với tất cả các hoạt động tư pháp trong thi hành án. Đối với các cơ quan quản lý, tổ chức THAPT, các cơ quan này phải thường xuyên tiến hành thanh tra, kiểm tra các hoạt động THAPT, để phòng ngừa, phát hiện và

ngăn chặn các hành vi vi phạm quyền của NBKAPT. Ngoài ra, để bảo đảm quyền của NBKAPT trong THAHS cần phải tăng cường sự giám sát của xã hội, đặc biệt là của các cơ quan dân cử đối với các hoạt động THAPT.

Cùng với hoạt động thanh tra, kiểm tra, kiểm sát, giám sát, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong thi hành án phạt tù, cần tăng cường công tác phát hiện, xử lý nghiêm minh những hành vi vi phạm quyền của NBKAPT. Bảo đảm mọi hành vi vi phạm đều bị xử lý đúng quy định bất kể người vi phạm có địa vị xã hội, nghề nghiệp, thành phần xuất thân nào. Đặc biệt, những hành vi vi phạm từ phía các cán bộ, chiến sĩ ở các cơ quan tham gia THAPT cần được xử lý nghiêm minh, đúng quy định của pháp luật. Tùy thuộc vào tính chất, mức độ của hành vi vi phạm, người vi phạm có thể bị xử lý kỷ luật, xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự. Ngoài ra, đối với cán bộ lãnh đạo có cán bộ, chiến sĩ dưới quyền vi phạm cũng phải bị xem xét xử lý trách nhiệm liên đới.

4.2.6. Đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật trong thi hành án phạt tù nhằm bảo đảm quyền của người bị kết án phạt tù

Chế độ giam giữ, giáo dục, lao động, sinh hoạt của NBKAPT phụ thuộc rất lớn vào điều kiện cơ sở vật chất tại các cơ sở giam giữ. Chính vì thế, cần đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cũng như các điều kiện khác tại các cơ sở giam giữ nhằm bảo đảm các quyền của NBKAPT. Cải tạo, nâng cấp phòng giam bảo đảm đủ ánh sáng, không khí, môi trường sống thông thoáng, sạch sẽ, bảo đảm các điều kiện sinh hoạt tối thiểu cho NBKAPT. Xây dựng môi trường học tập, lao động với sự cải tiến phương pháp giáo dục, mở rộng chương trình dạy văn hóa, giáo dục chính trị, tư tưởng cho NBKAPT. Bảo đảm các điều kiện về khám chữa bệnh cho NBKAPT trong các trại giam bằng cách củng cố lại hệ thống y tế, bệnh xá, phối hợp với các cơ quan y tế địa phương trong việc phòng, khám, chữa bệnh cho NBKAPT bị bệnh nặng, nguy hiểm như HIV/AIDS, lao và các bệnh lây nhiễm khác. Hạn chế tối đa tình trạng NBKAPT bị tử vong trong trại giam. Bảo đảm điều kiện thăm gặp, nhận quà, thư và liên lạc điện thoại với người thân. Thiết lập mối quan hệ giữa cộng đồng xã hội với trại giam ngay từ giai đoạn NBKAPT vào trại giam. Việc giữ các mối liên hệ giữa NBKAPT và gia đình, tổ chức xã hội ở địa phương, việc tìm hiểu tầm

tư nguyện vọng của từng NBKAPT, từ đó đưa ra các phương thức giáo dục thích hợp là những công việc hết sức cần thiết để cảm hóa NBKAPT trở thành người lương thiện.

Việc bảo đảm về cơ sở vật chất kỹ thuật trong THAPT sẽ giúp cho các cơ quan THAPT có đầy đủ điều kiện vật chất cần thiết để hoạt động có hiệu quả. Theo đó, cần đầu tư nâng cấp chất lượng hệ thống trại giam, trụ sở làm việc, tăng cường trang thiết bị hiện đại phục vụ cho công tác chuyên môn, cải tiến chế độ tiền lương... Tăng cường mạnh mẽ cơ sở vật chất kỹ thuật cho THAPT. Trước hết ưu tiên nâng cấp phòng giam, quy hoạch lại hệ thống trại giam cho hợp lý, bảo đảm hiệu quả của THAPT.

4.2.7. Cần xã hội hoá hoạt động thi hành án

Nghị quyết Trung ương Đảng lần thứ VII Khóa 10 đã chỉ rõ: *“Cải cách nền hành chính Nhà nước là trọng tâm của việc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước, trong những năm trước mắt công cuộc cải cách hành chính phải dựa trên cơ sở pháp luật và tiến hành đồng bộ trên các mặt: Cải cách thể chế hành chính, tổ chức bộ máy và xây dựng kiện toàn bộ máy cán bộ, viên chức hành chính ”*.

Theo định hướng cải cách nền hành chính của Đảng, trước hết tập trung cải cách thủ tục hành chính trong các lĩnh vực tác động trực tiếp đến nhân dân, đến cơ sở như quản lý TA, thi hành án, công chứng, hộ tịch, quốc tịch... Với nhiệm vụ đó, chúng ta cần cải cách thủ tục hành chính trong công tác thi hành án, khắc phục tình trạng trì trệ, quan liêu, sách nhiễu gây phiền hà cho nhân dân.

Với tình trạng thi hành án như hiện nay, sau khi TA ra bản án có hiệu lực pháp luật thì bản án, quyết định đó vẫn chỉ là bản án trên giấy tờ nếu nó chưa được thi hành và những quyền lợi chính đáng của người được thi hành án vẫn chưa được khôi phục. Theo qui định của pháp luật hiện hành thì đương sự muốn thi hành án phải có yêu cầu xin thi hành án và chỉ có thể trên cơ sở yêu cầu thi hành án thì cơ quan thi hành án mới cho thi hành bản án, quyết định trừ trường hợp chủ động thi hành án. Bên cạnh đó số lượng án mà một chấp hành viên phải thụ lý ngày càng gia tăng theo thời gian, trong khi đó chấp hành viên phải làm tất cả các thủ tục từ tổng đạt các loại giấy báo, giấy mời, thông báo (dự trừ kinh phí, mời định giá tài sản,

quyết định cưỡng chế...) và khi đương sự yêu cầu thi hành án thì chấp hành viên khất lần vì chưa giải quyết xong vụ việc khác, đương sự phải đi lại nhiều lần, gây tâm lý không thoải mái, cũng có khi chấp hành viên tổng đạt giấy báo nhưng do sai sót mà giấy báo không đến được các đương sự, đương sự chờ mãi mà vẫn không thấy vụ án được thi hành, khiêu nại khắp nơi.

Việc xã hội hoá hoạt động thi hành án là chuyển giao một số công việc thi hành án cho các tổ chức không phải của Nhà nước đảm nhiệm sẽ làm giảm án tồn đọng. Xã hội hoá thi hành án đúng đắn tránh được sự quan liêu, cửa quyền, sách nhiễu vốn là mặt trái của hoạt động hành chính Nhà nước. Khi đã được xã hội hoá các tổ chức thi hành án không có sự độc quyền, phải cạnh tranh lành mạnh để bảo vệ uy tín của tổ chức mình mà tồn tại, nếu làm sai các yêu cầu hợp pháp của người được thi hành án thì phải bồi thường. Người dân cũng được quyền tự lựa chọn bảo đảm quyền tự định đoạt, phù hợp với điều kiện, khả năng của mình. Xã hội hoá thi hành án sẽ phát huy vai trò sức mạnh của tổ chức, gia đình và cá nhân trong việc giáo dục thuyết phục cảm hoá người bị thi hành án tự giác thực hiện nghĩa vụ của mình. Ngoài ra việc giao thi hành án cho thừa phát lại sẽ giúp Nhà nước tiết kiệm được kinh phí nuôi bộ máy chấp hành viên.

Xã hội hoá hoạt động thi hành án không toàn diện ngay được mà phải là quá trình chuyển giao từ từ, bắt đầu từ việc xã hội hoá một số việc trước, rồi mới dần dần đi đến giai đoạn xã hội hoá toàn bộ, vì nếu chúng ta xã hội hoá toàn bộ từ việc ra các quyết định, tổng đạt đến việc thực hiện các biện pháp cưỡng chế thì sẽ gặp phải những khó khăn rất lớn như tâm lý người dân từ trước đến nay chỉ tin tưởng vào cơ quan Nhà nước, thêm nữa để các tổ chức xã hội hoá thực hiện các thủ tục mang tính quyền lực Nhà nước (ra các quyết định, giấy báo, giấy mời, văn bản hành chính...) thì đòi hỏi ý thức tuân thủ pháp luật của nhân dân và cơ quan Nhà nước phải cao; ý thức trách nhiệm, kỷ cương hoạt động của cơ quan Nhà nước phải nghiêm minh để hỗ trợ tối đa cho tổ chức thi hành án.

Trước mắt nên xã hội hoá một số việc trong hoạt động thi hành án: việc tổng đạt các quyết định, giấy tờ thi hành án và xã hội hoá việc xác minh tài sản thi hành án. Cơ quan thi hành án của Nhà nước vẫn đảm nhiệm các công việc mang tính công quyền như ra quyết định, giấy báo, giấy mời, văn bản có liên quan còn việc

tổng đạt và thi hành mọi giấy tờ về tư pháp do thừa phát lại thực hiện. Để tổ chức thực hiện điều này, Chính phủ ban hành Nghị định về tổ chức và hoạt động của thừa phát lại trong đó nêu rõ những vấn đề chung: vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của thừa phát lại cũng như những vấn đề cơ bản về tổ chức và nội dung hoạt động của thừa phát lại.

4.2.8. Tăng cường sự phối hợp trong công tác thi hành án

- Tăng cường mối quan hệ phối hợp giữa các bộ phận nghiệp vụ ở trại giam trong hoạt động giáo dục PN.

Tổ chức giáo dục PN là một trong những nhiệm vụ quan trọng của cả trại giam, góp phần quan trọng trong bảo đảm QCN trong THAPT. Vì vậy, cần có sự phối hợp giữa các bộ phận nghiệp vụ ở trại giam trong quá trình giáo dục PN. Hiện nay, hoạt động giáo dục PN mặc dù đã đạt được nhiều kết quả tốt đẹp nhưng vẫn còn có những tồn tại, hạn chế nhất định như: một bộ phận cán bộ, chiến sỹ chưa có nhận thức đúng đắn về vai trò quan trọng của hoạt động giáo dục PN; còn coi trọng việc giam giữ, quản lý sao cho chặt chẽ, an toàn hoặc đặt nặng mục tiêu về kinh tế hơn là tác động giáo dục giúp PN nhận rõ tội lỗi, tích cực học tập cải tạo; một số cán bộ, chiến sỹ cho rằng giáo dục PN là nhiệm vụ của cán bộ giáo dục, cảnh sát quản giáo hoặc cán bộ trình sát trại giam, do đó giữa các bộ phận nghiệp vụ ở trại giam chưa có sự phối hợp thường xuyên và hiệu quả trong hoạt động giáo dục PN.... Do vậy, trong thời gian tới, các bộ phận nghiệp vụ ở các trại giam cần tăng cường hơn nữa mối quan hệ phối hợp, đổi mới phương thức, cơ chế hoạt động nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục PN. Cụ thể:

+ Qui định rõ trách nhiệm của từng bộ phận nghiệp vụ, từng cán bộ, chiến sỹ trại giam trong hoạt động giáo dục PN. Trong đó, tùy theo đối tượng giáo dục hay yêu cầu, nhiệm vụ cụ thể mà xác định lực lượng giữ vai trò nòng cốt, lực lượng tham gia trong hoạt động giáo dục PN.

+ Tăng cường công tác giáo dục cho cán bộ, chiến sỹ về vai trò của hoạt động giáo dục PN đối với công tác quản lý, giam giữ, giáo dục PN. Từ đó, mỗi đồng chí nhận thức rõ đây là nhiệm vụ chung của tất cả cán bộ, chiến sỹ trại giam chứ không phải riêng của cán bộ giáo dục, cảnh sát quản giáo hay cán bộ trình sát trại giam.

+ Giao nhiệm vụ cụ thể cho từng cán bộ, chiến sỹ, từng bộ phận gắn liền với các quyền lợi và cơ chế cùng chịu trách nhiệm trong hoạt động giáo dục PN. Thường xuyên kiểm tra mối quan hệ phối hợp giữa các bộ phận nghiệp vụ để phát hiện khó khăn, sai sót và có hướng dẫn, biện pháp khắc phục; có khen thưởng, kỷ luật kịp thời, nghiêm minh đối với cán bộ, chiến sỹ thực hiện tốt nhiệm vụ, lập thành tích xuất sắc hoặc có sai phạm trong hoạt động giáo dục PN.

- Tăng cường sự phối hợp trong công tác THAHS

Hiến pháp 2013 qui định: *“Các bản án và quyết định của TA nhân dân đã có hiệu lực pháp luật phải được các cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, các đơn vị vũ trang nhân dân và mọi công dân tôn trọng, những người và đơn vị hữu quan phải nghiêm chỉnh chấp hành”*.

Nhưng trên thực tế việc phối hợp của các cơ quan đơn vị có liên quan và của mỗi công dân đối với công tác thi hành án chưa được thường xuyên, có lúc, có nơi còn cản trở đến công việc của cơ quan thi hành án như: lực lượng Cảnh sát nhân dân có khi không hoàn thành trách nhiệm đối với việc bảo đảm trật tự và an toàn trong quá trình cưỡng chế thi hành án dân sự; giữa cơ quan thi hành án và cơ quan công an có lúc thiếu thống nhất về kế hoạch, phân công cưỡng chế; các cơ quan tiến hành tố tụng chưa áp dụng kịp thời đầy đủ các biện pháp. Một mặt do qui định của pháp luật còn chưa đầy đủ, rõ ràng, mặt khác do các cơ quan có liên quan chưa thực hiện đầy đủ trách nhiệm của mình đã được pháp luật qui định.

Vì vậy, để đảm bảo cho việc thực hiện tốt công tác thi hành án, cùng với sự nỗ lực, cố gắng của đội ngũ thi hành án đòi hỏi phải có sự quan tâm, chỉ đạo sát sao, kịp thời của chính quyền địa phương, sự phối hợp của các cơ quan, tổ chức có liên quan.

Thi hành án dựa trên bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của TA cho nên hoạt động của cơ quan xét xử có tác động trực tiếp đến hiệu quả công tác thi hành án. Vì vậy, các bản án, quyết định của TA phải tuyên rõ ràng sát với thực tế, TA cần tuân thủ đúng những qui định về thời hạn chuyển giao bản sao bản án, quyết định cho cơ quan thi hành án. Có như thế thi hành án mới thực hiện tốt được.

Cần phải có sự phối hợp chặt chẽ thống nhất giữa cơ quan bảo vệ pháp luật (Cơ quan công an, cơ quan điều tra, VKS...) trong việc xử lý hành vi chống đối,

cản trở việc thi hành án. Khi chấp hành viên yêu cầu giúp đỡ thì các cơ quan này phải phối hợp chặt chẽ tạo điều kiện cho việc thi hành bản án, quyết định. Trong trường hợp cơ quan, tổ chức, công dân không giúp đỡ, thực hiện yêu cầu của chấp hành viên thì phải có những biện pháp (Chế tài) hữu hiệu để xử lý vấn đề này.

Vậy nếu như các cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân và mọi công dân đều suy nghĩ công tác thi hành án không là của riêng ai thì pháp chế xã hội chủ nghĩa mới được thực hiện nghiêm minh.

Kết luận chương 4

Bảo đảm QCN nói chung và quyền của NBKAPT nói riêng là một đòi hỏi tất yếu khách quan trong tiến trình cải cách tư pháp ở nước ta hiện nay. Để bảo đảm quyền của NBKAPT, cần phải quán triệt sâu sắc quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về vấn đề quyền của NBKAPT. Trên cơ sở đó, cần thực hiện một cách đồng bộ các giải pháp nhằm tăng cường bảo đảm quyền của NBKAPT ở Việt Nam. Cụ thể như:

- + Tăng cường nhận thức về bảo đảm quyền của NBKAPT trong THAHS;
- + Hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo đảm quyền của NBKAPT trong THAHS;
- + Kiện toàn tổ chức, hoạt động của cơ quan tham gia THAPT và tăng cường cơ chế phối hợp trong THAPT;
- + Nâng cao phẩm chất, năng lực, trình độ cho đội ngũ cán bộ làm công tác THAPT;
- + Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong THAPT và xử lý hành vi vi phạm quyền của NBKAPT;
- + Đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật trong THAPT nhằm bảo đảm quyền của NBKAPT;
- + Xã hội hoá hoạt động THAHS;
- + Tăng cường sự phối hợp trong công tác THAHS.

Trong các giải pháp trên, việc nâng cao nhận thức về bảo đảm QCN của NBKAPT cho các cơ quan, cá nhân tham gia THAPT và NBKAPT có ý nghĩa tạo tiền đề cho việc hoàn thiện hệ thống pháp luật và nâng cao hiệu quả của các hoạt động thực hiện pháp luật về quyền của NBKAPT trong THAHS. Các giải pháp trên cần phải được tiến hành đồng bộ với quyết tâm của toàn xã hội. Trong đó, vai trò chủ yếu thuộc về các cơ quan và các cán bộ có thẩm quyền tham gia THAPT.

KẾT LUẬN

1. Bảo đảm QCN nói chung và quyền của NBKAPT nói riêng là một trong những nội dung và cũng là mục đích của chiến lược cải cách tư pháp của Nhà nước ta đến năm 2020 được thể hiện trong Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị. Trong tiến trình phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế của đất nước ta trong giai đoạn hiện nay, vấn đề bảo đảm QCN và quyền của NBKAPT đang đặt ra nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn cần phải nghiên cứu làm sáng tỏ.

2. Cho đến nay, đã có một số công trình trên thế giới và Việt Nam nghiên cứu các vấn đề có liên quan đến đề tài này. Các công trình đó đã có nhiều đóng góp về mặt lý luận và thực tiễn, nhưng nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn về quyền của NBKAPT vẫn còn có nhiều ý kiến khác nhau cần được làm sáng tỏ. Bên cạnh đó, trong thực tiễn vấn đề quyền của NBKAPT đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, góp phần làm cho pháp luật về quyền của NBKAPT đi vào cuộc sống. Mặc dù vậy, do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan khác nhau, vấn đề bảo đảm quyền của NBKAPT vẫn còn có một số hạn chế yếu kém nhất định.

3. Để góp phần làm rõ những vấn đề lý luận, khắc phục những hạn chế yếu kém trong thực tiễn về quyền của NBKAPT, Luận án đã sử dụng và kết hợp hài hòa nhiều phương pháp nghiên cứu, tiếp thu có chọn lọc những giá trị của các công trình khoa học khác về vấn đề này. Trên cơ sở đó, Luận án phân tích có hệ thống những vấn đề lý luận, khảo sát, phân tích, đánh giá thực trạng về quyền của NBKAPT và đề xuất các giải pháp nhằm tăng cường bảo đảm quyền của NBKAPT trong pháp luật THAHS ở nước ta trong thời gian tới. Cụ thể, Luận án đã tập trung làm rõ các luận điểm chính sau đây:

- Luận án đã làm rõ những vấn đề lý luận về QCN và quyền của NBKAPT. Luận án đã hệ thống hóa, xây dựng được khái niệm quyền của NBKAPT. Đã làm rõ được nội dung các quyền của NBKAPT và đã đưa ra được hệ thống các bảo đảm quyền của NBKAPT ở Việt Nam.

- Luận án đã nghiên cứu, khảo sát, phân tích và đánh giá thực trạng quy định pháp luật về QCN và quyền của NBKAPT, đã khảo sát, tổng kết thực tiễn quyền

của NBKAPT ở nước ta trong thời gian qua. Bên cạnh những kết quả đạt được, vấn đề về quyền của NBKAPT còn có một số hạn chế yếu kém. Để có biện pháp khắc phục những hạn chế yếu kém đó, đòi hỏi phải tìm hiểu, làm rõ nguyên nhân của nó. Luận án đã tìm ra các nguyên nhân như nguyên nhân do yếu tố nhận thức về quyền của NBKAPT của các cơ quan, cá nhân tham gia THAPT và bản thân NBKAPT; nguyên nhân từ yếu tố pháp luật và nguyên nhân từ các yếu tố bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện quyền của NBKAPT.

- Từ thực trạng quyền của NBKAPT và sự đòi hỏi tất yếu khách quan trong tiến trình cải cách tư pháp ở nước ta hiện nay. Để bảo đảm quyền của NBKAPT trong thời gian tới, cần phải quán triệt sâu sắc quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về vấn đề QCN nói chung và quyền của NBKAPT nói riêng. Trên cơ sở đó, cần thực hiện một cách đồng bộ các giải pháp nhằm tăng cường bảo đảm quyền của NBKAPT ở Việt Nam.

4. Như vậy, qua nghiên cứu cho thấy, quyền của NBKAPT phụ thuộc rất lớn vào các yếu tố sau đây: Thứ nhất, là yếu tố nhận thức của các cơ quan, cá nhân tham gia THAPT và NBKAPT về QCN. Thứ hai, là hệ thống pháp luật về quyền của NBKAPT. Thứ ba, là các yếu tố bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện quyền của NBKAPT trong THAHS.

Ba yếu tố trên có mối quan hệ chặt chẽ với nhau và tác động qua lại lẫn nhau góp phần bảo đảm quyền của NBKAPT trên thực tế. Nhận thức sâu sắc mối quan hệ này có ý nghĩa chỉ đạo hành động thực tiễn về quyền của NBKAPT trong điều kiện đổi mới ở đất nước ta hiện nay./.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC

1. Lê Minh Chuẩn (2016), *Trường Trung cấp Cảnh sát nhân dân VI nâng cao hiệu quả thực hiện quy chế phối hợp về đảm bảo an ninh, trật tự trên địa bàn huyện Văn Giang tỉnh Hưng Yên*, Tạp chí Khoa học và Giáo dục an ninh số 03/2016.
2. Lê Minh Chuẩn (2016), *Quy định mới về điều tra viên và cán bộ điều tra trong luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự*, Tạp chí Công an Nhân dân số kỳ 2 số 6/2016.
3. Lê Minh Chuẩn (2017), *Luật thi hành án hình sự - cơ sở pháp lý quan trọng góp phần bảo đảm thực hiện quyền con người đối với người đang chấp hành án phạt tù*, Tạp chí Khoa học quản lý giáo dục tội phạm số 28/2017.
4. Lê Minh Chuẩn (2016), *Một số ý kiến góp phần hoàn thiện pháp luật về bảo đảm quyền con người của người chấp hành án phạt tù*, Tạp chí Công an Nhân dân số kỳ 2/2018.
5. Lê Minh Chuẩn (2018), *Bảo đảm quyền con người của người chấp hành án phạt tù trong thi hành án hình sự với một số nước trên thế giới*, Tạp chí An ninh & Xã hội số 10/2018.
6. Lê Minh Chuẩn (2019), *Thực tiễn việc triển khai các quy định của pháp luật về công tác tha tù trước thời hạn có điều kiện*, Tạp chí Nhân lực khoa học Xã hội chuyên đề số 1.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

A. TIẾNG VIỆT

I. Văn bản pháp luật

1. Chính Phủ (2011), *Nghị định số 117/2011/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ quy định về tổ chức quản lý phạm nhân và chế độ ăn, mặc, ở, sinh hoạt và chăm sóc y tế đối với phạm nhân.*
2. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2002), *Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân 2002*, NXB CTQG, Hà Nội.
3. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2004), *Bộ luật Tổ tụng hình sự năm 2003*, NXB CTQG, Hà Nội.
4. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2007), *Luật Đặc xá năm 2007*, NXB CTQG, Hà Nội.
5. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2009), *Bộ luật Hình sự năm 1999*, NXB CTQG, Hà Nội.
6. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2010), *Luật Thi hành án hình sự năm 2010*, NXB CTQG, Hà Nội.
7. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2013), *Hiến pháp Việt Nam năm 2013*, NXB CTQG, Hà Nội.
8. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2014), *Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014*, NXB CTQG, Hà Nội.
9. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2016), *Bộ luật Tổ tụng hình sự năm 2015*, NXB CTQG, Hà Nội.
10. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2016), *Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015*, NXB CTQG, Hà Nội.
11. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2018), *Bộ luật Hình sự năm 2015, (sửa đổi bổ sung năm 2017)*, NXB CTQG, Hà Nội.
12. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2018), *Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015*, NXB CTQG, Hà Nội.

13. Thông tư 46/2011/TT-BCA ngày 30 tháng 06 năm 2011 của Bộ Công an quy định việc *phạm nhân gặp thân nhân; nhận, gửi thư; nhận tiền, quà và liên lạc điện thoại với thân nhân.*
14. Thông tư liên ngành số 03/TTLN ngày 30/6/1993 của Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Nội vụ, Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc *Hướng dẫn thực hiện một số quy định của pháp lệnh thi hành án phạt tù.*
15. Thông tư liên tịch số 02/2012/TTLT-BCA-BQP-BTP-BGDĐT ngày 06 tháng 02 năm 2012 của liên Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tư pháp và Bộ Giáo dục và Đào tạo *hướng dẫn việc tổ chức dạy văn hóa, giáo dục pháp luật, giáo dục công dân, phổ biến thông tin thời sự, chính sách và thực hiện chế độ sinh hoạt, giải trí cho phạm nhân.*
16. Thông tư liên tịch số 02/2013/TTLT-BCA-BQP-TANDTC-VKSNDTC ngày 15 tháng 5 năm 2013 của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Tòa án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao *hướng dẫn thi hành các quy định về giảm thời hạn chấp hành án phạt tù đối với phạm nhân.*
17. Thông tư liên tịch số 02/2015/TTLT-BCA-BQP-BYT ngày 22 tháng 01 năm 2015 giữa BCA, BQP và Bộ Y tế *hướng dẫn công tác quản lý, chăm sóc, tư vấn, điều trị cho người nhiễm HIV và dự phòng lây nhiễm HIV tại trại giam, TTg, NTG, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng.*
18. Thông tư liên tịch số 03/2013/TLLT-BCA-BQP-BYT-TANTC-VKSNDTC ngày 15 tháng 5 năm 2013 của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Y tế, Tòa án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao *hướng dẫn thi hành quy định về tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù đối với phạm nhân.*
19. Thông tư liên tịch số 04/2010/TLLT-BTC-BCA-BQP ngày 12 tháng 01 năm 2010 của Bộ Tài chính, Bộ Công an và Bộ Quốc phòng *hướng dẫn thực hiện chế độ lao động và sử dụng kết quả lao động, dạy nghề của phạm nhân trong các trại giam.*
20. Thông tư liên tịch số 07/2015/TTLT-BCA-BQP-BYT ngày 19 tháng 10 năm 2015 giữa BCA, BQP và Bộ Y tế *hướng dẫn việc khám bệnh, chữa bệnh cho*

người bị tạm giữ, tạm giam, phạm nhân, trại viên cơ sở giáo dục bắt buộc, học sinh trường giáo dưỡng do BCA, BQP quản lý tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước.

21. Thông tư số 37/2011/TT-BCA của Bộ trưởng BCA về *phân loại và tổ chức giam giữ phạm nhân theo loại*.
22. Ủy ban thường vụ quốc hội (2008), *Pháp lệnh Công an xã năm 2008*, NXB CTQG, Hà Nội.
23. Các quy tắc tiêu chuẩn tối thiểu về đối xử với tù nhân của Liên Hợp Quốc năm 1955.
24. Công ước chống tra tấn và các hình thức trừng phạt, đối xử tàn bạo, vô nhân đạo hay hạ nhục khác của Liên Hợp Quốc năm 1984.
25. Công ước về các quyền dân sự và chính trị của Liên Hợp Quốc năm 1966.
26. Công ước về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa của Liên Hợp Quốc năm 1966.
27. Những nguyên tắc cơ bản trong việc đối xử với tù nhân của Liên Hợp Quốc năm 1990.
28. Tập hợp các nguyên tắc về bảo vệ tất cả những người bị giam hay bị cầm tù dưới bất kỳ hình thức nào của Liên Hợp Quốc năm 1988.
29. Tuyên ngôn toàn thế giới về nhân quyền của Liên Hợp Quốc năm 1948.

II. Tài liệu tham khảo khác

30. Phạm Ngọc Anh (Chủ biên) (2005), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền con người*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
31. Trương Hòa Bình (2009), “Hoạt động thi hành án hình sự hiện nay - Thực trạng và giải pháp hoàn thiện”, *Tạp chí Khoa học pháp lý*, (số 6/2002).
32. Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa VII(1992), *Chỉ thị số 12/CT/TW ngày 12/7/1992 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa VII về “Vấn đề quyền con người và quan điểm, chủ trương của Đảng ta”*, Hà Nội.
33. Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI (2016), *Báo cáo chính trị của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ*

XII của Đảng, Hà Nội.

34. Bộ Chính trị (2002), *Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 02-01-2002 về Một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới*, Hà Nội.
35. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*, Hà Nội.
36. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02-6-2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược Cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.
37. Bộ Chính trị (2016), *Kết luận số 01-KL/TW ngày 04/4/2016 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 48-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa IX về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*, Hà Nội.
38. Bộ Công an (2013), *Báo cáo tổng kết công tác điều tra, khảo sát người chấp hành xong án phạt tù về cư trú ở địa phương, giai đoạn 2002 - 2012 theo Kế hoạch số 16/KH-BCA ngày 02/12/2012 của Bộ Công an*, Hà Nội.
39. Bộ Ngoại giao (2005), *Sách trắng về nhân quyền “Thành tựu bảo vệ và phát triển quyền con người ở Việt Nam”*, Hà Nội.
40. Lê Lan Chi (2015), “Thi hành án phạt tù trong văn kiện quốc tế và ở một số quốc gia - Kinh nghiệm đối với Việt Nam”, *Tạp chí Nội Chính*, (26), 48 - 55.
41. Liên Hợp quốc (2002), *Những nội dung cơ bản về quyền con người*, Trung tâm nghiên cứu Quyền con người - Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
42. Chính phủ (2014), *Báo cáo Quốc gia về thực hiện quyền con người ở Việt Nam theo cơ chế kiểm định kỳ phổ cập (UPR) chu kỳ II*, Hà Nội.
43. Nguyễn Hữu Duyệt (2010), *Thi hành án phạt tù từ thực tiễn đến khoa học giáo dục*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
44. Nguyễn Hữu Duyệt (2010), *Những vấn đề lý luận và thực tiễn về công tác giáo dục phạm nhân trong giai đoạn hiện nay*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

45. Học viện khoa học xã hội (2014), *Pháp luật Quốc tế về quyền con người*, Giáo trình, Viện hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội.
46. Học viện khoa học xã hội (2013), *Luật thi hành án hình sự*, Giáo trình, Viện hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội.
47. Văn phòng Trung ương Đảng, ĐCSVN, (2016) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Hà Nội.
48. Viện khoa học xã hội Việt Nam (2011), *Những vấn đề lý luận và thực tiễn của nhóm quyền dân sự và chính trị*, Giáo trình, Viện hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội.
49. Viện khoa học xã hội Việt Nam (2010), *Quyền con người: tiếp cận đa ngành và liên ngành Luật học – tập I, tập II*, Giáo trình bậc đại học và sau đại học Viện hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội.
50. Đại học Luật Hà Nội (2008), *Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
51. Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (2012), *Kỷ yếu tọa đàm “Bảo vệ quyền tự do, dân chủ của công dân trong tư pháp hình sự Việt Nam”*, Thành phố Hồ Chí Minh.
52. Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh - Hội Luật gia Việt Nam (2014), *Tài liệu hội thảo quốc tế về Công ước của Liên hợp quốc về chống tra tấn và việc thực hiện nghĩa vụ quốc gia - Kinh nghiệm cho Việt Nam*, Thành phố Hồ Chí Minh.
53. Đại học Quốc gia Hà Nội, Khoa Luật (QII-2010), *Giáo trình-Sách. Quyền con người-Tập hợp những bình luận/khuyến nghị chung của Liên hợp quốc*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
54. Đại học Quốc gia Hà Nội, Khoa Luật (2009), *Giáo trình lý luận và pháp luật về quyền con người*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
55. Đại học quốc gia Hà Nội, Khoa Luật (2006), *Bảo vệ quyền con người bằng pháp luật hình sự và pháp luật tố tụng hình sự trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam*, Đề tài khoa học cấp Đại học quốc gia, Hà Nội.

56. Bùi Kiên Điện (2007), “Điều kiện đảm bảo hiệu quả hoạt động thi hành án hình sự”, *Tạp chí Luật học*, (6/2007), 13 - 19.
57. Nguyễn Văn Đông (2005), *Quyền con người, quyền công dân trong Hiến pháp Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
58. Trần Ngọc Đường (2004), *Quyền con người, quyền công dân trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
59. Đường Minh Giới (2007), *Những vấn đề lý luận cơ bản về thi hành án phạt tù ở Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
60. Đỗ Đức Hồng Hà (2010), “Mối quan hệ giữa quyền con người với luật thi hành án hình sự Việt Nam”, *Quyền con người: Tiếp cận đa ngành và liên ngành Luật học*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 242 - 285.
61. Vũ Trọng Hách (2006), *Hoàn thiện quản lý nhà nước trong lĩnh vực thi hành án hình sự*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
62. *Hồ Chí Minh toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, năm 2004, tập 5.
63. Nguyễn Quang Hiền (2008), *Bảo vệ quyền con người trong tố tụng hình sự Việt Nam*, Luận án tiến sĩ luật học, Hà Nội.
64. Nguyễn Huy Hoàng (2005), *Đảm bảo quyền con người trong hoạt động tư pháp ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ luật học, Hà Nội.
65. Học viện Cảnh sát nhân dân (2006), *Công tác thi hành án phạt tù - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
66. Trần Thanh Hương (2006), *Những bảo đảm pháp lý cho việc thực hiện quyền cơ bản của công dân trong lĩnh vực Tự do cá nhân*, Luận án Tiến sĩ, Hà Nội.
67. Vũ Đức Trung (2001), *Hoạt động của lực lượng cảnh sát nhân dân trong phòng ngừa tình trạng tái phạm tội ở nước ta hiện nay*. Luận án tiến sĩ, Học viện cảnh sát nhân dân, Hà Nội.
68. Lê Văn Thư (2004), *Phòng ngừa tội phạm qua hoạt động thi hành án phạt tù của lực lượng cảnh sát nhân dân hiện nay*, Luận án tiến sĩ, Học viện cảnh sát nhân dân, Hà Nội.

69. Trần Văn Ty (2011), *Hoạt động của lực lượng cảnh sát trại giam trong phòng ngừa tội phạm trốn khỏi nơi giam*, Luận án tiến sỹ, Học viện cảnh sát nhân dân, Hà Nội.
70. Nguyễn Văn Sơn (2013), *Hoạt động phòng ngừa phạm nhân phạm tội trong các trại giam thuộc Bộ Công an*, Luận án tiến sỹ, Học viện cảnh sát nhân dân, Hà Nội.
71. Võ Khánh Minh (2010), *Giáo dục quyền con người ở Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sỹ, Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội.
72. Phan Thị Thanh Tâm (2017), *Bảo đảm quyền của bị can, bị cáo là người chưa thành niên trong tố tụng hình sự Việt Nam*, Luận án tiến sỹ, Viện hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội.
73. Trần Quang Trọng (2004), *Đặc điểm tâm lý của phạm nhân phạm các tội xâm phạm an ninh quốc gia và một số giải pháp tâm lý – xã hội góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý, giáo dục loại phạm nhân này*, Đề tài khoa học cấp Bộ, Bộ Công an.
74. Nguyễn Văn Ninh (2008), *Địa vị pháp lý của phạm nhân trong hệ thống pháp luật Việt Nam*, Đề tài nghiên cứu cấp Bộ, Bộ Công an.
75. Lê Đăng Xuyên (2011), *Công tác quản lý, giam giữ người bị kết án tù chấp hành hình phạt ở phân trại quản lý phạm nhân trong Trại tạm giam Công an thành phố Hà Nội*, Đề tài khoa học cấp cơ sở, Học viện CSND, Bộ Công an.
76. Trần Minh Hưởng (2010), *Tìm hiểu Bộ luật Tố tụng hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
77. Trần Minh Hưởng (2010), *Bình luận khoa học Luật Thi hành án hình sự và các quy định mới nhất về thi hành án hình sự*, Nxb Thời Đại, Hà Nội.
78. Jacques Mourgon (1995), *Quyền con người*, Trung tâm nghiên cứu Quyền con người - Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
79. Tường Duy Kiên (2010), “Quyền con người trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay”, *Tạp chí Nhà nước và pháp luật*, (6/2010), 70 - 77.

80. “*Tính phổ biến và tính đặc thù của quyền con người*”, Tài liệu Hội thảo khoa học của Viện khoa học xã hội Việt Nam, 2010.
81. “Quyền sống trong pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam”, Tài liệu hội thảo quốc tế, 2014 của Viện chính sách Công và Pháp luật - Liên hiệp các hội KH và KT Việt Nam phối hợp Trung tâm nhân quyền Na Uy – Đại học Oslo.
82. Nguyễn Thị Lan (2015), “Một số kiến nghị để hoàn thiện pháp luật thi hành án hình sự Việt Nam nhằm bảo vệ quyền con người của người chấp hành án phạt tù”, *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội: Luật học, Tập 31*, (Số 3/2015), 32-38.
83. Phạm Thị Tuyết Mai (2009), *Bảo đảm quyền con người trong thi hành án phạt tù tại Việt Nam*, Luận văn Thạc sĩ luật học, Thành phố Hồ Chí Minh.
84. Đinh Văn Mậu (2003), *Quyền lực Nhà nước và quyền con người*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
85. Hoàng Ngọc Nhất (2000), *Quản lý nhà nước về thi hành án phạt tù*, Đề tài khoa học cấp Bộ, Hà Nội.
86. Hoàng Ngọc Nhất (2001), “Một số vấn đề cấp bách về thi hành án hình sự”, *Tạp chí Nhà nước và pháp luật*, (01/2001).
87. Võ Thị Kim Oanh (chủ biên) (2010), *Bảo đảm quyền con người trong tư pháp hình sự Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
88. Võ Thị Kim Oanh, Nguyễn Quang Vũ (2013), “Một số vấn đề về giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù đối phạm nhân”, *Tạp chí Khoa học pháp lý*, (04/2013).
89. Nguyễn Đức Phúc (2004), “Bảo đảm quyền con người trong thi hành án phạt tù ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, (228).
90. “*Tạp chí nhân quyền số 02/2010*”, với các bài viết:
 - Chuyên mục Lý luận và thực tiễn: *Mác, Ăng ghen bàn về nhân quyền trong chủ nghĩa tư bản* của TS Nguyễn Đức Thùy.

- Chuyên mục Sự kiện – Bình luận: *Quyền con người trong chiến lược mới của Tổng thống Barack Obama*, tác giả Nguyễn Ngọc Hùng.
 - Chuyên mục Nhân quyền vấn đáp: *Muốn được hưởng đầy đủ quyền con người cần phải hiểu quyền con người là gì?*, tác giả Quang Hưng
 - Chuyên mục Nhân quyền xưa và nay: *Tính nhân văn trong bộ luật Hồng Đức*, tác giả Vĩnh An.
 - Chuyên mục Nghiên cứu - trao đổi: *Quyền con người, tính phổ biến và đặc thù*, PGS-TS Lê Văn Cương. *Đối thoại nhân quyền Việt Nam – EU: bình đẳng, thẳng thắn và cởi mở*, tác giả Đan Thanh.
91. Nguyễn Đức Phúc (2012), *Thực hiện pháp luật về quyền con người của phạm nhân trong thi hành án phạt tù ở Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ, Hà Nội.
 92. Hoàng Thị Kim Quế (2012), Trách nhiệm Nhà nước đối với quyền con người, quyền công dân: nội dung cơ bản và cách thức quy định trong Hiến pháp, *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, (11).
 93. Trần Hưng Bình (2013), Bảo vệ quyền con người của người chưa thành niên bị buộc tội trong tố tụng hình sự, *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật* (1).
 94. Nguyễn Văn Hưng (2014), Bảo vệ quyền con người, quyền công dân trong tố tụng hình sự theo Hiến pháp sửa đổi năm 2013, *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, (7).
 95. Trần Quốc Tỏ (2015), Đảm bảo thực thi quyền con người trong hoạt động tư pháp hình sự, *Tạp chí Công an nhân dân*, (4*).
 96. Phan Trọng Minh (2016), Luật thi hành tạm giữ, tạm giam, bước đổi mới về công tác tạm giữ, tạm giam, *Tạp chí Công an nhân dân*, (8).
 97. Nguyễn Xuân Toàn (2010), Luật thi hành án hình sự với chính sách nhân đạo XHCN trong giáo dục, cải tạo người phạm tội, *Tạp chí Công an nhân dân* (9).
 98. Phạm Văn Tĩnh (2012), Quyền con người về mặt tư pháp hình sự, *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, (6).
 99. Nguyễn Linh Giang (2012), Một số nguyên tắc pháp lý quan trọng để bảo

- đảm quyền con người, *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, (8).
100. Nguyễn Thái Phúc (2009), *Bảo đảm quyền con người trong Tổ tụng hình sự Việt Nam*, Đề tài khoa học cấp Bộ, Thành phố Hồ Chí Minh.
 101. Nguyễn Thái Phúc (2010), *Bảo đảm quyền con người trong tổ tụng hình sự trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam*, Tài liệu hội thảo quốc tế về quyền con người trong Tổ tụng hình sự, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và Ủy ban nhân quyền Australia.
 102. Nguyễn Tuấn Quang (2015), *Bảo đảm quyền con người của phạm nhân theo pháp luật Việt Nam*, Luận văn Thạc sĩ luật học, Hà Nội.
 103. Nguyễn Văn Thông (2011), “Chế độ giáo dục, lao động cải tạo phạm nhân theo quy định của Luật thi hành án hình sự”, *Tạp chí Công an nhân dân*, (số chuyên đề 6/2011), 27-29.
 104. Trần Quang Tiệp (2002), *Một số vấn đề thi hành án hình sự*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
 105. Tổng cục Cảnh sát thi hành án hình sự và HTTP - Bộ Công an (2010), *Báo cáo tổng kết công tác thi hành án hình sự và HTTP năm 2010*, Hà Nội.
 106. Tổng cục Cảnh sát thi hành án hình sự và HTTP - Bộ Công an (2011), *Báo cáo tổng kết công tác thi hành án hình sự và HTTP năm 2011*, Hà Nội.
 107. Tổng cục Cảnh sát thi hành án hình sự và HTTP - Bộ Công an (2012), *Báo cáo tổng kết công tác thi hành án hình sự và HTTP năm 2012*, Hà Nội.
 108. Tổng cục Cảnh sát thi hành án hình sự và HTTP - Bộ Công an (2013), *Báo cáo tổng kết công tác thi hành án hình sự và HTTP năm 2013*, Hà Nội.
 109. Tổng cục Cảnh sát thi hành án hình sự và HTTP - Bộ Công an (2014), *Báo cáo tổng kết công tác thi hành án hình sự và HTTP năm 2014*, Hà Nội.
 110. Tổng cục Cảnh sát thi hành án hình sự và HTTP - Bộ Công an (2015), *Báo cáo tổng kết công tác thi hành án hình sự và HTTP năm 2015*, Hà Nội.
 111. Tổng cục Cảnh sát thi hành án hình sự và HTTP - Bộ Công an (2016), *Tài liệu hội nghị tổng kết 08 năm thi hành luật đặc xá và 05 năm thi hành luật thi hành án hình sự trong CAND, 2016*

112. Tổng cục Cảnh sát thi hành án hình sự và HTTP - Bộ Công an (2016), *Báo cáo tổng kết công tác thi hành án hình sự và HTTP năm 2016*, Hà Nội.
113. Tòa án nhân dân tối cao (2010), *Báo cáo tổng kết ngành TA nhân dân năm 2010*, Hà Nội.
114. Tòa án nhân dân tối cao (2011), *Báo cáo tổng kết ngành TA nhân dân năm 2011*, Hà Nội.
115. Tòa án nhân dân tối cao (2012), *Báo cáo tổng kết ngành TA nhân dân năm 2012*, Hà Nội.
116. Tòa án nhân dân tối cao (2013), *Báo cáo tổng kết ngành TA nhân dân năm 2013*, Hà Nội.
117. Tòa án nhân dân tối cao (2014), *Báo cáo tổng kết ngành TA nhân dân năm 2014*, Hà Nội.
118. Tòa án nhân dân tối cao (2015), *Báo cáo tổng kết ngành TA nhân dân năm 2015*, Hà Nội.
119. Tòa án nhân dân tối cao (2016), *Báo cáo tổng kết ngành TA nhân dân năm 2016*, Hà Nội.
120. Trung tâm nghiên cứu Quyền con người - Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, *Các văn kiện quốc tế cơ bản về quyền con người*, Hà Nội, 2002.
121. Trung tâm nghiên cứu Quyền con người - Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, *Các văn kiện quốc tế về quyền con người*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.
122. Trung tâm nghiên cứu Quyền con người - Quyền công dân, Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội (2011), “Hỏi đáp về quyền con người”, Nxb Hồng Đức, Hà Nội.
123. Lại Văn Trình (2011), *Bảo đảm quyền con người của bị can, bị cáo trong tố tụng hình sự Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Luật, Thành phố Hồ Chí Minh.
124. Đào Trí Úc (chủ biên) (2005), *Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
125. Viện Kiểm sát nhân dân tối cao (2010), *Thống kê kiểm sát thi hành án hình*

sự năm 2010, Hà Nội.

126. Viện Kiểm sát nhân dân tối cao (2012), *Thống kê kiểm sát thi hành án hình sự năm 2011*, Hà Nội.
127. Viện Kiểm sát nhân dân tối cao (2012), *Thống kê kiểm sát thi hành án hình sự năm 2012*, Hà Nội.
128. Viện Kiểm sát nhân dân tối cao (2013), *Thống kê kiểm sát thi hành án hình sự năm 2013*, Hà Nội.
129. Viện Kiểm sát nhân dân tối cao (2014), *Thống kê công tác kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự năm 2014*, Hà Nội.
130. Viện Kiểm sát nhân dân tối cao (2015), *Thống kê công tác kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự năm 2015*, Hà Nội.
131. Viện Kiểm sát nhân dân tối cao (2016), *Thống kê công tác kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự năm 2016*, Hà Nội.
132. Viện Ngôn ngữ học (2003), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng, Hà Nội.
133. Nguyễn Văn Vĩnh (2005), *Triết học chính trị về Quyền con người*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
134. Võ Khánh Vinh, Nguyễn Mạnh Kháng (2006), *Pháp luật thi hành án hình sự Việt Nam những vấn đề lý luận với thực tiễn*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
135. Vụ Kiểm sát tạm giữ, tạm giam, quản lý giáo dục người chấp hành án phạt tù - VKS nhân dân tối cao (2010), *Báo cáo tổng kết công tác kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam, quản lý và giáo dục người chấp hành án phạt tù năm 2010*, Hà Nội.
136. Vụ Kiểm sát tạm giữ, tạm giam, quản lý giáo dục người chấp hành án phạt tù - VKS nhân dân tối cao (2011), *Báo cáo tổng kết công tác kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam, quản lý và giáo dục người chấp hành án phạt tù năm 2011*, Hà Nội.
137. Vụ Kiểm sát tạm giữ, tạm giam, quản lý giáo dục người chấp hành án phạt tù - VKS nhân dân tối cao (2012), *Báo cáo tổng kết công tác kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam, quản lý và giáo dục người chấp hành án phạt tù năm 2012*,

Hà Nội.

138. Vụ Kiểm sát tạm giữ, tạm giam, quản lý giáo dục người chấp hành án phạt tù - VKS nhân dân tối cao (2013), *Báo cáo tổng kết công tác kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam, quản lý và giáo dục người chấp hành án phạt tù năm 2013*, Hà Nội.
139. Vụ Kiểm sát tạm giữ, tạm giam, quản lý giáo dục người chấp hành án phạt tù - VKS nhân dân tối cao (2014), *Báo cáo tổng kết công tác kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam, quản lý và giáo dục người chấp hành án phạt tù năm 2014*, Hà Nội.
140. Vụ Kiểm sát tạm giữ, tạm giam, quản lý giáo dục người chấp hành án phạt tù - VKS nhân dân tối cao (2016), *Báo cáo tổng kết công tác kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam, quản lý và giáo dục người chấp hành án phạt tù năm 2016*, Hà Nội.
141. Viccent Chen Yang (2006), *thi hành án hình sự tại Trung Quốc, giới thiệu chung và so sánh với pháp luật của một số nước khác*, Kỷ yếu hội thảo: “Những cơ sở lý luận và thực tiễn xây dựng Bộ luật Thi hành án ở Việt Nam” tháng 4/2006, Bộ Tư pháp, Hà Nội.
142. UNIFEM (2006). *CEDAWThiết lập lại quyền cho phụ nữ*, Hà Nội.
143. Wolfgang Benedek (chủ biên) (2008), *Tìm hiểu về quyền con người - Tài liệu hướng dẫn về giáo dục quyền con người*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội.

B. TIẾNG ANH

144. Alvin J. Bronstein, Jenni Grainsborough (2004), “Using International Human Rights Laws and Standards for U.S. Prison Reform”, *Pace Law, America*, (811).
145. Andrew Coyle (2009), *A human rights approach to prison management*, Published by International Centre for Prison Studies, United Kingdom.
146. Andrew Coyle (2004), *Guidance Notes on Prison Reform*, Published by International Centre for Prison Studies, United Kingdom.

147. Andrew Coyle (2004), "Prison Reform Efforts around the World: The Role of Prison Administrators", *Pace Law Review*, United Kingdom, (2).
148. Elizabeth Valisiades (2005), "Solitary Confinement and International Human Rights: Why the US prison system fails global standards", *American University International Law Review*, America, (01/2005), 71 - 99.
149. John W. Palmer (2015), *Constitutional Rights of Prisoners*, Routledge, America.
150. John Reed (2003), "Mental Health care in prisons", *The British Journal of Psychiatry*, United Kingdom, (4/2003).
151. K.W. Lidstone, *Human rights in the English criminal trial - Human rights in criminal procedure*, Editor: Jonh M. Andrew, United Kingdom National Committee of Comparative Law.
152. M. Hager (2000), *The Rule of law*, A Lexicon for Policy Makers, Mansfield Center for Pacific Affairs.
153. N. D Miller (2007), "International Protection of the Rights of Prisoners: Is Solitary Confinement in the Unites States a Violation of International Standards?" *Lexisnexis.com*, America.
154. Neil Andrews, *Principle of Criminal procedure*, CSICL - Cambridge study in international and comparative law.
155. Nigel Rodley, Matt Pollard (2009), *The Treatment of Prisoners under International Law*, Oxford, England.
156. United National (2006), *Human Rights: Questions and Answers*. New York and Geneva.
157. Office of the United Nations High Commissioner for Human Rights in cooperation with the International Bar Association (2011), *Human rights in administration of justice*, New York and Geneva.
158. Piet Hein van Kempen (2008), "Positive Obligations to Ensure the Human Rights of Prisoners", *Prisoners policy and prisoners rights. Protection of fundamental rights of prisoners in international and domestic law*,

Nijmegen: Wolf Legal Publishers, Holland, 21 - 44.

159. Robert B. Greifinger (2007), *Public Health behind bars, from prison to community*, Springer, America.
160. Steve Foster (2009), "Prison conditions, human rights", *Public Law of Conventry University*, (1).

C. TRANG WEB

161. <http://www.mofa.gov.vn>
162. <http://www.un.org>
163. <http://www.ohchr.org>
164. <http://www.prisonstudies.org>

PHỤ LỤC

**Bảng 1. Thống kê số lượng trại giam, quy mô giam giữ và diện tích sàn nằm của phạm nhân
tại các trại giam thuộc Bộ Công an (Thời điểm 12/2017)**

Số TT	TÊN TRẠI GIAM	ĐỊA ĐIỂM ĐÓNG QUÂN	DIỆN TÍCH (ha)	SỐ PHÂN TRẠI	QUY MÔ GIAM GIỮ	PHẠM NHÂN HIỆN CÓ	DIỆN TÍCH NHÀ GIAM (m2)	DIỆN TÍCH SÀN NÀM (m2/1PN)
1	Nà Tấu	Điện Biên - Điện Biên	113,9	3	3000	348	450	0.82
2	Yên Hạ	Phù Yên - Sơn La	442,4	3	2500	1556	4845	1.46
3	Hồng Ca	Trần Yên - Yên Bái	246	2	2000	1727	2972	1.11
4	Tân Lập	Yên Lập - Phú Thọ	927,3	5	4000	3673	9607	1.40
5	Vĩnh Quang	Lập Thạch - Vĩnh Phúc	272,6	3	2500	1975	4419	1.20
6	Quyết Tiến	Sơn Dương - Tuyên Quang	252,1	4	3300	3042	7685	1.35
7	Phú Sơn 4	Phú Lương - Thái Nguyên	543	6	4800	4247	17027	1.96
8	Hoàng Tiến	Chí Linh - Hải Dương	285,9	4	3800	2796	10885	1.99
9	Ngọc Lý	Tân Yên - Bắc Giang	469,1	4	4000	2668	10137	1.89
10	Suối Hai	Ba Vì - Hà Nội	51,6	2	2000	1276	4250	2.03
11	Quảng Ninh	Đông Triều - Quảng Ninh	1056	2	2000	1654	6356	1.68
12	Xuân Nguyên	Thủy Nguyên - Hải Phòng	71,3	3	3000	2884	7406	1.31

13	Thanh Xuân	Thanh Oai - Hà Nội	53,3	3	3000	1947	4401	1.40
14	Nam Hà	Kim Bảng - Hà Nam	753,5	2	2000	2393	5938	1.33
15	Ninh Khánh	Hoa Lư - Ninh Bình	339,3	4	4000	2845	6250	1.12
16	Thanh Phong	Nông Cống - Thanh Hóa	424	5	5000	2681	9881	1.90
17	Thanh Lâm	Như Xuân - Thanh Hóa	2959,3	6	5000	2714	6648	1.38
18	Trại Số 3	Tân Kỳ - Nghệ An	709,9	2	2000	1705	4606	1.52
19	Trại Số 5	Yên Định - Thanh Hóa	453,5	6	4000	3572	11857	1.82
20	Trại Số 6	Thanh Chương - Nghệ An	463,7	4	4000	2426	3405	0.68
21	Xuân Hà	Thạch Hà - Hà Tĩnh	67,6	2	2000	716	2340	2.13
22	Đồng Sơn	Đồng Hới - Quảng Bình	705,2	2	2000	1269	7242	3.16
23	Nghĩa An	Cam Lộ - Quảng Trị	58,8	2	700	488	1770	5.00
24	Bình Điền	Hương Trà - TT Huế	2085,1	3	3000	1723	5378	1.74
25	An Điem	Đại Lộc - Quảng Nam	1660,7	2	1900	1181	3571	1.94
26	Kim Sơn	Hòa Ân - Bình Định	889,4	2	1500	1398	5181	1.71
27	Xuân Phước	Đồng Xuân - Phú Yên	859,4	2	1500	1017	4586	1.63

28	A2	Diên Khánh - Khánh Hòa	1353,5	2	1500	1907	4250	1.06
29	Sông Cái	Bắc Ái - Ninh Thuận	484,1	2	1500	1315	2683	1.14
30	Gia Trung	Mang Yang - Gia Lai	4103,7	4	2900	2476	13070	3.28
31	Đắk Trung	KưMga - Đắk Lắk	1573	3	2500	1230	4680	1.53
31	Đắk Tân	MĐrắc - Đắk Lắk	593	2	2000	909	3500	2.71
33	Đại Bình	Bảo Lộc - Lâm Đồng	401	2	1000	1306	2670	1.07
34	Thủ Đức	Hàm Tân - Bình Thuận	22469,9	9	7600	6372	19461	1.61
35	Xuân Lộc	Xuân Lộc - Đồng Nai	2001,7	6	5000	4457	15189	1.83
36	Xuyên Mộc	Bà Rịa - Vũng Tàu	947	3	2500	2558	7972	1.64
37	An Phước	Đồng Phú - Bình Phước	2001,2	5	5000	3848	11292	1.66
38	Tổng Lê Chân	Bình Long - Bình Phước	1129,2	3	2700	1924	8885	2.29
39	Cây Cày	Tân Biên - Tây Ninh	308	3	2500	1930	7050	1.63
40	Thanh Hòa	Thanh Hòa - Long An	1885,1	3	3000	2120	5454	1.29
41	Phước Hòa	Tân Phước - Tiền Giang	1259,1	3	3000	2120	7898	1.78
42	Mỹ Phước	Châu Thành - Tiền Giang	267,7	2	2000	829	2380	1.32

43	Đăk Plao	Đắc Lắc	159,5	2	2000	798	2521	2.01
44	Kênh 5	Vị Thành - Cần Thơ	418,8	2	2000	956	3213	1.83
45	Định Thành	Thoại Sơn - An Giang	158,8	2	1500	1162	5112	2.66
46	Cao Lãnh	Cao Lãnh - Đồng Tháp	328,8	2	2000	841	4109	3.14
47	Long Hòa	Long An	203	2	2000	876	2202	2.12
48	Cái Tàu	U Minh - Cà Mau	1936,5	3	3000	2491	7287	1.56
49	Bến Giá	Bến Tre	159,5	2	2000	1830	2324	1.96
50	Thanh Cẩm	Thanh Hóa	2959,3	3	3000	2710	3648	1.78
51	Châu Bình	Giồng Trôm - Bến Tre	259,5	2	2000	1980	7605	2.03
52	Kênh 7	An Biên - Kiên Giang	1185,7	2	2000	1239	3422	1.58
53	Thanh Hà	Bình Xuyên - Vĩnh Phúc	204,3	3	2500	1400	4346	1.78
54	Phú Hòa	Phú giáo - Bình Dương	79,4	2	2000	875	3867	1.86

(Nguồn: Tổng cục Cảnh sát THAHS & HTTP - Bộ Công an)

Bảng 2. Thống kê số liệu phạm nhân chấp hành án tại các trại giam thuộc Bộ Công an
(từ 2010 đến 2018)

Năm	Số phạm nhân			Biến động trong năm	
	Tổng số	Nam	Nữ	Số vào trại	Số hết án ra trại
2010	98.252 (100%)	86.900 (84,45%)	11.262 (15,55%)	40.365	33.813
2011	107.900 (100%)	96.105 (89,06%)	11.795 (10,94%)	52.328	32.508
2012	121.686 (100%)	108.823 (89,43%)	12.863 (10,57%)	47.298	31.657
2013	126.729 (100%)	113.753 (89,76%)	12.976 (10,24%)	62.700	42.956
2014	142.342 (100%)	127.348 (89,46%)	14.994 (10,54%)	60.064	43.356
2015	126.934 (100%)	113.278 (89,24%)	13.656 (10,76%)	52.864	51.488
2016	133.936 (100%)	118.900 (88,77%)	15.036 (11,23%)	53.243	45.440
2017	133.790 (100%)	118.758 (88,76%)	15.032 (11,24%)	52.086	51.621
2018	128.916 (100%)	114.291 (88,66%)	14.625 (11,34%)		

(Nguồn: Tổng cục Cảnh sát THAHS & HTTP - Bộ Công an)

Bảng 3. Thống kê tình hình, cơ cấu tội danh của phạm nhân tại các trại giam thuộc Bộ Công an
(từ 2010 đến 2018)

Năm	Tổng số PN	Nhóm XPAN QG	Nhóm tội xâm phạm TTATXH					
			XPTM,SK,DD, NP con người	Xâm phạm sở hữu	Xâm phạm TTQLKT	Các tội về ma túy	Tham nhũng, chức vụ	Tội khác
2010	98.252 (100%)	337 (0,34%)	21.262 (21,64%)	29.452 (29,89%)	916 (0,93%)	41.067 (41,79%)	463 (0,57%)	4.755 (4,84%)
2011	107.900 (100%)	279 (0,25%)	22.957 (21,28%)	33.107 (30,68%)	979 (0,90%)	44.250 (41,01%)	472 (0,45%)	5.856 (5,43%)
2012	121.686 (100%)	226 (0,19%)	27.847 (22,28%)	37.133 (30,51%)	1.130 (0,93%)	48.099 (39,52%)	539 (0,43%)	6.712 (5,52%)
2013	126.729 (100%)	232 (0,18%)	27.158 (21,42%)	39.000 (30,77%)	952 (0,75%)	51.431 (40,58%)	583 (0,48%)	7.373 (5,82%)
2014	142.342 (100%)	213 (0,15%)	32.257 (22,66%)	43.214 (30,35%)	1.209 (0,85%)	55.569 (39,04%)	734 (0,53%)	9.146 (6,42%)
2015	126.934 (100%)	186 (0,15%)	26.612 (20,97%)	40.468 (30,88%)	991 (0,78%)	51.230 (40,36%)	634 (0,49%)	6.813 (5,37%)
2016	133.936 (100%)	162 (0,12%)	29.837 (22,28%)	40.622 (30,32%)	1.153 (0,86%)	54.078 (40,37%)	739 (0,55%)	7.345 (5,48%)
2017	133.790 (100%)	147 (0,11%)	23.989 (17,93%)	42.875 (32,05%)	1021 (0,76%)	57.728 (43,15%)	820 (0,61%)	7.210 (5,39%)
2018	128.916 (100%)	160 (0,12%)	31.453 (24,40%)	31.723 (24,61%)	871 (0,68%)	55.425 (42,99%)	678 (0,53%)	8.606 (6,68%)

(Nguồn: Tổng cục Cảnh sát THAHS & HTTP - Bộ Công an)

Bảng 4. Thống kê mức án, tiền án, tiền sự của phạm nhân tại các trại giam thuộc Bộ Công an
(từ 2010 đến 2018)

Năm	Tổng số PN	Chung thân	Mức án				Tiền án		
			Trên 15 năm đến 30 năm	Trên 7N - 15N	Trên 3N - 7N	Từ 3N trở xuống	1 TA	2 TA trở lên	Không Tiền án
2010	98.252	4.652	12.010	30.646	29.260	21.684	10.373	7.817	80.062
	100%	4,74%	(12,22%)	(31,19%)	(29,78%)	(22,07%)	10,55%	7,97%	81,48%
2011	107.900	4.837	12.518	32.184	31.071	27.290	19.198	13.449	75.253
	100%	4,49%	(11,60%)	(29,83%)	(28,79%)	(25,29%)	17,79%	12,47%	69,74%
2012	121.686	5.083	13.091	34.534	35.743	33.280	20.875	13.593	87.218
	100%	4,15%	(10,76%)	(28,37%)	(29,37%)	(27,35%)	17,15%	11,18%	71,67%
2013	126.729	5.018	13.497	36.163	36.713	35.338	22.179	14.846	89.704
	100%	3,96%	(10,65%)	(28,54%)	(28,97%)	(27,88%)	17,50%	11,72%	70,78%
2014	142.342	5.214	14.597	40.671	41.887	39.973	23.857	17.297	101.188
	100%	3,68%	(10,25%)	(28,57%)	(29,42%)	(28,08%)	16,76%	12,16%	71,08%
2015	126.934	5.202	14.452	39.504	36.107	31.669	35.497	15.488	75.949
	100%	4,12%	(11,38%)	(31,12%)	(28,44%)	(24,94%)	27,96%	12,21%	59,83%
2016	133.936	5.443	15.359	42.165	38.025	32.944	34.051	15.521	84.364
	100%	4,08%	(11,46%)	(31,48%)	(28,39%)	(24,59%)	25,42%	11,59%	62,99%
2017	133.790	5.718	16.475	42.475	35.636	33.468	35.128	15.675	83.167
	100%	4,29%	(12,31%)	(31,74%)	(26,64%)	(25,02%)	26,25%	11,59%	(62,16%)
2018	128.916	6.117	16.852	41.605	32.716	31.626			
	100%	4,74%	13,07%	32,27%	25,38%	24,53%			

(Nguồn: Tổng cục Cảnh sát THAHS & HTTP - Bộ Công an)

Bảng 5. Thống kê phân loại quản lý, giam giữ phạm nhân tại các trại giam thuộc Bộ Công an
(từ 2010 đến 2018)

Năm	Tổng số phạm nhân	Phân loại phạm nhân											
		Loại A				Loại B				Loại C			
		ADB	A1	A2	A3	BDB	B1	B2	B3	CDB	C1	C2	C3
2010	98.252	95	102	104	36	19.676	30.975	23.764	19.875	175	429	1.023	1.998
2011	107.900	85	92	79	35	20.882	37.295	24.671	20.866	163	494	1.184	2.054
2012	121.686	116	137	62	55	27.406	35.703	29.645	23.482	191	474	1.893	2.522
2013	126.729	104	74	52	29	29.000	36.765	31.462	24.454	174	511	1.497	2.607
2014	142.342	97	46	60	14	36.478	39.512	33.074	28.271	452	526	2.544	3.268
2015	126.934	89	54	34	16	34.323	36.067	28.455	23.419	193	614	1.282	2.388
2016	133.936	83	36	35	14	34.770	37.868	30.875	25.415	211	638	1.477	2.514
2017	133.790	74	40	27	6	38.004	40.206	27.418	23.449	217	563	1.391	2.395
2018	128.916												

(Nguồn: Tổng cục Cảnh sát THAHS & HTTP - Bộ Công an)

**Bảng số 6. Thống kê số vụ phạm nhân vi phạm nội quy trại giam tại các trại giam
thuộc Bộ Công an (từ 2010 đến 2017)**

Năm	Tổng số vụ/phạm nhân	Phân loại vụ việc (Số vụ/ số phạm nhân)					
		Trốn trại	Đánh nhau	Các tội về ma túy	Tàng trữ vật cấm	Âm mưu gây rối	Loại khác
2010	6.719/8.805	82/88	2.052/3.153	398/482	2.439/2.877	0	1748/2.205
2011	5.435/7.020	65/70	1.020/2.464	603/652	1.282/1.408	2/2	2.463/2.424
2012	11.337/14.865	68/75	2.649/4.313	1.073/1.379	2.688/3.084	0	4.859/6.012
2013	10.255/12.570	63/72	1.327/1.384	1.122/1.221	3.875/4.910	3/32	3.865/4.951
2014	4.644/6.125	41/46	1.179/1.749	455/502	1.003/1.028	3/35	1.963/2.765
2015	5.656/8.909	37/42	1.455/2.587	505/590	1.194/1.589	3/4	2.462/4.097
2016	4.730/6.242	34/38	644/1.165	154/183	861/994	1/9	3.036/3.853
2017	4.252/5.734	9/9	673/1.213	69/69	919/998	3/12	2.579/3.433
Tổng	67799/90009	537/599	14144/22909	4905/5732	17819/20918	16/98	28378/39994

(Nguồn: Tổng cục Cảnh sát THAHS & HTTP - Bộ Công an)

Bảng 7. Thống kê số lượt vi phạm nội quy trại giam và phân loại các hành vi vi phạm của phạm nhân ở các trại giam thuộc Bộ Công an (từ 2010 đến 2018)

Năm	Số lượt phạm nhân vi phạm	Phân loại hành vi vi phạm							
		Trốn trại	Đánh nhau	Ma túy	Sử dụng rượu, bia, chất kích thích	Đánh bạc	Điện thoại di động	Tàng trữ vật cấm	Vi phạm khác
2010	6.310	82	1.967	119	169	263	160	1094	1787
2011	13.447	65	3.800	830	370	699	1495	1818	4340
2012	16.612	68	4.956	1630	280	903	2130	1547	5108
2013	15.416	63	4.361	1091	176	977	2095	1582	4967
2014	13.534	41	4.040	903	190	838	1623	1111	4761
2015	9.481	37	3.317	428	126	553	1047	706	3267
2016	6.320	34	2.263	417	132	460	502	539	1973
2017	4.620	19	1.931	117	135	355	169	299	1.669
2018	4.380	30	1.841	92	105	280	57	313	1.622

(Nguồn: Tổng cục Cảnh sát THAHS & HTTP - Bộ Công an)

Bảng 8. Thống kê tình hình phạm nhân phạm tội tại các trại giam thuộc Bộ Công an
(từ 2010 đến 2017)

Năm	2010		2011		2012		2013		2014		2015		2016		2017		Tổng cộng tỷ lệ %	
Tội danh	Vụ	ĐT	Vụ	ĐT	Vụ	ĐT	Vụ	ĐT	Vụ	ĐT	Vụ	ĐT	Vụ	ĐT	Vụ	ĐT	Vụ	ĐT
CYGTT	54	62	59	81	23	28	29	34	64	89	32	53	41	59	04	04	396 30,55%	534 32,50 %
Giết người	3	7	4	7	0	0	4	5	6	6	1	1	1	1	03	03	29 2,23%	40 2,43%
Trốn	82	88	65	70	68	75	63	72	41	46	37	42	34	38	20	20	528 40,74%	590 35,90%
TTTP và TC SD chất MT	11	20	49	55	53	61	82	90	28	44	15	19	16	21	01	01	286 22,06%	372 22,64%
Tội khác	4	11	1	2	4	7	9	17	14	29	12	17	11	15	01	01	57 4,39%	107 6,51%
Tổng số	154	188	178	215	148	171	187	218	153	214	69	107	103	134	29	29	1.296	1.643

(Nguồn: Tổng cục Cảnh sát THAHS & HTTP - Bộ Công an)

**Bảng 9. Thống kê đặc điểm nhân thân của phạm nhân xâm phạm trật tự, an toàn trại giam
tại các trại giam thuộc Bộ Công an (từ 2010 đến 2017)**

Năm	Tổng số phạm nhân	Giới tính		Độ tuổi			Nghề nghiệp			Nơi cư trú trước khi vào trại giam	
		Nam	Nữ	Dưới 18	Từ 30 tuổi đến 45 tuổi	Trên 45 tuổi	Có nghề nghiệp ổn định	Lao động tự do	Không nghề nghiệp	Thành phố, thị xã	Nông thôn, miền núi
2010	6310	5426	884	78	5896	336	542	2008	3760	3758	3114
2011	13447	11561	1886	507	11672	1268	1027	4450	7970	7705	5742
2012	16612	14502	2110	656	14912	1044	918	6423	9271	9076	7536
2013	15416	12879	2537	608	14066	742	750	7548	7118	8941	6475
2014	13534	11679	1855	542	12134	858	782	6595	6157	7768	5766
2015	9481	8172	1309	107	8609	765	823	3212	5446	7295	5061
2016	6320	5752	568	102	5273	945	824	3108	2388	4158	2162
2017	4206	3335	871	85	3659	462	685	1865	1656	2545	1661

(Nguồn: Tổng cục Cảnh sát THAHS & HTTP - Bộ Công an)

**Bảng 10. Thống kê đặc điểm pháp lý - hình sự của phạm nhân xâm phạm trật tự, an toàn trại giam
tại các trại giam thuộc Bộ Công an (từ 2010 đến 2017)**

Năm	Tổng số PN	Tội danh				Mức án					Tiền án	
		Ma túy	XPSH	XPTM, SK, DD...	Tội khác	Chung thân	Trên 15N đến 30N	Trên 7N - 15N	Trên 3N - 7N	Từ 3N trở xuống	Có tiền án	Không Tiền án
2010	6310	2611	1903	1424	372	715	1597	2365	1117	516	4405	1905
2011	13447	5513	3462	3127	1345	1775	2163	4845	2145	2519	11028	2419
2012	16612	6562	5214	2940	1896	2064	3875	4325	2984	3454	12160	4452
2013	15416	6233	4352	3001	1830	2518	3218	4127	1356	4197	12119	3297
2014	13534	5081	3303	2057	3093	1863	2179	3648	3518	2326	10275	3259
2015	9481	4756	2034	1978	713	1132	1546	2403	1927	2473	7746	1735
2016	6320	3135	1517	1023	645	597	1842	2173	1183	525	4225	2095
2017	4206	2185	1018	589	414	435	1016	1315	1207	233	3108	1098

(Nguồn: Tổng cục Cảnh sát THAHS & HTTP - Bộ Công an)

Bảng 11. Thống kê tình hình cán bộ chiến sĩ công tác tại các trại giam thuộc Bộ Công an
(từ 2010 đến 2017)

Năm	Tổng số CBCS	Giới tính		Độ tuổi			Thâm niên				Trình độ nghiệp vụ			
		Nam	Nữ	Dưới 30	Từ 30 tuổi đến 45 tuổi	Trên 45 tuổi	Dưới 5 năm	Từ trên 5n đến dưới 15 năm	Trên 15 năm Đến 30 năm	Trên 30 năm	Sơ cấp, Chưa qua đt	Trung cấp	Cao đẳng, đại học	Sau đại học
2010	22882	19313	3569	9097	10707	3078	9085	5391	4960	2325	5944	13370	3556	12
	100%	84.40%	15.60%	39.75%	46.79%	13.46%	39.70%	23.56%	21.67%	15.07%	25.97%	58.43%	15.54%	0.06%
2011	22680	19142	2538	8819	10600	3261	8972	5317	5072	2014	5810	13186	3668	16
	100%	84.40%	15.60%	38.88%	46.73%	14.39%	39.55%	23.44%	22.36%	14.65%	25.61%	58.13%	16.17%	0.09%
2012	22917	19342	3575	9127	10672	3118	9242	5221	4994	1798	5931	13208	3759	19
	100%	84.40%	15.60%	39.82%	46.56%	13.62%	40.32%	22.78%	21.79%	15.11%	25.88%	57.63%	16.40%	0.09%
2013	23528	19858	3670	8356	11796	3376	9407	5461	5148	1880	4834	13624	4788	22
	100%	84.40%	15.60%	35.51%	50.13%	14.36%	39.98%	23.21%	21.88%	14.83%	20.54%	57.90%	20.35%	1.21%
2014	24140	20375	3765	8560	12010	3570	9531	5583	5392	2002	5229	13977	4912	22
	100%	84.40%	15.60%	35.45%	49.57%	14.80%	39.48%	23.12%	22.33%	15.07%	21.66%	57.89%	20.34%	0.11%
2015	24652	20807	3845	8730	12180	3742	9635	5685	5596	2104	5336	14273	5016	27
	100%	84.40%	15.60%	35.41%	49.40%	15.19%	39.08%	23.06%	22.70%	15.16%	21.64%	57.89%	20.34%	0.13%
2016	24874	20994	3880	8804	12254	3816	9681	5729	5684	2148	5384	14402	5061	27
	100%	84.40%	15.60%	35.39%	49.26%	15.35%	38.92%	23.03%	22.85%	15.20%	21.64%	57.89%	20.34%	0.13%
2017	24425	20609	3816	9710	11430	3285	9696	5766	6471	2491	5288	14739	4346	52
	100%	84.37%	15.63%	39.75%	46.79%	13.46%	39.69%	23.60%	26.49%	10.22%	21.65%	60.34%	17.79%	0.22%

(Nguồn: Tổng cục Cảnh sát THAHS & HTTP - Bộ Công an)

Bảng 12. Thống kê tổng số người bị kết án phạt tù và kết quả thi hành
(Từ năm 2010 đến năm 2018)

TT	Nội dung	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018
1	Tổng số người bị kết án phạt tù phải thi hành	74336	79528	81336	81203	79877	67619	65251	58095	74090
2	Tổng số đã thi hành	45441	54670	69445	69348	68082	56733	54648	47895	63415
3	Tổng số chưa thi hành	27946	24456	11502	11468	11266	10434	9958	9756	10270
4	Được hưởng thời hiệu	236	18	3	5	10	13	8	7	10
5	Số bị án chết	17	205	356	276	372	352	494	277	329
6	Tòa án chưa ra quyết định chấp hành án									
7	Chờ xét thời hiệu									
8	Bị kết án tại ngoại trong thời gian tự nguyện THA	5360	4241	5751	5734	5633	5217	4979	4878	5371
9	Được miễn chấp hành hình phạt	468	192	48	77	108	79	155	160	66
10	Hoãn thi hành án	7772	6951	2094	2216	2365	2204	2274	2182	2218
11	Tạm đình chỉ	4449	4044	1068	1054	937	791	732	662	495
12	Công an chưa áp giải									
13	Trốn CA đã ra lệnh truy nã	6807	5746	1562	1511	1363	1396	1308	1215	1124
14	Trốn CA chưa ra lệnh truy nã	3558	3474	1027	953	968	826	665	819	496
15	Đang làm thủ tục xét hoãn THA									
16	Mới ra quyết định THA chưa tổng đạt cho bị án									
17	Người bị kết án hưởng án treo	20202	20434	25458	23007	22137	21450	18443	17644	16772

(Theo nguồn của Tòa án tối cao)

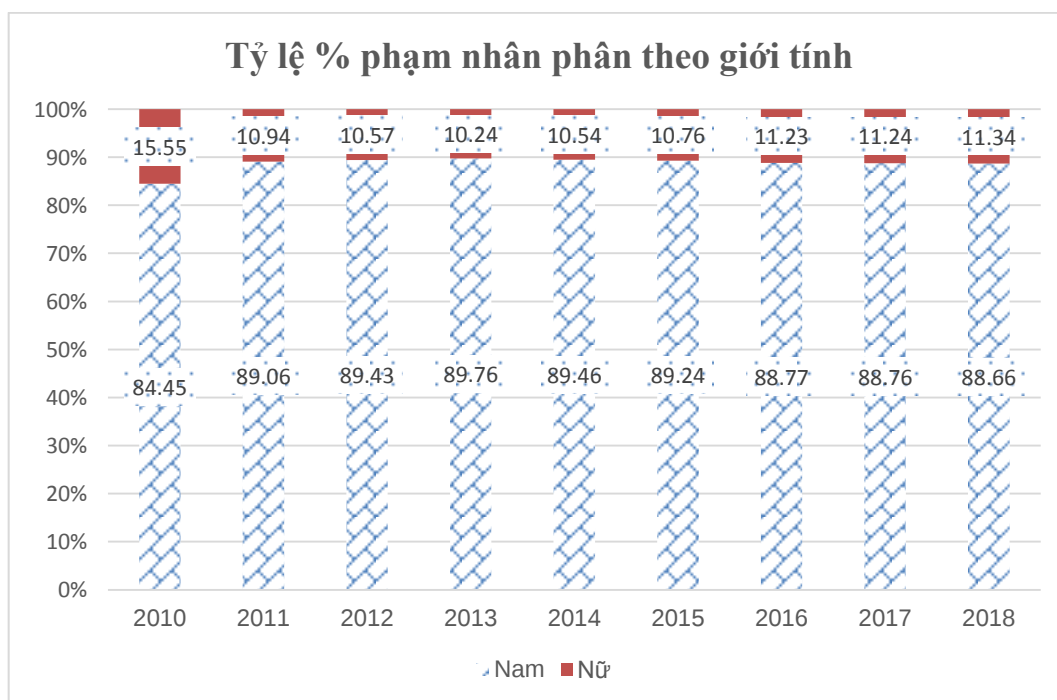
Một số thống kê liên quan đến quyền của người bị kết án phạt tù
(Từ năm 2010 đến năm 2018)

TT	Nội dung	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018
1	Tổng số phạm nhân	106.260	116.274	130.554	133.149	150.726	132.022	139.405	133.790	180.203
	Trại giam	98.252	107.900	121.686	126.729	142.342	126.934	133.936		128.916
	Trại tạm giam, Nhà tạm giữ	8.008	8.374	8.868	6.420	7.384	5.088	5.469		51.287
2	Bình quân diện tích sàn năm/phạm nhân (m ²)	1,80	1,68	1,61	1,59	1,47	1,70	1,80		1,80
3	Kết quả xếp loại thi đua CHAPT									
	Loại tốt	12%	82,5%	8,88%	10,46%	10,71%	12,12%	14,03%	17,60%	19,09%
	Loại khá	74,2%		67,82%	65,76%	67,57%	69,18%	68,8%	70,93%	70,44%
	Loại trung bình	7,6%	10,2%	12,61%	13,84%	13,62%	11,44%	12,13%	7,57%	7,48%
	Loại kém	6,2%	7,3%	10,69%	9,94%	8,10%	7,26%	5,05%	3,89%	2,99%
4	Số vụ PN vi phạm kỷ luật	4.203	3.569	12.779	6.038	10.578	7.805	3.781	4345	
5	Số PN chết	1.097	1.039	1.052	1.025	904	771	619		
	Chết do nhiễm HIV/AIDS	779		716	701	470	444	319		
	Chết do bệnh lý	305			274	331	280	177	5	
	Tự sát	13	15	23	20	36	19	14	17	14
	Bị đánh chết bởi PN khác		3		6	3	4			2
	Nguyên nhân khác						20	104		3
6	Số trẻ em nuôi dưỡng ở trại giam	73	74		64		96			92
	Trên 36 tháng tuổi	11	05		01		01			
	Dưới 36 tháng tuổi	62	69		63		95			

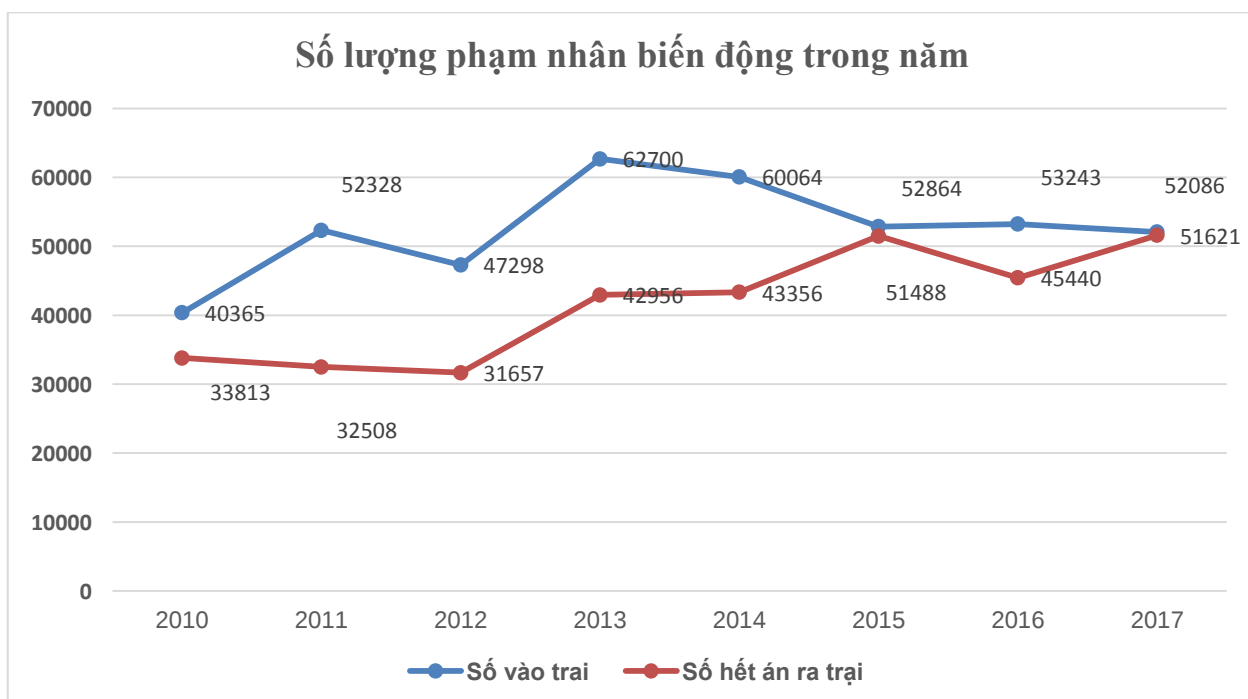
7	Số lớp dạy văn hóa xóa mù chữ cho PN	91	161	246	297	467	345	333		186
8	Số lớp học thời sự, chính trị	2.325	451	1.233	1.566	1.333	2.506	1.844		
9	Số lớp học chính sách pháp luật	2.423	3.260	2.630	2.929	5.421	2.971	2.318		
10	GDCD số đầu ra (lớp)					1.921				1.219
11	GDCD số đang CHA (lớp)					1.807				723
12	GD chung (lần)			36.965	38.8829	38.514	60.055		46.126	26.285
	GD riêng (lượt)		60.212	330.913		260.281	87.291		415.738	796.551
13	Số lượt PN được thăm gặp	433.531	112.748.376	418.075	510.263	712.319	724.792	706.430		557.992
14	Số lượt PN có quốc tịch nước ngoài được thăm lãnh sự	351	464	208	272	206	341			114
15	Số lượt PN được liên lạc với thân nhân qua điện thoại	318.630	100.248.856	315.237	420.336		813.675			849.000
16	Số đơn khiếu nại, tố cáo Tổng cục VIII - BCA giải quyết	62	392	69	78	71	99	99		
17	Số đơn khiếu nại, tố cáo Vụ 8 - VKSNDTC giải quyết	61	41	40	46	33	57	15		
18	Số cán bộ Tổng cục VIII - BCA bị xử lý kỷ luật	232	221	186	197	187	196	156		2

19	Số người bị kết án phạt tù được hoãn chấp hành án phạt tù	2.307	2.715	2.920	2.930	1.816	1.675	1.390		
20	Số PN được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù	655	471	546	299	350	207	267		
21	Số PN được giảm thời hạn chấp hành án phạt tù	58.456	53.498	56.016	66.034	70.926	78.229	75.707		88.006
22	Số PN được miễn chấp hành án phạt tù	260	149	25	52	12		18	479	
23	NBKAPT được tha tù trước thời hạn có điều kiện	5232	5266	7935	7625	8744	10020	10680	10065	17241
24	Số PN được đặc xá	17.210	10.244		15.446	11	18.539	4.179		
25	Khen thưởng (Lượt)		12.012	35.921	31.239	33.010	61.994	61.250	78.460	60.541
26	Kỷ luật		10.765	16.612	13.351	13.534	9481	6.320	4.620	4.480
27	Điều trị tại BX trại			231.905	97.363	56.924	109.845	16.058		
	Điều trị tại BV PN			56.829	3.932	4.712	3.751	5.618		

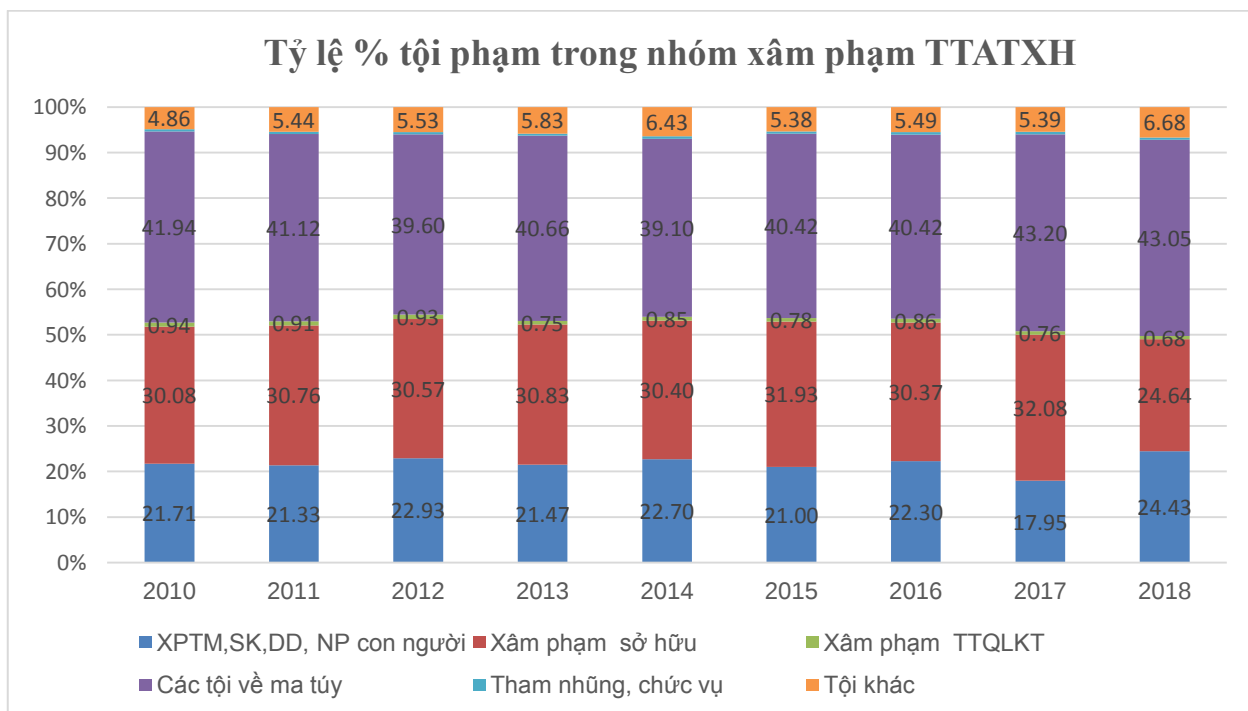
(Nguồn: Tổng cục Cảnh sát THAHS và HTTP - BCA, VKS nhân dân tối cao và Tòa án nhân dân tối cao, từ năm 2010 đến năm 2018)



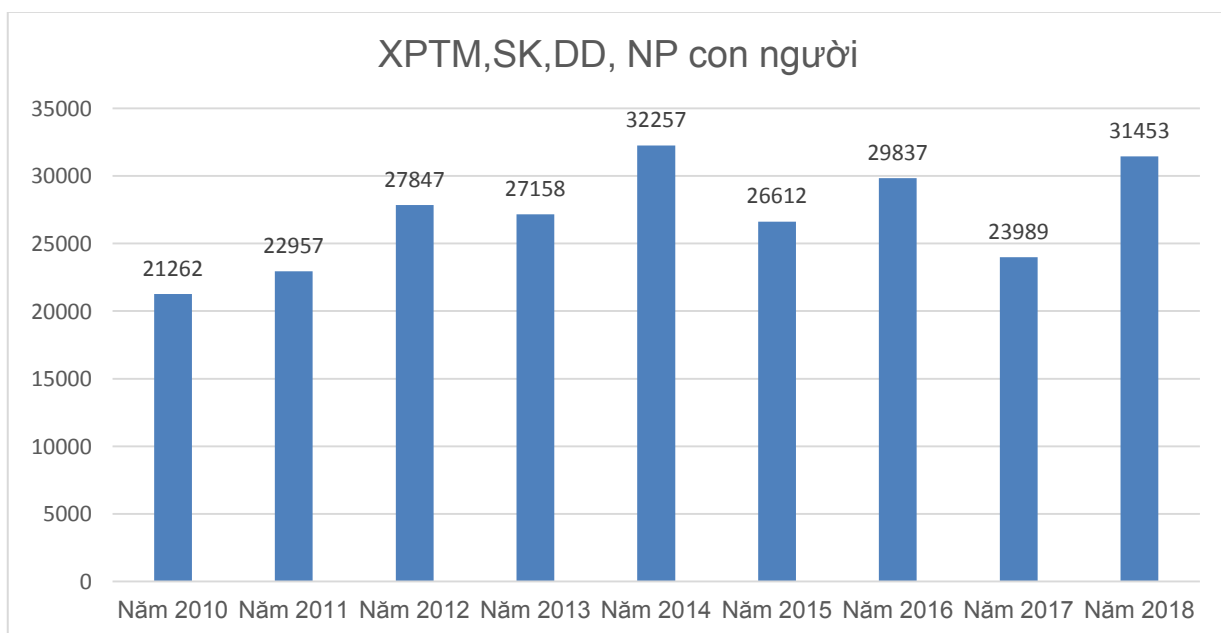
Biểu đồ 1. Tỷ lệ % phạm nhân theo giới tính



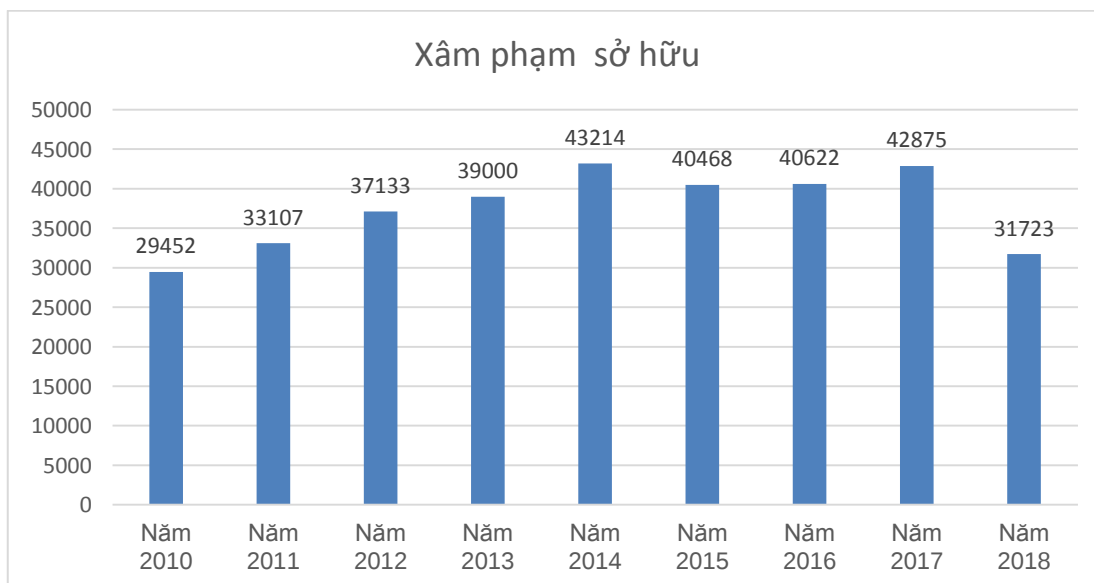
Biểu đồ 2. Số lượng phạm nhân biến động trong năm



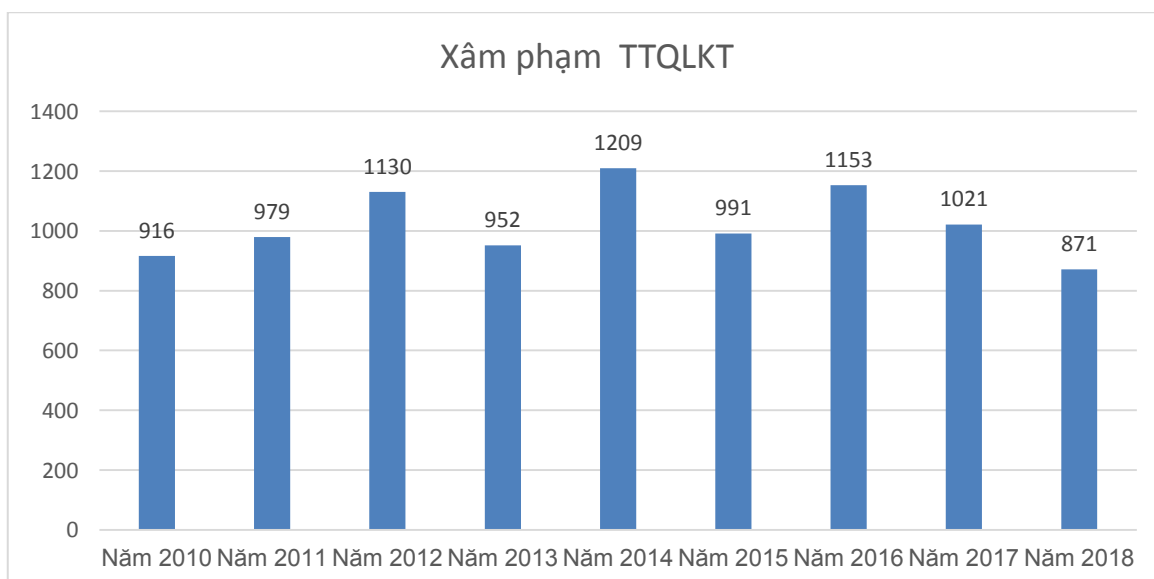
Biểu đồ 3. Tỷ lệ % tội phạm trong nhóm xâm phạm TTATXH



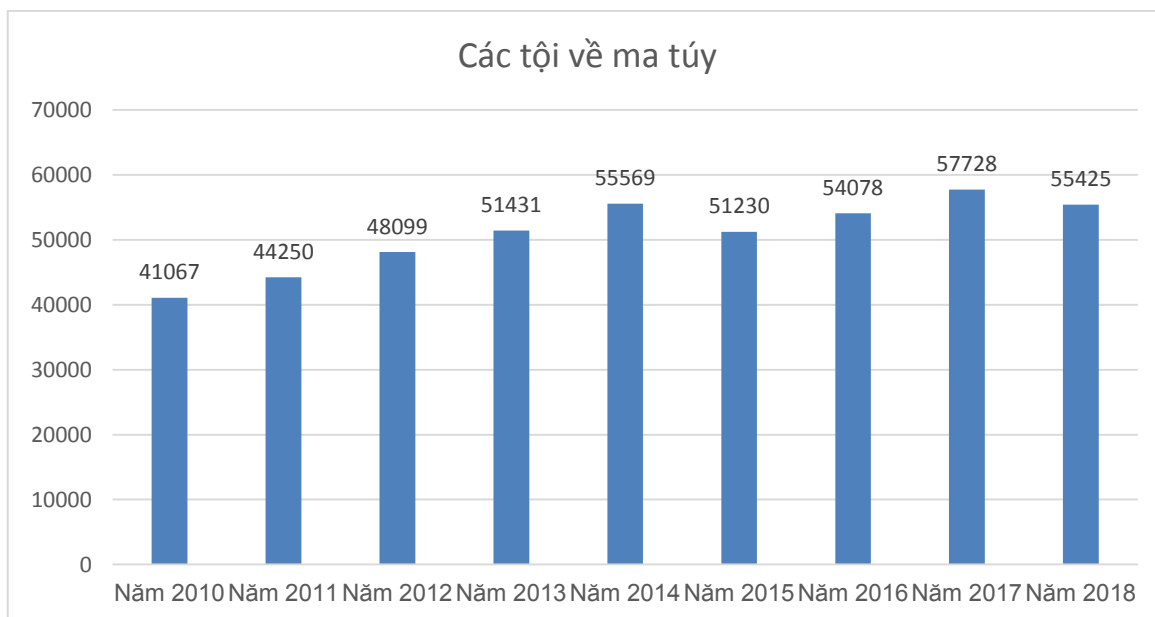
Biểu đồ 3.1. Tỷ lệ % tội phạm XPTM, SK, DD, NP con người



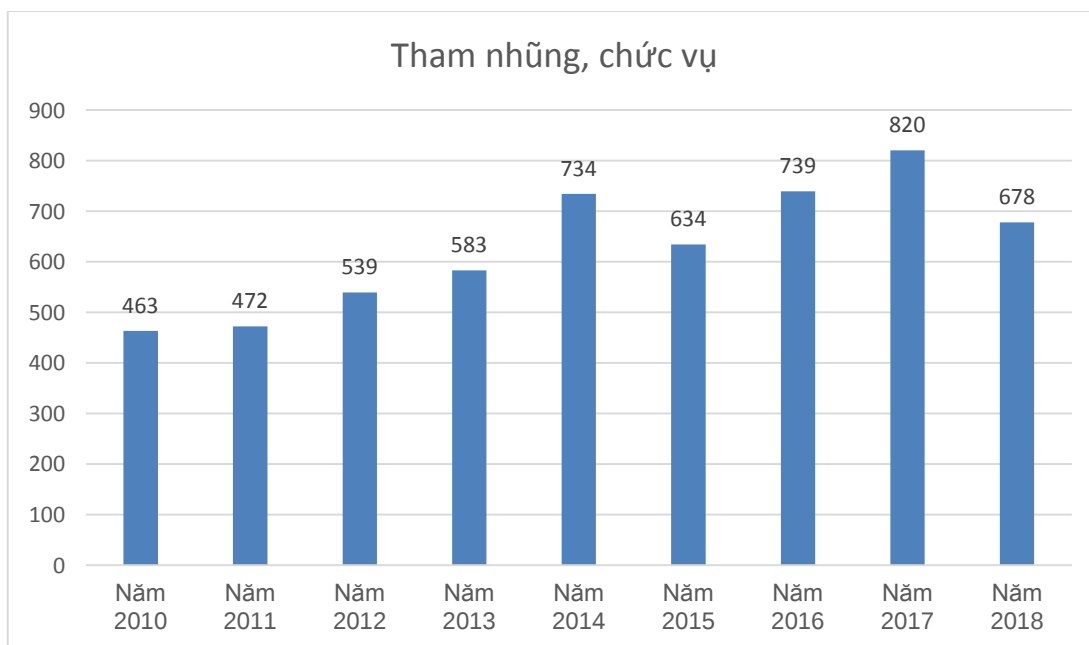
Biểu đồ 3.2. Tỷ lệ % tội phạm xâm phạm sở hữu



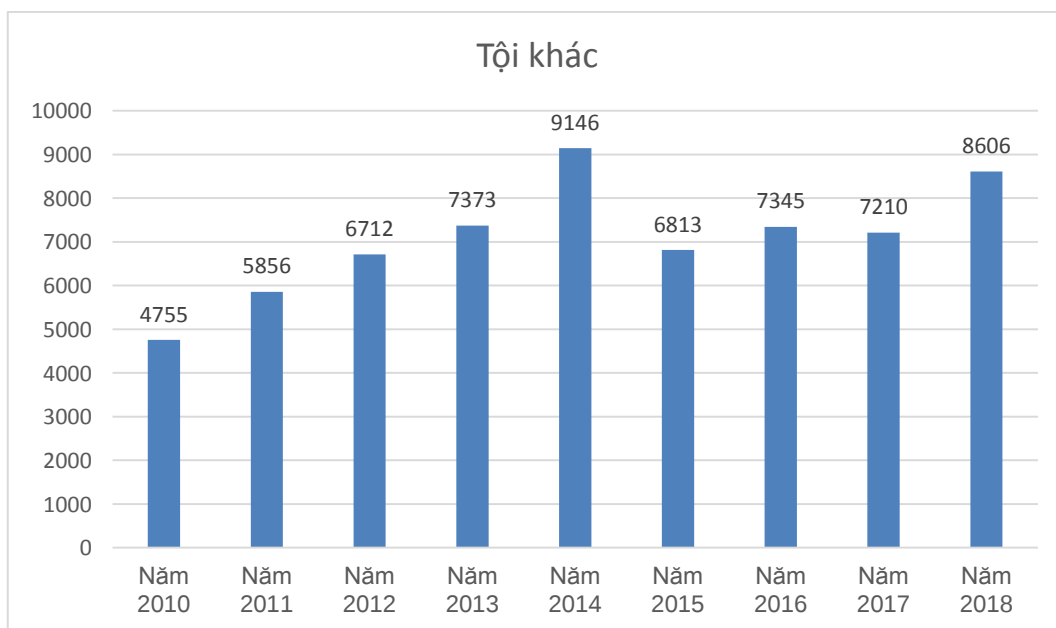
Biểu đồ 3.3. Tỷ lệ % tội phạm xâm phạm TTQLKT



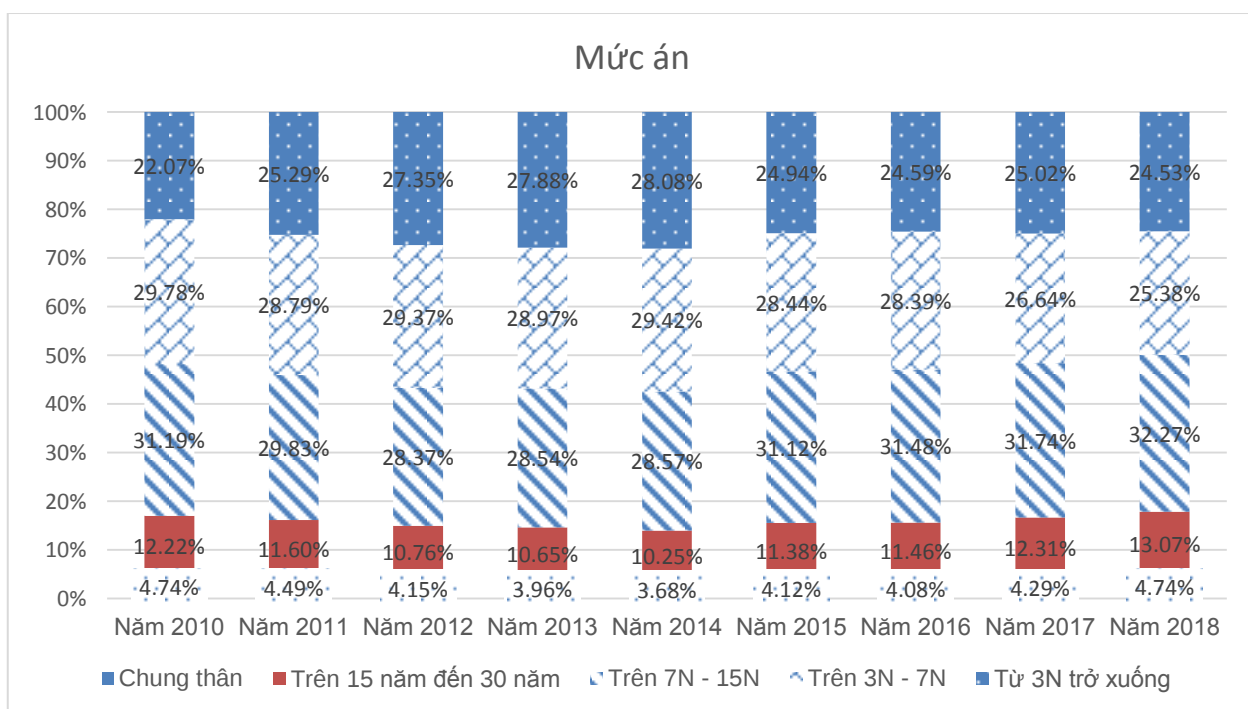
Biểu đồ 3.4. Tỷ lệ % tội phạm về ma túy



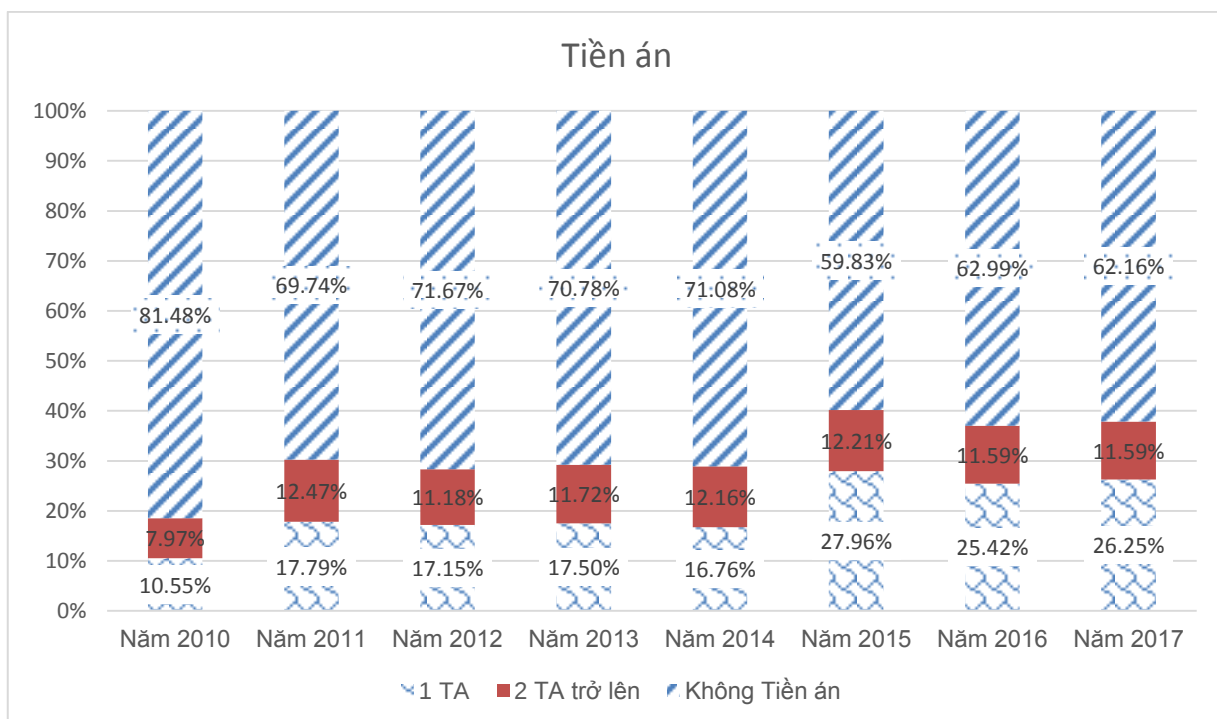
Biểu đồ 3.5. Tỷ lệ % tội phạm tham nhũng, chức vụ



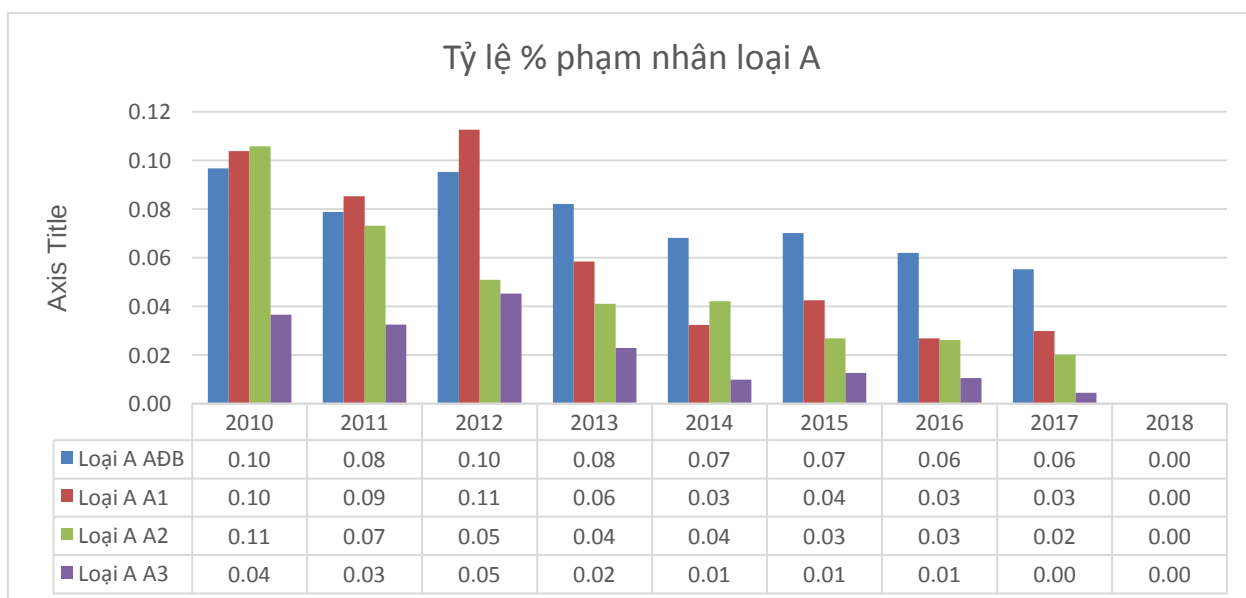
Biểu đồ 3.6. Tỷ lệ % tội phạm trong nhóm tội khác



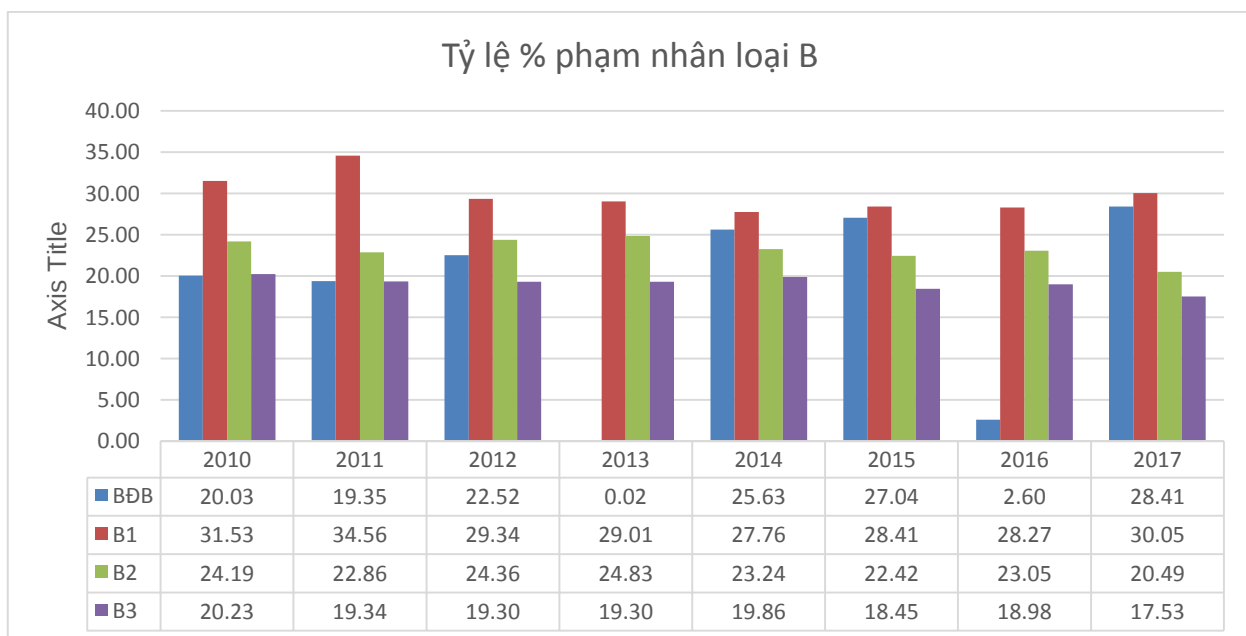
Biểu đồ 4. Tỷ lệ % mức án



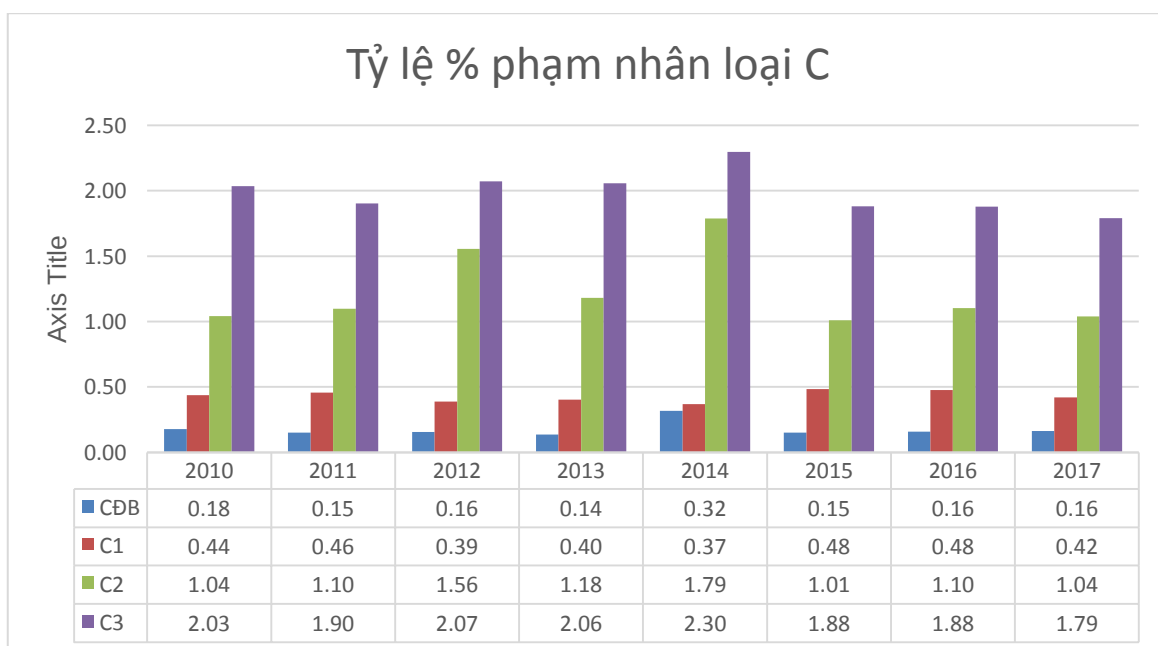
Biểu đồ 5. Tỷ lệ % tiền án



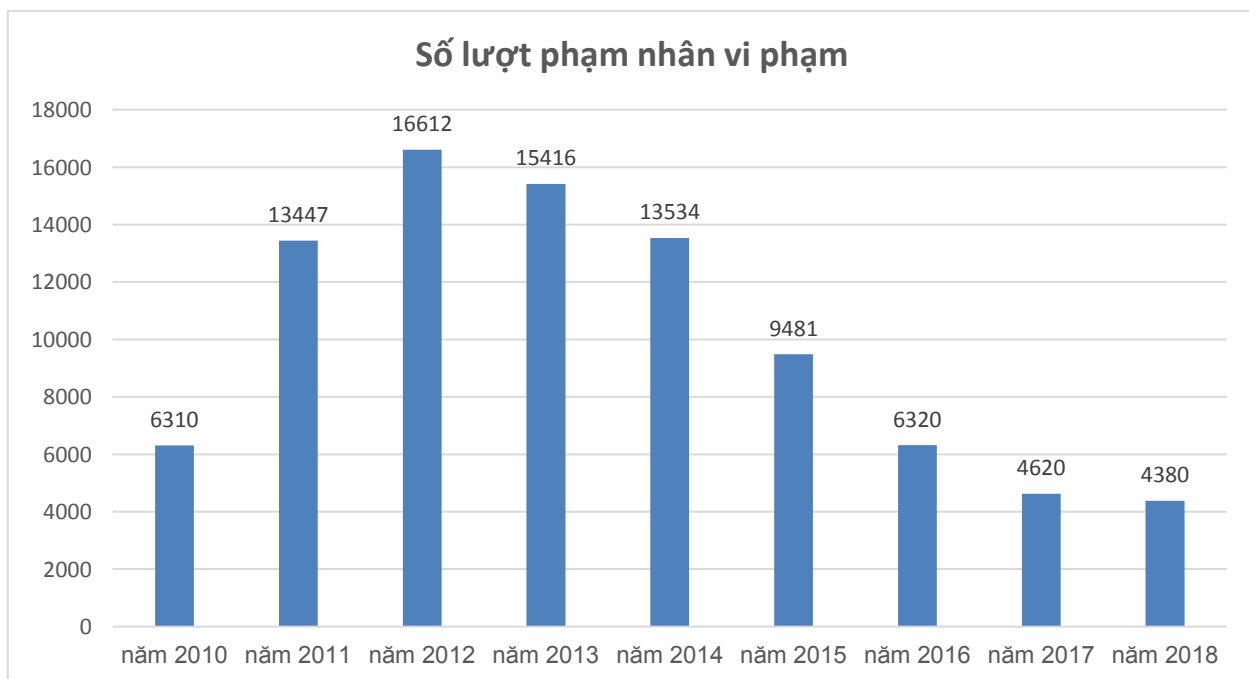
Biểu đồ 6.1. Tỷ lệ % phạm nhân phân loại A



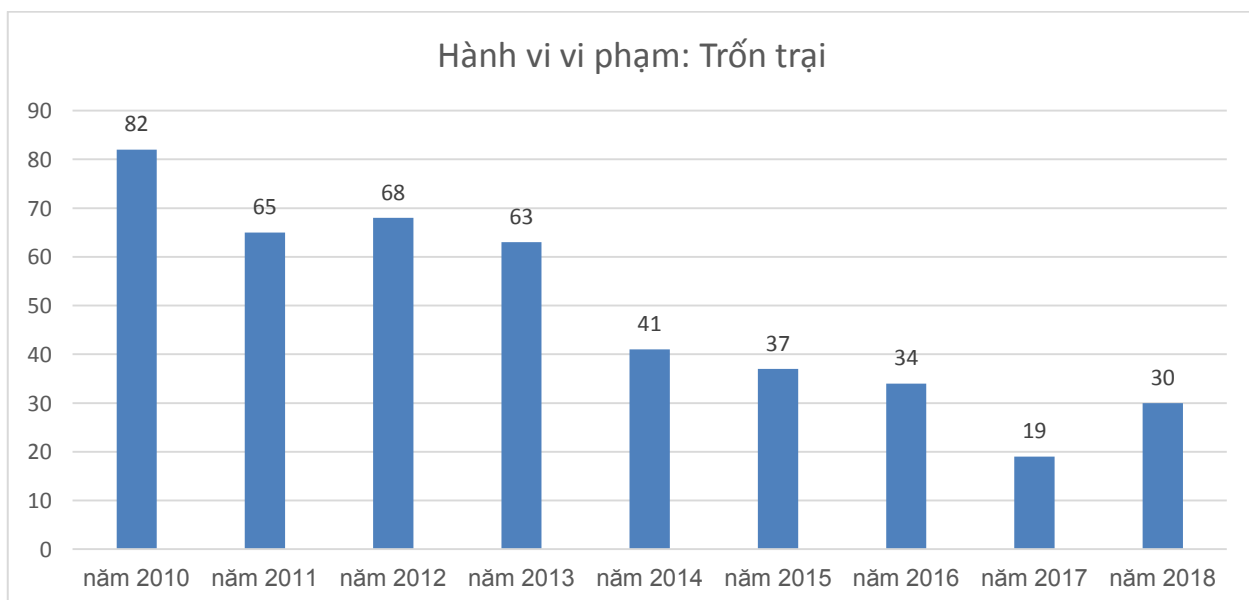
Biểu đồ 6.2. Tỷ lệ % phạm nhân phân loại B



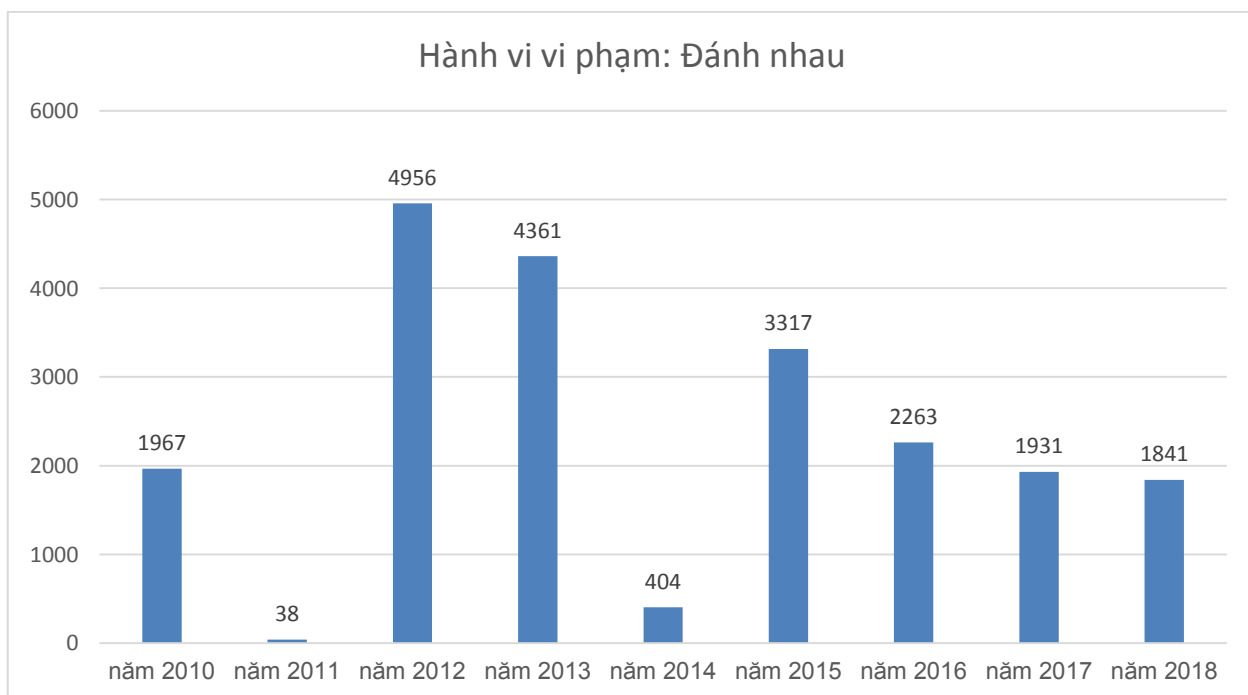
Biểu đồ 6.3. Tỷ lệ % phạm nhân phân loại C



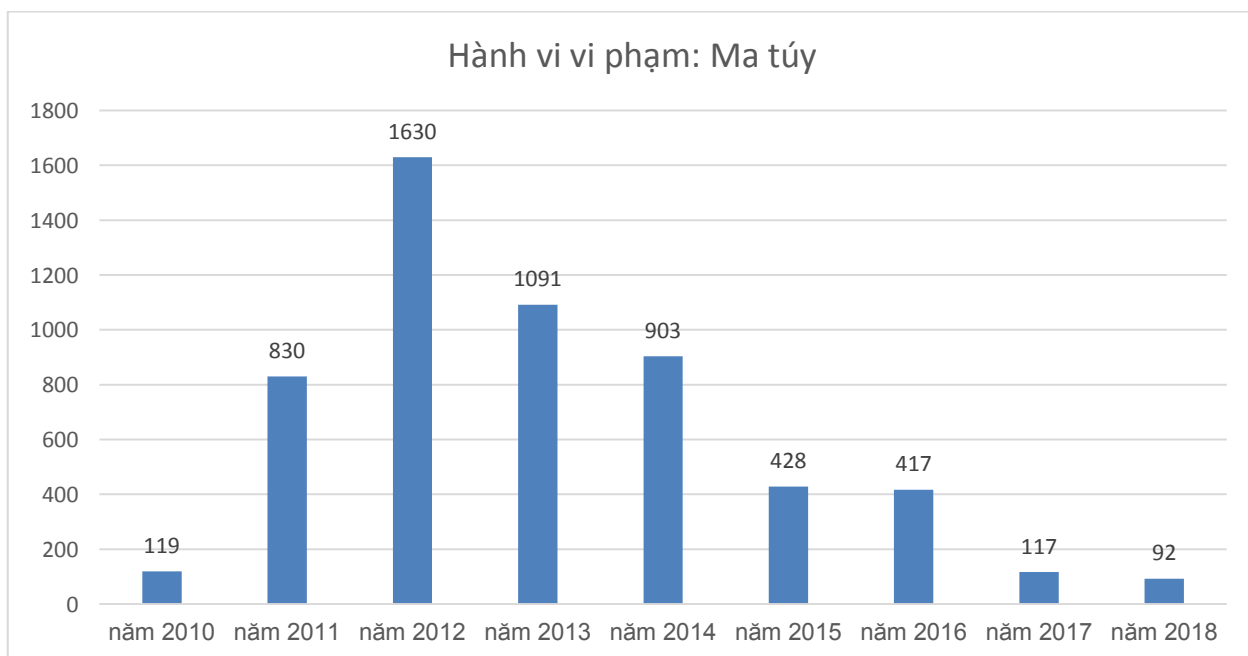
Biểu đồ 7. Số lượt phạm nhân vi phạm



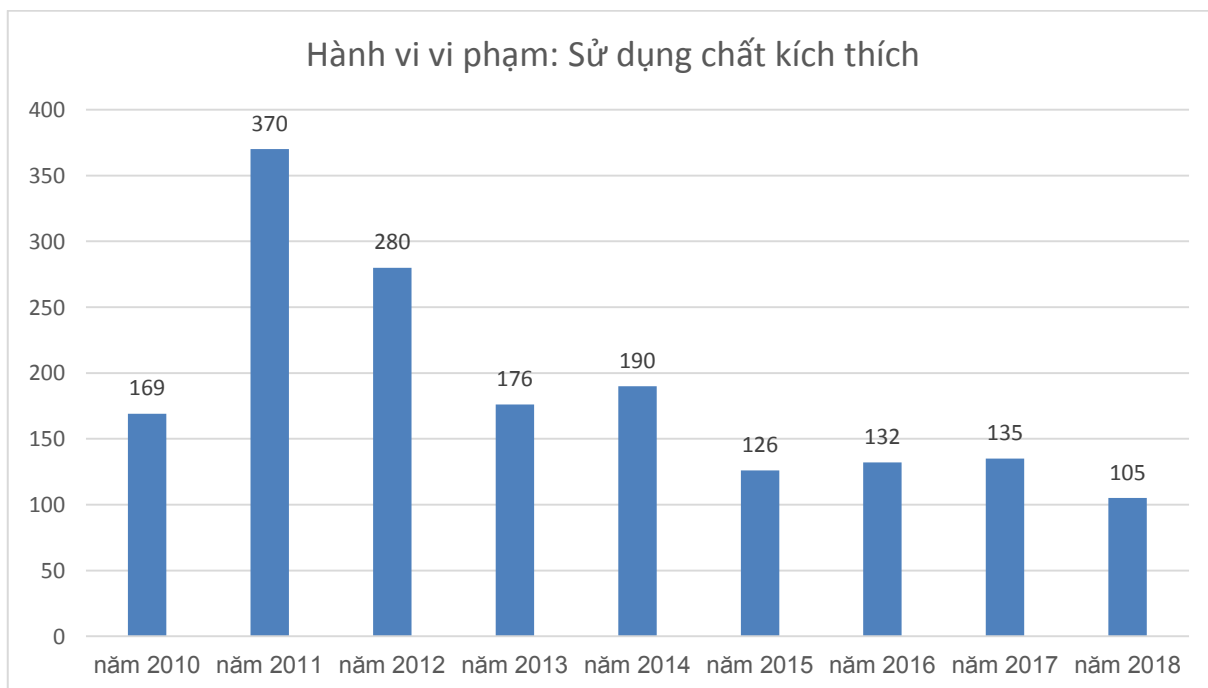
Biểu đồ 8. Số lượt phạm nhân trốn trại



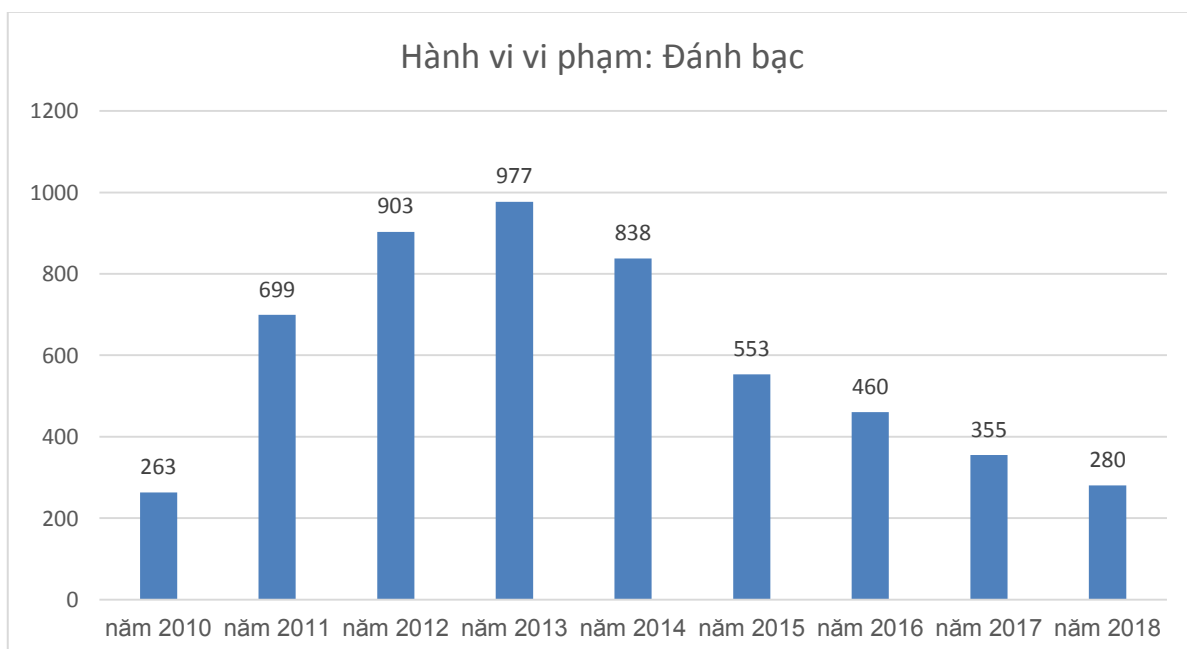
Biểu đồ 9. Số lượt phạm nhân đánh nhau



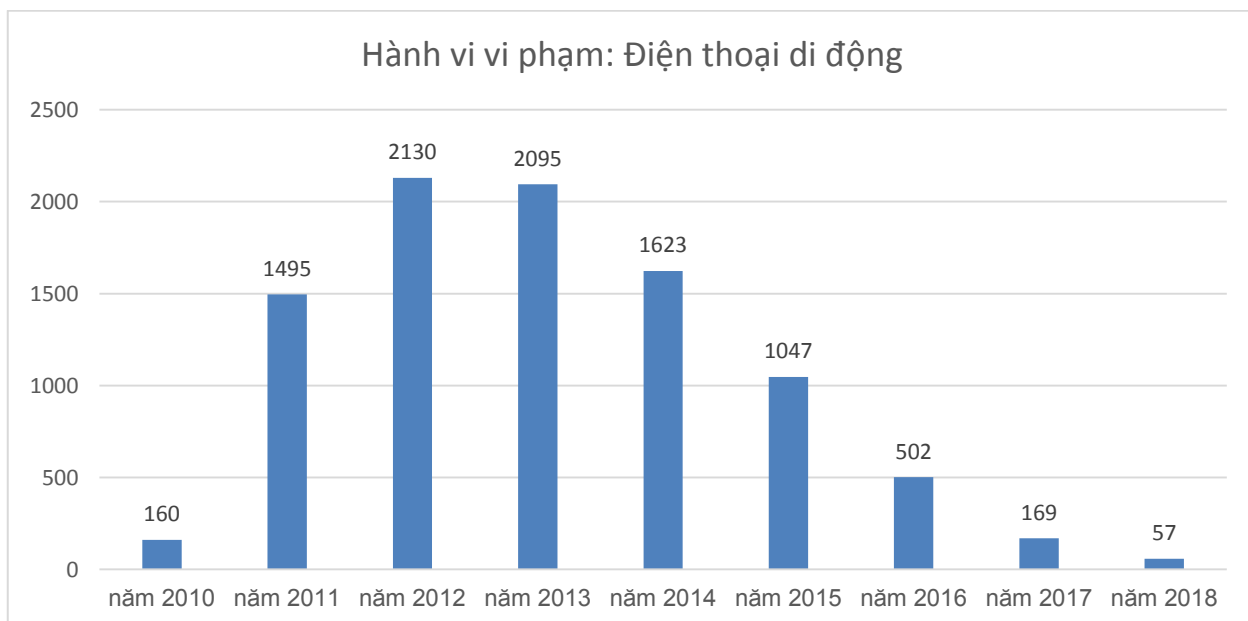
Biểu đồ 10. Số lượt phạm nhân có hành vi vi phạm về ma túy



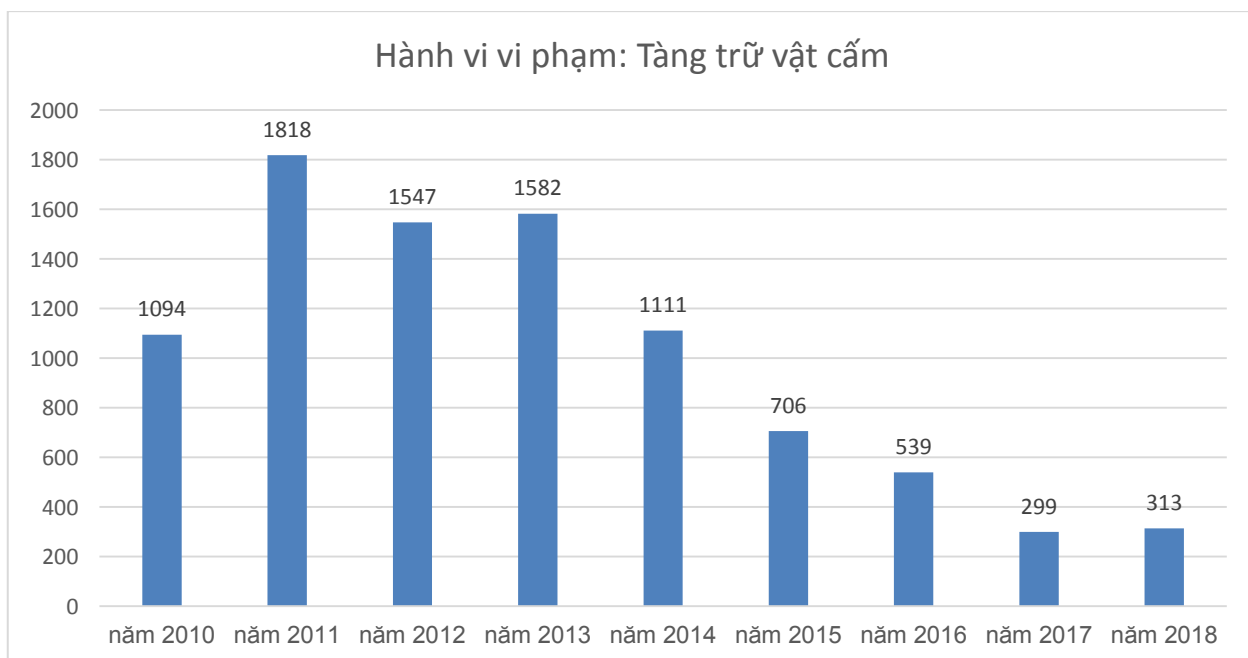
Biểu đồ 11. Số lượt phạm nhân sử dụng chất kích thích



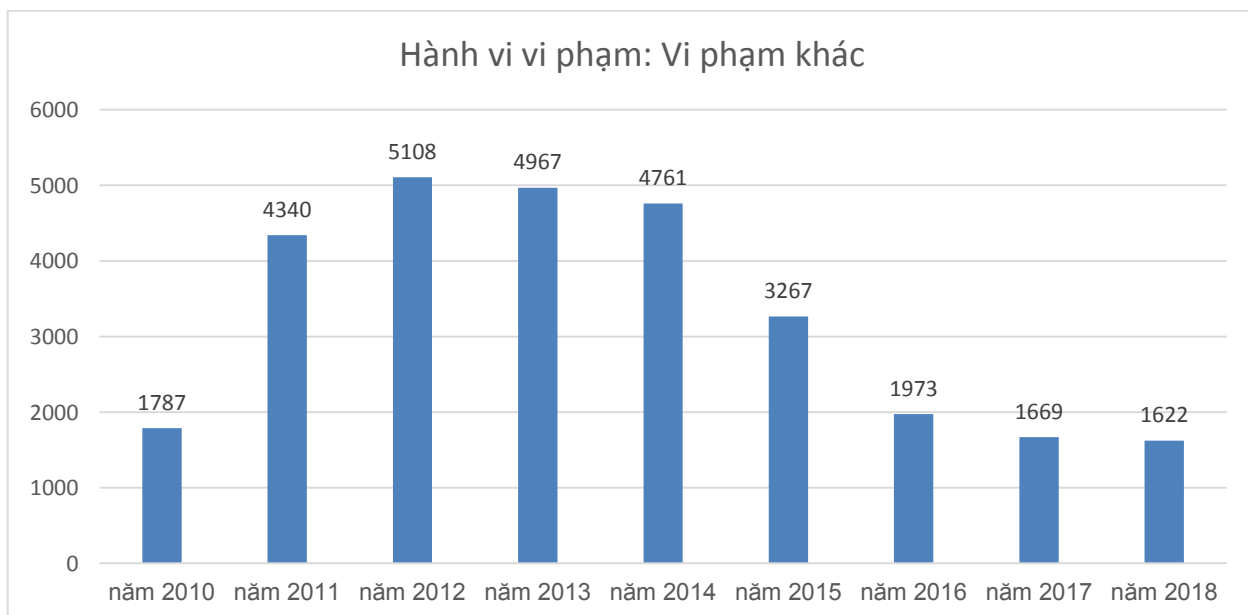
Biểu đồ 12. Số lượt phạm nhân có hành vi đánh bạc



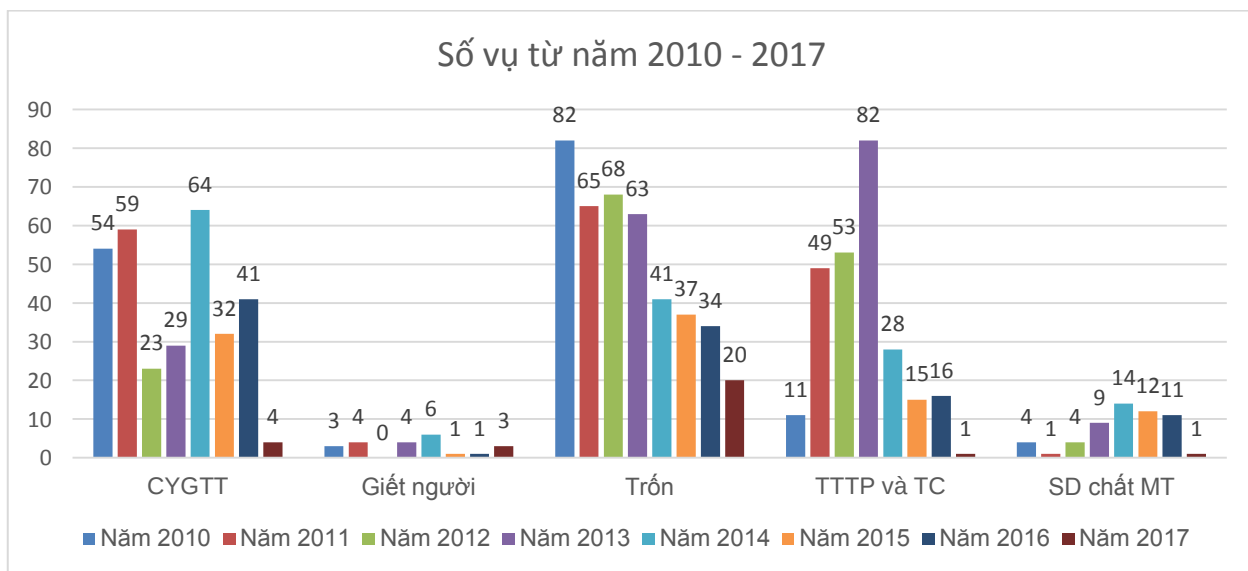
Biểu đồ 13. Số lượt phạm nhân sử dụng điện thoại di động



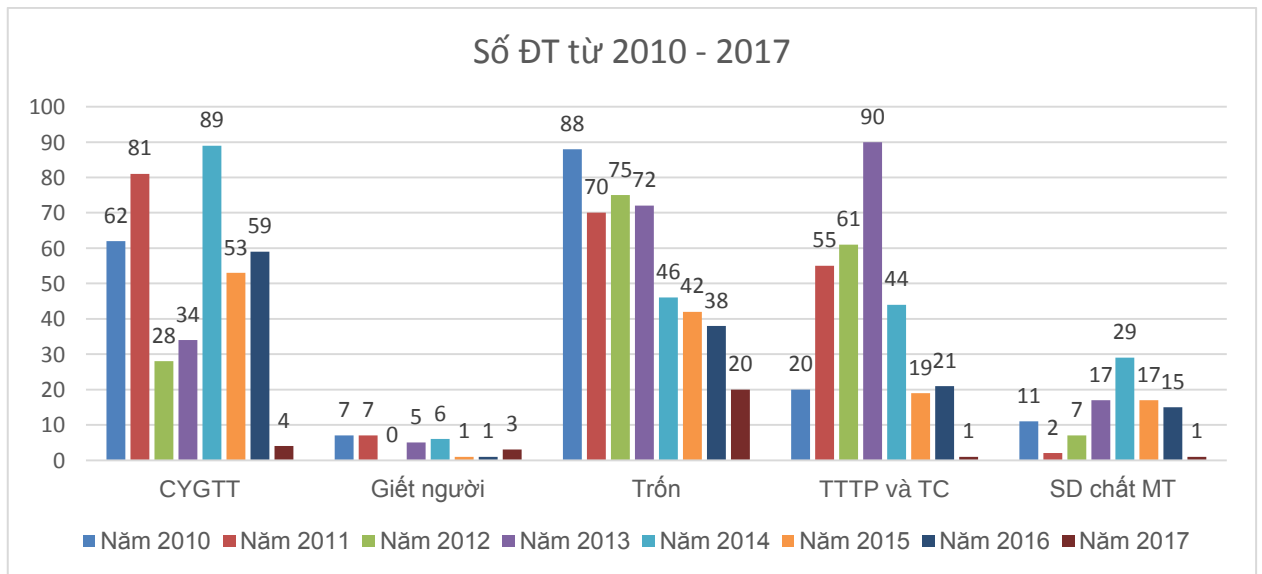
Biểu đồ 14. Số lượt phạm nhân tàng trữ vật cấm



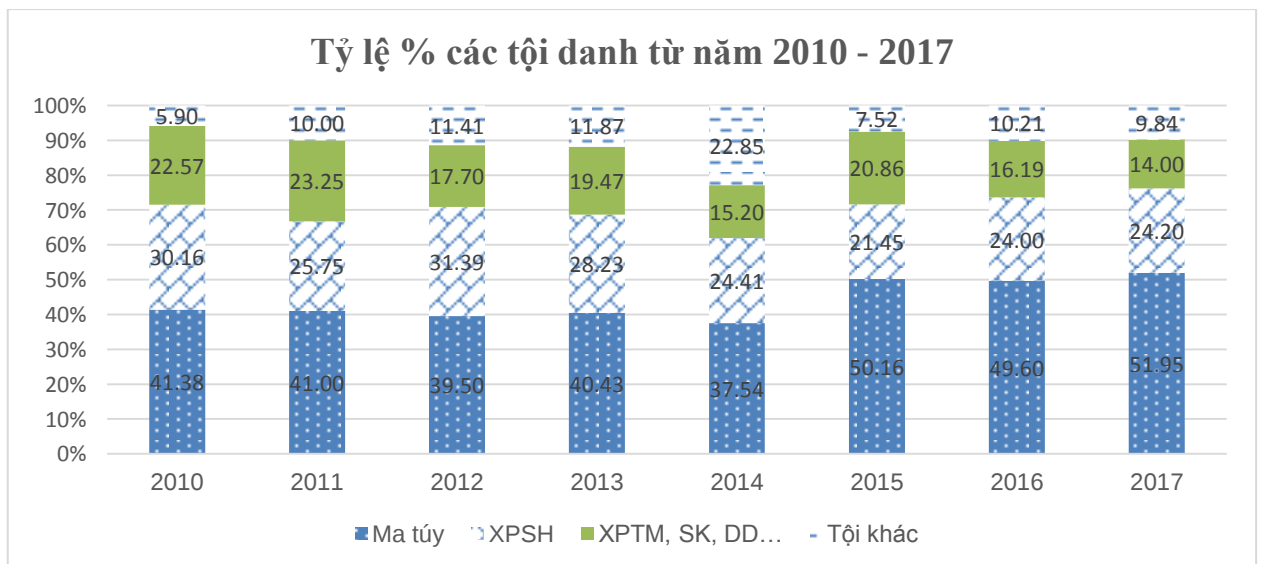
Biểu đồ 15. Số lượt phạm nhân có hành vi vi phạm khác



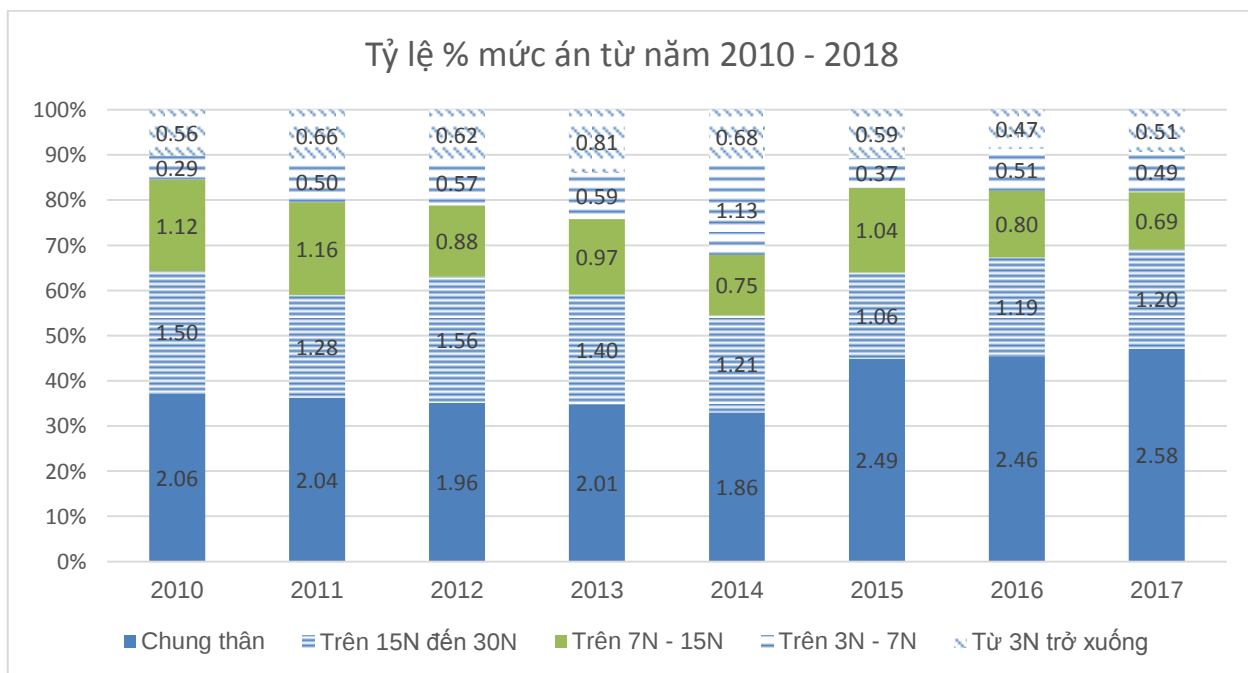
Biểu đồ 16. Số vụ phạm nhân phạm tội



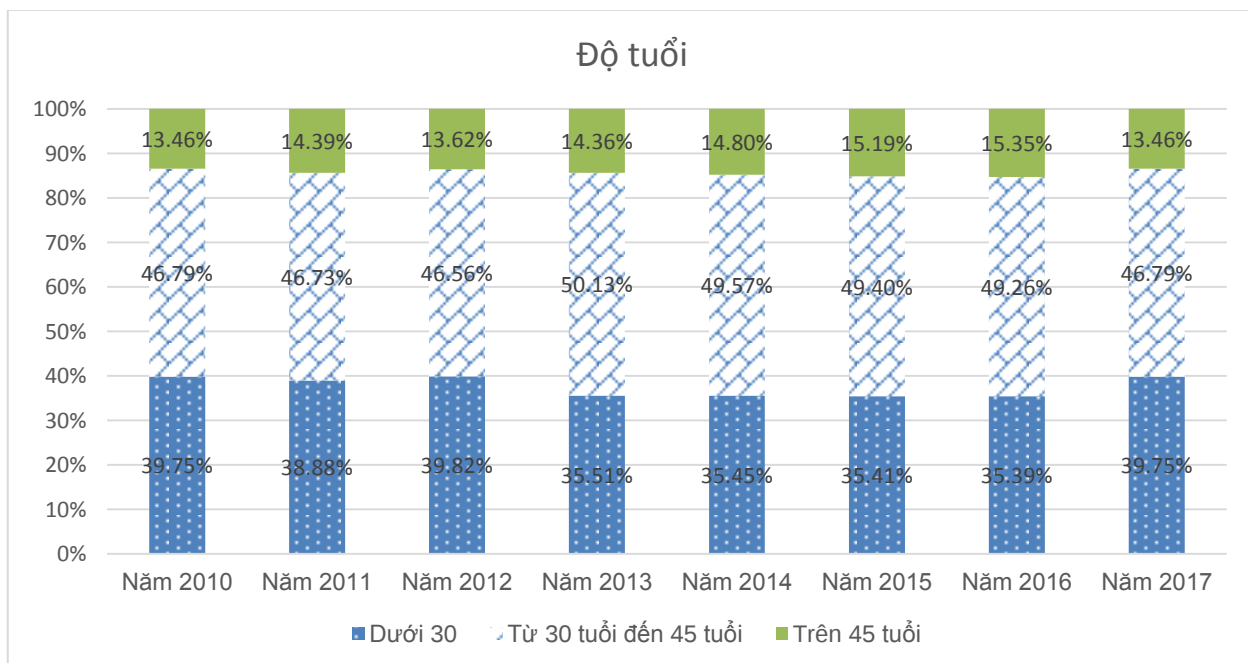
Biểu đồ 17. Số đối tượng phạm nhân phạm tội



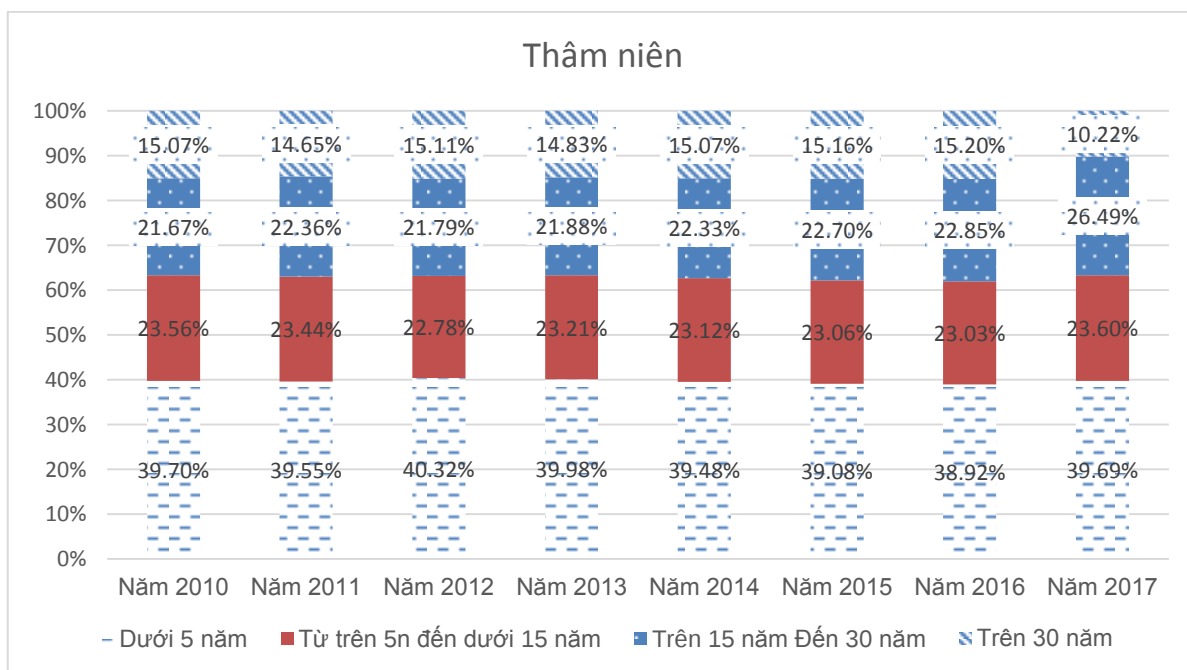
Biểu đồ 18. Tỷ lệ % các tội danh



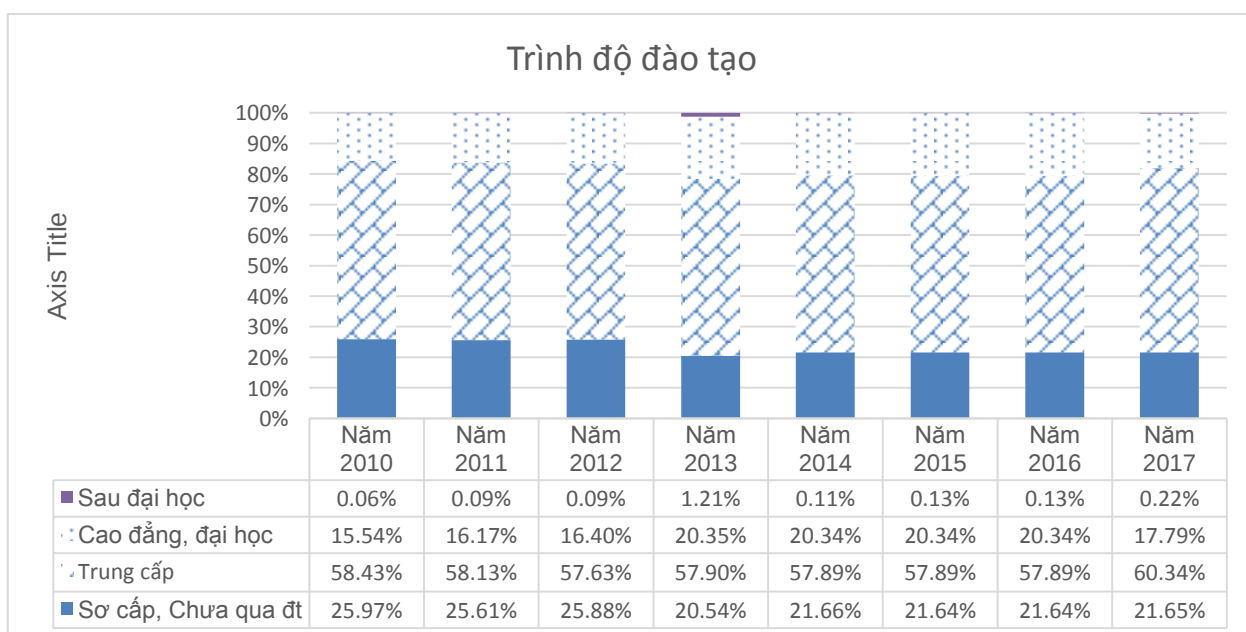
Biểu đồ 19. Tỷ lệ % mức án



Biểu đồ 20. Độ tuổi CBCS công tác tại các trại giam



Biểu đồ 21. Thâm niên CBCS công tác tại các trại giam



Biểu đồ 22. Thâm niên CBCS công tác tại các trại giam